

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

KINH-CÁO ĐỘC-GIẢ

Nam-Phong số này là số đầu năm giáp-tuất (1934) năm thứ mười-tám của bản-chí. Kể năm thãm-thoắt đã được-mười-tám năm, tính số đã được ngót hai trăm số. Tuy đếm tuổi-tác mà so-sánh với các bạn đồng-nghiệp trên trường ngôn-luận trong Nam ngoài Bắc, xuân-xanh của bản-chí nào đã bao lăm. Nhưng hồi-tưởng lại một quãng thời-gian rờng-rã ngót hai-mươi năm trời nay, bản-chí thực đã tận-tụy với tôn-chỉ minh đề cùng quốc-dân cùng giang tay nhau mà vừa đi vừa hát vừa gầy khúc Nam-huân, mà cùng bước rảo lên con đường tiến-bộ. Nào là nghiên-cứu học-thuật, nào là chấn-hưng quốc-văn, nào là đem những điều tinh-túy của các học-thuyết học-phái tây-đông tân-cựu, la-liệt p rồ bày đề cống-hiến các nhà hiếu-học, mong sẽ nhân đó mà kiếm tìm ra được những điều mới lạ hay-ho. Trên đối với Chính-phủ, bản-chí giúp về đường khai-hóa, mong cho tân-trí-thức truyền-bá ra khắp mọi nơi; dưới đối với quốc-dân, bản-chí giúp về đường canh-tân, mong cho cựu-hủ-tục xura bỏ đi cho chóng hết. Ấy là tôn-chỉ của bản-chí, phụng-sự hầu hai mươi năm nay, không một ngày nào dám sao-nhãng. Cũng vì thế mà hầu hai-mươi năm nay lúc nào cũng vẫn được rất nhiều độc-giả, những trang trí-thức, một lòng yêu-mến không lạt-phai. Nhất là đã được các bậc cao-minh công-bình tặng cho bao lời chân-trọng trên các báo các sách, bản-chí thực lấy lăm vinh-hạnh vô-cùng.

Tuy từ khi ông chủ-bút Phạm Quỳnh vào Kinh cung-chức, giao cả việc biên-tập lại cho bản-chí đồng-nhân, mà bản-chí vẫn giữ được nền-nếp vững-vàng như xưa, các độc-giả vẫn không đổi lòng yêu-mến, bản-chí lấy lăm cảm-tạ thịnh-tinh ấy của các ngài khôn-xiết.

Nay tuy đến ông Lê Văn-Phúc thay làm chủ-nhiệm, mà thể-tài và tôn-chỉ của bản-chí vẫn giữ như xưa. Duy có một điều là trên kia đã nói, bản-chí đem cái tôn-chỉ mình cùng quốc-dân cùng bước lên đường tiến-bộ. Vậy quốc-dân mà bước cao lên được một bậc trên đường tiến-hóa, thì bản-chí lại càng há lòng mà phấn-chấn tinh-thần khí-lực hơn lên. Tính lại từ năm 1917 khi bản-chí mới ra đời cho tới nay là năm 1934, tuổi báo mỗi năm một tăng, tinh-thần báo cũng mỗi năm một tiến, chứ không dám lấy cái tuổi xuân chưa mấy mà đã trẻ-nãi ra về già-nua, thờ-ơ với các bạn trẻ-trung tâm-tiến mà không cùng võ cho nên nhíp.

Và, chúng tôi nhận ra rằng ngọn tân-trào của xã-hội ta ngày nay đã có vẻ khác trước, học-vấn càng cần về phương-diện phổ-thông. Đời là đời mới, muốn cho xã-hội trẻ lại, quốc-dân trẻ lại, Nam-phong tạp-chí cũng phải trẻ dai, trên đàn ngôn-luận, ngày xuân còn dài. Vậy từ nay giảm những phần phiên-tạp, thêm những phần tinh-hoa, đem * những văn-chương tốt đẹp cùng những giọng vui cười dễ diễn những tôn-chỉ như trên, mong cho được số phổ-thông thương-thức hơn lên, cho được cùng nhau vui về mà tiến, dân hát dịp-dàng mà tiến, tươi cười hỉ-hả mà tiến, mà xô-dẩy hết những cái không-khí buồn-rầu ủ-rũ của cái xã-hội già hủ này đi.

Trời đông bề học mệnh-mang,

Gió nam một cánh buồm lan giữa vời ;

Vững tay chèo lái ai ơi !

Hồ-khoan này ta dậm, này ta hát, này ta cạy ta bát, ta bơi cho tới bờ !

NGUYỄN HỮU-TIẾN kính-khải



Không khéo vấn là cái học trong khuyến-sáo

« Không gì bằng học », đó là một lời chân-thành của một đấng dẫn anh của dân-tộc ta. Tây-hồ tiên-sinh, còn dặn lại. Đó là một lời định-ninh trung-cáo với đồng-bào mà tiên-sinh đã đăng ở tờ Đại-Việt tân-báo (số 135 năm 1907) tới nay gần ba-mươi năm.

Học ấy là học gì, há không phải là tây-học, là tân-học của thế-giới ngày nay dư? Loài người nhờ có tiến-hóa mà rọi bày ra có học-thuật, rồi lại nhờ có học-thuật mà lại càng chóng tiến-hóa mãi vô-cùng. Tiến-hóa với học-thuật cùng làm nhân-quả cho nhau để mà cùng giúp cho loài người bước thẳng lên con đường văn-minh hạnh-phúc. Thế cho nên loài người tiến-hóa mỗi bậc thì học-thuật lại phải đổi thay một lần. Ở về thời-đại ngày xưa có cái học-thuật của thời-đại ngày xưa, ở về thời-đại ngày nay có cái học-thuật của thời-đại ngày nay. Học-thuật của thời-đại ngày xưa, nó chỉ là những cái lâu-đài để trang-sức cho sự sống của loài người thêm thú-vị mà thôi. Nhưng học-thuật của thời-đại ngày nay, nó không những là cái lâu-đài để trang-sức, mà nó lại chính là những cái khí-giới để phấn-đấu cho sự sống của loài người được thịnh-vượng mà lâu dài.

Sao vậy? Loài người ngày xưa, ở đâu yên đấy, mưu-sinh dễ-dàng. Bấy giờ người ta chỉ cần cầu cho có được chút lễ-văn học-thức cho cái sống khác với dã-man cầm-thú đã là đủ rồi. Đến ngày nay, loài người giao-thông càng tiến, mưu-sinh càng khó khăn, một dân-tộc cho được sống còn mà thịnh-vượng, phi có đủ được những trí-thức tương-đương của thời-đại để ngoài tranh-đấu với cõi tự-nhiên, trong ganh đua với loài người trong

thế-giới, mà cầu lấy tất-thắng thì không xong. Thế mà trí-thức ấy, phi cầu ở tây-học hay là tân-học thì không thể nào có được. Xét thời-liệu thế, biết đời mà cũng biết mình, lời Tây-hồ thực là biết tự-lượng, biết cầu ở chỗ cội-gốc vậy.

Chúng ta há không thấy, doanh-hoàn ngày nay, đang vào cái vận-hội mới mẻ mà vui vậy. Loài người bình-đẳng mà tự-do, sự-nghiệp nào có riêng đâu. Thế mà những chỗ không đủ trí-thức của hiện-thời kia, phỏng có biết gì, phỏng có làm nên gì. Ấy học-thuật số-dĩ rất quan-hệ với cuộc tiến-hóa của loài người và rất quan-hệ với thời-đại là thế. Ấy thế mà ta sống ở thời-đại ngày nay, ta không có cái trí-thức, cái học-thuật tương-đương của thời-đại ngày nay mà được dư? Cái nghĩa « không gì bằng học » của Tây-hồ tiên-sinh là thế. Nghĩa là muốn có sự-nghiệp gì ở thời-đại này, thì làm gì cũng không bằng phải học trước cho thực sở-đắc đã. Sở-đắc cho đủ mọi điều trí-thức của thời-đại này đã.

Ấy thế mà ai hay sau cái lời nói biết thời biết thế, biết chỗ cội-gốc ấy, tới nay một quãng thời-gian đằng-dặng hầu ba mươi năm không phải ngắn. Những kẻ trẻ-trung lúc đó tới nay đã già. Những kẻ bấy giờ mới sơ-sinh ngày nay đã gần qua cái đời thiếu-trang. Cuộc đời của thế-giới đời mới bao phen, con đường tiến-hóa của các dân-tộc vượt qua bao bậc, chẳng qua người ta cũng chỉ vì được học vì biết học, biết cầu cho đạt tới con đường tân-học của thế-giới ngày nay mà thôi. Ấy thế mà ngày nay chúng ta ngấm lại cõi tân-học của mình, con thuyền cầu đạo tuy đã thoát khỏi cái bến cũ chật-

hẹp của phương đông mà lênh-dênh trên mặt bể. Tiếng hoan-hò của khách trong thuyền, chốc chốc lại rú lên mừng sắp tới bến. Nhưng thực ra thì chỉ là tiếng hoang-báo, chứ ngàn tây muông dậm mịt mù mây khói, ngày tới còn xa. Chúng ta nghĩ tới cái cuộc sinh-tồn, ngoài xem thời-dại, trong xét trí-thức của mình, không khỏi bồi-hồi mà lo sợ. Ôi! Ta không được học hay là được học mà không chịu học? Hay là chịu học mà không biết cách học? Dù sao ta cũng có một cái lỗi ở trong mấy câu hỏi đó.

Ngày nay mà xét đến chỗ trình-độ tân-học của người Việt-Nam, số biết chữ tây ngày càng nhiều, không phải không có năm ba người đã thâm-thấu tới chỗ nguồn gốc tân-học, nhưng nói về phương-diện phổ thông—ngày nay số phổ-thông của quần-chúng lại còn hơn số đặc-biệt—thì ngoài mấy cái danh-từ lấp đi lấp lại nơi đầu lưỡi ra, thực chưa thấy thân-thái được một cái học gì đến cỡ rề mà truyền-bá ra cỡ tư-tưởng hay là cỡ thực-hiện của người trong nước.

Hỏi đến khoa-học ư? Chỉ biết thuộc lòng mấy cái phương trình-thức của mấy vật-chất ở trong sách. Chứ nếu trở ngay vào trong mâm cơm An-Nam, mà hỏi mấy thức cà, rùa, tương, mắm vì sao làm như thế lại ăn được và có cách gì làm cho ngon hơn được không thì dễ chưa ai để ý đến. Thậm-chi đến cả nước không có một phòng thí-nghiệm nào của người mình lập ra để khảo-nghiệm với nhau. Ấy là cái học máy móc chưa nói đến.

Hỏi đến lịch-sử-học ư? Loanh-quanh mấy bản sơ-giai về bản-quốc và Đại-Pháp. Còn Vạn-quốc-sử làm sao, Thái-tây các-thể-sử thế nào, ai còn nghiên-cứu đến.

Hỏi đến chính-trị-học ư? Nếu có ai hỏi lênh với ước khác nhau thế nào?

Hiển-pháp với luật-pháp khác nhau ra sao? Tinh-thần của hiển-pháp ở đâu? Thi phần nhiều người lừng-túng.

Hỏi đến triết-học ư? Cái uyên-nguyên Đông-phương thế nào? Cái uyên-nguyên Tây-phương thế nào? Cái uyên-nguyên xa của Hi-La những gì, cái uyên-nguyên gần của Pháp Anh Đức những chi? Tuyệt chưa ai soạn thuật mà chỉ bàn bóng mấy cái tên: tiến-hóa, tự-do.

Hỏi đến kinh-tế-học ư? Miệng thì gào muốn cho dân giàu nước thịnh mà chính mình gánh vàng di đò sông Ngô, cùng cực xa-xỉ một cách lố-lăng bị bịp. Còn nói chi đến những vấn-đề nông công thương của bản-xứ.

Hỏi đến văn-học (nghĩa rộng) ư? Luận-thuyết, khảo-cứu, phê-bình đề phát-huy truyền-diễn những tư-tưởng mới ra, đều không thiết, mà chỉ thiết mấy cuốn-tiểu-thuyết « tình trai gái ».

Ôi! Trí-thức như thế, học-thuật như thế mà mong tiến-hóa cho kịp với thời-dại, phỏng có thể được không?

Chúng ta thường la-rầy cái lỗi học của bọn người trước chúng ta là lỗi học khuyển-sáo nô-lệ. Nay xét ra thì lỗi học đó như họ học ông Khổng, thì vô-luận trong học-thuật của ông Khổng có chỗ hay chỗ dở thế nào, nhưng đã học đều phải tuân theo, không dám vượt ra ngoài những qui-cũ ấy, dù có chỗ đã quá thời mặc lòng. Hỏi với ông thầy khác cũng vậy. Ôi, đạo-học vẫn quý ở biệt-lập mà nhất là quý ở tân-sáng. Ấy thế mà những cái lỗi học của người trước ta, bao đời không dám ra khỏi qui-cũ của thầy, thì thực là lỗi học hèn-thấp, lỗi học nô-lệ quá vậy. Nhưng lượng-thứ mà xét thì người trước ta họ được một điều là họ đã làm cho cái đạo-học của thầy đối với dân-chúng đã thành ra như nước như lửa như gạo như vải, ở đâu cũng sẵn,

ai cầu cũng dễ, không có phân-biệt ai là đặc-biệt với phổ-thông. Thế thì họ là nô-lệ của thầy, nhưng nô-lệ có công, nô lệ đặc-đạo. Có xấu cũng chỉ là xấu không có biệt-lập, không biết sáng-kiến đó mà thôi.

Nay chúng ta sinh ở thời-dại này, khác với thời-dại của người trước chúng ta, thời-dại giao-thông, thời-dại mưu-sinh khô-khẩn. Cái học lâu-dài trang-sức không đủ giúp sự sống, mà phải có cái học khi-giới tranh-đấu mới đủ mưu-sự còn. Cái học sau ấy là tân-học, là tây-học. Tây-học là cái học qui biệt-sáng nhất là tân-sáng, mà rất khinh-bí cái lối học nô-lệ. Chúng ta nay được thừa-thụ cái học-phong hoạt-dộng của tây-học, đòi lại cái gương học-hành bảo thủ của bọn người trước, chúng ta tỉnh-ngộ, chúng ta khinh-bí, mắng-nhiếc, la-rầy là « lối học nô lệ » là phải lắm rồi.

Thời-dại ngày nay, canh-cải luôn, tiến-hóa chóng. Các dân-tộc đều có quốc-ngữ, việc ăn-hành truyền-ba nhanh-nhẹ. Một năm học-vấn, công-hiệu thần-tốc bằng trăm năm thừa xưa. Chúng ta được trực-tiếp thụ-giáo ông thầy Đại-Pháp là nơi cội gốc tây-học. Gần đèn thì rạng, vậy ba-mươi năm là kể từ khi có câu trăm-ngôn trên ấy là lúc mới tỉnh-ngộ mà biết sùng-trọng tây-học đến giờ. Tưởng một là vì hoàn-cảnh eo-hẹp, hai là vì huyết-mạch di-truyền, cho nên chưa có thể đổi với tây-học cái gì cũng thâm-dắc mà

thực-hành được cả. Cho nên chưa có thể tân-sang được cái gì, thì ít ra cũng phải đã có một đôi điều gì biệt-sáng có thống-hệ để làm phương-châm ở trong cõi tư-tưởng chung. Ngờ đâu muốn quay lại cầu lấy cái lối học nô lệ như người trước cũng chưa được. Nghĩa là cũng như người xưa không dám ra ngoài qui-củ, chỉ biết toan tính đem đạo-học của thầy truyền ra làm như nước như lửa như gạo như vải cho mọi người, mà nào đã được. Mà chỉ khoa nào năm ba cái danh-từ đầu lười như trên đã nói mà gọi là tân-học là tây-học đó thôi. Thậm-chi phán-đoán một điều thường gì cũng không sành-sỏi. Thoạt coi như gấu, đúng mà nhận kỹ là sai lạc cả. Mới nghe như châu thực mà xét kỹ là giả trá cả. Cho nên tôi nói: Không khéo rồi cũng vẫn lại cái lối học khuyến-sáo, nô-lệ không xong, chứ đã xong cho đâu.

Có người nói: Thời-dại này tiến-hóa tuy chóng, nhưng mỗi đất có một tình-trạng riêng. Cho nên ba mươi năm học-vấn ở đất khác bảy giờ thì là dài mà ở đất này thì vẫn là ngắn. Tôi xin trả lời rằng: Thế nhưng cây đa lúc mới nảy ở hạt ra, cái mầm cái búp cũng khác với mọi cây cỏ thường. Một nhà đại-triết lúc còn là câu đồng-sinh cũng đã có chi chăm học mà nhất là chăm về cái học cốt-yếu, khác với mọi trẻ thường rồi. ...

NGUYỄN TRỌNG-TƯỜNG



Ta phải nên cải-cách âm-nhạc thế nào ?

Âm-nhạc là một loài thuộc về mĩ-thuật, là cái để nuôi cho tinh-thần người ta, nó cũng cần dùng quan-bệ gần như cơm nước, quần áo và nhà cửa là những cái để nuôi cho thân-thể người ta. Thế nhưng mà cơm nước, quần áo và cửa nhà có hợp phép thì mới bổ-dưỡng được cái thân-thể, bằng trái phép thì lại là cái làm hại không phải ít. Âm-nhạc cũng thế.

Nghe tiếng kèn lâm-khốc vắng-vắng ở làng xa, mà ai cũng phải buồn-rầu thương cảm như mình đang đứng ở trong chỗ nhà tang. Nghe tiếng trống ngũ-liên âm-âm ở bên kia sông, mà ai cũng phải vừa háng-hái vừa lo-sợ như mình đang tiếp-xúc ở trong nơi trận-địa. Nghe khách tài-tử họa dân ca lý phủ ra những khúc xuân-tinh rão-nuột, ai mà không phải xôn-xao tư-tưởng đến cái thú phòng hương gối điệp. Ấy cái sức mạnh của âm-nhạc nó cảm người, nó sai khiến người thiêng-liêng cấp tốc đến như thế. Thế cho nên đối với âm-nhạc mà biết cách dùng thì bổ-dưỡng cho cái tinh-thần biết sống một cách vui-vẻ khoái-hoạt mạnh-bạo vô-cùng. Bằng không biết cách dùng thì chính nó lại là cái để giết chết tâm-hồn của người đời. Bởi vậy cổ-nhân lấy lễ-nhạc làm cái gốc trị nước, chính là cổ-nhân cũng đã biết tới cái chỗ gốc của nguyên-lý ấy.

Việt-Nam ta tuy là đất đã có lễ-nhạc lâu đời, dù những lễ-nhạc đó hoặc phần thì mô-phỏng của Trung-quốc, phần thì tự chế ra mặc lòng, nhưng cũng là của ta cả, đến nay thì nó là những cái quá thời hầu hết cả rồi. Nói riêng về một vấn-đề âm-nhạc, tuy có một vài cái nhạc-khí ở nơi phòng khách còn dùng được, mà hết thấy những âm-luật, nhạc-phả (bài ca phả

vào kèn vào đàn) đến nay đều bại-hoại cả. Sự bại-hoại đó một là do nó buồn tẻ yếu đuối không đủ cung cho cái hồn muốn sống hằng-hải ngày nay. Một là nó đã sai-lạc với tinh-thần cổ mà ra hi-ai dâm-dăng quá lắm rồi.

Xã-hội ta ngày nay muốn sống và muốn tiến, cái gì cũng cần phải cải-cách cho hợp-thời, không những lễ-tục, chính-trị, kinh-tế, học-thuật và tư-tưởng cần phải cải-cách, mà âm-nhạc cũng là một vấn-đề cần phải nên cải-cách mới được. Âm-nhạc có hai thứ : Một là nhạc-khí và nhạc-khúc, hai là ca-kịch. Nay lần lượt giải-luận ra những chỗ cốt-yếu nên cải-cách như sau này :

Nhạc-khí và nhạc-khúc.— Nhạc khí lại có hai bộ : Một bộ dùng trong sa-lông; một bộ dùng nơi công-chúng. **Bộ âm-nhạc dùng ở trong sa-lông.**— Bộ nhạc-khí này đại-khái có những cái như : Đàn cầm, đàn nguyệt, tam, nhị, sáo, đàn đáy và đàn bầu. Âm-luật thì bắc có những tiếng : « Hồ, sừ, sang, sê, cồng, lưu, phàn » nam thì có những tiếng : « Tinh, tinh, tang, tinh tinh, tích » vân vân. Do những âm-luật trên ấy mà phả ra những khúc như : « Hành-vân, lưu-thủy, long-ngâm, hồ-dấu, từ-dại-cảnh, cò-bản » vân vân. Do những khúc trên ấy mà đem những bài ca khúc lựa vào từng tiếng trong âm-luật mà diễn ra tiếng hát thay người.

Trừ cái đàn đáy chuyên dùng về nghề hát ả đào ra, thì những cái kia đều là đồ nhạc dùng để chơi phổ-thông. Dùng một chiếc hay là hợp cả từng ấy cái lại mà hòa vận với nhau cũng được.

Vì cái nguyệt và cái nhị của ta dọc dài nên dây dài thành ra tiếng rền rĩ

yếu đuối. Nay người ta mới dùng cái nguyệt tâu và cái nhị tâu, dọc nó ngắn dây cũng ngắn mà tiếng giần-giỏi mạnh mẽ hơn. Nay lại thêm vào được những cái đàn nguyệt, đàn tỳ và đàn vi-ô-lông của tây. Thế là bộ âm-nhạc sa-lông tức là những đồ nhạc-khi dùng ở trong tiệc của ta càng thêm mỹ-bị.

Tuy thế nhưng mà nhạc-khi tuy nhiều, âm-luật tuy nhiều, mà những chỗ nhạc-khúc ca-khúc không cải-cách lại không được. Về nhạc-khúc thì những âm-diệu cũ phải thải bỏ những tiếng yếu-duối giọng bi-thương như rên như khóc đi, mà tìm chọn lấy những tiếng mạnh bạo có giọng náo-nức trug-bừng. Vì ca-khúc thì những bài ca-lý đương dùng hiện giờ, hết thấy đều là những bài dâm-dăng, khêu tình nam-nữ. Không diễn cái tình ra một cách nồng-nân, thì cũng lại diễn ra một cách ai-oan. Nao hết « Thương nhau hoài, nhớ nhau hoài » thì lại « Ruột đau như cắt ». Thực là ni-non thánh-thót, như khóc như than, bài nào khúc nào không khiến cho người nghe buồn-rầu khổ-sở thì cũng hèn-hạ dẽ-mê. Vậy nay những nhà âm-nhạc-học có tài thâm âm lựa vận, cần phải đặt ra những nhạc-khúc mới, đặt ra những ca-khúc mới, ngoài cái tình tài-tử giai-nhân ra, còn nhiều cái tình đáng phải diễn-tả. Nào cảnh-vật thiên-nhiên, nào những sự-nghiệp anh-hùng, cảm-hoài thế sự. Thiếu gì là cái tình đáng ca-tụng, đáng cổ-võ, đáng khen-lao, việc gì cứ phải mài-miệt vào một cái tình trai gái mới sướng tai hay sao ?

— Bộ âm-nhạc dùng ở nơi công-chúng. — Bộ này nhạc-khi đại-khái có những cái như : Trống cái, trống khêu, chiêng, cồng, chuông, lục, kiêng, lênh là những cái để cầm hiệu. Đời Trần còn có trống cái bằng đồng, nay bỏ đã lâu. Trống ca-rùng, trống dờn, kèn, thanh-la, sênh-tiền, trống mảnh, tiêu

cảnh, trống bộc-bộc, trống còm, náo-bạt, vãn vãn, là những cái để hòa nhịp với nhau. Song những cái ấy chỉ làm cho náo-dộng râm-ran, nên lại hợp với bốn cái nhạc-khi sa-lông là : nguyệt, tam, nhị, sáo để cho thêm êm ái véo-von và réo-rắt.

Bộ âm-nhạc này dùng để tế thần, rước vua, rước thần, rước đám ma, rước quân-dội khi xuất-chinh, lúc khai-hoàn. Khi tế, rước vua, thần, quân-dội thì dùng âm-diệu vui vẻ, khi rước đám ma thì dùng âm-diệu bi-ai. Đó là do ở những bài nhạc-khúc bởi những cái kèn, đàn, nguyệt, tam, nhị, sáo mà ra. Như vui thì dùng những bài *lưu-thủy, hành-vân, long-ngâm, hồ đầu*. Bi-ai thì dùng bài *lâm khốc*. Còn những cái kia thì chỉ có nhịp trống ca-rùng là hùng-tráng rộn-ràng, nên dùng vào việc hành-quân, đến các thứ khác thì đều chỉ có nhịp vui râm-ran cả mà thôi.

Tuy thế nhưng mà nói về nhạc-khi thì bộ này cũng đã là hoàn-bị. Nhưng nói về tinh-thần thì còn khuyết-diểm nhiều.

Một là, khi đứng tế thì chỉ biết khua cho râm-ran lên, từ đầu đến mãn tiệc chẳng có phân hồi ra rằng đó là khúc gì, đây là khúc gì, cho có thứ-tự. Khi đi rước thì không biết tập cách lựa với nhịp chân bước. Chỉ qu-n những thói rên-ràng vừa đi vừa nghĩ, thì những lúc đó toàn bộ âm-nhạc có thể cùng nhau khua lên được. Đến khi đi tiến hành như quân-dội trẩy, thì kèn sáo tất hơi, đàn, tam và nhị sai vau ngay. Chỉ còn có mấy cái trống hai đùi vừa đi vừa đánh được, nhưng cũng không ăn gì với nhịp bước của quân lính. Lại còn những sự tồi-tàn về hình-thức của nhạc-khi nhạc-dội, nhất là những đám tế đám rước ở dân-gian. Bọn tài-tử nhà quê là người chuyên-nghiệp làm nghề âm-nhạc đi đám. Họ đều nghèo hèn cả, cho nên họ rên tập

không được công-phu hay giỏi, lại không chính-đốn được đỡ dùm cho lịch-sự. Đám nao cũng vậy, nhạc-khí thì chấp nối cũ hủ, nhạc-công thì đôi rách. Anh thợ kèn thì cái kèn chế kiểu vụng phải dùng hết hơi mới kêu, thành ra phải phùng ma trợn mắt mới thổi ra tiếng, mà tiếng cũng không to. Chỉ những tó-te tí-toét điếc tai người nghe. Ngoài cái cảm buồn rầu ai-oán chẳng có gì là hưng-khởi, chẳng những là đám ma, ngoài bó quần áo bản-thủ, sau lưng anh thợ kèn nào cũng đeo cái khăn gói nâu cũ để sẽ gói xôi thị phần. Còn những anh « tái-tử bát-âm » tức là bọn đàn tam nhị sáo, thì cái nhị cụt cái ngay ống nhị vào dây lưng khố, cái dây mã-vĩ đứt kéo ra những tiếng cà kho cà kho lè-nhè. Cái đàn với cái tam thì họ lấy dây lưng khố buộc chế ra dây thao riêng để dùng. Thế mà đám to mới có bọn tái-tử bát-âm ấy. Năm đã lâu tôi có xem một cái anh của người ngoại-quốc chụp một bọn nhạc-đội trong cung ở Huế đang hòa nhạc, mà quần áo cũng lòi-thối, chân đều đi đất. Thì ra không những ở dân-giaukhinh rẻ cái nghề của bọn nhạc-công. Như thế mà bảo người Việt-Nam biết trọng lễ-nhạc, thì ai còn tin.

Hai là bộ âm-nhạc ở chốn công-chúng trên ấy không có ca-khúc. Nghĩa là chỉ khoa cho râm-ran lên, chứ không có những bài ca để phả vào kèn, đàn, tam, nhị, sáo. Phả vào để tỏ ra cái dấu hiệu đó là bài quốc-ca, bài ca tụng thần-minh, bài ca-tụng tổ-quốc vĩ-nhân và những bài ca tụng cò vũ sự hay khác để hưng-khởi phấn-phát lòng người như trong bộ kèn hát của Thái-tây.

Tóm lại thì bộ âm-nhạc chỗ công-chúng của ta kíp phải cải-cách lại. Ngay nay đã sẵn có bộ kèn trống Thái-Tây, hình-thức tinh-xảo mà cách dùng về tinh-thần cũng hoàn-mĩ. Ta vừa dùng

để bỏ-khuyết vào chỗ bộ âm-nhạc công-chúng của ta, vừa bắt-chước cái chỗ tinh-thần ấy mà cải-cách. Bộ kèn trống Thái-Tây thổi đánh nhẹ mà tiếng to và êm, không có cái giọng nhảm-nhằng kè-nhè. Luật-điệu lại khéo lựa có bổng có trầm, hùng-tráng mà thanh-cao để xôn-xao khích-thích, khiến cho lòng người khoái-hoạt mà phấn-phát vô-cùng. Thế mà lại biết đặt ra những bài ca có nhịp mạnh mẽ, có lời hao-hùng, có tên tốt đẹp để phả vào thì thực là hay tuyệt.

Tuy vậy, nhưng một là vì bộ kèn trống tây giá đắt mà ta chưa chế lấy được, thì không phải ở đâu, người nào cũng dùng được. Một là những cái nhạc-khí ta là vì không biết lựa âm-điệu đó, chứ không phải là bại-liệt cả. Vậy thì tùy-nghĩ hoặc chỗ dùng toàn-bị được cả hai bộ nhạc tây nhạc ta thì gọi là « đại-hội ». Còn chỗ dùng nhạc tây thì nên xen vài cái nhạc-khí ta vào, mà chỗ dùng nhạc ta cũng nên xen vài cái nhạc-khí tây vào. Nhưng cốt phải lựa lại cho hai thứ nhạc tây và nhạc ta cùng một luật-điệu nhịp-nhàng. Phải đặt ra nhiều những nhạc-khúc ca-khúc như trên đã nói để dùng vào lúc tế lúc rước hoặc lúc hội vui.

Thuộc về công việc cải-cách cho những âm-nhạc dùng khi tế khi rước, xin nhường những nhà có chức-trách vào đó. Tôi chỉ lược-ban cái đại-cương thế thôi. Còn dưới đây, tôi xin bàn thêm về phương-diện vui chơi của công-chúng, là học-sinh và binh-dân. Có hai ý-kiến như sau :

1—Dùng bộ nhạc tây mà tham chước với bộ nhạc ta, đặt ra những nhịp-điệu, nhạc-khúc, ca-khúc mới cho vui và mạnh mẽ dùng những trường-hợp này :
 a) Khi đại-đội hương-đạo đoàn kéo đi kéo về. b) Mỗi nhà hội-quan, mỗi trường học lớn nếu có một cái nhạc-dại để những khi ngày nghỉ ngày hội họp vàn

lên cho học-sinh hoặc công-chúng nghe.
c) Dùng vào những cuộc ca-vũ phổ-thông như sau này :

2- Ca-vũ phổ-thông là thông-tục ai cũng biết ca-vũ, chứ không phải chuyên-nghiệp của nhà nghệ. Ca-vũ phổ-thông là một nhạc-khúc khoái-hoạt cho người ta hơn hết. Nói không đủ thì hát to lên, hát không đủ thì tay múa lên, chân nhảy lên. Làm như thế mà chơi với nhau cho vui, cho cái khí uất-ức, cái khổ ngấm-ngấm của đời người được xả ra một lúc. Mà khéo biết dùng thì cái chi-nguyên của đời người cũng nhàn một lúc đó mà tăng cao lên. Sự khéo dùng đó là ở những bài ca có tinh-cách cao-thượng về sự sống chung của loài người với nhau. Cho nên một dân-tộc, trong âm-nhạc không nên thiếu những cuộc ca-vũ phổ-thông đó.

Người Việt-Nam biết thưởng-thức cuộc ca-vũ phổ-thông này, mới có đời nhà Trần. Sử nói Trần Thái-tôn thường đãi yến các quan triều, chén say rồi cho gian tay nhau múa hát. Sau rồi không thấy đời truyền lại lối vui chơi đó nữa. Chỉ truyền lại lối ca-vũ của nhà nghệ, mà thuần là lối nữ-nhạc của á-đào cả. Lối này là : « Múa bài-bông », một đội đông con gái vừa múa vừa hát, nhưng chỉ có nơi tôn-quí mới được dùng. Còn dân-gian thì phải dựa vào qui-thần tức là các cửa đình mới được dùng, như những lối này. « Dờn đại-thạch » (thực), dùng khi ngồi cỗ hát, hai hoặc bốn á-đào vừa múa vừa hát. « Ra nhạc » : hai á múa vào tuần « tiến-tước » tế thần, múa mà không hát. « Múa đờ bô » dùng vào trâu « giã dăm » các cửa đình, các á-đào múa hát làm trò vui cười. Song nói tóm lại thì lối múa nữ-nhạc từ bài-bông cho đến ra-nhạc, đều dựa yếu vụng-về lưỡi biếng. Người múa không động đến mình, chỉ giơ hai tay lên ngó ngoáy. Tiếng hát ồm-ồm mà nhỏ và

rén-rỉ như tiếng dế tiếng ve. Phục-trang thì vẫn lối thường bình-nhật, chỉ khác có một may là cùng. Coi chẳng khác một lũ Đạm-tiên hiện hẳn lên ở nơi mộ-dịa. Lúc nhỏ tôi có được xem múa bài-bông ở tỉnh một lần, nay tôi còn nhớ, thực là cái biểu-hiệu lễ-nhạc suy-dồi ở hồi mat-vạn mà bọn người trước họ còn bỏ lại. Người quân-tử khéo dò-la tinh-trạng của một nước, coi đó cũng đủ.

Vả, ca-vũ của nhà nghệ là sự thường không quan-hệ gì, đây tôi muốn nói về cuộc ca-vũ phổ-thông kia. Hiện nay có hai lối nhảy thông-tục của ngoài đang truyền diễn ở cố-đô Hà-nội, là lối « nhảy dăm » và lối « nhảy xòe ».

Nhảy-dăm cũng gọi là khiêu-vũ, một lối nhảy vui chơi của tây-phương. Mỗi cặp trai gái ôm nhau mà sẽ nhảy sẽ ngang đi, không múa mà cũng không hát. Luận-giả nói đó là lối nhảy có mĩ-thuật, song xét ra mĩ-thuật là ở chỗ nhảy khéo với vụng, có đúng « một » hay không đó thôi, chứ không phải nó là nguyên-lý của lễ-nhạc, vì nó là lối nhảy cảm, không có múa hát. Nó chỉ là một cái tập-tục vui chơi của tây-phương đó thôi. Nhưng nay văn-minh tây-phương đã là văn-minh của thế-giới, thì tập-tục của tây-phương là tập-tục của thế-giới, là lẽ tất-nhiên không tránh khỏi.

Nhảy xòe là một lối nhảy vui chơi sau khi yến-tiệc của người Thổ thượng-du Bắc-kỳ. Mỗi có nương con nhà qui-phái, áo tur thân bỏ sóng, váy chùng phủ mắt cá, đầu bịt khăn, chân đi giầy, tay cầm cái khăn mùi, vừa múa vừa hát vừa nhảy. Múa thật giảo, nhảy thật mạnh, cắt hẳn mình từ góc chiếu nọ sang góc kia. Áo xiêm bà xòa, múa nhảy hoạt-dộng, coi thật ngộ. Rồi cũng bà tay với con trai mà múa nhảy và hát như thế. Nhiều người cùng nhau

lối nhảy xòe hay hơn lối nhảy đầm mà bản rằng ta nên bắt-chước lối nhảy-xòe mà dùng phổ-thông cho dân-gian. Ý-kiến đó cũng là phải.

Còn về phần lời, tôi muốn bàn với các ngài nên đặt ra một lối ca-vũ của nhà trường gọi là « học-sinh ca-vũ khúc ». Cách dùng từ tám người trở lên đến bao nhiêu cũng được. Tuổi từ 9, 10 tuổi trở lên. Hoặc thuần nam, hoặc thuần nữ. Hoặc bên nam bên nữ, đứng ra từng hàng ở giữa trời, nơi công-trường. Thế rồi cùng hát một bài một điệu, cùng múa một kiểu cùng nhảy một nhịp cho đều. Rồi hoặc kéo đi lộn vòng, đi vòng quanh, hoặc cầm tay nhau đứng ra từng vòng lớn, giơ-giang nhún-nhảy mà hát, cho ăn nhịp với âm-nhạc cổ-vũ ở ngoài. Bài ca thì đại-khải dễ phẩn-chấn chí-khi thanh-niên, mà điệu-bộ phải cho giòn cho mạnh. Còn múa nhảy cũng phải cho mạnh mà giản-dị dễ học dễ nhớ. Lại chế ra một thứ phục-trang, trai gái khác nhau mà đều gọn-gàng thanh-nã chứ đừng bà-xòe xa-xỉ.

Hiện nay học-sinh vẫn được tập hát ở trong nhà trường. Thì chỉ thêm vào điệu múa nhịp nhảy và đem diễn ra ngoài sân, thêm có âm-nhạc cho vui hơn, cảm-khích hơn mà thôi, không có gì là lạ. Lại cho công-chúng ở ngoài cũng được thưởng-thức. Học-sinh nam-nữ thường tập diễn-kịch thì tập lối ca vũ phổ-thông này lại bổ-ích thiết-thực cho họ hơn.

Tinh-hăng con người, không có lúc vui chơi không chịu được. Nhà giáo-dục phải lấy tinh-lý của khoa-học mà lợi-dụng tính ấy của loài người, mà đưa họ vào con đường vui chơi có ích, thì họ tự biết mà chán những cái vui chơi vô-ích hoặc có hại. Chứ cứ bo-bo hãm họ ở trong cái vòng nghiêm-trang buồn-tẻ mãi thì nghi-hờ họ hay phá-sẵn.

Khi lối « Học-sinh ca-vũ-khúc » này

đã thịnh-hành, thì những học-sinh ấy sẽ truyền ra làm những ca-vũ-khúc nhỏ cho các cuộc vui chơi tư-gia.

Có người nói rằng đương nay hoàn-cảnh của xã-hội chưa hanh-thông, nên dân-tộc học-thuật chưa thành-lập thì đã vội gi bản đến những sự vui chơi. Tôi trả lời rằng: Trên kia tôi vừa mới nói: tinh-hăng của loài người, không có lúc vui chơi không được. Cứ bo-bo hãm họ ở trong cái vòng nghiêm-trang buồn-tẻ mãi thì họ hay phá-sẵn. Phá-sẵn là thế nào? Là: một thì họ lười không chịu tìm kiếm hoặc chăm-chước mà phóng-chép luôn cái của ngoài, có khi đang hay mà về đây hóa dở; một thì họ không có sức sáng-kiến ra cái hay mà chỉ theo tục diễn ra cái dở. Như lối lên đồng Chư-vị, dựa vào thờ cúng mà thực là lối khiêu-vũ, lối đầm-nhảy của ta (nên nhớ đầm-nhảy chứ không phải nhảy-đầm). Còn bài-bạc, chè rượu, thuốc sái, tùm năm chum ba, nò đũa lăm-nhúm, cũng là do cái lòng muốn vui chơi cho tiêu-khiển, cho hả cái khi phẩn-uất, cái khổ ngấm-ngấm. Không biết tìm cách, thành ra bậy-bạ đó thôi.

Thế là một mặt thì thúc-phục nghiêm-khắc, lại một mặt thì phóng-tung quá hạn, khiến cho người đời họ trốn vòng buồn-tẻ mà lại mắc vào bẫy hư-hoang, khổ thành khổ thêm. Thì chi cho bằng thuận cho dòng nước chảy xuôi, lấy những trường-hợp đồng vui công-chính, lấy những cái nguyện-vọng cao-thượng, những cái chân tay, thân-lai, giọng điệu mềm-mại nhanh-nhẹ của loài người mà diễn nên mỹ-thuật, giải ra nghĩa-lý, cầu bổ-ích cho tâm-thần họ có hơn không.

Ca-kịch.— Ca là thuần hát; kịch là thuần diễn hoặc vừa hát vừa diễn những truyện cũ, việc mới của xã hội. Ca-kịch có hai thứ: thứ phổ-thông và thứ chuyên-nghe. Phổ-thông thì có

hát trống quâu, hát đúm và diễn kịch mới. Chuyên nghề thì có hát xẩm, hát ã-đào, hát chèo và hát tuồng.

Hát trống-quân — Hai chữ trống-quân nay không hiểu là nghĩa gì, hay là khúc hát của quân lính lập ra. Khúc hát này nay là của thiếu-niên nam-nữ phải lao-động thôn quê, thường đến kỳ trung-thu, việc canh-nông đã vãn, đêm mát trăng trong, trai gái gặp nhau lấy câu hát đối chọi mà thi tài với nhau để vui chơi.

Cuộc hát này giản-dị, có một cái trống làm theo kiểu này: Đào một cái lỗ xuống đất, mặt lỗ dầy cái mâm gỗ hay là cái mảnh gỗ. Trên mặt mâm có một cái dây thừng buộc vào hai cái cọc đóng căng thẳng ra hai đầu cách nhau độ 6, 7 thước ta. Giữa dây có một cái que đội lên mà chống vào mặt mâm. Thế là thành cái trống. Người hát cầm hai dùi đánh vào hai bên dây gần que chống thành nhịp ba : « thỉnh thùng thỉnh ». Tiếng kêu một cách êm-ái dễ nghe.

Lúc hát trai gái chia ngồi hai bên ghế ở hai bên cái trống đối-diện nhau. Trai vừa hát vừa phải đánh trống. Thường có người chủ-trương đứng tổ-chức và treo giải chút đỉnh cho vui. Bài hát thuần một điệu lục bát. Giọng hát rõ-ràng từng tiếng có ngân-ngư mà không lên bổng xuống trầm. Mỗi đoạn hát đến cuối ba tiếng thường hay lấy lại, như câu : « Con ruồi đậu mẹp chẳng đậu cũng buồn », thì hát « con ruồi đậu mẹp chẳng đậu buồn cũng buồn ».

Lúc mới vào hát chào nhau mở đầu, lúc tan cuộc giã nhau, hay là giữa cuộc có xảy ra sự gì cũng đều có câu hát hợp cảnh.

Mở đầu như : « Đồi bên hàng phố rân rân, đề lời đối-dịch với ba cô này. Được thì ăn đĩa giầu đầy, thua thì cời áo trao tay ra về ».

Giã nhau như : « Còn đêm nay nữa

mai về, lạng vàng chẳng tiếc xin kẻ chửi hơi ».

Việc xảy ra như : « Trống-quân ta lập lên đây, ai phá đám nọy về ốm tương-tư. Tương-tư chẳng ốm cũng sâu, con ruồi đậu mẹp chẳng đậu cũng buồn ». — « Hồ vui lại dứt dây đàn, hồ ngồi ảm chỗ lại toan ra về ». — « Ba cô đứng chụm đồ-dau, hát thi chẳng hát giầu cau chuyện-trò ».

Còn những bài khác trong cuộc đều phải đối chọi, mà đều có vấn đáp.

Đối chọi là bên nọ hát về tình-cách gì thì bên kia cũng phải hát về tình-cách ấy. Như bên nữ hát về miếng giầu thì bên nam cũng hát về miếng giầu. Rồi đến các thứ hoa, đến chữ tình cũng thế.

Vấn-đáp là bên nọ hát lên một bài đề hỏi về sự-tích gì, thì bên kia phải hát mà giảng ra.

Hề bên nào không đối chọi được hay là không đáp được là thua.

Nói qua bề ngoài như thế thì cuộc hát trống-quân cũng là cách vui chơi có thú-vị. Nhưng thực ra thì những câu hát đối chọi và vấn đáp phần nhiều làm-nhảm do tự bọn họ đặt ra, chứ kẻ thi văn thức-giả không ai giúp họ bao giờ. Như thế thì đã vô-bổ cho tinh-tinh mà cũng vô-ích cho tri-thức của họ. Vậy nay những nhà thi-văn thức-giả có thi giờ, nên đem những lời thơ bình-dị, ý-tư rõ-ràng nông-nổi, rồi lấy những cảnh đẹp thiên-nhiên, những mối tình cao-thượng về trai gái, về đất nước, về nhân-loại mà đặt ra những bài hát đối chọi ; lấy những cái thường-thức về cách-trí, về lịch-sử, về địa-dư, về kỹ-nghệ và về mọi điều thường-thức muốn cải-đổi phong-tục, mà đặt ra những bài hát vấn đáp, để giúp cho họ. Thế thì cuộc hát trống-quân sẽ thành một ca-khúc giáo-dục phổ-thông cho bình-dân.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM

GIẢI-THÍCH VỀ NGHĨA BẤT-HỌC VÔ-THUẬT

Hai chữ học-thuật 學術 là cái danh-từ lớn-lao cần-thiết cho nhân-loại từ xưa đến nay, vô-luận Đông-phương hay là Tây-phương, nhân-quần số-dĩ tiến-hóa là nhờ về học-thuật cả. Lớn thì các bậc thánh-hiền ra cứu đời, các bậc hào-kiệt ra giúp đời, nhỏ thì một kẻ sĩ, chuyên được một môn, thành được một nghề, hiểu được một tài, trừ được một danh ở đời, không ai là chẳng có học-thuật; tài-nghệ chẳng giống nhau, sự-nghiệp chẳng giống nhau, danh-dự chẳng giống nhau, nhưng về phần nhờ về học-thuật thì như nhau cả.

Manh-tử có câu rằng: « *Phù nhân ấu nhi học chi, tráng nhi dục hành chi* 夫人幼而學之。壯而欲行之。 » Xét lời ấy thì biết rằng con người ta có học thì mới có hành, cũng như có cây thì mới có trồng, có trồng thì mới có ăn vậy.

Gần đây các nhà ngôn-luận đua nhau đề-xướng hai chữ học-thuật để làm cái biểu-biêu cho sự tiến-hóa của nhân-quần, thực cũng là vì cứ đã nói như trên. Song cái danh-từ ấy cũng chẳng mới lạ gì, người xưa từng nói đến, người nay cũng thường nói đến. Nào là câu: « *Kinh thuật chính sở dĩ kinh thế vụ* 經術正所以經世務 ». Nào là câu: « *Hữu học-thuật nhiên hậu hữu tư-tướng, hữu tư-tướng nhiên hậu hữu sự-nghiệp* 有學術然後有思想。有思想然後有事業。 » Ai đã biết đến Vương Kinh-công, Lương Âm-băng đều nhớ những lời ấy cả. Nên chỉ hai chữ học-thuật đã hầu như chữ cơm bữa của phái cựu, và hồ như chữ đồng-thuộc của phái tân, ai ai cũng nói đến được cả. Hoặc là kẻ mô-phạm nói lên cho kinh-diễn, hoặc là kẻ nhiệt-thành nói lên cho sôi-sảng, hoặc là kẻ văn-

chương nói lên cho tốt-đẹp, hoặc là kẻ phê-diễn nói lên cho trời chầy, người nói thì vẫn cho là lời đương-nhiên, mà người nghe cũng chỉ cho là lời cổ-nhiên đấy mà thôi. Nay tôi xin trái lại lời ấy mà giải-thích ra một nghĩa trước kia ít người giải-thích bao giờ, là nghĩa « bất-học vô-thuật 不學無術 ».

Bất-học vô-thuật nghĩa là chẳng học thì không biết đường lối nào mà làm, cũng như ban đêm không có dầu đèn thì chẳng biết đường lối nào mà đi, dù có đi liều chẳng nữa cũng chỉ đâm đầu vào cột mà thôi. Dầu đèn là gì? Dầu đèn là phần tia sáng để giúp cho con mắt người. Học là gì? Học là phần tiến-ich để giúp cho cái thông-minh người. Kể kia chẳng học thì đã mất cả phần tiến-ich thông-minh rồi, cho nên kết-quả chỉ là hạng người vô-thuật mà thôi.

Kể kia đã bàng-khuàng vô-thuật như vậy thì có hại gì cho đời không? Thiết-tưởng rằng có hại lắm. Kể kia đã vô-thuật, tất-nhiên không chịu nhận mình là vô-thuật mà thường lại tưởng mình là đa-thuật, rồi thiên-phương bách-kế tìm lấy dị-thuật để khoe với chúng, một là giấu cái vụng của mình đi, hai là mua lấy cái danh của đời, rồi gây ra một cái phong-trào giả-dối mà không có thực nữa. Nhân-quần như thế thì tiến-hóa làm sao được, đáng thương-tâm thay!

Than ôi! Bởi không đèn cho nên đụng đầu vào cột, đụng đầu vào cột đã đáng thương-tâm, mà có khi đụng đầu vào nhau nữa, thì lại càng đáng thương-tâm lắm. Đụng đầu vào cột, đụng đầu vào nhau, chỉ vì không đèn, chính-trị vô-thuật, kinh-tế vô-thuật, kỹ-nghệ vô-thuật, văn-chương vô-

thuật, lập thân vô-thuật, xử-thế vô-thuật, chỉ vì bất-học.

Chữ bất-học vô-thuật nguyên là chữ của bậc tiên-nho phương Đông chế Hoắc-Quang 霍光. Hoắc-Quang là kẻ vĩ nhân, trung-hậu thành-thực có tính chất tốt, giúp vua Hán-Chiêu, lập vua Lián-Tuyên, trải bao nhiêu công-lao, chỉ vì dốt đặc, đối với cái thuật tu thân tề-gia trị-quốc của thánh-hiền đều ù-ly, kết-quả chính-trị nhà Hán thì vương-bà hỗn-tạp chẳng đủ xem, mà nói-giống họ Hoắc chẳng bao lâu cũng tiêu-diệt hết.

Lại là chữ của kẻ danh-nhân nhà Tống chế Khấu Chuẩn 寇準. Khấu-Chuẩn là kẻ văn-nhân có kỹ-tài, giúp vua Tống Chân-tôn, hoạch-sách lui được giặc Khiết-dan, nhiệt-thành với quốc-gia xã-tắc. Chỉ vì hay chữ lỏng, đối với cái thuật lập-thân xử-thế của quân-tử còn báng-khuông, kết-quả bị tiều-nhân nó lừa, chiếc thân điển-bái, muốn dậm nhục-nhân, lại a-đua với thói đời, làm giả thiên-thư, rồi thanh-danh họ Khấu cũng giấm mắt.

Rồi về sau người đời đối với hai vị dốt-đặc và hay chữ lỏng ấy, ai cũng nhớ mà gia cho bốn chữ bất-học vô-thuật. Xét ra cho kỹ, bốn chữ ấy thiệt là sẵn lòng sùng-bái cho hai vị, thương cho hai vị, tiếc cho hai vị, sẵn lòng trung-hậu vô-cùng, không chút khinh bạc gì cả, cốt để làm gương cho người đời mà thôi,

Thức-giả nên biết rằng có tính-chất tốt như Hoắc-Quang, có tài lạ như Khấu-Chuẩn, vì mang phải cái lỗi bất-học vô-thuật, kết-quả còn không được tốt đẹp như vậy. Huống chi người tính-chất chẳng được như Hoắc-Quang, tài chẳng được như Khấu-Chuẩn mà lại mang phải cái lỗi bất-học vô-thuật thì kết-quả biết ra thế nào.

Đay, lại nên biết rằng câu bất-học vô-thuật, không những làm gương cho

người dốt-đặc, mà lại chính làm gương cho người hay chữ lỏng. Ngạn-ngôn có câu rằng : « Dốt-đặc còn hơn hay chữ lỏng ». Kể đọc đến câu ấy, nên nghĩ một cách sâu-xa.

Ngày trước Nho-học còn thịnh-hành, trong khoảng nghiêm-sư ích-hữu, thường hằng ngày vì nhau nhắc đến chữ bất-học vô-thuật, để làm vị thuốc đắng, mà mong đỡ bệnh cho nhau. Hiện những người bốn năm mươi tuổi trở lên ở xã-hội ta ngày nay, ai ai cũng đã nhớ rằng ở trong học-giới có vị thuốc ấy, mà chính như luận-giả đây cũng đã từng được nếm vị thuốc ấy mà biết rằng hay. Đến nay thì dường như đã vắng đi rồi, ít có người nhắc đến chữ bất-học vô-thuật nữa, thành ra trong học-giới phần nhiều lời cò-vũ, mà phần ít lời châm-biếm, phần nhiều vị thuốc ngọt, mà phần ít vị thuốc đắng ; có biết đâu lời cò-vũ có ích đã dành, mà lời châm-biếm cũng không phải là không có ích ; vị thuốc ngọt có lợi đã dành, vị thuốc đắng cũng chẳng phải là không có lợi. Nên chi lại xin nhắc lại ra đây mà giải-thích ra, để góp lấy một ý-nghĩa tiến-hóa trong nhân-quần, và câu chuyện trung-ngôn trong học-giới.

Học-giới nước ta, sĩ nông công thương lâu nay về phần tiến-bộ cũng nhiều mà về phần khuyết-diếm tưởng cũng không phải là ít. Hằng nói ngay một sự văn-chương của con nhà sĩ, văn-chương chữ Nho ảnh-hưởng ngoài hai nghìn năm, nay đã về hưu, người trong nước ai cũng đã nhận-chân lấy văn-chương quốc-ám làm cái then-chốt cho sự tiến-hóa ; sĩ-phu trong nước đua nhau trồng làng vầu, tuy còn là thời-kỳ quốc-văn ấu-trĩ, nhưng cũng là một cảnh lạc-quan, sau này rất có hi-vọng.

Xét ra văn-chương chỉ có hai lối, một là văn tản, hai là văn vần, dân-

tộc nào cũng vậy, chẳng những một dân-tộc ta. Văn bản thì như lối luận-thuyết, lối truyện-ký, lối thư-từ, lối thăm-phán, lối diễn-thuyết, lối cách-ngôn v. v. Lối văn vần, thì như lối từ-phú, lối thi-ca v. v. Lối văn bản thì thường dùng về tôn-chỉ hay là văn-dề, luân-lý hay là sự-trạng của xã-hội. Văn vần thì thường dùng về tính-tình của xã-hội, mà lại hiệp vào âm-nhạc, hay là lộ ra ngâm-ngã. Đó là cái lệ tự-nhiên của nhân-loại, mỗi một dân-tộc lại có một thứ văn thơ riêng của dân-tộc ấy; dù tân-kỹ thế nào mặc lòng, cũng không ai trái được cái lệ tự-nhiên ấy. Vì có sao? Là vì dân-tộc nào cũng có một cái tính-tình riêng, cái âm-hưởng riêng, không đợi ai phải bắt buộc, mà cũng không đợi ai phải uốn-nắn. Xem ngay như khi ta phiên-dịch thơ văn nước ngoài, thì quốc-âm bao giờ cũng vẫn là chủ-dộng mà bắt-buộc cái ý-nghĩa thơ văn ngoài phải theo âm-hưởng cách-diệu ta, mới có thể được, xem đó thì khắc rõ. Lại xem ngay như con trai con gái chốn thôn-quê, họ hát lối «quan-họ», hay là họ hát lối «trống-quân», họ chỉ tùy-khẩu đọc ra để đối-đáp nhau, mà cũng tự-nhiên có âm-diệu mỉ-miêu khá nghe, lại xem đó thì khắc rõ.

Nói về văn bản, thì trước kia nước ta dùng chữ Nho, cho nên văn bản quốc-âm không phát-đạt, đến ngày nay văn bản bằng quốc-âm mới phối-phác, cũng là mới có ảnh-hưởng một chút, kể ra thì cũng chưa phát-đạt gì cho lắm.

Duy văn vần thì quốc-âm ta phát-đạt đã lâu, bao nhiêu những cái tinh-thần hay-ho và cái năng-lực mạnh-mẽ ở cả về chốn đó. Nào là những câu phong-dao rất là mỉ-miêu phong-phú, đầu đầu cũng có, thực là một vẻ âm-tiết thiên-nhiên, không ai bắt-buộc, mà tự-nhiên phát-đạt. Còn như lối «bảy chữ đầu ba, tức là lối «hát-nói» lưu-truyền từ xưa đến nay cũng rất là

phong-phú, cũng không có sự nào mà biên chép được cho hết. Đến như truyện *Thủy-kiều*, tức là lối lục-bát, cụ Tiên-diễn đã từng làm ra, pho tiêu-thuyết bằng văn vần xưa nay quốc-dân đã coi là một áng văn kiệt-tác. Lại như lối *Chinh phụ*, lối *Cung-oản*, lối *Tỳ-bà* tức là lối «song-thất lục-bát» thì gồm cả hai lối đã kể như trên, mà thành ra một lối sóng dài bề lớn, yển hót oanh kêu. Lại như lối *Hát lý*, *Hành-vân*, *Lưu thủy*, *Nam-thương*, *Cờ-bản*, *Bình-bản*, *Kim-tiền* v. v., chính là khúc hiệp vào cung đàn, nào nuốt vô-cùng, xưa là khúc hát đường trong, nay cũng phò-cập đường ngoài, một khúc hát một mạch tinh, một cung đàn một giọt lệ.

Lại như lối thơ thất-ngôn hay là ngũ-ngôn bằng quốc-âm, kể ra từ Hàn Thuyên, Sĩ Cổ nhà Trần làm ra trước nhất, ngày nay thì thơ của các cụ cũng đã thất-truyền. Nhưng cũng là vì chữ nho với chữ nôm cùng là một thứ chữ một âm mà một nghĩa, không phải là thứ chữ một nghĩa mà nhiều âm dễ thích-hợp nhau, cho nên dễ làm được thơ chữ nho, thì tức-khắc làm được thơ chữ nôm, cũng hùng-hồn, cũng tuấn-nhã, cũng thanh-tân, mà cũng khôi-hài nực cười nữa. Lối thơ ấy cũng không khi nào tiêu-diệt được. Nên chỉ lối thơ ấy lưu-truyền trong xã-hội, như thơ có Xuân-Hương, thơ ông Yên-dồ, và thơ các nhà nữa, bao giờ cũng vẫn có chiều thịnh-hành, ngày nay các nhà văn-sĩ cũng vẫn đua nhau làm, thì lại thịnh-hành lắm.

Dân-tộc ta đã có nền văn-chương ấy, nếu mà biết phát-huy ra, thì cũng chưa biết thế nào là cùng, chỉ còn hi-vọng về sự hiểu-học đầy mà thôi. Phạm kẻ hữu-tâm với quốc-văn ngày nay, chắc ai nấy đều nửa phần vì quốc-âm mừng, nửa phần vì quốc-âm sợ. Mừng là mừng về quốc-âm có nhiều người cổ học, áng văn-chương kia sẽ có thời-kỷ nở ngành xanh ngọn; sợ là sợ về

quốc-dân có nhiều người biếng học, áng văn-chương kia sẽ có thời-kỳ cần-cối ngẩng-ngbiu.

Học làm văn cũng như học làm giàu, làm giàu phải có vốn-liếng, làm văn phải có tài-liệu; muốn có tài-liệu, phải có công-phu xem đọc sách-vở cho nhiều, trong nhà chứa một vạn quyển sách cũng còn kể là ít, trong hòm chứa một vạn đồng vàng cũng không phải là thừa. Học làm văn cũng như học làm cỗ. Làm cỗ phải có thời-kỳ học-tập lối làm cỗ, khiến cho biết đường làm cỗ, thì mới ra mâm cỗ, còn cái khéo thì cũng vô-cùng. Làm văn phải có thời-kỳ học-tập làm văn, khiến cho biết đường làm văn, thì mới ra bài văn, còn cái hay thì cũng vô-lượng. Gián hoặc cũng có thứ thơ văn không tài-liệu không học-tập ra đời, nhưng biết đâu nhà kia không có vốn-liếng, chưa biết phá-sản lúc nào; mâm cỗ kia bất-nhiêu hay là hồ-lớn, thì ai ăn được.

Nên biết rằng một chữ « pháp 法 » ở trong nhân-loại là lớn lắm, thực không phải nhỏ đâu. Nhà triết-học nhà luân-lý gọi là tâm-pháp, nhà chính-trị gọi là hiến-pháp, nhà tư-pháp gọi là luật-pháp, nhà tôn-giáo gọi là giáo-pháp, nhà sử-học gọi là bút-pháp, nhà sử-học gọi là toán-pháp, nhà vũ-học gọi là binh-pháp hay là đao-pháp, nhà mĩ-thuật gọi là thư-pháp hay là họa-pháp, còn nhiều nhà nữa, không kể sao cho xiết. Nên chi nhà làm văn có văn-sự, văn-nghe, văn-tâm, văn-cơ, tổng-qui gọi là văn-pháp; nhà làm thơ có thi-tinh, thi-cảnh, thi-tử, thi-liệu, tổng-qui gọi là thi-pháp. Sẽ hay loài người tiến-hóa bao nhiêu, thì một chữ pháp kia lại càng tôn-trọng bấy nhiêu. Kể nào lấy nề tân-kỹ, lấy nề tiến-hóa mà khinh-rẻ chữ pháp, thì có lẽ kể ấy đi dật lùi ở trong cuộc tiến-hóa, và có lẽ lại trái ngược với cái chân-lý tân-kỹ nữa. Ở Đông-phương ta, nói đến tên Lý Thái-Bạch, thì chắc ai ai

cũng nhớ. Lý Thái-Bạch đã hiệu-danh thi-thánh thi-bá, thực là một vai Nã-phá-luân trong làng thơ, mà kẻ phê-bình thơ Lý-Bạch có câu rằng: « Lý-Bạch phi vô pháp-độ, nãi thung-dung ư pháp-độ chi trung 李白非無法度。乃從容於法度之中 », nghĩa là thơ Lý-Bạch chẳng phải là không pháp-độ, mà chính là thung-dung ở trong vòng pháp-độ. Thung-dung nghĩa là không bó buộc; cái đặc-sắc của con nhà thơ, chỉ ở về hai chữ thung-dung. Song-le, thung-dung ở trong vòng pháp-độ, thì tức là thơ Lý-Bạch. Nếu thung-dung ở ngoài vòng pháp-độ, thì không phải là thơ Lý-Bạch nữa. Sẽ hay mấy chữ thung-dung ư pháp-độ chi trung, tức là cái tinh-thần tiểu-hóa của nhân-loại. Nên chi học nghề làm thơ trước hết phải tôn-trọng phép làm thơ, học nghề làm văn, trước hết phải tôn-trọng phép làm văn.

Nay có câu hỏi rằng: hiện nay chưa có trường-hợp dạy làm thơ làm văn, thế thì con nhà thơ nhà văn học đâu? Xin trả lời rằng: học mà phải đợi có trường-hợp đó là lối học tâm-thường, học mà không phải đợi có trường-hợp mới là lối học hoành-bác. Dù có trường-hợp dạy làm thơ làm văn chẳng nữa, cũng chỉ dạy được cái hình-thức thơ văn mà thôi, chứ đến cái tinh-thần thơ văn thì cũng không trường-hợp nào có thể dạy được. Sách của cổ-nhân, thơ của cổ-nhân, văn của cổ-nhân, đọc vào sách, ngâm-nghe vào thơ, xem vào văn, như trông thấy người, cổ-nhân tức là thấy ta vậy. Những hạng văn-nhân ở hiện-tại, đã trú-dant: trong làng văn, kẻ sở-tràng về đường nọ, người sở-doãn về đường kia. Sở-tràng thì ta lấy, sở-doãn thì ta bỏ, tóm lại đều là hạn-hiền ta vậy. Sẽ có một ngày kia người nay lại giỏi hơn người xưa, bậc hậu-tiến lại hay hơn bậc tiên-tiến, đó là nghĩa màu thanh đẹp hơn màu lam, và là nghĩa sinh sáu mà khiến người khác

kinh-sợ, dân-tộc sỏ-dĩ tiến-hóa là vì thế.

Lại có câu hỏi rằng : « Thời-dại ngày nay là thời-dại cạnh-tranh, chỉ ngồi đây mà học làm thơ làm văn mãi được ư ? Xin trả lời rằng : nghệ-thuật có nhiều môn, môn nào đều có cái tinh-thần cạnh-tranh của môn ấy, thì nhân-quần mới tiến-hóa. Kia như nhà làm ruộng họ biết cạnh-tranh về nghề nông, nhà đi buôn họ biết cạnh-tranh về nghề thương, nhà làm thợ họ biết cạnh-tranh về nghề công, đến như nhà làm thơ làm văn, há lại chẳng biết cạnh-tranh về nghề sĩ bay sao ? Học-tập làm thơ khiến cho Tùng Tuy không hết giống, học-tập làm văn khiến cho Siêu Quát lại ra đời, đó là cái nghĩa-vụ của người sĩ. Mạnh-tử có lời rằng : « Bồ-rộng mình mà vợ cổ-rộng người » đó là lời chê những kẻ bỏ nghĩa-vụ mình mà chực hưởng quyền-lợi người. Người làm sĩ mà chẳng cạnh-tranh về nghề sĩ, thì cạnh-tranh về nghề gì ? Những kẻ bảo rằng thời-dại cạnh-tranh không ngồi đây mà học làm thơ làm văn được, đều là kẻ sĩ trốn nợ đời cả, làng văn sỏ-dĩ thoái-bộ phần nhiều vì thế.

Ngày nay quốc-văn tiến-bộ như thế nào ? Về phần văn bản thì man-mác khó xét, nay hãy xét về phần văn bản. Văn bản nước ta quả là có tiến-bộ, nào là lối phong-dao, nào là lối truyện Kiều, nào là lối hát-nói, nào là lối hoa tình, nào là lối song-thất-lục-bát, nào là lối thất ngôn ngũ-ngôn, sĩ-phu đua nhau làm, coi quả có chiều vui-vẻ. Nhất là hạng thơ dịch, những tay sĩ-phu dịch thơ Tàu thơ Tây ra thơ ta, dùng như cách-diệu thiên-nhiên, âm-ường túy-mĩ của dân-tộc ta mà dịch, cũng làm tay khôn-khéo hẳn-hoi. Phải biết rằng thơ dịch tức là thơ mình, vì ý-nghĩa là ý-nghĩa ngoài, mà âm-hưởng cách-diệu tức là âm-hưởng cách-diệu mình. Quốc-âm ngày nay đương về thời-kỳ thâu-thái, những tay dịch thơ

lại càng có công với xã-hội. Làng thơ ngày nay, tự thơ làm cho đến thơ dịch, thực là có vẻ lạc-quan. Cứ lấy lệ thường mà nói, lạc-quan như thế này, lại còn mong lạc-quan như thế khác; lạc-quan về kim-nhật, lại còn mong lạc-quan về tiền-đồ. Song dù mong-mỏi thế nào mặc dầu, cuộc tiến-hóa trong làng thơ tất phải mong về sự học.

Nếu trong làng thơ kế-tiếp sinh ra có nhiều người hiểu-học, học làm thơ là học lấy cốt-cách, học lấy tinh-thần, song lẽ, không có tài-liệu thì lấy gì bồi-thường cho cốt-cách, phát-dạt cho tinh-thần. Ví như cái hoa mai kia dầu thanh-kỳ, nhưng không có gió đông làm tài-liệu, thì si thời được cho thành hoa mai; làn tuyết kia dầu đẹp, nhưng không có khí lạnh với hơi nước làm tài-liệu, thì ai tạo được thành tuyết. Nên chi ngày xưa Hán-học còn thịnh-bành thì lấy kinh Thi làm tài-liệu. Ngày nay quốc-âm đã tiến-bộ thì lấy những câu phong-dao làm tài-liệu. Ngày xưa lấy thơ Lục-triều, thơ Đường thơ Tống làm tài-liệu, ngày nay lấy nôm *Thúy-kiều* và những bài hát-nói của cổ nhân làm tài-liệu. Ngày xưa lấy những bài từ-diệu nhạc-phủ của nhà Tống nhà Nguyên làm tài-liệu, ngày nay lấy những khúc lý-kinh vở hát cổ làm tài-liệu. Ngày xưa lấy những bài *Đông-đô-phủ Tây-đô-phủ* v. v. làm tài-liệu, ngày nay lấy những bài *Tây-hồ-tụng, Tây-hồ-chiến* v. v. làm tài-liệu. Ngày xưa lấy những câu *Tả-truyện-văn Chiến-quốc-sách* làm tài-liệu, ngày nay lấy những câu phương-ngôn tục-ngữ làm tài-liệu. Ngày xưa lấy *Bắc-sử* làm tài-liệu, ngày nay lấy *Nam-sử* làm tài-liệu. Ngày xưa lấy cửu-châu trong *Vũ-cống* làm tài-liệu, ngày nay lấy ngũ-dại-châu trong thế-giới làm tài-liệu.

Phong-dao, hát-nói, lý-kinh, phương-ngôn, tục-ngữ những môn tài-liệu ấy rất là phong-phú, chớ có ít đâu, nếu có chí mà biên chép lại thì một đời

H1

người cũng chưa hết được. Đến như Nam-sử thì còn mấy bộ vĩ-dại chưa dịch ra quốc-âm, mà pho sách *Lịch-triều hiên-chương* là pho sách 'ớn nhất qui nhất' của nước Nam, tài-liệu nước Nam chứa cả ở đấy, hiện nay cũng chưa có ai dịch, chẳng hạn các nhà văn-sĩ nước Nam đã từng đề chi đấy chưa? Lại như tài-liệu của ngũ-dại-châu, sách Tây cũng có, mà sách Nho cũng có, thì lại càng rộng-rãi lắm, người nào tiện sách Tây thì xem sách Tây, người nào tiện sách Nho thì xem sách Nho, người nào chưa tiện sách Tây sách Nho thì hãy xem sách quốc-ngữ; ngày kia sẽ có thi-ơ-ký sách quốc-ngữ phong-phủ dần ra.

Những tài-liệu kể như trên không phải là một ngày mà học được hết cả. Duy sự học xưa nay, lẽ có chi thì nên.

Nhưng lại phải biết rằng, trừ một món tài-liệu của ngũ-châu không kể, còn thì đều là những món tài-liệu quý-báu của tổ-tiên ta để dành lại vốn-liếng cho ta; ta chẳng muốn làm giàu thì chớ, nếu muốn làm giàu thì phải tôn-trọng cái vốn-liếng ấy trước; ta chẳng muốn làm thơ thì chớ, nếu muốn làm thơ thì phải tôn-trọng cái tài-liệu ấy trước. Về phần tinh-túy cổ, đã có sức phát-huy thì tha-hỗ nhà ngọc phun châu, về phần diêm-xuyết kim; đã có công bác-thải thì tha-hỗ mà chạm đống thêu phượng. Ấy con nhà sĩ có học-thuật làm thơ, cũng như con nhà nông có học-thuật làm ruộng, con nhà thương có học-thuật đi buôn, con nhà công có học-thuật làm nghề là thế. Làng thơ quốc-âm mai kia sẽ có thời-kỳ phát đạt chấn-hưng, mà bài văn này tức là bài văn chúc mừng cho thơ quốc-âm vậy.

Nếu trong làng thơ luân-quần sinh ra có nhiều người biếng học, vì nhiệt-thành về sự làm thơ quá, nhiệt-thành là phải, nhưng nhiệt-thành quá thì lại là không phải, vì nhiệt-thành quá thì

lại làm trái ngược, cho cái chân-lý của sự tiến-bộ đi. Chữ rằng: « *Quá do bất cập* 過猶不及 », nghĩa là người thông-minh mà thái-quá thì kết-quả cũng như người lăm-thường mà bất-cập, chẳng khác gì nhau. Khi đã chẳng lấy sự học làm chủ-trọng thì đối với những câu phong-dao tục-ngữ là những câu tinh-túy của non sông, mỹ-miền của đất nước, coi là hững-hờ, không cảm-tình gì mấy. Đối với những lối bầy chữ đầu ba, lối lục-bát, lối lý-kinh là những thể-cách thiên-nhiên, âm-điệu mỹ-mãn của dân-tộc, và lối ngũ-ngôn thất-ngôn cổ-thể cận-thê là lối trang-nghiêm hùng-lõn trong thi-xã, thì đều cho là bó buộc. Đối với lịch-sử nước Nam, địa-dư cảnh-vật nước Nam, truyện cũ nước Nam, thì cũng biết là hay, nhưng lại sợ tốn chút thì giờ, phí chút công-phu, mà không chịu nghiên-cứu. Đối với tài-liệu ngũ-dại-châu, thì tưởng như đã biết cả rồi, nhưng có biết đâu tài-liệu năm châu là món quà để tặng riêng cho người có học.

Nói ra cho đáng không phải là không hiểu-học, chỉ vì nhiệt-thành quá, mà hóa ra biếng học đấy thôi. Rút cục lại làm thơ không có tài-liệu (Tài-liệu có quan-hệ với nhà thơ thế nào, đã kể ở trên), cũng như làm giàu không có vốn-liếng. Không vốn-liếng mà lại muốn làm giàu, không tài-liệu mà lại muốn làm thơ; biết đâu họ lại chẳng bịa đặt ra một thứ thơ chẳng tẩn chẳng vầu chẳng Kinh chẳng Hán, chẳng Fâu chẳng Ta, chẳng Tây chẳng Nam để họ che cái lỗi bất-học của họ đấy ru. Ấy con nhà sĩ không có thuật làm thơ, cũng như con nhà nông không có thuật làm ruộng, con nhà thương không có thuật đi buôn, con nhà công không có thuật làm nghề là thế. Làng thơ quốc-âm mai kia sẽ có thời-kỳ đồ ụp, mà bài văn này tức là bài văn viếng khóc cho thơ quốc-âm vậy.

GÁI ĐẸP VỚI ANH ĐỒ

Thôi ta không nói đến những câu : « Anh hùng với thi yễn-qi yễn, quãn-tử với lục nữ », mà cho cả đến câu : « Tài-tử với giai-nhân » đi nữa, đó đều là những cái đại-hữu : hầu như người cho là nó qi á cao và viển-vông ở đâu đâu. Nói ra e họ lại ngờ là nó có nghĩa triết-lý bí-ẩn sẽ làm i hỏi sọ cho họ chàng. Thì ta cứ nói phật rợy là « gái đẹp với anh đồ ».

Mà nói ý giốn-dị của quãn-tử cũng có lẽ bèo giờ cũng thiết-thực mà phải. Ta cũng chịu là phải, vì rằng so-sánh cho cùng đi nữa, thì những người anh-hùng, quãn-tử và tài-tử chẳng qua họ cũng ở trong cái tụi anh-đồ mà ra chứ gì. Anh đồ chữ Hán ngày nọ với anh đồ chữ Pháp ngày nay cũng là anh đồ cả chữ gì. Cũng là bọn đi học cả chữ gì. Mũ cánh chớn với khăn vải thắm chắm ngày xưa, giầy ban bóng với giầy trắng bẹp lộn mùa tây giờ cũng là một phường anh đồ cả chữ gì. Còn cái tụi giống cái bên kia thì thuyễn-quyển thực-nữ và giai-nhân, chẳng hay tài-đức ở trong, họ khác nhau thế nào, chứ cứ bề ngoài mà nói, mà quãn-chàng cũng chỉ hay hái-qròn có cái chỗ bề ngoài, thì cũng chữ là gái đẹp là cùng chứ gì.

Nói một cách cho văn-vẻ, thì gái đẹp là một cái công-trình mi-thuật tuyệt-tác của hóa-công, là những bông hoa rực-rỡ trong vườn hoa nhân-loại. Vậy thì mi-thuật ấy, hoa quí ấy, phải được con mắt tinh đời mà thám-tình kia thưởng-thức đến, nâng-niêng cho, thì mới khỏi hoai của trời. Ai không biết thế, ai không nghĩ thế. Thế mà có con mắt tinh đời mà thám-tình kia tất phải là kẻ có học thức. Kẻ học-thức không phải là cái tụi anh đồ chữ Hán ngày xưa cũng như anh đồ chữ Pháp ngày nay thì còn là ai.

Ấy thế mà ai hay sự đời lắm nổi ec-le, thực-tế với lý-lượng có ăn thua gì với nhau mấy khi. Tức là cái nhân-dị yễn của gái đẹp với anh đồ vậy. Đây ta hằng khoan chưa nói đến anh đồ chữ Pháp mà hằng nói đến anh đồ chữ Hán. Bởi vì anh đồ chữ Pháp bây giờ nó còn là mới tớm tươi buổi chợ : áng mà lại còn hiếm. Chứ sau đây hay là đã bắt đầu đi, số học ngày càng đông, khách m. a không xuê, thì anh đồ nay cũ g lại một : ở phạn như những mới tớm uon buổi chợ hôm mà cũng như anh đồ xưa là lẽ tất-nhiên không tránh khỏi.

Ấy thế mà quai-lạ không biết vì sao hầu hết những vợ anh đồ xưa đều xấu-xí như ma như nôm cá. Nhà văn-sĩ phải trào-phúng Nguyễn Văn-Tân (Dghè Tân ngày nọ đó Tiến-sĩ làm quan to, chứ có vừa đâu. Tề mà vợ ông cũng xấu-xí quá, ông đã làm một bài văn-tế tế sớng vợ, trong văn tế tả hết cái xấu, xấu người xấu cả nết. Rồi kết vào một câu rằng : « Trông bà bay như thể con cá-lồ ». Không biết con ma cá-lồ xấu thế nào, nhưng cứ những lời đã tả về người về nết ở trong văn tế thì bà Nguyễn Văn-Tân văn-sĩ đại-gia ấy thực là một vị đại-biêu cho tụi vợ xấu-xí của anh đồ xưa vậy. Cho nên ta cho câu : « Tài-tử giai-nhân là nợ ân », không phải là lời mỉa-mòi thì cũng chỉ là câu cầu-nguyện hảo của anh đồ mà thôi. Vì rằng tài-tử không phải là anh đồ thì là ai, thế mà nợ ân với giai-nhân đâu nào.

Đối với cái án-tình-duyến trắc-trở đó, giải đáp có nhiều lý-thuyết. Nhà mé-lin thì cho là « trời ghen ». Ghen với tài-tử không cho gặp gái đẹp, lại ghen với thuyễn-quyển không cho gặp anh đồ. Nhà đạo-đức thì cho là anh đồ học đạo « thánh-hiền » nên chuộc đúc mà

không chuộng sắc. Nhà mĩ-thuật nói cách nghiêm khắc thì cho rằng anh đồ cũ không có con mắt mĩ-thuật, cho nên không biết đẹp mà chuộng. Song nay ta xét ra thì ba thuyết nói không đúng cả.

Cái thuyết « trời ghen » thì nó huyền-bí nơ-màng không lấy gì làm bằng mà tin được. Còn cái thuyết « chuộng đức » thì xem nhiều những anh đồ nào mà khi họ đắc-chí là họ vội chuốc ngay lấy năm bảy gái đẹp về làm hầu. Họ thừa biết đem về như thế là tất có nhiều sự nguy-hiểm cho gia-dình, mà họ cũng phải hi-sinh hết thân mà chuốc đem về, thì biết có phải là bọn anh đồ nào cũng chỉ chuộng chuộng đức mà không chuộng sắc đâu. Còn cái thuyết mĩ-thuật, thì những trang gái đẹp sắc nước hương trời cũng là nghiêng thành nghiêng nước ở trong các truyện ngày xưa, không phải do bọn anh đồ họ về với ra thì ai. Vậy cũng không có thể khinh họ là không biết thẩm mĩ được. Thật là một cái nghi-án thiên-cổ.

Nhưng cũng may, đến thời-thế ngày nay, đến hồi gần đây, nhân một chuyện gái đẹp với anh đồ cãi nhau mà cái nghi-án này mới khám phá ra được chỗ bí-mật trong cái màn đen, mới giải-thích cho xuôi được cái nghĩa vì sao mà gái đẹp với anh đồ sờ đi cứ vô-duyên với nhau như trên đã nói. Nghĩa ấy không phải rút ở sách vở đâu xa-xôi, mà nó do ngay tự trong hai cái lòng chân-thực mực-mạc của một người gái đẹp với một anh đồ nhân một cái trò cười cãi nhau mà phụt ra. Ấy là cái chuyện anh khóa Cừ với cô vợ tây đen ở thành Đông xung đột nhau vào chừng ba mươi năm nay vậy.

Anh khóa Cừ là một kẻ học có tài ở Đông-triều. Bấy giờ anh độ ngoài hai-mươi tuổi. Người anh đẹp trai, da trắng mắt sáng, lông mày xanh, mặt thon trán cao, miệng đỏ mà tươi, nói

như có duyên, lành hay bóng đũa, bạn mới trông thấy đôi con mắt chớp-chớp với cái mồm lắp bắp của anh là đều đã buồn cười rồi. Văn-chương của anh cũng một vẻ tươi-tinh tài-linh như vậy. Hồi bấy giờ Hán-học khoa-cử đã suy, nhưng cái tàn-hồn cũng còn ngắc-ngỏi ở một vài khoa sau nữa. Thành-thị là thành-thị của đời văn-minh mới, nhưng mỗi năm lại một lần lại anh-đồ cũ nghêu-nghẽu kéo nhau lên tỉnh-lỵ để gót giày ở đường hàng phố đông đảo như linh đi « cầu lợn ». Ấy là lên để khảo khoán vậy.

Một kỳ khảo-khoá kia anh khóa Cừ cũng lên tỉnh Đông để dự cuộc như bạn mình. Chiều hôm trước ngày khảo-khoá, học-trò kéo nhau đi chơi phố lữ-lược, nhân đó mà anh khóa Cừ điếu ra một cái kịch ngân đề giải thích cho cái nghi-án gái đẹp với anh đồ như sau này :

Cuối phố Khách có một hiệu tây đen bán vải, người vợ chỉ lấy đen bán vải ấy là một ả Việt-nga đẹp lạ. Người cũng độ trong ngoài đôi mươi tuổi, da trắng-trẻo, vóc tròn-trĩnh mà tầm thước. Nhất là đôi con mắt long-lanh đưa đi đưa lại một cách hiền-tĩnh làm sao. Nhân chiều mát, có chủ hiệu tây đen bèn ra ngồi chơi ở cái ghế dài một hàng nước chè tươi trước hiệu, để xem lại anh đồ đi giông phố.

Có chủ tây đen ngồi cái ghế trước hàng nước, quay lưng ra ngoài, một tay bỏ vào lòng, một tay chống khuỷu vào đầu gối mà giờ bàn tay lên đỡ cho má tựa, thành ra phần mình nẹ xuống mà mặt nghiêng nghiêng để trông ra đường phố. Mãi lúc đen nhánh, cái lưng lẩn tròn. Dưới cái áo cộc trắng mỏng, phò ra cái đít quần lĩnh cạp điệu thay lầy. Có chủ tây đen ấy ngồi xem ngắm một cách trầm-tĩnh như thế, không biết trong lòng có nghĩ gì đến lại anh đồ người đồng-bang, nghĩa cố-

quốc nọ không. Nhưng tại anh đồ đồ thì kể qua người lại không ai là không lăm-lá lăm-lét chào thăm đôi con mắt hữu-linh của cô. Bọn thì thì - thảo phàm-bình về đẹp, tán-dương là một đóa danh-hoa; bọn thì lăm-băm những thương cho mình mà tiếc cho ai. Câu thơ lúc tranh tố-nữ treo bên ông trượng đồng của nhà thi-si Nguyễn Khắc-Hiền ngày sau, ý hẳn cũng do gặp những quang cảnh giống như thế mà xúc-phát ra. Nhưng anh khóa Cừ bấy giờ thì không chơi cái lối thơ-từ bóng-bày xa-xôi ấy, mà anh lăm ngay cái lối trực-tiếp can-thiếp, nghĩa là sẵn ngay vào tận mắt mà hỏi cho ra lẽ. Anh khóa Cừ cũng trong cái tụi qua qua lại lại ngắm tụi cái bông hoa có chủ đã chán mắt rồi, anh rẽ ngang ngay vào chỗ hàng nước, phát đến đét một cái vào đít cô tây đen ấy mà vừa chửi vừa nói to:

— Thế này mà không lấy chồng ông!

Đứt lời anh khóa Cừ bước rảo đi ra, cô tây đen ấy cũng vừa ngoảnh lại vừa chửi vừa nói:

— Lấy chồng mày để mà chết đói à!

Thế rồi cô tây đen lại ngồi điềm-nhiên như cũ, không đứng dậy mà cũng không ra dáng sân-si giận-dữ gì với kẻ nghịch-ngợm một cách vô-lý vô-hạnh ấy nữa. Bao nhiêu người xung-quanh, chủ tây đen, hàng bồi, mù hàng nước, tụi anh đồ đang đi phở đều cười ồ cả lên. Ấy có thể thôi, thế mà người ta truyền đi làm một câu chuyện giai-thoại gái đẹp với anh đồ, nay còn nhiều người nhớ.

Thế là cái nghi-án gái đẹp với anh đồ thường kỳ với nhau từ đó mới khảm phá, anh khóa Cừ đã đại-liều cho bạn anh đồ mà chất-vấn trước mặt gái đẹp giữa công chúng. Cô tây đen cũng đại-biên cho bạn gái đẹp mà trả lời các anh đồ. Xem cái cách trầm-lĩnh của cô tây đen lúc đó thì biết gái đẹp

cũng không phụ-phàng gì anh đồ, cả cơ sở-di thành vô-duyên với nhau bấy lâu là chỉ vì sợ chết đói mà thôi. Phải biết nhan-sắc của gái đẹp tuy nhờ ở trời phù riêng cho hơn phần chị em, nhưng lại phải nhờ vào chỗ nuôi nấng hậu và sự tô-điểm thêm thì mới tăng thêm hay là giữ gìn được nhan sắc ấy. Ngạn ngữ: « Phong-lưu bèo đẹp, khó-nhọc gầy đen ». Sự phong-lưu với sự khó-nhọc nó có quan-hệ cho sự đẹp của người ta là thế. Ấy thế mà cái học-nghiệp của anh đồ xưa thì lại là đem hết cả đời người mà « cõp » vào một tiếng bạc « đồ cao quan to ». Nhưng may mà được tiếng bạc ấy thì chỉ có một hai người, mà rủi thua thì hằng đến nghìn vạn kẻ. Bã rủi mà thua thì khổn-đốn chung-thân, vì ngoài cái nghề cử-nghiệp là cái nghề ngoy xương ăn hại ra, anh đồ không còn có cái nghề thực-lợi gì khác. Đã như thế thì một thân cũng chừa lắt đã chừ, còn thừa đâu mà để cung cho gái đẹp, sầm chầu ngọc đề trồng danh hoa. Thế mà nếu cứ kết hợp với nhau, mà anh đồ không cải-nghiệp, gái đẹp không hi-sinh cái đẹp, thì khỏi sao được cái họa chết đói. Lời cô tây đen ấy thực là chân-linh.

Ấy những gái cợt sắc tự tiếc cái đẹp của mình, mà hay hợm mình, xa bay cao chạy với anh đồ, cũng chỉ là tránh cái vạ chết đói mà thôi, chứ các cô há chẳng biết anh đồ là người học-thức, người học thức mới là người đáng tri-kỷ thâm-lĩnh với mình. ư? Còn gái nào nặng vì tri-kỷ quyết liều số phận với anh đồ thì đều bị những cảnh: « Nhà trở vốn nghèo thay, như có bà hay lam hay làm, bù đầu lá lẹ, sẵn vảy quai công, lắt-lả chân đem chân chiêu, giúp tớ đỡ-dần trong mọi việc » như bà vợ nhà thi-hào Nguyễn-Thắng. Hay là: « Quanh năm buôn bán ở bờ sông, nuôi được năm con với một chồng », như bà

vợ nhà thi-sĩ Tú-Xương, thì dù có đẹp như tiên đi nữa cũng chẳng còn gì là cái đẹp, mà thành xấu như ma như nữm cả.

Ấy cái họa khoa cử xưa nó làm lụy cho hạnh-phúc lứa đôi, nó làm cho gái đẹp phải xa anh đồ, nó làm cho gái đẹp cũng thành gái xấu là như thế. Là vì nó không tự-lập mà làm ra lợi được. Ngày nay coi học tuy thay chữ Tá cho chữ Hán mà lối học khoa-cử vẫn chưa dứt. Nghĩa là vẫn cái lối học cao cốt « đồ cao quan to » là đủ mà thôi. Có thêm thì cũng chỉ thêm vào một khoa làm lại nữa. Chứ những nghề thực-lợi như nông - phố, kỹ - nghệ, thương-mại thì vẫn còn kém cõi không khác gì xưa là mấy, mà những anh đồ tây bây giờ thân-hành ra làm lấy những việc nặng-nề về các nghề thực-lợi ấy thì nào đã mấy ai.

Cái nghề-nghiệp mà đã chỉ chuyên đi làm việc cho người, thì lúc đầu việc nhiều người làm ít, được công cao. Lúc việc ít người làm nhiều, bị công hạ và thừa người, là lẽ tất-nhiên. Trên kia ta ví mới tôm tươi với mới tôm rơn là thế. Những kẻ ôm bằng tú-tài, cử-nhân, bác-sĩ mà nằm khoèo đã không ít, mà những kẻ có việc làm thì lương hạ dần xuống, vài ba chục bạc

phòng có đủ cung cho một người lên bộ quan dạng ở chỗ thành-thị ngày nay không? Nữa là còn lấy đâu mà cung cho gái đẹp lại là cái gái lán-thời kia. Từ vài năm kinh-tế khó-khăn lại đây, vác cái bằng thành-chung hoặc tú-tài đi đem vợ đã thấy nhiều-khé lắm rồi. Ấy thế là anh đồ tây ngày nay đã làm vào cái cảnh anh đồ nho xưa rồi đó. Phương-chỉ ngày nay đời chuộng thực-lợi, không ai còn hám cái hư-danh, bà nọ với bà kia mà kiết-xác thì sao bằng thím khách có lấy mà thỏa đời. Nữ-quyền ngày càng cao, tự-do ngày càng thịnh, gái đẹp ngày nay đã có sắc lại có tài-hoa, biết ăn mà lại sành chơi, cố-nhiên không ai chịu chết đói với anh đồ kiết được, mà cũng ít ai dại gì mà chịu cái nước bù đầu lá hẹ, sản vậy quai cồng hay là quanh năm buồn bán ở bờ sông để cung cái thú thê-thần nghèo-ngao của chồng như bạn gái cở-sơ trên kia nữa. Ấy thế là đủ nguy cho bọn anh đồ tây ngày nay thôi mà gì. Thôi thế nhưng cũng là cái dịp nhi-nữ tạo ơn-hùng, thì anh đồ nay cũng phải liệu mà thay nghề tìm nghiệp mau đi, để mà cầu lấy cái hạnh-phúc tốt đời gái đẹp với anh đồ. Chứ đừng để còn có cái câu:

« Lấy chúng mày để mà chết đói à! »

Người rừng xanh



KONTUM TỈNH-CHÍ

崑 嵩 省 誌

II

30 Y-chánh. — Ở Kontum, tại thành-phố Kontum có nhà thương lớn, quan thầy thuốc có khi người Pháp, có khi người Nam, có cô mụ, có khán-hộ đàn bà và đàn ông. Có một nhà tư-thất quan thầy thuốc chỉnh-dốn lẫm, một nhà làm kho thuốc và phòng giấy, một nhà để cho người tây dau nằm và làm nhà ăn cơm người bệnh, một nhà làm sở mổ xẻ, một nhà làm nhà xác, một nhà làm kho, phòng lẫm, một nhà làm cầu tiêu máy, bốn nhà : làm hai nhà người bệnh đàn ông, một nhà làm nhà người bệnh đàn bà và phòng để, một nhà làm nhà thương người đau lậu và linh.

Cách nhà thương lớn độ 2 cây số tại làng Tân-hương, cũng trong thành-phố lại lập một nhà thương nhỏ, người đau xin thuốc được chứ không có chỗ nằm.

Tại nhà thương lớn thì nay có 74 đường nằm.

Ở Dak-tín, bên kia sông, lại có lập một sở nhà thương cho người bệnh phong Mội và An-Nam.

Còn ở các đồn lính khổ-xanh thì có lính khổ-xanh làm khán-hộ, cho những vị thuốc thường thường.

Ở Lao-tù có khán-hộ cho thuốc riêng.

Như tính số mục thì xem bản kê sau này :

Năm 1928

<i>Kontum</i> :	Số người khám bệnh và xin thuốc	36.357
	Số ngày nằm nhà thương	34.505
<i>An-khê</i> :	Số người khám bệnh và xin thuốc	20.225

Số ngày nằm nhà thương 112

Năm 1932

<i>Kontum</i> :	Số người khám bệnh và xin thuốc	32.700
	Số ngày nằm nhà thương	19.204
<i>An-khê</i> :	Số người khám bệnh và xin thuốc	6.615
	Số ngày nằm nhà thương	722
<i>Dak-xut</i> :	Số người khám bệnh xin thuốc	384
<i>Dak-lô</i> :	—	492
<i>Konplonq</i> :	—	392
<i>Lao-tù</i> :	—	14.078

Số ngày nằm nhà thương 5.531

Trong năm 1932 có trồng đậu hơn 25.000 người, năm 1933, hơn 30.000 người.

Ở Kontum năng đau lị và sốt-rét (*paludisme*). Thầy thuốc thí-nghiệm thì giống muỗi cao chân (*Anophèle*, *Maculatus* và *Aconitus*) sinh ra. Trong năm 1933 thì tại thành-phố Kontum đã có khởi sự thí-nghiệm như thế này : Là thành-phố 4 làng, chia ra làm 21 khu. Mỗi khu con nit từ 2 tuổi tới 12 tuổi đều thử máu, chỗ nào kể theo phần trăm, có bao nhiêu đũa bụng lớn (đau trái nước cũng sốt rét mà sinh ra). Trong khu ấy đào rãnh đào mương cho nước chảy thông-suốt mà trừ muỗi, rồi ba tháng lại khám con nit lại coi có bớt to bụng hay không. Thầy thuốc thí-nghiệm ở viện Pasteur Sài-gòn ra.

Sự thí-nghiệm ấy mới bắt đầu từ tháng Mars 1933, đến Juin 1933 cũng

thăm lại, đến Septembre cũng thăm lại một lần nữa, đã thấy có kết-quả hay. Trong 21 xóm ấy có xóm bớt 56%, 42%, 40%... .

Song mới thí-nghiệm và thi-hành cách ấy tại thành-phố *Kontum* mà thôi, chứ toàn cả tỉnh trong các làng xóm chưa có thể làm được.

Xem bản kê số 4 sau này thi hiểu kết-quả thế nào.

BẢNG SỐ 4

Kết-quả sự thí-nghiệm chữa bệnh trái-nước tại thành-phố *Kontum*

Nương xóm có thí-nghiệm con nít	Mars 1933	Septembre 1933	Khác nhau thế nào
	Mấy phần trăm:	Mấy phần trăm	Mấy phần trăm
1	81	59	22
2	84	60	24
3	90	66	24
4	87	75	12
5	85	89	4
6	93	88	5
7	55	28	27
8	50	30	20
9	81	47	34
10	58	54	4
11		12	
12	44	24	20
13	70	36	34
14	63	40	23
15	65	25	40
16	100	44	56
17	60	43	17
17 bis	84	73	11
18	86	50	36
18 bis	36	11	25
19	71	29	42

40 Học-chính. — Ở *Kontum* có một trường ở *Kontum*, thi Sơ-học (*primaires*) riêng, một trường ở huyện Tân-an,

một trường ở làng Cửu-an, một trường ở *Dak-tô*

Trường *Kontum* hiện nay có một ông Kiểm-học, 3 ông tư-học, 3 trợ-giáo An-Nam, 3 trợ-giáo Mọi.

Trường *Kontum* có năm cái nhà ngói: một nhà ông Đốc-học ở, một nhà học-trò ngủ, một nhà học-trò ở luôn ăn cơm (học trò ở luôn toàn Mọi), hai nhà dài, mỗi nhà làm 4 lớp học.

Trường Tân-an lập tháng Septembre 1921; trường Cửu-an lập tháng Septembre 1927; trường *Dak-tô* lập tháng Septembre 1930.

Trong năm 1933 số học-sinh kê như sau này:

<i>Kontum</i> : Học-trò Mọi ở luôn	48
Học-trò An-Nam, con trai	100
Học-trò con gái	12
<i>Tân-an</i> : Học-trò con trai	42
Học-trò con gái	5
<i>Cửu-an</i> : Học-trò con trai	45
Học-trò con gái	2
<i>Dak-tô</i> : Học-trò An-Nam	15
Học-trò Mọi	15

Các trường tư thi hiện nay chỉ có trường các cha cố, là những trường sau này:

Trường <i>Guénol</i> , học-trò Bà-Nà, ở luôn	93
Trường Bà-phước <i>Sainte Thérèse</i> học-trò con gái Mọi ở luôn	28
Học-trò con gái An-Nam ở ngoài	40
Trường học-trò An Nam, làng Phương-nghĩa	58
Trường học-trò An-Nam, làng Tân-hương	29
Trường học-trò An-Nam, làng Phương-qui	31
Trường học-trò An-Nam, làng Phương-hòa	26

Trong năm 1933, học-trò đi hạch, kết-quả như sau này:

Bảng Sơ-học tiếng An-Nam :

Kontum : 37 trò thi, đỗ 24.

Tân-an : 13 trò thi, đỗ 6.

Bảng Sơ-học, có chữ tây :

Kontum : 16 trò thi, đỗ 9.

Tân-an : 6 trò thi, đỗ 3.

Bảng tiểu-học, cả tỉnh :

6 trò thi, đậu 2.

5° *Sở nuôi thú-vật tại An-khê.* — Ở

An-khê lại có một sở nuôi ngựa, trâu, bò và cừu. Có một quan thú-y Tây, một quan thú-y An-Nam coi.

Ngày 30 Juin thi số thú-vật tại sở ấy được : 20 con ngựa, 411 con bò, 20 con trâu và 116 con cừu.

6° *Đầu-phục các dân Mọi.* — Dân Mọi có nhiều giống như trước này chúng tôi đã nói, nhưng có giống đậm-thấm, có giống hung-hăng như Mọi *Bahnats-Halakong* ở An-khê, Mọi *Aroys* ở giáp-giới Phú-yên, Mọi *Djaraïs-Habans* ở *Pleiku*, Mọi *Xedangs* ra tự-do, không muốn bó-buộc, hoặc nhiều khi vì cơ này cơ kia mà sinh sự. Những Mọi ấy lúc trước có khi chém giết người mình, ăn cướp làng xóm An-Nam, khi vây đồn-lũy; cũng có khi có người An-Nam đứng đầu cho nó nữa. Năm 1928-1929, Mọi *Konbarr* ở An-khê nổi dậy, giết chết hết 19 người An-Nam (1928 : 7, 1929 : 12). Năm 1930 Mọi làng *Pleinar*, năm 1930 Mọi làng *Plei thanh-lon*; năm 1932. Mọi làng *Kon-blo*, giáp-giới *Kontum* — *Binh-dịnh*; đều có nổi dậy. Trên các đồn trên, như *Dak-blou* (10 Janvier 1929), *Dak-pha* (12 Mars 1929) đều có bị vây. Song mỗi khi có lập đồn nhỏ tạm-thời, có lính tập đi tuần, có khi cũng phải dùng đến tàu bay trái-phá, như ngày 20 Mars 1929, trái-phá thủ *Konbarr*, rồi đều được yên-tĩnh cả.

Số Mọi đầu-thú càng ngày càng nhiều, xem bảng kê biên số 5 và 6 đính theo đây thì rõ.

Mọi đầu-thú chỉ buộc mỗi năm phải đi làm xâu 10 ngày, và khi có việc gì

bất bình nhau, làng xóm Mọi xử không xong phải đem tới tòa-án Mọi, hoặc khi có người An-Nam can vào thì kiện tòa-án xử người An-Nam và Mọi (*Tribunal Mixte*).

Đi làm xâu 10 ngày ấy thì muốn đi cũng được, muốn trả bạc mà thế cũng được. Trước thi 10 ngày phải nộp 1 \$ 00, lần lần đến 2 \$ 00, qua năm 1933 phải nộp 2 \$ 50.

Năm 1933, như Mọi đầu-thú ấy mà nộp bạc hết thi :

Kontum được 56.539 \$ 00.

Pleiku được 28.900 , 00.

song số thật chuộc thi :

Kontum có 7.878 \$ 00.

Pleiku có 27.200 , 00.

vì Mọi ngã *Pleiku* như Mọi *Cheo-reo*, thành-thuộc đã lâu, ruộng đất, trâu bò nhiều, biết buôn bán thì giàu có và có tiền hơn Mọi *Kontum*.

Tòa-án Mọi và tòa-án xử cả An-Nam và Mọi, thì đều quan Công-sứ làm chủ-tọa, quan Quản-đạo *Kontum* làm phó-chủ-tọa, một huyện Mọi, mười tổng Mọi hay là chủ-làng đều có chân hội-dồng tòa-án.

Xử tên Mọi thì theo phong-tục Mọi.

Kontum là chính tỉnh Mọi, dân Mọi đông, có tòa-án riêng cho Mọi, cho nên tên Mọi ở *Kontum* có biệt-dãi hơn tên Mọi ở các miền thượng-du các tỉnh trung-châu. Thí-dụ như ở giáp-giới *Binh-dịnh*—*Kontum* có nhiều làng Mọi, làng thì thuộc về *Binh-dịnh*, làng thì thuộc về *Kontum*. Làng nào về *Binh-dịnh* thì thuộc về huyện *Binh-khé*, có kiện cáo gì tới huyện, xử theo luật An-Nam, còn Mọi *Kontum* thì tuy tòa-án xử, song theo tục nó.

Hiện nay quan Công-sứ *GUILLEMINET* đương làm một cuốn sách phong-tục Mọi và luật Mọi bằng chữ Pháp và chữ Mọi. Cuốn sách ấy xưa nay chưa có, như khi nào xong thì cũng có ích lắm.

25

BẢNG SỐ 5.—Làng Mọi chia theo tổng và theo giống 25

Tỉnh và Hạt	Giống Mọi	Tổng	Làng	Mọi đầu-thủ
Kontum :				
Kontum	Bahnar	Phong	25	974
	Xédang	Mia	36	504
	Bahnar	Gloih	36	749
	Bahnar Djolon	Mêch	9	242
	Djarais Pleitel	Tuon	48	1.408
		Uo	28	655
		Hiem	17	455
	Xédang Halang	Pa	28	410
	Bahnar	Huop	27	1.100
	"	Dul	5	259
	"	Chi	12	726
	"	Uon	18	503
	"	Ham	9	780
	"	Chinh	14	733
	Bahnar Rongao	Bion	18	411
			350	10.004
Dakto	Xédang	Kho	27	453
	"	Nhu	21	517
	"	Nung	19	651
	"	Vinh	63	1.333
	"	Thoa	35	410
	"	Blang	43	565
			298	3.962
Dak-xut	Xédang-Halang	Dinay	42	1.449
	Dies	Néang	46	1.316
			88	2.765
Konplong	Bonom	Dr'eng	39	551
	Xédang Rongao	Nonz	21	263
	Bahnar Djolon		16	291
	Bahnar Hré		5	39
			81	1.174
An-khé	Bahnar Halakong		401	3.505
	Bahnar Bonom		38	757
			141	4.262
Pleiku :				
Pleiku	Bahnar Golar	Pion	61	2.5.8
	Djarai	Tan	26	1.451
	"	Hohne	42	1.735
	"	Toang	54	1.454
	"	M Lon	25	1.078
	"	H Moi	32	1.096
	"	Nath	24	1.247
	"	Loay	27	1.089
	"	Uing	27	911
	"	Glông	34	1.226
	"	Toang	48	1.483
	"	Choan	41	1.341
			441	16.651
Cheo-Reo	Djarais		80	3.351
	Rhadés Mour		92	2.819
	Bahnar Halakong		15	420
	Aroys		24	582
			211	7.202

BẢNG SỐ 6

Số làng Mọi đầu-thú, Mọi đầu-thú và bạc nạp thuế làm xấu

	1928	1932 (1)	1933
Số làng Mọi đầu-thú.	1.342	1.500	Kontum : 873 Pleiku : 657 Cộng : 1.530
Số bạc phải nạp thuế làm xấu (2)	57.796\$	77.121 \$	Kontum : 56.539 Pleiku : 28.900 Cộng : 85.439 \$
Số bạc Mọi có nạp thuế.	8.672, 3)	38 081	Cộng : 35.078 Kontum : 25.767 Pleiku : 22.440
Số dân Mọi đầu-thú.	33.231	46.681	Cộng : 48.207

Lúc 1927 quan Công-sứ SABATIER cũng có làm một cuốn luật cho Mọi *Rhadés* ở Ban-mé-thuôt, lên bằng « *Ruom hra kley due* » bằng tiếng *Rhadé* không mà thôi, chữ không âm chữ Pháp hay chữ quốc-ngữ, người coi không biết tiếng Mọi *Rhadé* cũng không hiểu gì.

Những huyện thừa, tòng-thừa Mọi, đều ăn lương theo ngân-sách Nam-triều.

Chính-trị Nam-triều ở Kontum

1^o *Quan An-Nam tại Kontum*.—Năm 1913 theo Chỉ-dụ ngày 26 tháng 5 năm

Duy-án thứ 7, ở *Kontum* mới có Nam-Tri-huyện.

Tri-buỵen thứ nhất là ông Phan Tử-Khâm.

(Sau đổi ra phủ thì ông này là ông Phủ đầu hết).

Năm 1917, theo Chỉ dụ ngày 23 tháng 10, năm Khải-dịnh thứ 2, ở *Kontum* mới lập Nam-Tri phủ.

Tri-phủ thứ nhất là ông Phan Tử-Khâm.

Tri-phủ thứ nhì là ông Nguyễn Ngọc-Hoàng.

Tri-phủ thứ ba là ông Phan Thúc-Ngô.

(1) Qua tháng *Décembre* 1932, lập tỉnh Gia-lai (Pleiku) mới chia đất và dân.

(2) Dân Mọi đầu-thú, thì mỗi năm phải đi làm công cho Nhà-nước 10 ngày. Mươi ngày ấy như không muốn đi thì phải nạp một số bạc. Ấy là bạc công-ích.

(3) Mỗi ngày phải nạp là 0 \$ 20. Qua năm 1933 thì mỗi ngày phải nạp 0 \$ 25.

N. B. — Thiệt số làng Mọi đầu-thú từ năm 1928 tới năm 1933 là 223 làng, song vì có khi đổi ba làng nhỏ nhập lại cũng có, mới thành (hai số 1.342 và 1.500) có 158 làng mà thôi.

Tri-phủ thứ tư là ông Phùng Duy-Cần.

(Sau lập đạo thì ông này làm Quản-đạo đầu hết).

Năm 1928, theo Nghị-định số 2.168 ngày 20 Aoút, thì đặt ra đạo Kontum, có Quản-đạo riêng, và đem huyện Tân-an ở Bình-định nhập vào. Bên Pleiku thì có một nha Bang-lá.

Quản-đạo thứ nhất là ông Phùng Duy-Cần.

Quản-đạo thứ nhì là ông Hà Thúc-Huyền.

Quản-đạo thứ ba là ông Tôn-thất Toại.

Quản-đạo thứ tư là ông Võ Chuẩn.

Năm 1932, ngày 15 tháng 11, năm

Bảo-dại thứ 7, lập đạo Gia-lai (giới-hạn theo nghị-định ngày 4 Mars 1933) thì chia tỉnh Kontum ra chừng ba phần, một phần Gia-lai, hai phần Kontum. Ở Gia-lai có Quản-đạo riêng, và giảm Bang-lá.

Hiện nay đạo Kontum còn một tổng Tân-hương, 10 làng và huyện Tân-an. Huyện này 3 tổng, 29 làng.

Dân-số An-Nam như kê cả nam-phụ lão ấu phỏng 12.000 người, chính-nộp 2.839 tên, thuế thân 8878 \$ 55, thuế điền-thổ 3.267 \$ 64, thuế đất thành-phố Kontum 826 \$ 42, thuế môn-hài An-Nam 1.731 \$ 93.

Xem hai bảng kê biên số 7 và số 8 thì rõ số nực và tên các tổng các làng

BẢNG SỐ 7

Tỉnh Kontum

Bản kê tên làng, số dân, số ruộng đất và thuế điền đình năm 1933

TÊN LÀNG	Chức sắc	Miền sai	Chính nạp	Lão nhiều và tăng-tật	Thuế đình	Ruộng	Đất	Thuế điền-thổ
Tổng Tân-hương								
Tân hương	6	4	188	29	908\$90	134m ²	270m ²	211\$68
Phương-nghĩa		2	28	24	701,50	--	105,7	21,01
Trung-lương	2	1	107	16	335,50	--	9,7	1,46
Lương khế		2	442	42	447,70	--	8,7	2,35
Tân-hương-hòa		2	123	9	381,25	86,9	208,9	114,59
Phương-quí	1	1	115	17	356,85	22,1	138,3	41,55
Ngô-trang		1	38	--	118,95	--	76,2	10,72
Ngô-thạnh		1	30	--	94,55	--	40,6	5,70
Phụng-sơn		1	27	2	85,40	--	36,5	4,85
Phước-cần		1	26	--	82,35	--	21,4	3,84
	9	16	1091	139	3112\$95	243m ²	915m ²	417\$75

TEN LÀNG	Chức sắc	Miễn sai	Chính uạp	Lão nhiều và tăng-tật	Thuế đình	Ruộng	Đất	Thuế điền thô
Tổng An-khê								
An khê	4	3	285	51	890\$60	207	416	497\$02
Cửu-an	3		369	117	1134,60	383	153	479,47
Thượng-an		1	83	23	256,20	28	27	53,77
An-thương	1	1	111	12	344,65	23	25	47,46
Cửu-dịnh		1	81	8	250,40	16	64	65,01
An-mỹ		1	20	4	61,05	—	42	35,10
Gia-hội		1	25	2	79,30	4	41	36,65
An-tập		1	36	5	112,85	5	24	24,99
Cửu-đạo	1	2	73	24	231,80	9	47	51,39
An-bình		1	39	9	122,00	14	68	70,06
Tứ-thủy		1	59	18	183,00	22	35	54,53
An-quí		1	22	5	70,15	6	72	19,63
	9	14	1203	275	3739\$30	717	1014	143 \$08
Tổng Tân-phong								
Tân-phong		2	104	33	323\$30	11	98	97\$72
Tân-tạo		3	53	15	170,80	21	151	107,55
An-thuận		1	31	8	97,60	19	55	69,78
Tân-lập		1	17	3	54,90	7	41	18,56
Chi-thành		1	23	3	73,20	4	87,7	39,31
An-hội		1	39	8	122,00	6,9	91,2	78,45
Chi công		1	25	3	79,30	5	29	30,47
Tân-lai		1	31	2	97,60	15	80	76,38
Tân-an	2	1	15	3	54,90	9	48	42,54
An-phong		1	28	2	88,45	7	36	36,65
An-dân	1	1	24	3	79,30	2	86	72,17
An-cư		1	24	6	76,25	0,8	28	6,37
Tân-tự		1	22	6	70,15	5	86,9	72,77
	3	16	436	95	4387\$75	112,7	920,8	743\$72
Tổng Mang-gian								
Phượng-danh		1	29	—	91\$50	2	31,1	8\$02
Phú-sơn		1	16	2	51,85	2	38	13,06
Kim sơn		1	28	2	83,45	2	14	6,74
Châu-thành	1	1	33	3	106,75	1	25	8,56
	1	4	106	7	338\$55	7	108,1	36\$38

BẢNG SỐ 8

Tỉnh Kontum

Bản kê số dân và các thứ thuế

Hạt	Năm	Chức sắc	Miễn sai	Chánh nạp	Thuế đinh	Thuế điền thổ	Thuế đất thành-phố	Thuế môn bài	Kỳ-chú
Tổng Tân-hương	1929	3	17	1068	3264 \$ 00	424 \$ 44	—	—	Trong những số mục này chỉ kê tổng Tân-hương mà thôi, vì tuy tổng Hội-thương mới chia qua địa phương năm 1932 mà trước cũng không tính để so sánh cho thiệt số. (1) Đất cồn lạng thành-phố từ năm 1932 nạp riêng. (2) Thuế môn-bài mới có từ năm 1930. (3) Bảng lệ năm 1933 thuế môn-bài là 1851 \$ 93 song giảm thứ thuế rượu nên bớt hết 320 \$ trong ấy. (4) Trong số thuế đinh không kể: 1) Bạng dân binh-dồng nạp thuế về Lạc-giao. 2) Hàng người lên xuống buôn bán, hoặc thợ thuyền mà có nạp thuế ở nguyên-quản rồi.
	1930	3	17	1056	3258, 00	424, 44	—	963 \$ 96	
	1931	7	16	1087	3330, 00	426, 25	(1)	960, 99	
	1932	7	16	1089	3336, 00	414, 84	793 \$ 62	990, 87	
Huyện Tân-an	1929	9	16	1094	3412, 95	417, 75	826, 42	1138, 65	
	1930	10	39	1725	5322, 00	1221, 33	—	—	
	1931	11	38	1707	5168, 00	2201, 31	—	658, 17	
	1932	13	35	1785	5370, 00	2206, 33	—	658, 17	
Toàn tỉnh	1929	13	36	2793	8586, 00	1645, 77	—	1622, 43	
	1930	14	55	2773	8426, 00	2628, 74	—	1619, 16	
	1931	20	51	2872	8700, 00	2632, 58	—	1525, 44(3)	
	1932	20	50	2821	8673, 00	2630, 71	793, 02	1731, 93	
1933	22	50	2839	8878, 55	3267, 64	826, 42	—		

Hiện ở *Kontum* thì có một quân-đạo, một Kinh-lịch, ba thừa-phái, một lệ-mục, 10 lính, một lính trạm An-Nam.

Ở huyện Tân-an có một viên tri-huyện, 3 thừa-phái, một lệ-mục, 10 lính, một đội trạm.

Còn từ khi chia bớt qua Gia-lai rồi, thì ở *Kontum* còn một huyện Mọi, hai huyện-thừa Mọi, 21 tổng-thừa Mọi. Những huyện tổng Mọi, tuy là ăn lương về ngân-sách Nam-triều, song không gì là dính-liếu, giao-thiệp với quan An-Nam.

Còn như quan Quân-đạo thì tuy là phó-chủ-tọa tòa-án Mọi (nghị-định số 2582 ngày 29 tháng 9 năm 1928 của quan Khâm-sứ Trung-kỳ) quan Công-sứ làm chủ-tọa, song phải xử theo phong-tục Mọi. Án-kiện thuộc người An-Nam và người Mọi thì quan Quân-đạo dự sung hội-đồng tòa-án xử An-Nam và Mọi (*Vice président du Tribunal Mixte* làm xử. Người An-Nam theo luật An-Nam. Còn án kiện thuộc người An-Nam thì do tòa án đạo *Kontum* và huyện Tân-an thẩm-xử. Đối với huyện Tân-an, quan Quân-đạo là quan tỉnh và quan Tòa-án tỉnh, song đối với tổng Tân-hương, quan Quân-đạo là vai phủ huyện lại là tòa-án sơ-thẩm nữa. Lúc trước dưới quyền quan Quân-đạo có hai tổng thuộc về hạt *Kontum* là Tân-hương, 10 làng, Hội-thương, 10 làng. Tổng Hội-thương nay thuộc về đạo Gia-lai.

29 Làng xóm người An-Nam tại *Kontum*.— Những làng xóm người An-Nam ở huyện Tân-an là nguyên dưới tỉnh Bình-định chia lên không nói chi, chứ như các làng xóm An-Nam ở hạt *Kontum*, hiện nay còn lại 10 làng, thì phần nhiều là có đạo (8 đạo 2 ngoại). Dân các làng ấy trước hết là người theo các cha-cổ lên, hoặc bị Mọi bắt mà cha cổ chuộc đem về, lần lần tụ-hội mà làm thành làng xóm.

Ban đầu cũng tiếng là làng xóm, chứ dân số cũng không bao nhiêu. Sau khi văn-thân yên rồi, người lên xuống, thấy cách làm ăn có dễ dàng thì nhập xã và theo đạo. Còn những người các cha cổ chuộc ở trên Mọi về và người ở Quảng-nam Quảng-ngãi, Mọi Xá-đăng thường ra đánh mà bắt về. Các cổ các cha lấy heo bò dôi lại cho nó.

Nay kể qua lịch-sử các làng ở tổng Tân-hương như sau này :

1) Làng Tân-hương, lập ra chừng năm 1874, nguyên những người theo cổ HƯƠNG (Xuân). Ban đầu chưa có làng, kêu bằng Gò-mit, làng Tra-lý, sau mới kêu Tân-hương. Làng này toàn có đạo, làng lớn nhất ở tổng Tân-hương. Có nhà thờ lớn.

2) Làng Phương-nghĩa, lập ra chừng năm 1882, phần nhiều người nguyên theo cha Hòa. Dân toàn có đạo và có nhà thờ lớn.

3) Làng Phương-quí, lập ra chừng năm 1887, nguyên mấy người Mọi Xá-đăng bắt. Cổ Poyer chuộc về một ít, còn một ít người Quảng-nam nhập về sau. Làng có đạo, có nhà thờ lớn.

4) Làng Phương-hòa, lập ra chừng năm 1892, nguyên người ở làng Tân-hương, bên này sông *Bla*, qua bên kia sông *Bla*, theo cổ NICOLAS (Cần) mà làm ruộng Trong ruộng Lào, là chỗ đất đai nhiều và dễ làm. Làng có đạo, có nhà thờ lớn.

5) Làng Phụng-son, lập ra năm 1924, gốc người ở Tân-hương và Phương-hòa theo cha Diện di giảng đạo, làng có đạo.

6) Làng Ngô-thanh, lập ra năm 1925 (ngày 6 tháng 10 năm Khải-định thứ 10). Nguyên có vài ba người giúp cổ KEMLIN (Vấn) đời cha Ban thêm ít chủ, lập thành ấp. Đến sau có cha Diện mới thành làng. Làng nhỏ, có đạo.

7) Làng Ngô-trang, lập ra năm 1925 (tháng 7, năm Khải-định thứ 10). Nguyên người Hà-đồng, tỉnh Quảng-

nam, Mọi bắt về, sau cố IRREGOYEN (Hương) chuộc về, làng nhỏ có đạo.

8) Làng Phước-cần, lập ra năm 1927 (năm Bảo-đại thứ 2), nguyên năm Khai-định thứ 7 (1922) đã lập ấp Tân-phước, sau mới thành làng đặt là Phước-cần. Làng này có đạo, làng nhỏ.

Có hai làng ngoại, mới lập sau là làng Trung-lương và Lương-khế.

Làng Trung-lương, lập ra năm 1914 (Duy-tân thứ 8).

Làng Lương-khế, lập ra năm 1927 (năm Bảo-đại thứ 2).

Ở hạt Kontum lại có ba làng sắp lập vì dân số đông, ruộng đất tốt, như ở Sa-di, sẽ xin lập làng Thạch-xuyên, ở Kon-rung, sẽ xin lập làng Châu-khê.

Trong các làng đã lập trước, nhiều chỗ nước độc-địa lắm, người có chết mà không sinh ra thêm, và làm chỗ một làng An-Nam ở giữa, còn bao nhiêu thì Mọi cả, cũng không hay gì. Như làng I-hung-sơn trên này, từ lập ra đến nay dân số 27, cứ 27; làng Ngô-trang, cách 10 năm trước nam, phụ, lão, ấu được 120, nay còn 60; làng Phước-cần ở cách các làng An-Nam khác 20 cây số, dân càng ngày càng mòn chũ không thêm tên nào...

Tưởng rằng những chỗ người mình ở được, nước lành, con nít dễ nuôi, đất rộng, gần làng An-Nam, gần đường lớn mới nên cho lập làng. Như vậy thì chắc là mau thịnh-vượng, và gần đường lớn, quan tới được, có chuyện gì nguy-hiểm linh tới được, có đau ốm thầy thuốc tới được.

Ở An-khê 3 tổng 29 làng thì toàn không có đạo, các cố cũng đã có khởi sự giảng kinh, có chỗ đã lập nhà thờ, song chưa thấy kết quả gì, rồi lại không ở.

Xem bảng kê biên số 9 sau này, trích lục trong sổ sanh-tử ba năm 1931, 1932, 1933, thì rõ.

Vậy là toàn tỉnh 39 làng, 8 làng có

đạo. Những làng có đạo đều có nhà thờ hoặc lớn hoặc nhỏ, có cố tây hay là cha An-Nam. Không có đình làng, chỉ có nhà nhỏ kêu bằng nhà vương để khi nhóm họp.

Những làng ngoại thì có đình thờ thần và phồn nhiều làng trung giữa đình, trước bàn thờ thần một bức ngự-dung đức Hoàng-thượng.

30 Hương-chức trong làng. — Mỗi làng có lý-trưởng, phó-lý, hương-bộ, hương-kiếm, hương-mục, hương-bản, hương-dịch, chánh-tri-bộ, phó-tri-bộ.

Song xứ không có công-diễn, công-thờ, dân không có khâu-phân lương-diễn gì, có một phần dân bình-bồng cứ trốn thuế, cho nên làm Hương-chức ít người nào ưng. Có làng khi bầu-cử lý-trưởng, một người được thì cả nhà vợ con khóc-lóc lắm. Có làng người trúng-cử đi kiện, nói rằng bầu-cử không công-bình, cho nên nó phải nhiều vé và phải làm lý-trưởng.

Trong làng lại đặt ra nhiều chức riêng khác, mới nghe tên không biết để làm việc gì, như «Chủ-mộ» là người có mộ dân lên được nhiều nhập xã; «Chủ-tạ» là người có săn-sóc coi làm đình chùa; hoặc cũng số tiền lớn mà làm đình chùa, «Chủ-khản» là người coi làm ruộng đất; «Thủ-sắc» là người giữ sắc thần, phải đem về nhà săn-sóc cho khỏi mỗi-một, đến ngày tế mới đem ra đình; «Phụng-tế» là người chành-tế cả làng; «Thủ-chi» thì như các làng ở trung châu; «Chủ-bái» là người xem việc tế-tự trong một xóm ma thôi. Những làng có đạo cũng như dưới trung-châu, các cố có đặt một anh kêu bằng «ông Cầu».

Hiện nay ở Kontum thì đặt lý-trưởng và hương-chức rất khó, vì lý-trưởng thường bồi thuế cho hạng dân bình-bồng, không nhà cửa chỉ trong làng, lại các hương-chức cũng khó đặt lắm. Ít người biết chữ nghĩa chi, lại càng khó một tăng nữa.

Tinh

Bảng kê số sanh tử từ

NĂM	S A N H											
	Con Trai				Con Gái				Tổng-cộng số sanh			
	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng
	Thành phố	Ngoài thành phố			Thành phố	Ngoài thành phố			Thành phố	Ngoài thành phố		
1981												
Quý thứ nhất . . .	12	1	5	18	10	3	7	20	22	4	12	38
" nhi . . .	8	1	11	23	14	6	14	34	22	10	25	57
" ba . . .	5	4	16	25	3	—	22	25	8	4	38	50
" tư . . .	5	5	10	20	1	—	27	31	9	5	37	51
Cộng . . .	30	14	42	86	34	9	70	110	61	23	112	190
1982												
Quý thứ nhất . . .	5	7	7	19	7	—	13	20	12	7	20	39
" nhi . . .	4	4	15	23	3	6	15	24	7	10	30	47
" ba . . .	7	4	25	36	6	6	10	22	13	10	35	58
" tư . . .	6	3	24	33	6	—	17	23	12	3	41	50
Cộng . . .	22	18	71	114	22	12	55	89	44	30	126	200
1983												
Quý thứ nhất . . .	3	3	11	17	6	1	11	18	9	4	22	35
" nhi . . .	13	9	20	42	16	2	26	44	29	11	46	86
" ba . . .	9	6	33	68	6	—	34	40	15	6	87	108
" tư . . .												

Kontum

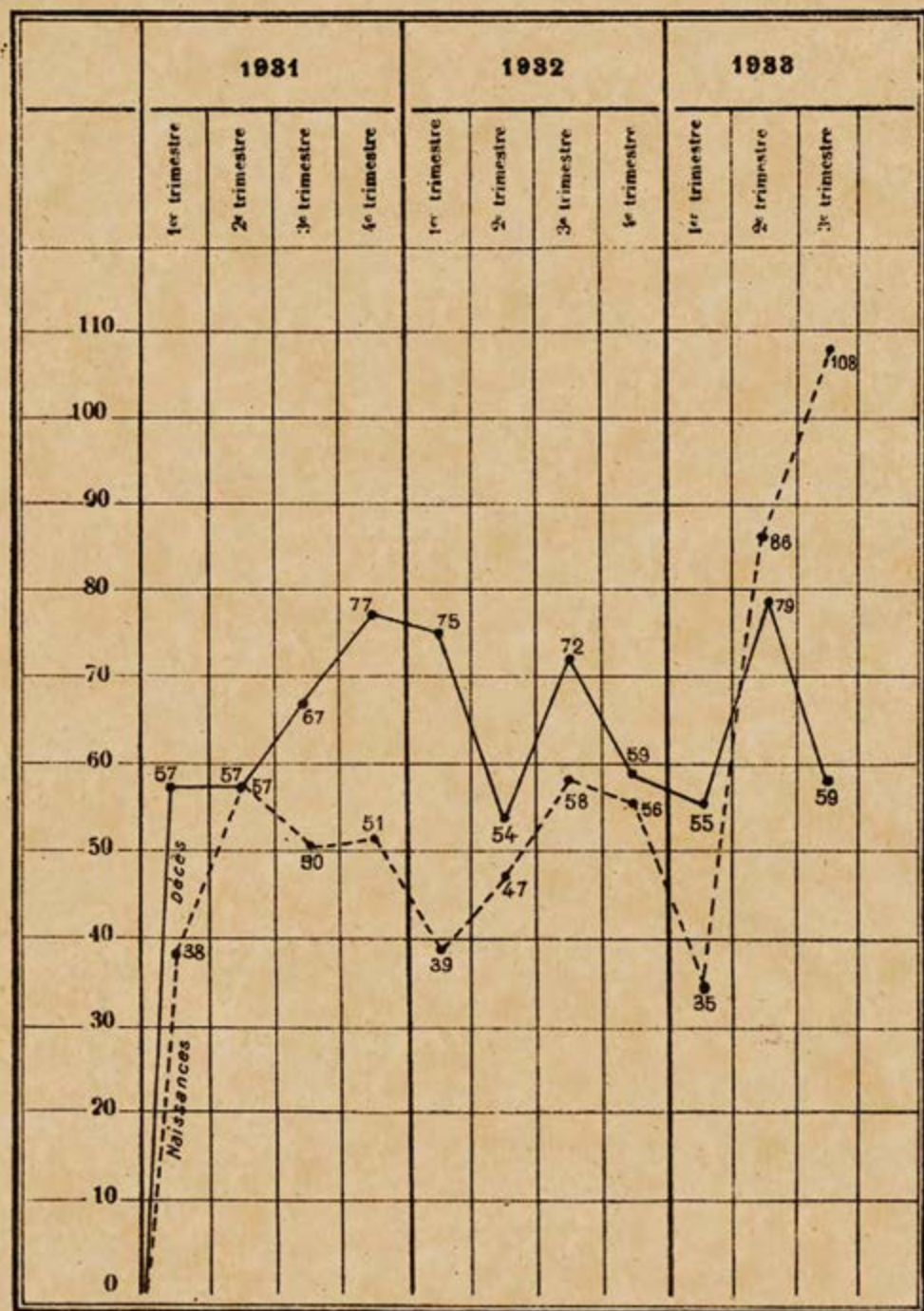
BẢNG SỐ 9

năm 1981 đến năm 1983

TỬ

Đàn Ông				Đàn Bà				Con Nít				Tổng-cộng số tử			
Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng	Tổng Tân-hương		Tân-an	Cộng
Thành phố	Ngoài thành phố			Thành phố	Ngoài thành phố			Thành phố	Ngoài thành phố			Thành phố	Ngoài thành phố		
4	4	22	30	3	4	9	16	6	1	4	11	13	9	35	57
9	6	7	22	6	4	10	20	6	4	5	15	21	14	22	57
10	3	11	24	11	1	7	19	9	1	14	24	30	5	32	67
7	4	35	46	7	1	11	19	6	2	4	12	20	7	50	77
30	17	75	122	27	10	37	74	27	8	27	62	84	35	139	258
7	12	20	39	5	2	12	19	5	6	6	17	17	20	38	75
4	1	15	20	1	3	14	18	3	4	12	16	8	5	41	54
8	1	17	29	3	5	15	23	7	3	10	20	18	12	42	72
9	2	12	23	3	4	11	18	—	2	16	18	12	8	39	59
28	19	64	141	12	14	52	78	15	12	44	71	55	45	160	260
2	3	17	22	7	3	15	25	—	1	7	8	9	7	39	55
13	9	16	38	11	9	8	28	—	—	12	12	24	18	37	79
6	7	14	27	7	5	11	23	—	—	9	9	13	12	34	59

Graphique des naissances et des décès





Huyền mội và Chánh-tổng mội tại Kentum
(Đợt-thăm loa ân Mội)



Con gái mội Ba-na ở Kentum



Một khúc sông Bla



Cừu tại sở nuôi ngựa của Nhà-nước tại An-khê

40 Ruộng đất người An-Nam ở Kontum. — Ruộng đất của người An-Nam ở Kontum, đầu năm 1933 được 4.038 mẫu (ruộng: 1.079 mẫu 9; đất: 2.958 mẫu 8). Trừ ra bốn làng thành-phố đất nộp theo thuế đất thành-phố, là 432 cái vườn, cộng 578.880 thước vuông 76.

Trong qui thứ tư năm 1933, cho thu trưng ruộng đất, quãng thẳng được 1.071 mẫu nữa.

Xưa nay người mình lên khai-phá làm ruộng đất ở Kontum, chưa có lệ-luật gì. Miếu thấy đăm đất nào vô-chủ, có nước có khe suối thì tới cây bừa, chứ không xin phép ai.

Sau lần lần khi đã có quan-quyền, bắt khai đất ruộng, mới khai làm « phông-chúng » được bao nhiêu mẫu, sào. Có chỗ cũng có đạc qua loa, song phần nhiều thì chưa đo đạc chi, khai bao nhiêu thì nộp thuế bấy nhiêu, và lắm khi ruộng thật tốt trong sò khai từ-dâng, ngũ-dâng thổ cũng có.

Mọi lại có tục làm rẫy, chỉ đốn cây lớn, đốt cháy gốc và bụi bờ, lấy cái cây xoi lỗ dưới đất, rồi bỏ lúa xuống, tới mùa cấy thì đi cấy, chứ không tát nước, không cấy cấy chi, không phải gieo mạ rồi mới cấy lại. Năm này làm đăm này, năm khác làm đăm khác, đi cho giáp vòng đến 15, 20 năm cũng có. Chỗ nào, bất-kỳ đi nào ông bà nó đã làm rẫy một lần thì nó nhìn đất nó. Theo lệ mới thì tòa-án Mọi cho tám năm, nghĩa là trong tám năm chỗ nào trước làm rẫy mà không làm lại thì không được nhìn làm là của mình, không cho ai trưng-khẩn.

Bởi thế cho nên người mình làm ruộng đất, nhiều khi phải « mua » nó, vì trừ ra núi xanh, chứ khỏi núi xanh thấy rừng rú, cây lớn mọc rậm-rạp, mà đốn làm thôi. Mọi tới giành và nói rằng đất ấy của nó, vì đời trước ông bà nó có đốn rẫy tại đó. Song « mua » chúng tôi xem cũng không đất gì. Có đăm rừng, nó nhận của nó, người

mình làm đó phải mua lại, tón trâu, bò, heo phồng chừng hết bốn chục, bạc mà đất ấy được 65 mẫu, có khe suối và làm ruộng được.

Lúc này, nhiều làng Mọi cũng bắt chước làm ruộng nhiều. Những chỗ thành ruộng thì nó không mua bán đổi chác gì, và chừng vài mươi năm nữa thì chắc là nó cũng làm nhiều ruộng, chứ không làm rẫy nữa. Đến khi ấy cũng khó tìm cho ra đất tốt.

Ruộng ở Tân-an có ruộng hai mùa, chứ như Kontum thì chỉ có ruộng một mùa mà thôi. Tuy ruộng một mùa mà người làm ruộng không lo mất, vì chính khi làm ruộng, lúa mọc, lá trên này về mùa mưa, khô lo tát nước như dưới các tỉnh Trung-châu. Ruộng xấu nhất, 1 thúng giống khi gặt cũng 25 thúng lúa. Chỗ tốt, năm thứ nhất, không phân tro gì, cũng được 75, 80 thúng, còn những năm sau xuống 65, 55 đến 40 thúng là cùng.

Theo Chỉ-dụ ngày mồng 1, tháng 9, năm Bảo-đại thứ 7, lệ trưng-khẩn đất cát ở các tỉnh thượng-du dễ hơn xưa. Cứ mỗi mẫu tây (1 Hectare) thì kể 2 mẫu An-Nam. Thành ra mỗi mẫu An-Nam là 5.000 thước vuông tây, chứ ở trung-châu có chỗ tính mẫu An-Nam 4.200, có chỗ tính 3.600 thước vuông. Lại ai xia 20 mẫu An-Nam trở lại thì quyền quan Quân-đạo và quan Công-sứ cho được, đến quá 20 mẫu thì quan Công-sứ, và quan Quân-đạo phải đệ về Bộ-hộ.

Chính-phủ làm cách tiện như vậy, cốt để cho những dân nghèo ở trung-châu, đất cát hiểm hoi, lên đây mà khai-phá, kiếm kế làm ăn cho dễ-dàng hơn.

Hiện nay ở Kontum, chưa có ai là có khế đất, làng thì chưa có làng nào có châu-bộ, cũng vì xưa nay chưa khám xét đo đạc chi. Từ nay về sau theo lệ mới ấy, mới lần lượt đo đạc mà cho tờ khế phân-minh, sau cho khỏi đánh nhau.

(Còn nữa)

HÀI-VĂN

Câu chuyện câu đối đỏ

Tết Nguyên-đán qua đây, có một người ở ngoại-quốc mời qua chơi, muốn khảo-sát về phong-tục một xã-hội kia, gặp một người bản-xứ tiếp chuyện, nhân hỏi rằng :

— Xã-hội ông từng đã có câu thi ca tục-ngữ gì chứng-ứng về phong-tục Nguyên-đán, ông cho tôi biết để tôi lấy làm căn-cứ mà khảo-sát.

Người bản-xứ đáp rằng :

— Dân-tộc tôi khai-hóa đã lâu, về đường xã-hội kiêm cả vật-chất lẫn tinh-thần. Có câu rằng : *Thịt mỡ rua hành câu đối đỏ ; nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh* ». Câu ấy là câu thực dùng về phong-tục Nguyên-đán, ngài cứ lấy câu ấy làm căn-cứ mà khảo-sát thì không sai. Duy ngài lại phải biết rằng : Thịt mỡ, rua hành, nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh, đều là thuộc về vật-chất. Duy câu đối đỏ sẽ là thuộc về tinh-thần. Như câu *Tư thời xuân tại thủ, bách hạnh hiếu vi tiên* 四時春在手, 百行孝為先, nghĩa là bốn mùa xuân ở đầu, trăm nét hiếu là trước, dùng như lời « Giữ hiếu-niệm cho tròn một tiết, thời suy ra trăm nét đều nên ». Lại như câu *Môn ngoại vãng lai xa-mã-khách, đình-tiền xuất-nhập tấn-thần-nhân* 門外往來車馬客, 庭前出入縉紳人, nghĩa là vãng-lai ngoài cửa toàn là khách hào-hoa, xuất-nhập trước sân đặt những người nho-nbã, cũng dùng như lời « Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa ». Lại như câu *Cục nhân gian chi phẩm giá, phong nguyệt tình hoài ; tối thế-thượng chi phong-lưu, giang-hồ khí phách* 人間之品價, 風月情懷, 最世上之風流, 江湖氣骨. Kể nghĩ được câu ấy, đã từng viết vào giấy dán ngay lên

cột, hỏi vợ rằng đốt hay hay, vợ thì rằng hay. Ấy cái tinh-thần của dân tộc xứ tôi, phần nhiều biểu-lộ ra như câu đối dân tết ấy, ngài vào khảo-sát phong-tục : xứ tôi, chớ có chỉ xét bán chường xanh mà quên cả đối đỏ.

Người khách ngoại-quốc cứ theo lối ấy đi vào khảo-sát. Bắt đầu khảo-sát vấn-đề nêu cao chõn hương thôn thì thỉnh-thoảng có, chõn thành-thị thì không có, vì đó là thuộc về biểu-hiệu tôn-giáo, cũng như cái phước của nhà chùa, kể có người không, bắt-tắt phải chú-ý.

Thứ hai khảo sát đến vấn-đề pháo nổ và bánh-chưng xanh, thì vì có thóc gạo rẻ rùng, không ai đoái mua, nên dân khốn-khở, cho nên bánh chưng dẫu to hơn năm ngoái, nhưng lại nhỏ hơn năm ngoái. Lại vì có kính-tể khó-khăn, cho nên tiếng pháo cũng đi đợ không kêu bằng năm ngoái.

Rồi khảo-sát đến vấn-đề rua hành bánh là một chất hằng chi-phổ với chất mỡ, mà chế-tạo ra chất chus cũng như người có học-lực chia-chất thì thành ra người tốt, nếu học-vấn lỏng bóng, thì chẳng khác gì chuyện lạnh-tranh như hành không muối, nên chỉ khảo-sát đến xứ này, ném một vị rua hành, lấy làm cảm-tưởng lắm.

Rồi khảo-sát đến vấn-đề thịt mỡ, xã-hội có hai hạng : Hạng thượng-lưu thì kiếm cả mỡ lợn mỡ bò mỡ cừu mỡ thỏ, mà món ăn cũng lẫn món lạ-lùng, xem ra tiền bộ lắm. Hạng tiều-dân thì họ chất-phác, họ chỉ có món dỏ lựa, món thịt đông, nạc đi dặng nạc, mỡ đi dặng mỡ, họ chưa biết lối điều-hòa.

Cuối cùng khảo-sát đến vấn-đề câu đối đỏ thì ít thấy họ là mới thấy một câu, thì chỉ những nhà cổ-gia lắm mới

có má thối, má màu giấy cũng đương như phai nhạt, nét bút cũng không được mướt-má. Phần nhiều thấy những bức tranh tiêu-thuyết tỏ ra cái quái-trạng của xã-hội, và những bức tranh mỹ-nhân trần-trướng, nào kẻ báo, nào người mua, hoặc cũng có người lộng vào khung kính, yếm lên sa-lông, xem ra trân-trọng sùng-bái lắm. Hay là những bức tranh mới ấy đã thay vào câu đối đồ chơi xã-hội rồi đấy chăng? Nhưng mà cũng hơi liếc, vì câu đối đồ nọ mà đã phai dần, thì bánh chưng xanh kia sẽ có ngày tiêu-diệt, mà cái câu đối thịt mỡ, rùa hành v.v... kia, sẽ không đủ căn-cứ khảo-sát cho dân-tộc nữa. Cái câu đối đồ chơi bánh chưng xanh không đáng bảo-lưu, mà cái nội-giống chơi câu đối đồ ăn bánh chưng xanh thực đáng bảo-tồn. Ta muốn tìm ra cái lỗi tại ai, đề mong ngày kia cái phong câu đối đồ chơi có thời-kỳ đề mà khảo-sát.

Người ngoại-quốc ấy lại đi hỏi ngời bản-xứ. Ngời bản-xứ đáp rằng:

— Đó là cái lỗi tại các ông đồ không biết ghénh-hợp phong-trào. Nếu phong-

trào họ sùng-bái về bức tranh mỹ-nhân trần-trướng, thì viết ngay rằng: « *Từ thời xuân tại thủ; bách hạnh sắc vi liên* 西時春在首。百行色爲先 »; nếu phong-trào họ nhiệt-thành về sự học tập nhầy dăm, thì viết ngay rằng: « *Môn ngoại vãng lai phong đệp-khách, đình tiền xuất nhập vũ khiêu nhân, môn ngoại 往來蜂蝶客。庭前出入舞跳人* »; nếu phong trào họ bành-trướng về cuộc tỏ-tôm sóc-đĩa, thì viết ngay rằng: « *Tuyết âm dư-rung chi phâm-giá, từ-dối (1) tinh hoai, cực thang lão chi phong-lư: lập hồng khí-cốt* 絕陰陽之品價。四對情濃。極湯老之風流。十紅氣骨。 » Thiên hạ lại chẳng đua nhau mà dùng đấy ư, cui mà cái đối đồ chơi nhạt đi thế nào được.

Người khách ngoại-quốc nghe nói, vỗ an cười khà-khà rằng:

— Thế thì các ông đồ hủ-bại thật, bình-nhật chỉ rung đùi hão, cứ hiểu hiểu trung trung gia gia quốc quốc mãi, không biết ghénh-hợp phong-trào.

Từ NG VĂN

TẬP CÁI-LƯƠNG KỶ-NIỆM

của làng Thượng-cát

II

LỜI BÀN RỘNG

Xưa nay người ta vẫn cho việc làng là nhỏ nhen, là khinh-bĩ, mà không ai chịu lưu tâm đến. Những bậc thành-đạt thì chỉ lo việc quan, việc nước, những bậc trung thời lại không chịu làm, không biết rằng làng là gốc cho nước, hợp số nhiều làng mới thành ra nước, làng giàu thời nước hay, làng nghèo thời nước yếu, làng quan-hệ với nước biết là đường nào, có phải là

nhỏ đần. Để cái núi nghìn từng, phải khởi-công từng một sọt đất, đi con đường muốn dựng phải khởi bước tự nhà, quyết không có ai bỏ việc nhỏ mà lo được việc lớn bao giờ.

Đại-đề nhân-tình chỉ tập thói quen mà không nghĩ đến sự hại, hề thấy việc gì mới lạ thời quần nhau mà công-kích. Lại thường hay tham lợi nhỏ mà không có tiến-thực xa, hơi thấy việc gì phi-tồn thời rủ nhau mà phá-hoại,

(1) Tiếng bực trong sông sóc-đĩa, bốn chân hực bốn lè.

dầu tài học như Vương Kinh-công nhà Tống muốn biến-pháp để cho mạnh nhà Tống mà chư-hiền không ai giúp chỉ để đến nỗi tàn-pháp hại dã, công thành không muốn để xuân về, nghìn thu còn di-hận cho Vương-công vậy.

Nhờ ngạn nói rằng : « Triều-dinh dị, hương-đăng ban » nghĩa là triều-dinh còn lấy pháp-luật mà trị được, đến như hương-đăng là chốn phụ-huynh tôn-tộc không thể buộc lấy luật-phép được. Tôi thường thấy các quan đã từng lị một tỉnh, một phủ rồi hưu về mà xử với láng không khỏi phàn-nàn rằng khó, thế thì có nên khinh-thường đâu. Nhưng mà thiên-hạ vô-nạn-sự, hễ biết rằng khó, chịu được khó thì việc khó cũng có thể là n được.

Tôi thiết-nghĩ rằng việc cải-lương có bốn điều thiết-yếu :

Một là đức-tinh. — Đức-tinh là công-tâm, đem công-tâm ra làm việc công-ích, không có ý-vị tư-lợi chút nào. Nếu việc gì hơi có tư-tâm thì những người ghen-ghét, những người hiềm-thù, những người mất quyền-lợi, tất quăn nhau mà chỉ trích thì việc tất không thành. Cho nên làm việc gì tất phải chính-dại quang-minh, hợp chàng-kiến mà làm, thì những người tư-tâm không thể chuyễn-giao được, trên m bị được các quan tin yêu, dưới mới được dân-tin tin-nhiệm.

Như là năm 1924 nhà nước có phiếu công-thải về việc xe-lửa, tôi tình-nguyện mua 20 phiếu mà xin miễn cho xã-thôn tôi không phải mua, vì năm ấy đương làm trưởng Pháp-Việt để dân lấy tiền quyền-trợ thêm.

Quan phủ có tư xin thưởng hàm cho tôi, tôi kêu với quan phủ xin từ vì dân tôi đương làm công-việc dở-dang tôi chưa dám nhận, bao giờ làm xong các việc tôi mới dám nhận. Sau quan phủ lại phải bầm tình xin thôi, nhà nước trả lại 10 phiếu. Năm 1927 tôi làm

lễ khánh-thành các việc năm 1928 cụ Thiếu tư cho tôi được thưởng tòng-cửu phần văn-giai, năm 1930 tôi được thăng thưởng chánh-cửu-phần văn-giai.

Đức-tinh là nhân-nại, gặp việc gì ngăn-trở thì phải tìm cách giải-quyết, gặp những việc khó nhọc cũng không từ, có những sự thiệt-hại cũng chẳng quản

Đức-tinh là khoan-dung, gặp những người có hiềm-khích nhỏ thì cũng từ: việc bỏ qua, gặp những người cường-ngạnh thì tránh quan-trông-trị, nhưng người ta biết hối thì lại thôi. Như là năm chưa cải-lương, dân tôi có việc công-thải, kỹ-lý bán trượng đất bãi. Trung-gian mua trượng hơn 100 mẫu công lấy 150 S, tôi xin phép quan trên kiện những người trước bán không phải phép, thừa quan tư hỏi khi bán có xin phép không, tôi lại phải điều-dinh với chúng chuộc-lại giá một thành hai là 300 đồng, vì rằng kiện lấy được thì kết-oán với nhiều người, kỹ lý cũng phải phạt nữa, cho nên phải hòa-giải ngay, sau đem dấu giá một năm được 800 đồng.

Hai là trí-khôn. — Có trí-khôn để xếp-lặt công-việc, như ngày làm trượng học cất cử người trong ba trông nom công việc, cấp lương cho mỗi người mỗi tháng 5 đồng, sau các người đều cúng lại.

Ngày làm đình làm chùa là sự thuộc đồng-dân, tôi suy cử tiên-chỉ, chủ hội-đồng ký-mục, cùng với tôi ba người làm giám-đốc. Tôi lại cử cả các hàng trông coi như hàng ký-mục, hàng hương-lão, hàng giáp-trưởng, mỗi ngày hàng nào cũng hai người lần-lượt ra coi việc. Mua bán thì vào sổ nhật-ký, nghĩa là để quyền cho công-dân, hương-hội không giữ lấy quyền riêng, cho nên tôi bận bộn ở tỉnh mà công việc ở nhà đều được thỏa-dáng.

Ba là tài-chánh. — Muốn làm việc gì tất phải trừ-toán cho quĩ có tiền. Trừ khoản có ba cách : Một là bán ngôi thứ, hai là khuyên-giáo, ba là thuê đất. Nhưng cứ chờ thu được tiền mới làm thời các việc đình đốn cả lại. Phải nhất-giai đảm-nhiệm. Món thời mua chịu, món thời tạm ứng, như ngay làm trường học, tôi ứng đến 150 đồng, năm làm chơ tôi ứng đến 1000 đồng. Còn ứng 500 đồng, 600 đồng, là thương. Ngay làm đình chùa thủ quĩ ứng 600 đồng, 700 đồng, xây đường ứng 600 đồng, 700 đồng, hiện Hương-hội có vào biên-bản, khi nào thu được tiền mới trả.

Lời tục-ngữ nói rằng : « Mạnh gạo, bạo tiền ». tuy rằng ứng trước thời trả sau, nhưng cũng có người đảm-đang nổi mới được.

Bốn là quan-quyền. — Vì dân trình-độ còn thấp kém, sự hay chưa có thể mọi người đều biết là hay, sự lợi chưa có thể mọi người đều biết là lợi, rồi thì cá mè một lứa, tre nửa đồng nan, nếu không có quan-quyền để thông-suất cho, thời không có thể thi-hành được. Cho nên đã có cụ Thiểu chủ-trương cho, dưới lại có các quan địa-phương đỡ-dần giúp đỡ cho tôi để thi-hành cái chính-lệnh cải-lương của cụ Thiểu và quan Thống-sứ.

Phụ chép bài diển-văn phát phần thưởng cho học-trò trường Pháp-Việt. (Mỗi năm dân trích 20 đồng để mua đồ thưởng cho học-trò).

« Thừa các ngài,

« Hôm nay là ngày phát phần thưởng lần thứ sáu trường làng chúng tôi, trên có hai thầy giáo và thân-hào chúng tôi dự lễ, chúng tôi lấy làm hân-hạnh vô-cùng.

« Thừa các ngài, trường chúng tôi sáng-lập từ năm 1923 đã được 6 năm rồi, học-trò cũng được 70, 80 người;

mỗi năm thi Sơ-học yếu-lược cũng được mười mười-lăm người, đủ chứng rằng có học thời có biết, thực là nhờ công thầy giáo hết lòng dạy-dỗ, cho nên học-trò cũng có phần tấn-tới, cũng hơi đáng mừng. Nhưng hiềm vì học-trò chưa biết ham học, hề đồ được cái bằng yếu-lược thời đã bỏ học rồi, không biết rằng học đề có ích cho tâm thân, học đề rộng mở đường tri-thức.

Ồ ! Muốn dậm bình-trinh xa-lắc, đi thời phải khởi bước tự nhà, trăm năm công-việc còn nhiều, học thời phải chuyên-cần từ bé. Nếu không biết học cùng với học dở-dang mà bỏ thời cũng không ích gì cả.

« Thử nghĩ xem nhà-nước vì sao mà phải nuôi thầy cho mình học, nghĩa là nhà nước muốn cho mình làm người quốc-dân vẹn-tuyền, làm quốc-dân vẹn-tuyền, phải biết trọng pháp-luật, trọng pháp-luật thời biết yêu-bầu-phân, cần thực-nghiệp mà không hăm vào cái vơog cần-rõ ngu-dại.

« Dân làng vì sao mà phải lập trường cho mình học, nghĩa là dân làng muốn cho mình làm một người dân anh dũng-dần, làm dân-anh dũng-dần thì biết được nghĩa-vụ, hiểu nghĩa-vụ thời biết hưng công-ích, mưu công-lợi mà không tạc vào cái bang tham lam đối-giá.

« Cha mẹ vì sao mà phải nuôi cho mình học, nghĩa là muốn cho mình làm được người thanh-nhân tử-tế, làm người thanh-nhân tử-tế, thời biết hòa-thuận họ mạc, quang-rạng tổ-tông, mà mình không trụ vào cái tội phá-gia vong-thân.

« Biết được cái ý nhà nước trách-vọng như thế, dân làng trách-vọng như thế, mẹ cha trách-vọng như thế thì phải cố học, phải suy-xét làm sao cho khỏi phụ lòng của nhà nước, của dân-làng, của cha mẹ, thời thầy giáo và chúng tôi mong-mỏi về các anh lắm lắm. »

Phụ chép bài diễn văn hướng-hội ban thứ ba sau này :

« Thưa các anh em đồng-ban,

« Tôi được cử làm chánh-hương-hội lần này là kỳ thứ ba, các ông ban cũ đã nã về, các ông ban sau mới ra, tôi là người cũ, công-việc lịch-duyệt đã nhiều, kỳ này là kỳ khai hội-đồng lần thứ nhất, tôi xin lấy cái ý kiến tho-thiền tỏ với anh em nghe. Làng ta nhân-số cả già trẻ hơn một nghìn người, ruộng và bãi đến 500 mẫu, có nhân-dân như thế, đất cát như thế.

« Ấy tổ-tiên xưa chúng ta chiêu-tập từ bao giờ, gây-dựng từ bao giờ, làm nên đình chùa miếu mạo, đường xá cầu quán, tốn bao nhiêu công-trình khó nhọc, chúng ta ngày nay mới được hưởng cái tư cơ điền-sản chung ở trên khu bãi Quân-thần này, ai cũng có một phần quyền-lợi chung thì ai cũng có một phần trách-nhiệm chung, gò nào có quan lang ấy, dân thì có các ông hào-mục.

« Các ngài lấy cái vị-vọng tài đức làm đầu-mục cho dân, lấy một mình mà đương cái toàn trách-nhiệm cho dân, nào là bảo ban đường khôn nể thiệt, nào là lo-liệu công kia việc nọ cho dân.

« Ấy các cụ cũng hết cái đạo làm phụ-huynh mà dân em cũng đều được nhờ cái công-lâm nhân-đức của các cụ, đến ngày sau phong-khi ngày một kiêu ngoa, công-đức ngày một trụy-lạc, không biết làm ích lợi cho dân, lại hay làm hao tổn của dân, đạo làm huynh-thứ trong dân đã trái hẳn đi rồi, thì dân dân em biết trông cậy vào đâu được.

« Từ khi nhà nước Bảo-hộ cùng các quan thương-hiến đã soi xét những sự lợi hại trong dân, muốn đưu-dắt những sự quyền-lợi cho dân, tổ-chức ra hội-đồng tộc-biền, mỗi họ cử ra một người để lo những việc ích lợi cho dân,

thực là chỉ bảo cho những cách địa phương tự-trị.

« Chúng tôi lạm cử ra ban sơ đầu hương-hội, tuy rằng buổi nhất-so thảo-sáng, nhưng trong sáu năm cố công cũng đã gây dựng ra mọi việc.

« Tự-trung công việc còn nhiều khuyết-diểm, việc lợi cho dân chưa làm được mấy, việc hại của dân chưa trừ được hết. Chúng ta nên xem những điều gì mà có lợi cho dân, ban trước làm chưa xong thời chúng ta cố làm cho xong; điều gì có thiệt hại cho dân, ban trước chưa trừ được hết thì chúng ta phải nghĩ cách mà trừ hết đi; việc gì mà trước còn khiếm-khuyết thì chúng ta phải nghĩ cách để bổ-cuu, việc gì ban trước có điều thiên-lệch thì chúng ta phải nghĩ cách kê cho bằng. Phạm công việc làm sao mong cho một ngày một tiến-bộ, chớ để cho giạt lùi, ngày một tồ-diểm thêm, chớ để cho ngày một kém lại.

« Điền thù nhất xin phải có nghị-lực, nghĩa là phải hết sức của mình ra mà lo việc cho dân.

« Nhân-tình ta đối với việc công, thường hay bĩng-hờ chềnh-mãng, lời tục-ngữ rằng: « Hàng tổng đánh kẻ cướp; làm sãi không ai đóng cửa chùa », cho nên cầu quán thời đồ xiêu, đường cái thời ngập-lội, thậm-chi đến việc công thời không ai nhìn đến, chỉ khu-khu về việc nhà, việc mình mà thôi.

« Dân ta từ lúc có hương-hội, việc công-tư tu-ly cũng nhiều, không đến nỗi vô-tích cho lắm. Nhưng nói đến biếng-nhác bỏ việc thời cái lỗi ấy cũng không dám từ.

« Chúng ta phải nghĩ làm sao cố gắng tâm-lực, dùng đê cho các việc đình-đốn. Phạm người trong ban, dù được ăn lương hay không ăn lương cũng phải cố gắng, bởi mình làm đàn anh trong dân phải ra lo việc cho dân, cớ dền tay phải phát, việc đến tay phải làm, chính là chức-phận người đàn anh phải nên như thế, đừng có như ai

« ăn thời ngồi trên, đánh giặc thì rên bừ bừ ». Chúng ta quyết không dung cho những người biếng-nhác như con lấm chỉ biết ăn dầu mà không làm tở, thì chúng ta phải liệu mà trừ bỏ nó đi.

« Điều thứ hai xin phải có công-tâm, nghĩa là công-tâm thì mới làm được việc công-ích. Lời ngạn-ngữ nói rằng : « Cá lớn nuốt cá bé » — « Gà què ăn quần cối say », cho nên việc công thường hay phá-hoại không làm được.

« Dân ta từ lúc có hương-bôi, công-việc kinh-doanh cũng nhiều, không đến nỗi như thế. Nhưng mà hang cua tổ kiến, thấm-lậu cũng nhiều, không biết mình là đàn anh trong dân mà lo việc cho đàn em, mà lại ăn bớt của đàn em, dúi trong tay áo lâu cũng thò ra, thề-diện của đàn anh còn ra thế nào, danh-dự của đàn anh còn ra thế nào ? Chúng ta phải lấp mối tệ ấy đi, không để cho những con yêu-ma được hiện-hình ra lúc thanh-thiên bạch-nhật.

« Điều thứ ba đối với mình thì lấy dân làm bản, lấy danh-dự làm trọng, làm việc gì ích-lợi cho dân, chính là làm thêm danh-dự cho mình đấy.

« Tôi thường thấy những người bác-tước của dân dễ cầu lấy lợi cho một mình, rồi sau mình chết vì lợi, vợ con phải đói rét, nhà cửa phải tan-tành, thế thời cầu lợi phản hại, đạo trời báo ứng mau lắm. Chúng ta chỉ cần làm ích cho dân, làm lợi cho dân, thời tự-nhiên con cháu chúng ta được hưởng cái ích-lợi ấy.

« Sách có chữ rằng : « Sĩ sinh Tam-dại hạ, duy kông ký bất hiệu-danh », nghĩa là ta sinh ra sau đời Tam-dại, chỉ sợ mình không biết hiệu-danh, vì rằng ta đã biết hiệu-danh thì ta biết trọng cái gia của ta, ta đã biết trọng cái danh-dự của ta thời phải làm thế nào cho thành sự-nghiệp của ta, khiến cho con cháu chúng ta được hưởng cái tư-cơ

diễn-sản chung của dân Thượng-cơ này, thì chúng ta phải nên cố gắng ».

Phụ thêm bốn câu sau này :

*Cải-lương dân có dám khoe,
Tài-năng chỉ có lũy tre trở vào.*

*Cũng là thử chút xem sao,
Đề cho làng nước trông vào cũng hay*

Năm tôi lên lão có bài bát rằng :

*Lão vô năng vi hĩ,
Đến tuổi già mộ-khi tình màn-răng ;
Thời công đầu mua lấy bát-bằng,
Thử ngảnh lại hỏi rằng đầu gốc rễ.
Chính-giao hữu tâm cầu giản-di,
Văn-minh khởi-điểm tự gia-hương
Đốc-nhiệt-thành hai chữ cải-lương,
Cùng đất-đâu lên đường lạc-lợi ;
Đầu đám nói hay sinh sở-tại,
Hơn mười năm trông lại cũng hay hay
Trông cây ăn quả có ngày.*

Hương-ước

(Hương-ước này có 152 điều củ quan trợ-tá Nguyễn Văn-Quy tay viết ra).

Chủ-ý cải-lương

Khoản-tức của làng lưu-truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu-truyền mà không có minh-văn, hoặc có minh-văn mà không hợp thời-thế. Bởi vậy cần nờ cải-lương, suy-xét hiện-tình thời nay so-sánh khoản-lệ thừa trước, điều nàc hại thời đời, điều nào lợi thời theo.

Mục-dịch làm cho gia-lộc thịnh giàu dân làng có trật-tự, sau sẽ theo trình-độ tiến-hóa mà cải-bổ thêm.

PHẦN THỨ NHẤT

Chính-trị

Tò-chức hội-đồng tộc-biêu

Điều thứ 1.— Các họ hợp lại làm thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi, gọi là tộc-biêu.

Điều thứ 2.— Theo số người trong họ mà cử tộc-biểu, họ lớn cử hai hay ba người, họ nhỏ cử một người, họ nhỏ quá chỉ vài ba suất thì hai ba họ cử chung nhau một người.

Điều thứ 3.— Tư-cách tộc-biểu là tuổi tự 25 trở lên, thông-thái có gia-sản, không can án phạt giam. Tộc-biểu giữ việc ba năm, bảy giờ đổi sáu năm là một hạn.

Điều thứ 4.— Hết hạn sáu năm cử lại một lần, ai được tái-cử thời lại được làm nữa. Những người đương làm tộc-biểu thì được trừ tạp-dịch, như là : đắp đê, canh-phòng, tu-bổ đường-xa, vãn vãn. ..

Hết hạn thời chánh-phó hội-trưởng và thủ-quỹ, thư-ký, bốn người ấy chiêu lệ khao-vọng, làng cho ngôi kỳ-mục.

Còn các người tộc-biểu chiêu lệ khao-vọng, làng cho ngôi tư-vãn.

Điều thứ 5.— Chức-vụ tộc-biểu là phát-nghị và quyết-định việc làng, dựng sổ chi thu và kiểm-soát sổ ấy.

Điều thứ 6.— Các tộc-biểu tự chọn một người trong ban làm chánh-hội-trưởng và một người làm phó-hội-trưởng. Khi có hội-đồng do hội-trưởng bá-cáo, nếu hội-trưởng có phương-trở việc gì do phó-hội-trưởng bá-cáo.

Điều thứ 7.— Hội-đồng lại bầu hai người trong ban, một người thông-biểu thư-toán làm thư-ký để biên sổ sách, và một người giàu có làm thủ-quỹ để giữ tiền công.

Điều thứ 8.— Nếu trong ban không thể bầu được người thủ-quỹ thời hội-đồng chọn người làng mà bầu. Người được bầu làm thủ-quỹ ấy, được quyền dự hội-đồng.

Điều thứ 9.— Trừ ra khi có việc cần mở hội-đồng bất-thường, còn mỗi tháng cứ ngày mồng một, ngày mười-lăm hội-đồng một lần để bàn việc

làng. Ai say rượu cấm không được dự hội-đồng.

Điều thứ 10.— Được quá nửa số người trong ban dự hội thời có thể bàn được. Việc bàn xong thời phải giải-tán ngay, không được ngồi lâu mà bày cuộc tửn-phiến.

Điều thứ 11.— Hội-đồng bàn việc thì phải làm thành biên-bản, biên-bản ấy phải có chữ ký của những người hội-viên hiện-tại và phải bỏ vào công-hàm để lưu-chiêu.

Điều thứ 12.— Người tộc-biểu nào mắc bận không đến được, phải có nhờ cáo đề hội-đồng biết, nếu không có duyên-cớ đích-thực mà tự bỏ đến hai lần, thời hội-đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 13.— Đương lúc hội-đồng, nếu trong làng có ai theo lễ-phép mà hỏi gì, thời hội-đồng cũng phải theo lễ-phép mà đáp lại một cách minh-bạch cho người ta biết. Nếu ai ngạo-ngược huyên-hoa thời hội-đồng phạt 0 § 10, nếu không chịu làm biên-bản trình quan cứu-trị.

Điều thứ 14.— Những việc hội-đồng làm được quá nửa số người ý hợp mới được thi-hành. Nếu ý-kiến không hợp thì phải bỏ phiếu kín, nhưng một phiếu của hội-trưởng được kể thành hai. Hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín hay là bằng cách giơ tay cũng vậy. Phải bắt đầu từ người tộc-biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc-biểu họ to nhất là cuối cùng.

Điều thứ 15.— Khi có lệnh quan tòa án, hoặc quan cai-trị cần hỏi đến làng thời hội-đồng tự chọn trong ban, nhiều là hai người đi với lý-trưởng.

Điều thứ 16.— Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý-kiến về những việc quan-hệ đến quyền-lợi chung cả làng, thời hai người tộc-biểu

và lý-trưởng không được tự-quyết mà trình quan ngay, phải mở hội-đồng, tất được mọi người ý-hợp rồi sẽ trình quan sau.

Điều thứ 17. — Tộc-biểu và lý-trưởng vì việc làng mà phải đi xa trong 5 cây số, làng không chịu lộ-phí, quá số ấy làng chi mỗi người mỗi ngày 0 \$ 30, làng cấp tiền xe tàu cho nữa. Nhưng lên tỉnh hạn cho ba ngày, lên phủ hạn cho hai ngày là cùng.

Quan-kỹ

Điều thứ 18. — Tộc-biểu nếu làm việc gì trái hương-ước, hoặc cả hội-đồng, hoặc một họ nào trong làng giặc ra, thời chức-sắc kỳ-lão trong làng họp hội-đồng mà cứu-xử. Hội-đồng chức-sắc kỳ-lão có quyền quở-trách hay phạt tiền tự 1 đồng cho đến 10 đồng, hay là không cho dự hội-đồng nữa. Người nào làm mất tư-cách đã nói trên điều thứ ba hay là làm tổn-hại quyền-lợi của làng thời hội-đồng chức-sắc kỳ-lão bãi chức người ấy. Nếu hội-đồng ấy xử không xong, hay là người tộc-biểu có lỗi không phục tình, thời hội-đồng làm biên-bản trình quan.

Sở chi-thu

Điều thứ 19. — Muốn cho trong làng chi-tiền có chừng-mực để khỏi tổn dân, thời phải làm sở chi-thu.

Điều thứ 20. — Thường năm cứ ngày mồng một tháng một tây các người tộc-biểu hội-đồng dự-toán sang năm, thu những tiền gì, tiền những việc gì, rồi làm thành sổ, cả hội-đồng ký-kết trình quan sở-tại kiểm xét, đệ trình bẩm-duyet, đến mồng một tháng giêng tây mới được thi-hành.

Điều thứ 21. — Sở chi-thu của làng do hội-trưởng giữ, hội-trưởng được quyền cho phép thu-phát những khoản tiền đã dự-định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22. — Thủ-quĩ nhận được tiền ai nộp thời phải biên ngay vào sổ rãng-cura mà xé một nửa giao cho người làm biên-lai. Tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thời thư-ký phải biên ngay vào sổ chi-thu ở khoản đã dự-định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23. — Ai nộp tiền mà không có thủ-quĩ biên-lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24. — Ngày nào tiêu những việc gì thời ngay ngày hôm ấy thư-ký phải biên vào sổ chi-thu ở chương đã đề dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25. — Làng có chi-tiền bất-thường, các tộc-biểu phải mở hội-đồng làm biên-bản, nói rõ vì có gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên-bản ấy phải dính vào sổ chi-thu. Những khoản chi thu bất-thường quá số tiền 20 đồng thời những tờ biên-bản ấy phải trình quan kiểm duyệt-y trước đã rồi mới được thi-hành.

Điều thứ 26. — Những khoản tiền thủ-quĩ chi ra mà không có chữ trưởng-hội thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền ấy giao cho một cái phái-lai xé ở sổ rãng-cura ra, và có chữ ký trưởng-hội cùng chữ ký hay là diêm-chỉ của người lĩnh tiền ấy. Cứ cuối tháng hội-đồng kiểm quỹ một lần, và phải làm một tờ biên-bản.

Điều thứ 27. — Hết năm thời hội-đồng tính sổ xem số tiền thực-thu vào là bao nhiêu, tiền chi ra là bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu, yết-thị tại đình ít ra là một tháng, để đồng-dân cùng biết. Hễ khi yết-thị thì phải cho mổ đi rao.

Điều thứ 28. — Chi-tiền không được quá số dự-định và phải cho rất tiết-

kiệm dè cho tiền công còn thừa làm tiền lưu-trữ. Món tiền lưu ấy làng dùng làm việc sinh-lợi hay là dè chi-tiểu việc bất-thường.

Điều thứ 29 và 30. — Nếu làng đem tiền ấy cho vay thì lấy lãi nhẹ mà thôi. Những người vay phải cầm diền-sản làm tin, nếu không cầm thì không cho vay.

Điều thứ 31. — Những diền-sản cầm cho làng giá đáng mười phần chỉ cầm được ba phần.

Điều thứ 32. — Hội đồng định cho ai vay phải làm biên-bản và bảo người vay tiền phải viết văn-tự. Văn-tự ấy phải trước-hạ. Biên-bản giao trưởng-hội giữ mà văn-tự thì giao thủ-quĩ giữ. Thủ-quĩ sẽ chiếu trong văn-tự mà phát tiền cho người vay. Ai vay tiền công lẽ đến hạn thời phải trả cả gốc và lãi, chứ không viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa. Hạn cho vay tiền công không được quá một năm.

Điều thứ 33. — Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều, và số diền-sản của những người vay ấy đem cầm bằng nhau thời hội-dồng phải bỏ thăm, ai bắt được thăm thời cho vay.

Điều thứ 34. — Muốn cho làng tin cậy các tộc-biểu và tộc-biểu phải làm hết bổn-phận, vậy nên cấm không cho những người có chân hội-dồng và vợ con những người ấy vay tiền công của làng.

Điều thứ 35. — Làng trích lấy tiền công cấp cho chánh-phó hội-trưởng, thủ-quĩ và thư-ký, mỗi người đồng-biên bao nhiêu, tùy ý hội-dồng cho nhiều hay ít.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36. — Lý-trưởng là người thay mặt làng mà thừa-hành việc quan, phó-lý là người giúp việc lý-trưởng.

Điều thứ 37. — Lý phó-trưởng không có quyền tự-ý quyết định việc làng, phải theo ý chung cả hội-dồng.

Điều thứ 38. — Lý phó trưởng là người hành-chính trong làng, đều được dự chân hội-dồng. Trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39. — Làng trích lấy đất công cấp cho lý-trưởng 5 mẫu và cấp cho phó-lý 3 mẫu, để chi-phí làm việc quan.

Điều thứ 40. — Lý phó trưởng đã được đất công làng cấp cho thời khi đi việc quan một mình không được tính phí-tồn với làng.

Bổ sưu-thuế

Điều thứ 41. — Lý-trưởng tiếp được quan phát bài-chỉ thuế về thì phải tường-hội-trưởng mở hội-dồng mà tính số bổ.

Điều thứ 42. — Sưu-thuế đã có ngạch nhất-định của nhà nước, hội-dồng cứ theo trong bài-chỉ mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội-canh hay ngoại-phụ mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 43. — Trong số bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu diền-thổ, bao nhiêu sưu đình, thành bao nhiêu tiền, không được hàm-hỗn.

Điều thứ 44. — Khi đã bổ xong rồi thời lý-trưởng giao giáp-trưởng gọi thu thuế đình, phân-thầu gọi thu thuế diền, nộp cho lý-trưởng.

Điều thứ 45. — Làng không bổ tiền ngoại-phí cho lý-phó-trưởng nữa, vì làng đã cấp công-thổ có lệ nhất-định.

Điều thứ 46. — Những người thiếu sưu, lý-trưởng phải trình hội-dồng, năm ngày Hội-dồng xử không xong sẽ lên trình quan cứu-xử, mà hết bao nhiêu tiền phí-tồn trách cứ người thiếu thuế phải bồi.

Điều thứ 47. — Ngày hội bỏ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện-cáo

Điều thứ 48. — Trong làng có ai kiện cáo về dân-sự hay thương-sự, trước hết phải trình hội-đồng hòa-giải.

Điều thứ 49. — Hội-trưởng tiếp ai trình thời phải mở hội-đồng lấy lễ chính-dân và tinh thần ái-hòa-giải cho hai bên. Nếu hòa-giải xong thời theo kiểu trong luật mã hòa-giải, chừng-thư giao lý-trưởng trình quan số-tại biên số.

Điều thứ 50. — Việc hòa-giải không xong, hội-đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thời người thua kiện phải chịu phí-tồn.

Điều thứ 51. — Những việc hình-án dù không có thể hòa-giải, nhưng người đương-sự cũng phải trình hội-đồng biết.

Điều thứ 52. — Hội-đồng xét hỏi duyên-cớ việc hình-sự phát ra làm biểu-bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là cho tuần-trưởng sách-nhiệm nhà sự-chủ.

Điều thứ 53. — Trong làng ai đi kiện vu cho ai, nếu quan xét ra quả-thực là vu-cáo thời phí-tồn bao nhiêu cứ người vu-cáo phải chịu, và làng lại phạt không được dự đình-trung tế-tự một năm.

Tuần trong làng

Điều thứ 54. — Canh-phòng để giữ tinh-mệnh tài-sản chung của làng thì hết thầy người làng từ 18 tuổi đến 50 đều phải chịu trách-nhiệm, trừ ra những người chức - sắc khoa - mục, những người hiện làm việc các sở, người đang đi học các trường, người chưa đến tuổi và người có tật lệnh, người nào phải phiên-cảnh mà đi vắng,

thời có thể nhờ bà con, bạn hữu canh thay cho, hay là nộp cho trong xóm ba tháng 5 hào để mượn người canh thay.

Điều thứ 55. — Làng có sáu phiên, chia làm ba ban tuần, mỗi năm một ban là hai phiên.

Năm thứ nhất thì phiên Thượng-nhất và phiên Hạ-nhất.

Năm thứ hai thì phiên Đông-ba và phiên Thượng-nhi.

Năm thứ ba phiên Hạ-nhi và phiên Đông-lục. Đến 15 tháng giêng hội-đồng chiếu luân thứ mà cử, hễ hai phiên nào đến lượt đi tuần thì mỗi phiên phải cử chín người đi tuần-trưởng và mỗi phiên cử một người làm trưởng-tuần, còn những người không phải đi thời phải nộp mỗi người 1 đồng để sung công.

Điều thứ 56. — Trong làng chia làm bốn điểm chính, canh-phòng bốn công, hễ đến khi tuần ra đồng bãi thời những người đã đào-tuế cho đến 48 tuổi phải ra các xóm riêng mà cử mỗi xóm hai người để ra canh thay cho tuần đồng, hễ đến khi tuần về đồng thì thôi.

Điều thứ 57. — Những sào gây để canh xóm nào thì xóm ấy phải sắm, còn sắm khi-giới sau này là n biên-bản xin phép quan trên.

Điều thứ 58. — Bốn điểm chính của cả làng thời việc sửa diếm lấy vào tiền công-dân, còn diếm riêng của xóm nào thời việc sửa diếm về xóm ấy phải chịu.

Điều thứ 59. — Người đóc-canh cứ gần tối thì nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra diếm. Ai phượng-trở việc gì phải mượn người thay. Nếu bỏ không canh, thời hai lần đầu mỗi lần hội-đồng phạt 2 hào, lần thứ ba thời hội-đồng chiếu diếm không theo hương-ước mà phạt.

Điều thứ 60. — Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh

làng cho trộm cướp khỏi vào, còn mỗi ngày 4 người tuần, ngày phải đi xét trong làng, thấy ai dị-dạng thì hỏi cho kỹ, hoặc vào chơi nhà ai hay có việc gì đích thực mới cho vào làng. Nếu sơ-khoảng thời phạt mỗi người tuần một hào sung công.

Điều thứ 61. — Ai bắt được kẻ trộm, làng thưởng một đồng, bắt được đừa cướp làng thưởng 10 đồng.

Điều thứ 62. — Tuần phiên phải chịu trách-nhiệm trong làng về sự trộm cướp. Như trong làng có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đừa phạm thời phải chiều vật-giá mất mà đền cho sự-chủ. Như khi cướp phá mà tuần đã hết sức kháng-cự cũng không thể được thời không phải đền.

Điều thứ 63. — Lý-trưởng phó-lý thường kiểm-soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thể tùy-thân và căn-cước đáng nghi thời bắt giải quan xét.

Tuần ngoài đồng

Điều thứ 64. — Làng cử hai người trương-tuần và mười tám người tuần-tráng để trông coi đồng-diễn châu-thổ, hương-ấp. Ngày đêm phải đi tuần luôn không được biếng-nhác.

Điều thứ 65. — Mười tám người tuần-tráng thì cho hai người trương-tuần coi.

Điều thứ 66. — Tư-cách trương-tuần và tuần-tráng là người mạnh-bạo, thực-thà, có gia-sản. Người nào mang tiếng bất-hảo hoặc nghiện thuốc phiện, đánh bạc thời không được làm.

Điều thứ 67. — Trương-tuần và tuần-tráng phải theo quyền-phép hội-đồng.

Điều thứ 68. — Tuần coi các đường khuyến-nông của làng, thấy ai làm hủy-tồn thời tương hội-đồng xét nếu thực thì phạt tự một hào đến 5 hào.

Điều thứ 69. — Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý-kiến hội-đồng, không được tự-quyết.

Điều thứ 70. — Những người nào tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thì tuần phải bắt ngay giải hội-đồng xét phạt từ 2 hào đến 1 đồng. Nếu tuần dung-túng để nước ruộng cạn thì hội-đồng phạt tuần cũng như người phạm.

Điều thứ 71. — Lúa mà hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn-thận, mất đâu tuần phải chiều nguyên giá ra mà đền.

Tiền sương lạng

Điều thứ 72. — Không kẻ nội-canh hay ngoại-phụ, đồng-niên làng lấy ruộng mỗi mẫu 8 hào, vườn đất hồ ao mỗi mẫu 6 hào. Đến mùa thuế thì các chủ điền-thổ phải nộp giao cho các phân thân. Tiền ấy làng để vào công-quĩ rồi cấp cho tuần, trương-tuần mỗi tháng 3 đồng, tráng mỗi tháng 1 đồng rưỡi để thay cho lúa sương.

Điều thứ 73. — Trâu bò đồng-niên, trâu mỗi con 3 hào, bò mỗi con 2 hào. Những tiền ấy các chủ có trâu bò hễ đến vụ thuế phải đem nộp ngay cho hội-đồng để sung công, nhưng-bằng quá kỳ không nộp thì phải thu bội lên gấp hai.

Điều thứ 74. — Trương-tuần làm việc ba năm đều được chu-thỏa thời làng thưởng cho 10 đồng. Nếu không làm hết bổn-phận thì phải bãi-dịch. Đã bãi-dịch thì mất tiền thưởng ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 75. — Gặp lúc cần kíp như là nước lớn, đê sạt, hoặc lửa cháy nhà nào, hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 48 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống và người đau yếu, còn người làng nghe hiệu đều phải lập-tức đến

cứu. Nếu ai biếng-nhác không đến, hội-đồng xét thực phạt từ 2 hào đến 5 hào.

Điều thứ 76. — Ai vì sự cứu-cấp mà bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng-thương thành tật, làng cho ngôi kỹ-mục, thương đến nổi chết, làng cấp tiền tuất cho 20 đồng và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ-sinh

Điều thứ 77. — Muốn cho người làng mạnh khỏ e cần phải theo phép vệ-sinh. Một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 78. — Hội-đồng thường hiểu bảo người nào giữ nhà riêng và đường chung cho rất sạch-sẽ, tre trồng hai bên đường chỉ để cao bằng thước là cùng. Nếu ai không tuân thời hội-đồng phạt 0 \$ 20.

Điều thứ 79. — Cấm không ai được vứt uế-vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời hội-đồng phạt 0 \$ 20.

Điều thứ 80. — Các giếng nước ăn phải tìm cách giữ-gìn cho được trong-sạch. Những phí-tiền về việc sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 81. — Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền-nhiễm, lý-trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 82. — Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý-trưởng phải trình quan khám, nếu thực phải đem ra nhà dưỡ-ag-tế, không được vì nề mà để ở trong làng.

Điều thứ 83. — Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy làng phạt 0 \$ 30. Lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng tiêu ở cạnh hồ ao hay là chỗ đợ-bần có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường-xá cầu-cống và đê-điều

Điều thứ 84. — Việc thủ-lộ đê trông coi đường xá cầu cống và đê-điều thời làng cho hai người trưng-tuần kiêm. Thấy nơi hư-hỏng phải trình hội-đồng sửa lại.

Như việc đê-điều thời trưng-tuần phải coi sóc đê cho người và súc-vật khỏi làm hại đến đê. Phải chữa những nơi hư-hỏng và phải giữ-gìn đê cho lúc nào cũng được tốt. Có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà-nước tu-bổ mới được thời hương-hội phải tường hội-đồng để trình quan.

Điều thứ 85. — Các đường chung cả làng thời qui về các xóm phải sửa. Xóm nào phải sửa đường xóm ấy. Nếu đê vỡ-lở thời phạt người trưởng xóm ấy 0 \$ 30.

Điều thứ 86. — Ai vì việc riêng mà hại đến đường xá cầu cống thì phải bồi-thường và phải phạt từ 0 \$ 20 đến 1 đồng.

Điều thứ 87. — Ai cần tháo nước qua đường, trước phải trình hội-đồng biết, tháo xong phải đắp lại đẹp-đẽ như cũ.

Điều thứ 88. — Việc thủ-lộ thì làng đã cho hai người trưng-tuần kiêm mà phó-ly phải đốc-sức hai người trưng-tuần về việc canh-phòng và việc thủ-lộ ấy.

Sự vệ-nông

Điều thứ 89. — Thường năm làng tu-bổ các đường khuyến-uống và các ngôi lạch để chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 90. — Cấm không ai được pháat cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi. Ai phạm hội-đồng phạt 0 \$ 20.

Điều thứ 91. — Cấm không ai được đập đập qua ngôi mà đơm cá khiến

nước không thông. Ai phạm cấm ấy hội-dồng phạt 0 § 20.

Điều thứ 92. — Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã lổt. Ai phạm cấm ấy hội-dồng phạt 0 § 10. Nếu trâu bò ăn lúa của người ta thời phải đền nữa.

Điều thứ 93. — Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa. Ai phạm cấm ấy làng phạt 1 đồng. Nếu vịt phá-hại lúa mạ thời phải đền nữa.

Các cửa công

Điều thứ 94. — Đã gọi là cửa công làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa-vụ phải giữ-gìn, nếu ai làm tổn-hại thời phải bồi-thương.

Điều thứ 95. — Khi làng có bán động-sản hay bắt-động-sản thời hội-dồng phải đấu-giá kín, nhưng yết-thị cho mọi người đều biết trước khi đấu-giá mười ngày.

Điều thứ 96. — Ai đấu-giá cao thì được, nhưng hội-dồng phải làm biên-bản và đình theo giấy tình-nguyện đề lưu chiếu.

Xét gian-lậu

Điều thứ 97. — Những điều chính-phủ đã có lệnh cấm như là: rượu lậu, thuốc phiện lậu và đánh bạc lấy hồ thời hội-dồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian-lậu.

Điều thứ 98. — Ai cố-ý phạm cấm, hội-dồng không thể khuyển ngăn được thời hội-dồng bảo lý-trưởng bắt tang-vật làm biên-bản giao lý-trưởng đề giải quan trừng-trị.

Điều thứ 99. — Những người phạm luật ấy dù quan đã chiếu luật trị tội rồi nhưng làm mất phong-thê trong làng thời hội-dồng phạt không cho dự tế-tự đình-trung, phiến-giáp một năm.

Sự giao-tiếp

Điều thứ 100. — Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ lý phó trưởng đương-thứ ra tiếp. Nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho các người hội-dồng.

Điều thứ 101. — Không cứ quan Tây hay quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người có chân trong hội-dồng.

Điều thứ 102. — Các người hội-dồng và chánh phó-lý lấy lễ-nghi chính-đáng mà tiếp tại sở công. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời hội-dồng dẫn khám. Khi khám có sự gì ngăn-trở thời hội-dồng phải giữ-gìn cho được ổn-thỏa. Khi ở trong địa-giới làng có người bị ốm đau hay bị tai nạn gì, hội-dồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương-kế mà cứu giúp ngay.

Sự giáo-dục

Điều thứ 103. — Dạy trẻ con cho có học-thức phổ-thông là nghĩa-vụ người làm phụ-huynh, không ai được từ. Làng sẽ mở một trường ấu-học để dạy trẻ con trong làng. Khi nào làng có nhiều tiền quỹ sẽ xin phép làm trường Pháp-Việt ấu-học ở làng.

Điều thứ 104. — Trường Pháp-Việt đã làm xong từ năm 1923.

Điều thứ 105. — Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 106. — Làng lấy tiền công mua giấy bút cấp cho những con nhà nghèo mà hội-dồng xét thực rằng không có thể mua được mới mua cho.

Ngụ-cư ký-táng

Điều thứ 107. — Làng chỉ cho những người nào căn-cước minh-bạch, nghề-nghiệp chính-đáng ngụ-cư trong làng mà thôi. Hễ ngụ-cư được ba đời không có lỗi lệch gì, đến đời thứ tư mới được

coi như người làng. Còn những người thê-hương mẫu-quần xin vào làng, làng xét là người tử-tế thì cũng coi như người làng (điều này là mới bổ thêm).

Điều thứ 108. — Trừ ra những người ngụ-cư tạm-thời, còn những người ngụ-cư đã có gia-sản ở làng, thời phải chịu trách-nhiệm canh-phòng với làng. Nếu mỗi năm nộp cho làng 2 đồng sung công thời chức trừ canh-phòng tạp-dịch.

Điều thứ 109. — Ai ký-táng ở đồng-diền của làng dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình hội-đồng biết và nộp tiền kiểm-cổ cho làng 5 đồng.

PHẦN THỨ HAI

Tục lệ

Sự quân điền thổ

Điều thứ 110. — Làng đã có châu-thổ công đã trừ trả phần thôn Đống-ba hiện còn 274 mẫu. Làng định đấu trưng được bao nhiêu tiền để sung-công và cấp thêm cho dân-dinh. Lại có ruộng ao công chín mẫu linh, làng cũng đấu-trưng để sung công.

Hôn lệ

Điều thứ 111. — Trong làng ai có con gái gả chồng lấy người làng thì phải nộp tiền lan-nhai cho làng 3 đồng. Lấy người làng khác thời phải nộp 5 đồng, phải biện trâu cau 100 khâu, một chai rượu; còn như thói chằng dây đóng cổng làm ngăn-trở việc người ta nhất-giai cấm-chỉ.

Tang lệ

Điều thứ 112. — Tang là sự buồn-rầu đau-đớn nhà người ta, theo thói quen đặt tiệc mời khách thực là trái lẽ, nay làng bỏ thói tệ ấy.

Điều thứ 113. — Tang-chủ nếu giàu-có muốn mời mấy người thân-tộc họ-

lễ thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang, không phải theo lệ cũ mà mời kỳ-mục các hàng.

Điều thứ 114. — Tang-chủ chỉ được đãi những người họ-lễ và những người giúp việc chứ không được mở tiệc mời làng.

Điều thứ 115. — Trước khi chưa tang, dân làng đến viếng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 116. — Đến ngày an-táng, chủ ở giáp nào thời mời người giáp ấy họ-táng, nghĩa là khiêng quan-tài và mang các đồ tang đi.

Điều thứ 117. — Hàng giáp đưa ma là trả nghĩa lẫn nhau, chính bản-phận mình phải làm, trừ những người vắng nhà còn thời tất cả đều đi cả.

Điều thứ 118. — Tang-chủ cũng được cáo cho dân làng biết ngày an-táng để ai nhớ tình hương-dãng thời đi đưa ma, nhưng bảo hay không thời tùy-ý tang-chủ.

Điều thứ 119. — Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy, khi an-táng xong thì chào tang-chủ ngay ở ngoài mộ-dịa, rồi đầu về đấy, không nên vào nhà tang-chủ ăn uống.

Điều thứ 120. — Tang-chủ cũng nên tạ-ơn hàng giáp hay người đi đưa ngay ở mộ-dịa, không được mời khách về nhà.

Điều thứ 121. — Tang-chủ muốn để danh-dự cho người chết mà nộp lệ cho làng để làm của công thời làng cũng nhận tiền ấy, nhiều ít là tùy-ý tang-chủ chứ làng không bắt-buộc ai cũng đều phải có.

Mời bổ thêm tiền kỷ-niệm chia làm năm hạng: Hạng nhất 15 đồng thì mới được thịt bò, làng kính tổng 8 lá cờ, được rước chủ đi chủ về; hạng nhì nộp 10 đồng không được thịt bò, làng kính tổng 6 lá cờ, được rước đi mình-tinh về hương-án; hạng ba nộp 6

đồng được 4 lá cờ; hang tư 4 đồng hai lá cờ, thời thôn-trưởng động lệnh mà thôi.

Điều thứ 122.— Làng thu tiền kỹ-niệm phải biên vào sổ thu để lưu trữ đến về sau.

Điều thứ 123.— Làng chỉ được đem những món tiền ấy làm những việc ích-lợi chung cả làng.

Tế tự

Điều thứ 124.— Lễ Nguyên-dán gà một con giá 1 đồng 5 hào, xôi sáu đấu, vàng, hương, pháo, sập, trầu, rượu cộng là 3 đồng.

Điều thứ 125.— Tháng giêng ngày mồng hai lễ-phẩm cũng như ngày nguyên-dán.

Điều thứ 126.— Ngày mồng năm các xóm lễ bồi gò chỉ dùng quả-phẩm, vàng, hương, giầu, rượu mà thôi. Tiền lễ ấy về các xóm chịu.

Điều thứ 127.— Ngày mồng 8 cả dân tế khai hạ, tế tiên-nông, tế hà-thần, tế trung-dinh: lợn ba con, xôi mười tám đấu, rượu 6 chai, vàng, hương, sập, giầu cau, tất cả cộng 25 đồng.

Điều thứ 128.— Giỗ cụ Thầy, làng sửa lễ lợn một con giá 7 đồng, xôi tám đấu giá 8 hào, rượu bốn chai giá 9 hào và thập-vật một đồng ba hào, tất cả cộng 10 đồng.

Điều thứ 129.— Tháng giêng ngày 15 lễ nhượng-tinh ở chùa, giao cho nhà sư biện lễ, oản quả hương hoa và thập-vật tất cả 5 đồng. Còn như các ban lễ nhượng-tinh ở nhà thì cấm hẳn.

Điều thứ 130.— Ngày 11 tháng hai lễ nhập-tịch, dân cử hai người quan viên quang-quẻ vào mộc-dục thánh-vị. Lễ-phẩm thời gà một con, xôi sáu đấu và thập-vật giá 3 đồng. Lại mua mã thờ 2 đồng, lụa may áo thần-vị 4 đồng, cộng tất cả 9 đồng.

Ngày 12 lễ-phẩm thời lợn một con, xôi sáu đấu và thập-vật tất cả 11 đồng.

Điều thứ 131.— Tháng ba ngày 12 tế chính-tịch thời bò một con giá 30 đồng, rượu 12 chai giá 2 đồng 6 hào, xôi 6 bàn giá 3 đồng, vàng hương thập-vật 4 đồng 4 hào, cộng tất cả 40 đồng.

Điều thứ 132.— Tháng năm ngày mồng 10 tế thượng-diên sửa hai lễ, mỗi lễ gà một con, xôi 6 đấu và thập-vật tất cả giá 6 đồng.

Điều thứ 133.— Tháng bảy ngày 15 tế trung-nguyên, lễ-phẩm thời lợn hai con giá 12 đồng, xôi mười hai đấu giá 1 đồng 2 hào, rượu sáu chai giá 1 đồng 3 hào, vàng hương thập-vật giá 1 đồng rưỡi, tất cả cộng 16 đồng.

Điều thứ 134.— Tháng tám ngày 12 tế chính-tịch Thần, lễ phẩm thời bò một con 30 đồng, rượu mười hai chai 2 đồng 6 hào, xôi sáu bàn 3 đồng, vàng hương thập-vật 4 đồng 4 hào, tất cả cộng 40 đồng. Trở lên xuân thu hai lễ 80 đồng, nhưng bây giờ vật-giá đắt quá thì sai bớt đi, dùng một lễ bò một lễ lợn mà thôi.

Điều thứ 135.— Tháng chín ngày 15 lễ thường-tân, lễ-phẩm thì lợn một con 8 đồng, xôi năm bàn 2 đồng rưỡi, rượu sáu chai 1 đồng 3 hào, vàng hương thập-vật 1 đồng 2 hào, tất cả cộng 13 đồng.

Điều thứ 136.— Tháng chạp ngày 30 lễ thờ chung-niên gà một con, xôi sáu đấu, vàng hương thập-vật tất cả giá 3 đồng. Trở lên các tiết tế-tự khoản tiền ấy lấy ở công-quĩ ra. Lễ xong rồi thời ăn ngay ở đình, không chia phần riêng như trước nữa.

Điều thứ 137.— Tháng giêng ngày mồng 1, mồng 2 là tết chung cả làng, chỉ cho ăn hai ngày như trước và cấm không cho ai đem cỗ cúng nhà này đến nhà khác nữa.

Nói về việc giỗ Hậu

Điều thứ 138. — Hậu là các người không có con cháu nhờ dân giáp để trông nom giỗ tết về sau, bây giờ dân định hội cùng ở bên tả hữu văn-chỉ, xét số ruộng nhiều ít mà chia làm hai hạng, một hạng thi hậu gà, một hạng thi hậu oản.

Hậu gà. — Lễ phẩm thi gà một con 5 hào, oản 20 chiếc 3 hào, chuối một nải và thập-vật 2 hào, đồng-niên tất cả 84 cái giỗ, duy giỗ bà Chúa thì thêm một đồng nữa.

Hậu oản. — Lễ phẩm thời chân lợn một chiếc hai hào, oản quả và thập-vật cũng như lễ hậu gà, đồng-niên cộng tất cả 94 cái giỗ.

Khi giỗ hậu lễ xong rồi thì của giáp nào, các cụ và sắc-mục giáp ấy ăn ngay ở văn-chỉ, không được chia phần như trước nữa, chỉ đãi người nhận hậu: oản năm chiếc, chuối năm quả, giàu năm khâu.

Sau này ai ký kỳ làng thời chia làm hai bậc, một là hậu gà: bạc 30 đồng, ruộng hai sào.

Hạng thứ hai thời 20 đồng, ruộng một sào.

Nói về khoản ruộng hậu

Điều thứ 139. — Nay trích ruộng các giáp được 31 mẫu 1 sào 9 thước, cứ mỗi năm đến đầu tháng giêng tây hội-dồng đầu-giã bỏ phiếu kin bản lấy tiền cùng giỗ hậu ấy. Còn số thừa thời đến ngày 15 tháng bẩy đồng-dân lại hợp tế các giỗ hậu lần nữa.

Khao vọng

Điều thứ 140. — Văn-vũ quan viên từ tam-phẩm trở lên thời phải nộp tiền chiết-khao cho dân 80 đồng. Còn lễ thờ bô một con, xôi 30 dĩa, rượu 20 chai. Lễ thần xong rồi đãi dân ngay ở đình mà dân mừng ông ấy 20 đồng.

Điều thứ 141. — Văn-vũ quan ngũ-phẩm trở lên phải nộp tiền chiết khao cho dân 60 đồng, còn lễ thờ rượu 12 chai, lợn một con, xôi 20 dĩa. Lễ xong rồi đãi dân ngay ở đình mà dân mừng ông ấy 10 đồng.

Điều thứ 142. — Tây, Nam cử-nhân, tù-tài và tòng cửu-phẩm văn-vũ trở lên và người thông kỹ thừa-phái làm việc các sở có hằng-cấp, người phẩm-hàm quyền đều phải nộp tiền chiết lễ vọng cho dân 40 đồng, chánh phó hương-hội, chánh phó tổng, lý phó trưởng đặc-sắc thời các người ấy chỉ phải nộp 30 đồng mà thôi. Còn lễ thần thời gà một con, xôi 10 dĩa, rượu 5 chai. Lễ xong rồi đãi dân ngay ở đình, mà dân mừng ông ấy 5 đồng.

Điều thứ 143. — Kỳ-mục làm việc cho dân được bốn năm không can khoản gì thì phải nộp cho dân 30 đồng. Còn lễ thần thi gà một con, xôi 10 dĩa, rượu 5 chai. Lễ xong rồi đãi dân ngay ở đình mà dân mừng ông ấy 3 đồng.

Điều thứ 144. — Hương-mục là người mua ngôi thờ trong làng và thay người kỳ mục làm việc quan thì phải nộp cho dân 50 đồng và chiết lễ khao 20 đồng nữa. Lễ thần thời gà một con, xôi 10 dĩa, rượu 5 chai. Lễ xong rồi đãi dân ở đình mà dân mừng ông ấy 1 đồng.

Điều thứ 145. — Tư-văn là người giữ việc tế-tự trong làng thời phải nộp cho dân 20 đồng và tiền chiết lễ 25 đồng, lễ thần chỉ giàu rượu mà thôi.

Điều thứ 146. — Tế-chủ là người trên đối thần-minh, dưới thay mặt dân, phải có giá-trị xứng-dáng mới được. Bởi vậy có khoa-mục chức-sắc thì người khoa-mục chức-sắc làm tế-chủ, nếu không thì người kỳ-lý tư-văn làm tế-chủ. Khoa-sắc ngang nhau thì người nào nhiều tuổi hơn làm chủ-tế. Phỏng người thứ nhất có phương-trở hay là

suy-nhượng thì đến lượt người thứ hai. Còn như người tâm-thường dân-dinh không cho được vọng vào ngôi tế-chủ như trước nữa.

Điều thứ 147.— Vọng lão là người đến 50 tuổi và 60 tuổi, thời cứ đến ngày 15 tháng giêng phải nộp cho dân 3 đồng, còn lễ thần chỉ phải nộp cho dân 100 miếng giầu, một chai rượu mà thôi, còn từ 61 tuổi trở lên không phải tiền lệ gì nữa.

Điều thứ 148.— Giáp-trưởng là người đến lượt ra cán-biên các việc thờ và giữ các đồ thờ, thời đến đầu năm mỗi giáp phải cử một người. Nếu người nào đến lần-lượt mà trở-lỡ duyên cơ không làm được gì thì phải nộp cho dân 5 đồng sung-công.

Điều thứ 149.— Đáo-tử là người đến 18 tuổi thời cứ mồng một tháng giêng tây xướng sớ thì phải nói với lý-trưởng đề vào sớ nam-dinh.

Nói về vị-thứ ở công-dinh

Điều thứ 150.— Bên tả hàng thứ nhất chức-sắc kỳ-mục, hương-mục thời ngồi ghế sa-lông và ghế phượng-kỳ. Hàng thứ hai, hàng thứ ba thời ngồi chiếu hoa.

Bên hữu hàng thứ nhất các cụ 70, 80 tuổi ngồi chiếu hoa, 60 tuổi ngồi chiếu hoa, hàng thứ hai các cụ lão-hạng là người 50 tuổi ngồi chiếu thường, hàng thứ ba các người giáp-trưởng ngồi chiếu thường.

Trở lên các hàng ấy thời ngồi trên đình, dân-dinh thời ngồi hai bên tả hữu vu, nếu ai ngồi hỗn-lạc không tuân vị-thứ thì hội-dồng bắt phạt 0 \$ 30 sung công.

Nói về việc biếu đái

Điều thứ 151.— Lễ trâu bò thời biếu người tả-văn nửa thũ, các cụ 70 trở lên nửa lít, người tế-chủ một cái khoai-bí. Lễ lợn cũng thế. Nếu liệt

nào viết hai ba vắn thời tả-văn cũng biếu nửa thũ mà thôi. Tả-văn thời dùng khoa-trường chức-sắc. Nếu không có khoa-trường chức-sắc thời lý-dịch quyền tả tại đình.

Điều thứ 152.— Kể từ ngày thi-lãnh khoán-ước này các điều gì cũ trái với khoán-ước này, đều bỏ đi. Trong làng ai trái những khoán-ước trên thời hội-dồng tùy tình ý nặng nhẹ mà phạt, hoặc không cho dự đình-trang tế-lự từ 6 tháng đến một năm, hoặc truất-vị xuống tự một bàn đến ba bàn. Đệ-niên tế-thần, thư-ký phải đem khoán-ước này đọc cho cả dân cùng nghe.

Tóm lại hương-ước có 152 điều, trân-trọng thay ! quý báu thay !

Trên xuất tự ý quan, dưới hợp với ý dân, thực là khuôn vàng thước ngọc cho làng cải-lương vậy.

Nguyên dân tôi khi trước tháng giêng xuân-tế phải cử ba người dân-dinh làm tế-chủ gọi là « đó-giai », một người tế trung-dinh, một người tế hạ-thần, một người tế tiên-nông. Mỗi người tốn đến 200 \$ hoặc 300 \$.

Tháng ba cử ba người có ngôi thứ làm chủ-tế gọi là « đó-hàng », mỗi người phí-lớn độ 300 \$, bây giờ hương-ước chỉ cho chức-sắc làm tế-chủ mà dân-dinh thì không được làm, tế-lự thì lấy công-quĩ ra chi.

Khi trước mỗi năm xuân-thu tư-vấn tế tiên-hiền trong làng hai lần, trong làng tư-vấn cứ lần-lượt phải sửa mỗi người hết 60 \$ hoặc 70 \$. Bây giờ mỗi năm chỉ có thu-tế cũng lấy tiền quĩ chi 20 \$.

Khi trước sóc-vọng thời chức-sắc kỳ-mục và các cụ tư-vấn lần-lượt sửa lễ cũng hết 2 \$, 3 \$, nhưng phải sửa luôn luôn. Cũng có người nghèo miễn-cuống khó lo, bây giờ cũng lấy tiền quĩ chi, không ai phải sửa nữa. Khi trước thôn-tướng mỗi năm mỗi giáp cứ 49

tuổi hai người phải ra thôn-trưởng, phải ứng biện vật-liệu tế-tự và tạp-dịch nữa. Nhiều người phải đến bán nhà cầm con, cả làng cùng biết tề ấy, bây giờ đến tuổi mỗi giáp chỉ phải một người ra lĩnh tiền quỹ mà chi-biện, không phải ứng tiền ra nữa.

Chi về việc tế-tự và giỗ hậu đồng-niên độ 500 \$, 600 \$ là cùng. Hai trương-tuần mỗi người 3 \$ một tháng. Mười người tuần dân em, mỗi người 2 \$ 50 một tháng, công tất cả tiền đầu đèn phi tồn canh dè 500 \$, còn tiền chi lương người canh gác các sở và mụ đỡ nhà hộ-sinh, dầu đèn vật-liệu, mỗi tháng 30 \$, thường chi như vậy thì thu vào đâu ?

Thu về hồ ao ruộng đất công, thu về tiền chuộc lệ ăn uống, tiền cưới cheo, tiền kỹ-niệm, tiền thuế ngoại-phụ, tiền lúa sượng, tiền thu thường cũng đủ tiền chi thường.

Đại-khái việc cải-lương được kết-quả tốt đã có minh-chứng như sau.

Một là dân đã tinh-giảm tục-lệ thì dân không phải bó huộc về sự ăn uống nữa.

Hai là dân đã trừ-liệu được tiền công-quĩ thời dân không phải đóng góp về sự công-chi nữa.

Ba là dân lại mỗi năm làm được các việc công-ích.

Việc dẫu-giá châu-thổ mà trợ sựu thời tiện lợi thứ nhất trong các việc cải-lương.

Nguyên khi trước chia cho dân-dinh mỗi người được sào rươi, cây trồng thì không tiện, cho thuê cũng không được mấy đồng. Người nào không cây trồng được thì chỉ được vài bữa rượu, thuốc phiện, hay là canh bạc mà thôi, đến kỹ sựu thì lý-trưởng phải bắt vợ con anh em, bắt gồng bắt gánh, nào cùm, nào trói, cái thảm-trang không thể kể xiết. Từ khi cải-lương dân đem dẫu-trung, dân dảm-hộ cả, sựu-dịch dè-diều cho chi tế-tự hương-âm, không ai phải đóng một đồng nào nữa. Mỗi năm lại thừa được sáu bảy trăm đồng dè làm công-ích.

Lại có một việc minh-chứng cho sự tiện-lợi.

Năm chưa cải-lương dân-dinh có 40) suất, mấy năm nay tăng đến 650 suất, nghĩa là chưa cải-lương dân-dinh sợ phải đóng góp cho nên phải ăn-lậu, tự khi dân dẫu-trung mà đóng góp hộ thời dân-dinh cứ đến tuổi thời khai, cho nên mấy năm nay tăng lên đến hơn 200 người.

Hương-hội chúng tôi cũng nhờ có món tiền thừa của dân-dinh cho nên năm nào cũng làm được các việc kiến-trúc.

TRẦN THỨU LAI-CÁO



KHẢO VỀ LUÂN-LÝ HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

XII

THIÊN THỨ HAI: *Trung thế* 中世

Trung-thế là quãng đời về trung-cổ, kể từ đời Tần thống-nhất thiên-hạ, qua đời Hán đời Đường cho đến cuối đời Ngũ-đại, tức là trước kỷ-nguyên 246 n.âm, đến sau kỷ-nguyên 963 năm, cộng là một nghìn hơn hai trăm năm. Nay chia ra sáu thời-kỳ: 1) Đời Tần; 2) Đời Hán; 3) Đời Lục-triều; 4) Đời Tùy; 5) Đời Đường; 6) Đời Ngũ-đại, sẽ lược kể những tư-tưởng biến-thiên trong các đời ấy như sau.

CHƯƠNG THỨ 1. — *Tư-tưởng luân-lý của đời Tần*

Nhà Tần khởi tự phương tây đã sớm định kế-hoạch muốn thôn-tính cả các nước chư-hầu ngoài Sơn-dông, để giữ lấy chính-quyền mà làm bá cả thiên-hạ. Đến đời Tần Thủy-hoàng mới hay thống-nhất cả bốn cõi, mà lập lên một đế-quốc lớn ở nước Tàu. Từ sau khi đời Tần thống-nhất rồi, thì cái thế-thái từ đời Xuân-thu truyền lại mới nhất-biến cả, mới vạch ra một làn-thời-kỳ ở trên lịch-sử nước Tàu.

Xét qua về thời-thế. — Đời Tần thống-nhất là một cuộc cách-mệnh lớn trên trường chính-trị. Nguyên nhà Tần xét biết cái tệ của chế-độ đời nhà Châu, nên cái phương-châm hành-chính đều đổi khác trước cả, trước đổi cái chế-độ phong-kiến ra làm cái chế-độ quận huyện, chia thiên-hạ ra làm ba-mươi-sáu quận. Khi ấy Thủy-hoàng trọng-dụng Lý Tư để thi-hành chính-trị canh-tân. Nhưng tư-tưởng kẻ học-giả bấy

giờ không hợp với chính-kiến của Lý Tư, nhiều người ra hoạnh-nghị bài-bác triều-chính, mà phái nhà nho lại ghét Lý Tư dám khinh-thị cả di-pháp của thánh-hiền, lại càng bài-bác tệ hơn. Lý Tư cho những lời nghị-luận của bọn học-giả ấy là hoặc-thế vu-dân, khiến cho trên dưới rối loạn, mới tâu với vua Tần Thủy-hoàng cử quả-quyết mà xử-tri để cho áp-chế đời nghị-luận di. Bởi thế Thủy-hoàng mới đổi cả sách vở ở dân-gian, ra cái lệnh cấm cấp sách, làm theo cái chính-sách ngu-dân. Nhưng cũng không hay chặn-áp được hết ngôn-luận của kẻ học-giả, cũng còn có kẻ nghị-luận bài-bác cái chính-sách nhà Tần. Thủy-hoàng mới nổi giận, chôn giết kẻ nho-sinh đến bốn trăm sáu mươi người ở đất Hàm-duong. Trên sử tư-tưởng ở phương Đông, bị phải cái ách-nạn lớn này, nên về đường văn-hóa phát-dạt cũng phải chịu cái ảnh-hưởng.

Tư tưởng về luân-lý. — Về điều này ở đời Tần cũng không có gì đáng kể. Nguyên là sau khi Thủy-hoàng nhất-thống cả thiên-hạ, vẫn giữ cái ý-tưởng truyền cho con cháu muôn đời, nhưng đến đời vua Nhị-thế thì đã mất ngôi vua, đất nước đều như ngôi tan vảng lổ, chẳng được bao nhiêu năm. Bởi vậy về đời Tần trên đường tư-tưởng không có gì là đặc-sắc cả. Duy về cái thái-độ quân-quốc 軍國 thì thực làm trở-ngại cho đường học-vấn phát-dạt. Nhưng kẻ học-giả đời ấy vẫn không chịu khuất về quyền-thế, những điều tư-tưởng gì của mình đã tin chắc, thì

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ-dăng-lác, Trương Tôn-Nguyên, Làm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N. P. từ số 168.

văn công-nhiên tuyền-ngôn ra, thế là điều có giá-trị nên chú-y hơn cả.

CHƯƠNG THỨ II. — *Tư tưởng luân-lý của đời Hán*

Tiết thứ I. — *Xét về đại-khái*

Đời vua Nhị-thế nhà Tần, thiên-hạ chia xé, nhiều nơi khởi lên làm rối-loạn, tụ-trung những người có thế-lực cường-dại hơn cả thì là : Hạng Vũ với Lưu Bang. Lưu Bang trước kéo quân vào đất Hàm-dương, diệt nhà Tần. Hạng Vũ là con một nhà danh-môn ở nước Sở, lấy vũ-dũng uy-quyền áp-chế cả kẻ quần-hùng ở bốn phương, Lưu Bang khi trước cũng ở dưới quyền Hạng Vũ, về sau phân ra, hai kẻ hùng tranh-cạnh lẫn nhau, trong bốn năm thì Lưu Bang bèn diệt Hạng vũ, lên ngôi hoàng-đế, tức là vua Cao-tổ nhà Hán. Đời Hán tự vua Cao-tổ rồi đến Huệ-đế, Cảnh-đế, Võ-đế, từ Tuyên-đế trở về sau thế-lực cũng kém mất dần, kẻ ngoại-thích là họ Vương chuyên quyền. Từ vua Tuyên-đế trải đến vua Nguyên-đế, Thành-đế, Ai-đế, đến vua Bình-đế, thì gặp phải kẻ ngoại-thích là Vương Mãng giết đi, mà lập huyền-tôn vua Tuyên-đế là Nhụ-tử-Anh lên làm vua Vương Mãng lợi là vua còn nhỏ, mới tự mình kiêm-nhiếp ngôi thiên-tử. Nhưng chưa được bao lâu dân đều thất-vọng, họ tôn-thất nhà Hán là Lưu Tú khởi lên diệt Vương Mãng Lưu Tú đóng đô ở đất Lạc-dương, nhà Hán lại trung-hưng lên tức là vua Quang-vũ. Theo như Bắc-sử thì đời vua Quang-vũ trở về trước là nhà Tiên-Hán, đời vua Quang-vũ trở về sau là nhà Hậu-Hán. Nhà Hậu-Hán tự vua Quang-vũ rồi truyền đến vua Minh-đế, Chương-đế, Hòa-đế, Thương-đế, An-đế, Thiệu-đế, Thuận-đế, Sung-đế. Chất-đế, Hoàn-đế, Linh-đế, cuối cùng đến vua Hiến-đế thời bị phải con Tào-Tháo là Đào Phi diệt đi. Kể từ đời vua Cao-tổ lên

ngôi cộng là hai-mươi-bốn đời, 426 năm.

Chính-sách của vua Hán Cao-tổ. — Vua Cao-tổ răn về cái gương nhà Tần đứng cô-lập, mới đem những khu thổ-địa rộng lớn phong cho kẻ con em đồng-tộc, để giúp đỡ cho nhà Hán. Một phần lại theo cái chế-độ phong-kiến, còn một phần về đất trực-liệt của nhà Hán thì thi-hành cái chế-độ quận-huyện. Bởi thế họ Tôn-thất nhà Hán khắp cả thiên-hạ thanh-khi hòa-ứng với nhau, nhà Hán lúc ấy cũng nhờ đó mà yên-đi. Song chưa được bao lâu các vua chư-hầu chuyên-hoạnh mà vua Ngô lại cậy mình phú-cường hơn, không chịu theo mệnh-lệnh nhà Hán. Vua Cảnh-đế muốn trừng-trị cái thói chuyên-hoạnh của các vua chư-hầu, hễ vua nào mà phạm phép thì tức bỏ đất phong đi. Bởi thế Ngô Sở bảy nước đều bất-bình cả, cùng họp lại làm phản nhà Hán. Đó là cái loạn Ngô-sở bảy nước.

Đời Tiên-Hán mở mang ra ngoại-bộ. — Cái thế-lực đời Tiên-Hán mở-mang ra ngoại-bộ đều là bởi công vua Vũ-đế, Vũ-đế khiến-chế nước Hung-nô, kiêm-tính nước Triều-tiên, bắt nước Đại-uyên vào nộp cống, thường đem quân ra đánh các nước ngoài. Bởi thế uy-lực nhà Hán lừng-lẫy ra bốn phương, giao-thông với các nước càng nhiều. Song về sau tài-chính quân-bách, mới đánh thuế nặng-nề, dân-sinh vì đó tiền-tuy.

Đời Hậu-Hán giao-thông với các nước. — Vua Quang-vũ đời Hậu-Hán hết sức làm cho nhà Hán trung hưng, xét biết được cái tệ-chính đời Tiên-Hán, mới cải-lương pháp-chế, khích-khuyến việc học, vận nhà Hán lại thịnh lên. Khi ấy rợ Hung-nô vào ăn cướp, tự đời Minh-đế trở về sau mới đánh phá được. Khi ấy có cho Ban Siêu làm dò-bộ các nước Tây-vực, đi kinh-lược khắp các nơi, thế-lực nhà Hậu-

Hán mới mở rộng ra đến ngoại núi Thông-lĩnh. Và lại giao-thông cả với nước La-mã. Nước Nhật-bản từ khi đời Tiên-Hán, vốn là một nước người lùn, đến đây lại thường đến giao-thiệp. Phật-giáo ở Ấn-độ khi ấy cũng mới truyền đến Trung-quốc. Bấy giờ có nước Đại-nhục-chi ở về phía Trung-á-tế-á gồm cả một phần nước Ấn-độ, thế-lực rất mạnh, trong nước đều tin theo Phật-giáo. Vua Minh-đế nghe tin, mới sai sứ sang tìm mời kẻ tăng-lữ và lấy kinh Phật tượng Phật đem về, dựng chùa Bạch-mã ở đất Lạc-dương.

Tiết thứ II. — Tư-tưởng luận-lý đời Tiên-Hán

Vua Cao-tổ nhà Hán biết rằng việc văn-hóa không thể bỏ nhãng được, mới khuyến-khuyến việc học-văn. Nhưng kinh-diễn cốt-yếu đời trước đã trải qua cái hỏa-ách đời Tần, cái binh-tai Hạng-Vũ, sách vở đã tan nát ra bốn phương, bởi thế các nhà học-giả đời ấy phải bận về việc di sưu-tập các học-thuyết của các nhà đời Tiên-Tần, không rồi công đâu mà suy xét về đường triết-học nên không có phát ra được cái tư-tưởng gì độc-sáng. Hỏa-ách đời Tần tức là nói về vua Tần Thủy-hoàng đốt sách. Nguyên trước đời Tần chưa biết làm giấy, nên đều viết sách vào từng cái thẻ tre, mới xếp lại thành tập mà chưa cất đi. Tuy rằng sách vở rất nhiều nhưng tan khắp ra mọi nơi, không thể chứa ở một chỗ được. Vua Thủy-hoàng mới nghe lời Lý Tư, chỉ trừ có những sách bởi sách thuốc và sách dạy về trồng cây, còn ngoài ra đều đốt cả. Nhưng còn nhiều nơi mệnh-lệnh của chúa-phủ chưa xét đến, thì vẫn chứa giấu sách ở trong tường vách cũng còn nhiều, Và lại Thủy-hoàng đốt cả sách ở các nơi, nhưng trong cung A-phòng cũng còn chứa nhiều kinh-diễn. Đến khi Hạng Vũ cho một mớ lửa, thế là sách cung A-phòng cũng

đều cháy hết, đó gọi là cái binh-tai của Hạng-Vũ. Tự đời nhà Hán thống-nhất thiên-hạ, sau mười hai năm, đến đời vua Huệ-đế năm thứ tư, mới trừ bỏ cái lệnh cấm cấp sách, xuống chiếu cho đi tìm những di-thư trước đời Tần, bấy giờ những sách viết bằng thẻ tre mới tìm được ở các nơi đem ra, nhưng không còn bộ nào hoàn-toàn cả. Và lại chữ viết theo lối khoa-dầu, đọc mà cất nghĩa ra được cũng khổn-nạn. Bởi thế đời vua Văn-đế Cảnh-đế mới khởi lên cái học chuyên-kinh như là Viên Cố 鞏固, Hàn-Anh 韓嬰, Thân-Bồi 申培, Mao-công 毛公, đều chuyên về kinh Thi. Phục-sinh 伏生, Âu-Dương-sinh 歐陽生, Hạ-Hầu Thắng 夏侯勝, Hạ-Hầu Kiến 夏侯建, chuyên về kinh Thư, Hậu-Sương 后倉, Đới-Thánh 戴聖, Đới Đức 戴德 thì chuyên về kinh Lễ. Bởi vì khi ấy kinh-diễn tan mất, tìm ra được mà đọc cho giải-nghĩa cũng là khó lắm, việc ấy thực là một đại-sự-nghiệp của các nhà học-giả đời Hán, mà những sách của các nhà chư-tử bách gia, được truyền về đời sau, cũng là nhờ ơn các nhà học-giả đời Hán vậy.

Suốt đời Tiên-Hán mà thịnh-hành nhất là học-thuyết của phái Nho gia và Đạo-gia, còn phái Mặc gia, Dương-gia, Danh-gia thì không thấy truyền lại, Pháp-gia, Binh-gia cũng suy-kém cả, duy khi ấy nên ghi chép lại là những thuyết Âm-dương, thuyết ngũ-hành (thuyết sấm-vĩ) hãy còn lưu-hành.

Đạo-gia. — Suốt đời Tiên-Hán Hậu-Hán khắp cả kể trên người dưới đều ưa thích học-thuyết phái đạo-gia, tức như trên triều-dinh cũng theo cái thuyết tự-nhiên vô-vi, làm cho thực-biện ra về đường chính-trị cũng hay thỏa được nhân-tâm. Xem như vua Cao-tổ cùng dân ước-pháp chỉ có ba chương, bỏ hết phép dữ đời Tần, thực là rõ rệt theo về Đạo-giáo. Bởi vì đầu đời Hán

đã trải bao năm về việc binh loạn và khổ về ngược-chính, nhân-sinh bấy giờ đã lấy làm phiền-não lắm, mà cái thuyết tự-nhiên vô vi lại hay làm yên-ủi cho phần nhiều người. Đạo-giáo sở dĩ được kể trên người dưới đều ưa thích cả là vì thế. Các nhà học-giả về dòng Đạo-giáo, Hoài-Nam-tử rất là trứ-danh.

Nho-gia. — Những nhà học-giả đời Hán duy phái Nho-gia là hay sưu-tập sách cổ và nhiệt-tâm nghiên-cứu. Những kẻ học-giả thích về phái đạo-gia, chỉ hay mộ cái thói ăn-dọn của cò-nhân, chỉ cao-đám bàn phiếm, mà không chăm về việc chú-thích sách vở. Phái Nho-học thịnh nhất là ở về đời Võ-đế nhà Tiền-Hán. Vua Cao-tổ tuy rằng theo cái thuyết của Lục Giả, đã biết Nho-học là căn, nhưng chưa kịp ra công khích-khuyến. Đời vua Văn-đế thì lại ưa thuật hình-danh đạo Hoàng Lão, hết sức làm cho phổ-cập. Duy Vũ-đế là vua rất chuộng Nho-học, bài-xích cả Hoàng Lão trăm nhà, tuyền-dụng lấy vài trăm người tinh-thông Nho-học, nên mới có những bậc danh-nho nối theo nhau ra đời. Khi ấy theo học ngũ-kinh mà cũng mới có cái học chuyên-kinh từ đó. Duy có một điều là phái nhà Nho đời Hán suốt đời chỉ hết sức nghiên-cuu về sách cổ mà chú-thích nghĩa đen, chứ không có một học-thuyết nào cả. Như là bọn Túc-Tôn Thông 叔孫通, Lục Giả 陸賈, Giả Nghị 賈誼, Đổng Trọng-Thư 董仲舒, Dương Hùng 揚雄, Tư-Mã Thiên 司馬遷, Lưu Hưởng 劉向, Hoàn Khoan 桓寬, đều là kẻ học-giả trứ-danh đời Tiền-Hán, nhưng ngoài Đổng Trọng-Thư Dương Hùng ra cũng không kể được nhà nào là có cái học-thuyết luân-lý cả.

Thuyết âm-dương ngũ hành. — Cái thuyết âm-dương ngũ hành đã lưu-hành lâu lắm, mà là cái đặc-điểm ở đời ấy. Thuyết âm-dương ngũ-hành là gốc ở kinh Dịch với kinh Thư thiên Hồng-

phạm, lại phụ-hội thêm những thuyết kỹ-dị khác mà thành ra, đã lưu-hành ở đời Chiến-quốc cuối nhà Châu, đến đời Hán thời rất là thịnh, tư-tưởng khi bấy giờ cũng chịu về cái ảnh-hưởng ấy rất nhiều. Thuyết âm-dương là nguyên ở phép lịch mà tham-chước về cái thuyết âm-dương ở kinh Dịch, chia một năm ra bốn mùa, tám vị, mười hai độ, hai mươi bốn tiết, để định công việc làm trong mỗi tháng; lại phụ hội thêm cái lý-do mê-tin nữa, báo rằng theo cái lẽ ấy mà làm việc thì gặp hay, nếu trái cái lẽ ấy thì gặp dở. Thuyết ngũ-hành thì bởi trong thiên Hồng-phạm nói có năm hành: kim, mộc, thủy hỏa, thổ, mà giải ra một cách mê-tin, như là Châu Diễn 騶衍 có thuyết «ngũ-hành tương-thắng» và Châu Thích 騶奭 có thuyết «ngũ hành tương-sinh». Thuyết «ngũ-hành tương-thắng» là kim thắng mộc, thủy thắng hỏa, hỏa thắng kim; bảo rằng trị thiên-hạ đều bởi cái đức ngũ-hành cường hay là nhược, tức như nhà Ngu lấy thổ-đức vượng, đến nhà Hạ thay ngôi thì lại lấy mộc-đức mà thắng, nhà Thương thay ngôi nhà Hạ thì lại lấy kim-đức mà thắng, các lịch-dại cầm quyền thống-trị đều theo cái nguyên-tắc ấy mà lần lượt thay đổi. Thuyết «ngũ-hành tương-sinh» như là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy; cho rằng các triều vua thay đổi không phải là lấy cái sức mạnh mà diệt đời trước đi, mà là bởi đời trước sinh ra đời sau, như là vua Thái-hiệu lấy đức mộc thống-trị thì vua Viêm-đế thay lấy đức hỏa, đến vua Hoàng-đế lại thay lấy đức thổ, thế là đời sau lại bởi đời trước mà tương-sinh ra. Cứ lấy kiến-thức mà xét thì thực là lời mê-tin không thể tin được. Nhưng ở về đời Xuân-thu Chiến-quốc thiên-hạ đương rối loạn, nhân-tâm xao-xuyến, thì những cái thuyết ấy lại

là phần yên-ủi cho người ta, đa-số dân-chúng đều đã mê-hoặc mà tin, mà phải Nho-giáo Đạo-giáo cũng sinh ra mỗi dị-doan biến khác. Nhân-tâm mê tin đã lâu. Xét về đường tu-tướng bấy giờ thì cái thuyết âm-dương ngũ-hành cũng đã có thể-lực lắm.

I. — Hoài-Nam-tử 淮南子

Một nhà triết-học ở đời Tiên-Hán thứ nhất là Hoài-Nam-tử. Hoài-Nam-tử họ Lưu 劉 tên An 安, là cháu vua Hán Cao-tổ, phong làm Hoài-Nam-vương, cho nên gọi là Hoài-Nam-tử. Ông thiên-tính thông-minh, mà lại có cái dã-tâm. Cha là Lệ-vương tên là Trường, vì đắc-tội ở đời Văn-đế mà phải chết, nên thường oán nhà Hán. Đến đời Võ-đế thì ông có cái cử-dộng khác thường phải bị giết. Cứ theo như sách *Hán-thư nghệ-văn-chi* thì Hoài-Nam-tử có làm ra sách: *Nội-thiên* 21 thiên, *Ngoại-thiên* 33 thiên, nay chỉ còn sót lại có 21 thiên *Nội-thiên*. Nhưng xét ra sách ấy không phải một người làm, mà là có nhiều người hợp lại mà biên-tập.

Tư-tướng của Hoài-Nam-tử. — Tư-tướng của Hoài-Nam-tử bao-quát nhiều học-thuyết, như là những thuyết về phái Nho-gia, Đạo-gia, Binh-gia, Pháp-gia, Danh-gia, nên làm sách ra cũng giống như sách *Lã-thị Xuân-thu*. Bởi vậy đề về phái Tạp-gia là phải lắm. Nhưng tư-tướng ông ấy lại phần nhiều khuyến-hướng về phái Đạo-gia, đó là lấy cái học-thuyết Đạo-gia làm cơ-sở, mà hỗn-tạp dung-thụ cả những tư-tướng các phái khác.

Thuyết triết-học. — Thuyết bản-thể và thuyết nhân-tính của Hoài-Nam-tử, vốn là ra từ tư-tướng của họ Lão họ Trang, rất rõ ràng chứ không còn ngờ gì nữa.

Luận về bản-thể. — Hoài-Nam-tử cho đạo là bản-thể của vũ-trụ, trong

thiên *Nguyên-đạo huân* ông đem cái vấn-chương rất có thú-vị mà tường-thuật cái tính-chất của đạo, bảo rằng đạo tức là một điều tuyệt-đối mà phổ-thông khắp cả, mà siêu-tuyệt cả thời-gian với không-gian. Ông nói rõ rằng đạo là hư-vô không thể biết được, và là tự-nhiên vô-vi giống hệt như thuyết của họ Lão họ Trang. Lại cho đạo là muôn vật khởi nguyên ở đó, mà là bản-thể, là thái-nhất, là thái-cực, bởi cái đạo thái-nhất mới sinh ra âm dương, rồi sinh ra bốn mùa tám cực, lại sinh ra muôn vật, đó là theo cái thuyết trong kinh *Dịch* mà hỗn-tạp cả cái tư-tướng của họ Lão. Người với muôn vật sở-dĩ khác nhau, thì Hoài-Nam-tử cho là bởi tại hai khí âm dương nó có tính với phiến, khi muôn vật sinh thành ra, cái trình-độ của hai khí âm dương khác nhau, nếu được về phần tinh-khi thì là giống người, được về phần phiến-khi thì là giống trùng. Cái thuyết ấy so với tư-tướng của họ Lão họ Trang và kinh *Dịch* lại tiến lên một bậc nữa. Học-thuyết của Tống-nho sau này cũng bởi đó mà ra.

Luận về tinh người. — Hoài-Nam-tử cho đạo là bản-tính của muôn vật, mà là bản-thể siêu-tuyệt cả thời-gian với không-gian, lại là tuyệt-đối, vốn là hư-tĩnh mà tự-nhiên vô-vi. Bản-tính của muôn vật đều là cái đạo của bản-thể ấy, bởi thế nên tinh người cũng là đạo. Tinh người tức là đạo, cho nên tinh tức là cái tiêu - chuẩn về sự hành-vi của loài người. Ông có nói rằng: « Người đi thuyền kia mà nhắm đường là không biết phân biệt đông tây, nếu cứ ngấm theo sao đầu-cực thì biết. Thế thời tinh tức là sao đầu-cực của người ta vậy. » (*Tề-tục-huân*) đó là cũng nói rõ về tinh thiện vậy. Hoài-Nam-tử đã cho tinh là thiện, còn cái nguyên-nhân mà sinh ra ác thì lại đổ cho là tại bụng dục; bảo rằng tinh

người ta vốn thiện, vì bụng đục che đi nên mới sinh ra ác, cũng ví như mặt trời mặt trăng, bản-thể vốn là sáng có khi bị mây che đi, nước kia vốn trong có khi bị cát làm đục vậy.

Xét về nhân-sinh.— Nguồn gốc của muôn vật vốn ở trong bản-thể đạo, người ta với muôn vật cũng đều do một khí mà sinh ra không khác một tí nào. Thiên-hạ vốn là của ta, mà ta cũng là của thiên-hạ. Cái tư-tưởng thiên-nhân hợp-nhất ấy, Hoài-Nam-tử lại xét về nhục - thể, cho rằng cái nhục-thể người ta với cái tinh-thần người ta đều là sinh tự bản-thể, phần nhiều giống hệt như của trời đất, như là đầu tròn tượng trời, chân vuông tượng đất, mà trời có bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông), năm hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ), chín dải (tám phương với trung-ương), ba trăm sáu-mươi-nhăm ngày (một năm) thì người cũng có tứ-chỉ, ngũ-tạng cửu-khiếu và ba trăm sáu mươi cốt-tiết. Trời có mưa gió nắng rét, thì người cũng có khi mừng khi giận, khi lấy khi cho v. . . Những thuyết ấy là bởi hấp-thụ cái tư-tưởng của họ Lão họ Trang và cái ảnh-hưởng của thuyết âm-dương ngũ-hành vậy.

Luận về muôn vật giao-thông.— Muôn vật đã bởi đạo mà sinh ra, đạo vốn quán-thông cả muôn vật, bởi thế trong khoảng muôn vật đều giao-thông cả. Cũng có điều giao-thông ở khoảng vật với vật, cũng có điều giao-thông ở khoảng người với người, cũng có điều giao thông ở trời với người. Như là khí hạ-chỉ đông-chỉ thì sừng loài hươu thay đổi, khí mặt trăng khuyết thì mình cá hao gầy, đó là cái chứng về khoảng vật với vật giao-cảm. Thành-nhân khi xưa lấy đức mà cảm-hóa người, đó là cái chứng về khoảng người với người giao-cảm. Khi giết kẻ vô-tội nhiều thì trời nắng dữ, khi không thi-hành được mệnh-lệnh thì

trời mưa dữ, đó là cái chứng về khoảng trời với người giao-cảm. Những khoảng muôn vật giao-cảm ấy, đâu người tri-giả cũng không thể lường biết hết được, Hoài-Nam-tử cho là bởi tại thần-minh.

Thuyết luân-lý.— Thuyết luân-lý của Hoài-Nam-tử cùng với thuyết bản-thể, thuyết nhân-tính rất là có mật-thiết quan-hệ với nhau. Thuyết bản-thể tức là cái cơ-sở về luận mục-dịch, thuyết nhân-tính tức là cái căn-đề luận về tu-vi.

Luận về mục-dịch.— Thuyết luân-lý của Hoài-Nam-tử thì cho rằng phải ở hợp với bản-thể đạo mới là mục-dịch. Hạng người hợp với bản-thể đạo là bậc chí-nhân, chân-nhân, thánh-nhân, đại-nhân, hay là bậc đại-trượng-phu. Bậc chí-nhân vốn là vô-đục mà không có nghĩ càn, tự-nhiên vô-vi không khi nào hoặc về sự khen chê đắc-thất, giống hệt như thuyết của Trang-tử. Hoài-Nam-tử cho rằng người ta mà khéo tu-dưỡng thì hay làm đến bậc chí-nhân; cái mục-dịch tu-dưỡng cốt là đạt lên cái cõi chí-nhân.

Luận về tu-vi.— Cách tu-vi thế nào thì mới hay hợp với bản thể đạo mà là bậc chí-nhân? Hoài-Nam-tử luận về tính người và nói rõ về cách tu-vi, thì cho rằng đạo là bản-tính của muôn vật, tính người cũng là đạo. Bởi vậy tính người vốn thiện, chỉ vì bụng đục nó che đi, nên mới mất hẳn bản-tính mà sinh ra ác. Nếu hay chế bớt bụng đục đi mà giữ lấy bản-tính, thì người ta tất là hay hợp với đạo. Bản-chất của tính người ta vốn là thiện, cho nên muốn làm ác lại khó hơn làm thiện, thế thì chế bớt bụng đục theo về bản-tính cũng có thể được. Đó là Hoài-Nam-tử cho cái nguyên-nhân ác chỉ bởi tại bụng đục mà thôi. Nhưng ông cũng không hẳn là bài-xích bụng đục, cho rằng bụng

đục đầu là làm hại bản tính, nhưng người ta bị cái bề ngoài nó kích-thích mà khởi bụng đục lên cũng phần nhiều có ích cho dưỡng tính, như là mất thích về sắc đẹp, tai thích về tiếng hay, miệng thích về vị ngon, mũi thích về hương thơm, thì đời người ai cũng phải cần cả. Bởi vậy không nên bài-xích hết bụng đục, chỉ cốt thế nào cho hợp với tính là được. Thế thì Hoài-Nam-tử không phải là cấm tuyệt bụng đục, chỉ cốt là hạn-chế cho bớt bụng đục mà thôi.

Luận về nhân nghĩa là bởi tự người đặt ra. — Hoài-Nam-tử cho nhân-nghĩa là ngụy cũng giống như ý Tuân-tử cho là bởi tự người đặt ra. Hoài-Nam-tử bảo rằng điều nhân nghĩa là đến đời mặt-thế phải cần đặt ra để cho người ta làm theo, chứ như đời thượng-cổ thì người ta hành-vi tự-nhiên mà vẫn cùng với đạo hợp-thể. Đến đời mặt-thế mới đặt ra điều nhân điều nghĩa để làm cái phép-tắc đặc biệt, nếu không thế thì người ta hành-vi không thể nào cùng đạo hợp-thể được. Cái thuyết ấy so với thuyết thầy Mạnh đối-chiến nhau cũng có thú-vị.

Luận về chính-trị. — Hoài-Nam-tử luận về chính-trị cho là cốt phải hợp với đạo, thuyết chính-trị với thuyết luân-lý đều là một cơ-sở. Đạo vốn là tự-nhiên vô-vi thì cái chính-trị hợp với đạo cũng tức là cái chính-trị tự-nhiên vô-vi. Những nhà chính-trị theo cái lý-tướng tự-nhiên vô vi thì Hoài-Nam-tử kể ra như đời Phục-Hi Thần-Nông mà rằng: « Thái-cổ có hai đời vua cầm cái quyền binh đạo dừng ở trung-ương, thần-hóa lưu hành phủ-trị bốn phương; cho nên hay chuyển vận trời đất mà không có đình-trệ. (Nguyên đạo huấn).

II. — Đồng Trọng-Thư 董仲舒

Đồng Trọng-Thư hiệu là Quế-nham-tử 桂 嶽 子, người đất Quảng-xuyên,

cũng gần đồng thời với Hoài-Nam-tử, là một nhà học-giả có tiếng về chuyên kinh *Xuân-thu*. đời vua Cảnh-đế có làm quan bác-sĩ. Ông ấy trị mình rất nghiêm, cử-dộng rắn giữ những điều phi-lẽ, thường rỗi trong màn để dạy học trò, ba năm mắt không ngó ra đến ngoài vườn. Khi vua Vũ-đế thì kén lấy những lẽ hiển lương phương chính, Đồng Trọng-Thư có dâng ba bài sách « Thiên-nhân », bởi thế được làm quan tướng ở đất Giang-dô, phụng sự vua Dịch-vương. Về sau lại làm quan tướng ở đất Giao-tây, nhân có làm bài « Tai-dị-thuyết » nói rõ tai-biến của trời đất là trời để răn người, vì thế ông bị phải tội chết, nhưng vua bèn tha cho. Ông nói cáo quan trở về, suốt đời chỉ chăm về việc trừ-thuật, có làm ra sách 123 thiên thượng-sớ và luận-văn về kinh *Xuân-thu* vài mươi thiên. Nay còn truyền lại chỉ có một quyển văn tập và 17 quyển *Xuân-thu* phần-lẽ.

Thuyết triết-học. — Đồng Trọng-Thư lấy trời làm căn-đề cho học-thuyết. Ông có nói rằng: « Gốc lớn của đạo là ra tự trời », đó là một đời danh-ngôn, thế là đã ám tỏ trời là uyên-r gốc của chính-trị và đạo-đức, thực là một cái ý nghĩa trọng-yếu của phái Nho-giáo.

Luận về trời. — Trời là gì? Cứ như ý Trọng-Thư thì cho trời là một ông Tạo-vật chủ sáng-ạo ra cả muôn vật, hay thống-quản cả quyền mệnh lệnh cát-hung họa-phúc thưởng-phạt. Trời đã là bậc sáng-ạo ra muôn vật, thì nhất-thiết muôn vật đều do trời sinh ra. Nhưng tự-trung hề được trời; quyền cổ hơn cả thì là giống người, bởi vậy người mới linh hơn muôn vật. Người là con yếu của trời, nên nhiều cái giống như trời, như là người ta có tứ-chỉ thì giống như bốn mùa của trời; người ta có ngũ-tạng thì giống như ngũ-hành của trời; người ta có mười

hai cốt-tiết lớn cũng giống như mười hai tháng của trời; người ta có ba trăm sáu mươi sáu cốt-tiết nhỏ giống như ba trăm sáu mươi sáu ngày trong một năm của trời. Lại như người ta có mừng giận thương vui, cũng giống như trời có khí-hậu xuân hạ thu đông. Người ta có lúc nghỉ ngơi cũng giống như trời có ngày phải có đêm. Trời chi-phối cả muôn vật, vậy nên muôn vật phải phục theo mệnh-lệnh của trời, nếu trái mệnh trời thì trời giáng phạt. Đó là Trọng-Thư tin chắc rằng chỗ khoảng trời với người là có cảm-ứng, người nếu làm ác thì trời răn-báo, nếu làm thiện thì trời thưởng cho.

Luận về tính người — Trọng-Thư trái hẳn cái thuyết tính thiện của Mạnh-tử và cái thuyết tính ác của Tuân-tử, mỗi điều-hóa cả hai thuyết mà luận về tính người, cho rằng tính người không phải là tuyệt-đối thiện cả, mà cũng không phải là tuyệt-đối là ác cả. Tính người ta có cái tính tham lam, tính nhân-tử, cũng như trời có khí âm khí dương. Tính tham là cái tâm lợi-kỷ, tính nhân là cái tâm đồng-tình. Trong tính người ta có cái tâm lợi-kỷ và tâm đồng-tình thì không tỏ hẳn tính người là toàn thiện được. Duy cái tâm lợi-kỷ nhờ về sức giáo-dục nó hay biến ra làm thiện, cũng ví như mài đá kia cho thành ngọc, uơm kén kia cho ra tơ. Trọng-Thư lại nói ví tính có quan-hệ với thiện, cũng ví như cây lúa kia có quan-tệ với hạt gạo mà bảo rằng: "Tính ví như cây lúa, thiện ví như hạt gạo. Hạt gạo bởi cây lúa mà sinh ra, nhưng hạt gạo vị-tất đã tốt cả. Thiện bởi tính mà sinh ra, nhưng tính vị-tất cả thiện cả". Đó là luận về tính mà cho rằng tính không phải là cái danh-trạng về thiện với ác, mà là cái tính có thể làm thiện làm ác cũng được. Nếu hay dựa theo cái tính, cho nên thiện là nhờ về sức giáo-dục.

Thuyết luân-lý. — Trọng-Thư cho cái nguồn-gốc lớn của đạo là ra tự trời, nên những phép-tắc về đạo-đức đều theo phép-tắc của trời mà điều-dịch ra, đại-khái như trời có năm hành mà lại có cái thứ-tự tương-sinh, như là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc; những điều người trước làm, người sau đều nối làm cho hoàn toàn. Trong loài người thì người con phải nhận lấy cơ-nghiệp của cha mà giữ cho hoàn-toàn, đó mới thực là đạo trời. Nhưng cũng là lời bàn xuyên-tạc phụ-hội. Song nói rằng: "Nguồn gốc của đạo là ra tự trời, trời không biến thì đạo cũng không biến". Đó là cái kiến thức nhắc cao cái uy-quyền về luật đạo đức, mà thực là lời bàn có giá-trị.

Về đường tư-tướng luân-lý họ Đồng cũng không phải là không có công, tức như xường ra cái đạo ngũ-thường đó. Đạo ngũ-thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Ở Trung-dụng mới nói có ba đức; thầy Mạnh mới nói bốn đức, đến Trọng-Thư mới nói đủ cả ngũ-thường, thì Nho-giáo luận về năm đức mới hoàn-bị. Phân loại về năm đức như thế thực là có thể-lực về lịch-sử tư-tướng luân-lý của Nho giáo vậy.

Thuyết chính-trị. — Bài đối-sách của Trọng-Thư có ba điều gốc: 1) là vâng ý trời mà theo mệnh trời; 2) là sáng-tỏ giáo-hóa để dạy dân, khiến cho tính người giữ được lương-thiện; 3) là chính-pháp-độ, phân ra thứ-tự trên dưới để phòng điều tham-dục. Theo như ý ông ấy thì cho trời là chi-phối cả muôn vật, mệnh trời đối với muôn vật có cái uy-quyền tuyệt-đối. Ông ấy cho mệnh trời là cái chuẩn-tắc về đường chính-trị, cũng là sở-dẫn về thuyết triết-học mà kết-luận ra như vậy. Trọng-Thư lại cho cái thuyết trời người cảm-ứng là có thể-dụng về đường chính-trị. Bảo rằng loài người

là con yêu của trời, mà tự-trung yêu hơn nhất là ông vua. Đức ông vua sánh bằng trời đất, nên trời đặc-biệt sùng-ái để cho thống-trị thiên-hạ. Ông lại chứng-cử về cái điềm khi ông vua chịu mệnh trời, như là vua Vũ thì thấy cái điềm cá trắng nhảy vào thuyền, khi ông Khổng sinh thì có cái điềm con kỳ-lân. Bởi vậy ông vua phải bắt chước trời mà trị nước, tổ-chức ra chính-phủ cũng phải bắt chước số trời. Số trời như thế nào? Tức như số ba số bốn số mười số mười hai. Số ba thì như: Nhật nguyệt tinh, thiên địa nhân, hàn, thử, hòa; số bốn thì như: Xuân, hạ, thu, đông. Số mười thì như: Thiên, địa, âm, dương, hỏa, kim, mộc, thủy, thổ, nhân. Số mười-hai thì như mười-hai tháng trong một năm. Số ba số bốn số mười, mười hai đã là thành số của trời, nên ông vua cũng bắt chước những số ấy mà tổ-chức ra chính-phủ, thì đặt ra chức tam-công, tam-khinh, tam-dại-phu, tam-sĩ, đó là số tam. Bốn bậc công khanh đại-phu sĩ tức là số bốn. Nhất-thiết các ngôi quan đều đặt mười-hai chức, tức là số mười-hai. Tự nay xét ra thì những thuyết ấy cũng không khỏi là lời hoạt-kê. Ông lại cho rằng trời thường giám-đốc những công việc chính-trị của vua, hễ vua có làm được thiệa-chính thì trời giáng tượng-thụy để thưởng, nếu làm ác-chính thì trời giáng tai-dị để răn. Nếu răn bảo mà ông vua không biết xét lại thì trời phạt mà cách mất ngôi.

Lời phê bình — Ông Trọng-Tư là một nhà Nho-giả có tiếng ở đời Hán. Cái công cống-hiến cho Nho-học rất là rõ ràng, Nho-học đời Hán mà hưng-thịnh lên được, phần nhiều là nhờ về sức của ông. Khi vua Võ đế ra bài thí-sách thì ông tận-thành dâng bài sách tỏ bày kế-hoạch. Vua cũng nghe theo mà cải-cách về học-chế, lại dựng nhà thái-học, đặt ra quan ngũ-kinh bác-sĩ để dạy kinh *Thi* kinh *Thu*

kinh *Dịch* kinh *Lễ* kinh *Xuân-thu*. Từ đó mới lấy Nho-học làm một giáo-chính ở đời Hán, mật-thiết quan-hệ với đường chính-trị. Nho giáo thịnh lên đảo-áp cả các học-phái khác. Vậy họ Đổng không những là dâng cao cái thế-lực: Nho-học ở trong xã-hội, mà lại hay xướng cái thuyết năm đạo thường, để cho đủ cái mục năm đức ở trong Nho-giáo, thì ông thực có công bất-hủ về trên lịch-sử tư-tưởng luân-lý nước Tàu. Duy tiếc rằng cái ảnh-hưởng trong cõi tư-tưởng ở thời ấy chỉ tin về cái thuyết âm-dương ngũ-hành mà mê-tin phủ-thụy, lại bày ra lắm lời phụ-hội tức cười.

III. — Dương Hùng 楊雄

Dương Hùng tên tự là Tử-Vân 子雲, người đất Thành-đô nước Thục. Sinh năm Cam-lộ nguyên-niên đời vua Tuyên-đế. Khi nhỏ đã hiếu-học, học thiệp-liệp cả các sách *Chư-tử bách-gia*, nhưng nói-năng rất dộn, thường nói lặng ngời lững trong một nhà, chỉ chăm đường suy-nghĩ. Lúc mới thích đọc lời phú của Tư-Mã Tương-Như, bắt-chước làm văn-phú rất nhiều. Sau khinh-bĩ thơ phú, thôi hẳn không làm nữa. Khi tuổi bốn-mười mới làm ra sách *Thái-huyền* 太玄, sách *Pháp-ngôn* 法言. Sách *Thái-huyền* thì tự ví như kinh *Dịch* rất là khó hiểu. Người bạn là Lưu-Hâm bình-phẩm rằng sách ấy đời sau không đọc được, chỉ để làm nút lọ. Sách *Pháp-ngôn* tự ví như sách *Luận ngữ*, bài-bác cả thánh-nhân, phóng lời qui-biện, bài xích những lời tiêu-biện của Chư-tử cuối đời Châu để cho rõ đạo Nho. Trong sách có 13 thiên: 1^o *Học-hạnh*, 2^o *Ngó-tử*, 3^o *Tu-thần*, 4^o *Vấn đạo*, 5^o *Vấn thần*, 6^o *Vấn-minh*, 7^o *Quả-kiến*, 8^o *Ngũ-bách*, 9^o *Tiên-tri*, 10^o *Trùng-lê*, 11^o *Uyên-khiên*, 12^o *Quản-tử*, 13^o *Hễu-chí*, trong sách bàn cả về đạo-đức, học-thuật, từ-phú, và phẩm-bình các nhân-vật. Lại bắt-

chước Sương-Hiệt mà làm ra thiên *Huấn-toản*, bất-chước sách *Ngu-trám* mà làm ra *Châu-trám*. Khi Vương-Mãng giết cả kẻ bầy-tôi nhà Hán có sai sứ đến nà Dương Hùng. Hùng dương đọc sách ở gác Thiên-lộc, nghe sứ-giả đến, thất-kinh ngã xuống gác. Vương Mãng cười mà tha cho, rồi cho làm quan Đại-phu, vì thế người đời sau mới ché. Năm Thiên-phụng thứ 5 Dương Hùng thọ 71 tuổi mới mất.

Thuyết triết-học. — Dương Hùng cho «*huyền* 玄» là bản-thể của vũ-trụ, phạm nhất-thiết hiện tượng đều là tác-dụng của thể «*huyền*» cả, đã bàn kỹ ở sách *Thái-huyền*. Theo như thuyết ấy, thì cho «*huyền*» là cái bản-thể vô-thủy vô-chung, độc-lập mà còn mãi, khắp cả trong khoảng vũ-trụ, không kỹ vật gì không thể lia bản-thể «*huyền*» được. «*Huyền*» đã là bản-thể của vũ-trụ mà sinh ra muôn vật, lại có cái sức chi-phối hết cả. Thế thì Dương Hùng gọi là «*huyền*» cũng giống như Lão-tử gọi là «*đạo*». Sách *Thái-huyền* dẫn bất-chước kinh *Dịch* mà làm ra, nhưng hấp thụ cái ảnh-hưởng về tư-tưởng của họ Lão họ Trang cũng nhiều, đó là theo thuyết kinh *Dịch* mà bổ thêm lấy cái tư-tưởng của Lão, Trang vậy. Dương Hùng tuy lấy Nho-giáo làm tôn, mà bài-xích Lão, Trang, nhưng cái tinh-cách suy-xét lại hợp với cái tư-tưởng nghiên-cứ về Lão, Trang; ông ấy luận về bản-thể cũng gần như thuyết Lão, Trang. Duy kinh *Dịch* lấy cái lẽ âm-dương mà thuyết-minh cái cuộc sinh-thành của thế-giới hiện-tượng, sách *Thái-huyền* thì lại yết ra ba hồi là: Thủy, trung, với chung, đó là sách *Thái-huyền* đối với tư-tưởng kinh *Dịch* lại phát-minh ra một thuyết mới. Nói về cai thứ-tự của muôn vật bởi bản-thể phát-sinh ra, thì Lão-tử có ba số là *nhất, nhị, tam*, Trang-tử có kể ra những số *nhất, thất, cửu*,

sách *Thái-huyền* thì kể ra những số *nhất, tam, cửu* với số *nhị-thập-thất*, thế thì học-thuyết của Dương-tử đối với cái tư-tưởng của phái Lão, Trang thực là độc-sáng, và hành-dộng tỏ rõ về thực-tại chứ không phải là mô-phỏng cả thuyết của Lão, Trang. Dương-tử luận về tính người cho rằng tính người là thiện-ác hỗn-hợp, trái với thuyết tính-thiện của Mạnh-tử, thuyết tính-ác của Tuân-tử và thuyết khả-thiện khả-ác của Đổng-tử vậy.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Dương-tử thực là tổ-thuật cái tinh-thần của Nho-giáo; cái tư-tưởng cốt-yếu của Khổng Mạnh là những việc tu, tề, trị, bình, Dương-tử cũng lấy làm trọng và lại thuật cái trung-đạo tự đời Nghiêu Thuấn di-truyền lại. Luận về nghĩa-vụ thì Dương-tử theo cái thuyết ngũ-luân của sách *Trung-dụng*, *Mạnh-tử* truyền lại; luận về đức thì Dương-tử theo cái thuyết ngũ-thường của Đổng-thị xướng ra. Và lại cốt lấy tính người làm cơ-sở mà bàn về cách tu-vi. Theo như thuyết ông ấy thì tính người thành ra là tự thiện-ác hỗn-hợp, hễ nuôi được điều thiện thì là người thiện, nuôi lấy điều ác thì là người ác. Mà số-dĩ thành ra thiện ra ác là bởi ở khi, thế thì người ta làm thiện làm ác đều là cái tác-dụng của khí cả. Nhưng khi là cái vật gì thì chưa thấy nói rõ. Dương-tử lại nói về cái giá-trị tu-dưỡng, bảo rằng người ta phải do tu-dưỡng như thế nào mới thành ra cái tính-cách thiện hay ác, và bảo rằng phải cần về sự tọc-vấn mà rằng: «*Học dễ mà tu lấy tinh, những sự trông, nghe, nói năng, đáng-dáp, nghĩ ngợi đều là có sẵn ở trong tính mình, học mà sửa lại thì chính, chẳng học thì hóa ra tà*».

(Còn nữa)

ĐÓNG-CHU DỊCH THUẬT

CỔ-KIM DẬT-SỰ

(Tiếp theo)

Nguyễn Xuân-Áng 阮春榮

Nguyễn Xuân-Áng là người huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an, cha mất sớm, ông thờ mẹ rất hiếu, có một ngày ông theo mẹ cùng một bọn đồng người ra đồng cắt lúa, thỉnh-linh có con hổ ở đầu xò đến, vồ bà mẹ ông ngã lăn ra, mọi người đều sợ hãi bỏ chạy hết, ông Áng rút đòn gánh chạy xông đến chống nhau với hổ, và giữ gìn lấy mẹ, hổ bị đòn đau bỏ chạy mất; bà mẹ ông bị thương ốm đến hơn một năm, ông cơm cháo thuốc-thang, ngày đêm hầu hạ không lúc nào rời. Khi mẹ ông chết, trong ba năm ngày nào ông cũng ra mà khóc, người đi đường thấy vậy cũng phải động tâm.

Phan Đình-Nghị 潘廷誼

Phan Đình-Nghị là người huyện Thạch-thành tỉnh Hà-tĩnh, cha ông mất sớm, ông thờ mẹ rất là hiếu-kính. Gặp khi có kẻ cướp vào ăn cướp, bắt mẹ ông để kháo cửa, ông chạy đến khóc-lóc, xin đem thân thay mẹ, giặc tha mẹ ông mà bắt ông đi; may người làng đỡ ra đánh cướp, nên giặc cũng buông ông ra.

Năm Minh-mệnh thứ 18, ông cùng ông Xuân-Áng cùng được triều-đình tỉnh-thưởng.

Nguyễn Văn-Lương 阮文良

Nguyễn Văn-Lương người huyện Lục-ngạn tỉnh Bắc-ninh, tính thực-thà lễ độ, chưa từng tranh-cạnh cãi nhau với ai bao giờ. Khi còn bé để tang mẹ, thương xót khóc-lóc, rất là hiếu-hạnh. Đến khi lớn, người cha ông ốm, ông chạy-chợt thuốc thang, ngày đêm cầu cúng, không may cha ông lại chết, ông

làm nhai ở mã, cư-tang trong ba năm, ngày đêm khóc lóc đến nổi mắt lòa. Ở chỗ ấy là chỗ rừng núi thú dữ rất nhiều, ông ngày đêm không lúc nào đi khỏi chỗ mã ấy, mà các loại thú dữ cũng không xâm-phạm đến ông. Xem thế đủ biết cái thâm-tình của người hiếu-tử, đến loài thú dữ cũng phải cảm-phục mà sinh lòng thiện. Năm Minh-mệnh thứ 21 triều-đình ban chiếu tỉnh-thưởng cho ông.

Nguyễn Văn-Danh 阮文名

Nguyễn Văn-Danh người huyện Bình-sơn tỉnh Quảng-nghĩa, thi đỗ tú-tài, là người thờ-phụng cha mẹ có tiếng hiếu-hạnh. Ở miền ấy gần núi nên lắm hổ. Có một bữa phụ-thân ông ra thăm đồng bị hổ cắn chết, ông ngồi nhà động lòng nóng ruột, liền suất gia-nhân ra đồng tìm, tìm thấy xác cha, nhận vết chân hổ thấy một chân sau con hổ nhỏ hơn các chân kia, ông đánh dấu lại để ghi nhớ. Lúc đem xác cha về chôn cất xong rồi, ông ngày đêm chỉ nghĩ những sự đi bắt hổ. Đi khắp các chỗ hang núi, đặt cạm treo mồi, quên ăn mất ngủ, kể đến hàng năm, giết được rất nhiều hổ. Có một hôm bắt được một con hổ chân sau bé nhỏ đem kháp với cái dấu cũ vừa in, ông bèn mổ con hổ ấy ra đem đến mổ cha cùng tế. Lúc tế xong rồi ông thái thịt hổ ra ăn hết, nhân thế mắc bệnh điên, thấy ai đến hỏi thăm, thì óng găm-gào nhảy-nhót y như con hổ. Sau lâu ngày dần-dần tỉnh ra, chỉ ngồi rớt nước mắt ra, mà không nói năng gì cả. Năm Thiệu-trị thứ 6, các quan đem việc tâu đến tai vua, móng-án triều-đình ban chiếu tỉnh-thưởng.

Phan Đăng-Doanh 潘登瀛

Phan Đăng-Doanh người ở huyện Đông-thành tỉnh Nghệ-an, cha mẹ đều chết sớm, ông một mình thờ-phụng bà tổ-mẫu, bà tổ-mẫu bảo gì cũng nghe theo mà không dám trái lời. Có một bữa kẻ cướp vào nhà ông, bà tổ-mẫu không kịp chạy tránh, phải quân cướp cầm đầu vào ngón tay rồi đốt lửa để kháo của, người nhà đều sợ chạy hết. Ông bấy giờ mới mười-ba tuổi, một mình liều mạng chạy đến tắt lửa đi, rồi kêu khóc xin quân cướp, quân cướp thương tình mà tha cho. Lúc bà tổ-mẫu có bệnh, ông hầu-hạ thuốc thang, ngày đêm chăm-chực, trong nửa năm trời mà chưa hề có ý sao nhãng.

Ông một lòng kính-thuận, trong làng xóm ai cũng kính yêu. Năm Minh-mệnh thứ tám, triều-dinh ban chiếu tiến-biểu cho ông; bấy giờ ông mới có mười-bảy tuổi.

Nguyễn Đình-Thần 阮廷坦

Nguyễn Đình-Thần người huyện Chân-lộc tỉnh Nghệ-an, vốn là một nhà làm ruộng, tính nết thuần-phác thực-thà, cả đời không bao giờ tranh-cạ h với ai, nên trong làng ai cũng có lòng yêu-mến. Có một khi nhân ông mua một cái nhà cũ của người ta để đem về dựng, sai người cháu đi dỡ ngói, người cháu bắt được mười lạng bạc, đem về đưa cho ông, ông bảo rằng: «Của này tất là của người chủ bán để đấy, không phải của mình mà mình lấy thì là người bất-nghĩa, nên cất đi để trả người ta». Được ít lâu người chủ cũ đến hỏi, ông liền đem ra trả ngay. Việc này dầu là một việc nhỏ, nhưng thấy của mà không tham, thực là một người có lượng quân-tử. Năm Minh-mệnh thứ 8, việc đến tai vua, cũng mừng-ân được nhà vua ban thưởng.

Vũ Huyền 武暉

Ông Vũ Huyền là cháu gọi quan tiến-sĩ Vũ Thuần là bác, người ở làng

Mộ-trạch. Tương ông rất lạ, ở giữa thiên-dinh đột một cái xương cao lên. Bấy giờ nhân có sứ Tàu sang, ước đánh cờ với vua ta, hề vua ta thua ba ván, thì sẽ để binh-mã sang đánh. Vua nghĩ mình cờ kém sứ Tàu, phải tìm người cao cờ giúp nước, triều-thần tâu cử ông; vua bèn triệu ông vào triều đánh thử, thấy địch thực tài cao, nhân nghĩ chước đối sứ Tàu, ước đến hồi trưa sẽ cùng sứ Tàu đánh cờ ở chốn sân rồng, chỉ cho mỗi bên một người cầm dù che hầu, còn đuổi ra hết, sứ Tàu y ước. Vua bèn sai giúi cái dù một lỗ thủng nhỏ để thông bóng mặt trời. Ông cầm dù che hầu vua, hề có nước nào thắng-thế, ông lại lấy bóng thông-dẫn quân cờ, bởi vậy vua ta được liền, sứ Tàu phải thần phục.

Việc xong rồi, vua trọng ông là người có tài, gọi ông là Trang-cờ nước Nam, được vua yêu-dương lắm. Ông từ đấy nức tiếng, không ai dám đương. Tục-ngữ có câu rằng: «Rượu làng Mơ, cờ làng Mộ» tức là ông vậy.

Giả mã hóa thực

Xứ Nghệ-an ở cách kinh-thành rất xa, những thầy cống cử mỗi khi đến kỳ thi hội, tiền hành-lý rất là tốn-phí, nên đã có câu rằng: «Ba năm thi chết ba trâu», đó là nói ba năm một lần đi thi phí-tồn bần chết ba trâu vậy. Có một ông cống-sĩ thi mãi không đỗ, cửa nhà kho-khẩn, liệu chừng khoa sau, tất không lấy tiền đầu mà đi thi được; mới nghĩ ra một kế, đến năm sau, đương đêm ba mươi tết, chờ lúc vắng, người không đi lại nữa, cầm cái thanh-la đồng lần treo lên ngọn cây cao, rồi đánh ba hồi thanh-la mà quát to lên rằng: «Ta đây là người treo bần cửa trời, có tên mõ ở làng mõ huyện mõ, được đỗ tiến-sĩ khoa này». Xa gần nghe tiếng như vậy, đều lấy làm lạ, sớm ngày mai đều đến nói cho thầy cống-sĩ hay, cống-sĩ nghe nói, giả vờ là mình không biết, mà bảo rằng:

* Cửa trời treo bâng, thì mặc cửa trời, ta tư-lương không có đã quyết khoa này không đi thi nữa rồi. * Mọi người đều khuyên công-sĩ cứ đi, và bảo rằng ông cứ đi thi, lo gì hành-lý không có. Đến kỳ đi thi, kẻ đem tiền người đem gạo đến tư-cấp cho, không biết bao nhiêu mà kể. bấy giờ công-sĩ mới đi thi. Khoa ấy quả-nhiên thi đỗ tiến-sĩ.

Khi trước ở làng ấy có một người xã-trưởng, thường hay đi săn đêm, một đêm kia đương săn ở ngoài đồng, thấy công-sĩ lên trèo lên cây, cũng không hiểu công-sĩ trèo lên làm gì, cứ dè yèn xem ý công-sĩ, rồi cũng đề bụng mà về, không hề nói bở lộ với ai. Đến khi công-sĩ đi thi, mọi người đem của đến giúp, chỉ người xã-trưởng ấy thì không giúp gì. Lại khi công-sĩ có tin thi đỗ, mọi người đến mừng, người xã-trưởng ấy cũng không chịu đến. Tới hôm vinh-qui, khách đến mừng rỡ đầy nhà, chỉ người xã-trưởng cũng không đến, ông công-sĩ lấy làm lạ, sắp sẵn cỗ bàn, sai người mời xã-trưởng đến mà trách rằng: «Ta với người xưa nay không có điều gì thù oán, sao nay ta được hiển-dật, ai ai cũng đến chơi mừng, chỉ một người không đến, ta không hiểu nhà người có ngờ gì ta». Người xã-trưởng trả lời rằng: «Tôi chẳng vì điều gì, chỉ vì lúc cửa trời phóng bâng có cả tôi ở đấy, cho nên tôi không đến mừng». Ông công-sĩ nghe nói phải bật cười, liền dắt tay xã-trưởng vào trong nhà uống rượu rất là vui vẻ.

Lại một thầy công-sĩ nhà nghèo, tuổi đã nhiều, thì mãi không đỗ, người vợ bảo rằng: «Chỉ đi thi một khoa nay nữa, nếu lại không đỗ thì thôi». Thầy công-sĩ thi khoa ấy lại hỏng, đương đêm chờ lúc người ta ngủ yên rồi, lén về nhà trèo lên nóc nhà, bịt cái ống vào miệng nói cho tiếng khác đi, rồi gọi lên vợ mà bảo rằng: «Ta là ông Thổ-công nhà máy dầy, máy phải tới

trước đây, nghe lời ta bảo». Người vợ hốt-hoảng tìm khăn áo rồi tới trước nhà thụp lạy. Ông Thổ-công hỏi rằng: «Chồng mày đỗ khoa này, thì mày phải chết, đến khoa sau đó, thì vợ chồng mới được song-tuyền ý mày muốn thế nào?» Người vợ liền van lạy xin rằng: «Xin cho chồng tôi khoa sau hãy đỗ». Ông Thổ-công bảo rằng: «Mày đã nói như vậy, thì cho trở vào, ta biến đây». Người vợ trở vào rồi, thầy công-sĩ đợi một lát rồi lại tuột xuống lên đi.

Đến hôm sau trở về, người vợ vội vàng đến hỏi có đỗ hay không? Thầy công-sĩ bụng đang buồn rầu không nói, vợ lại cố hỏi, thầy công-sĩ nói: «Hông rồi còn hỏi làm gì!» Người vợ nói rằng: «May quá! may quá! khoa này hỏng, khoa sau đó, can gì mà lo». Nhân kể lại lời ông Thổ-công cho chồng nghe, thầy công-sĩ cũng giả vờ mừng rỡ. Đến khoa sau đi thi, quả-nhiên đỗ tiến-sĩ.

Hai ông này là làm giả mà hóa thực, thật cũng lạ thay!

Vân canh tiết-nghĩa 其耕節義

Ông Lý Trần-Quán 李陳慣 là cháu cụ tiến-sĩ Trần-Hiên, người làng Vân-canh huyện Từ-liêm, thân-phụ ông làm quan đến chức tri-huyện huyện Đông-ngàn, sinh được ông và em ông là Lý Trần-Dự; ông đỗ tiến-sĩ khoa bình-tuất mà ông Dự cũng đỗ khoa kỹ-sử đời nhà Lê.

Sau ông làm quan đến chức đốc đồng trấn Hải-dương. Cao bâng, mãi vẫn giữ nếp thanh-bạch, không dám làm điều gì đến điểm-nhục gia-thanh lại khéo dạy học trò, học-trò rất nhiều người thành-dạt. Đến năm binh-ngộ, ông mới vào làm tham-tri ba phiên Bình, Hộ, Lại. Tháng sáu năm ấy gặp có quân nhà Tây-sơn ra đánh, chúa Trịnh Đoan-nam-vương sai ông đến miền

phủ Tam-dải phủ-dự nhân dân, và bắt đình-phu vào hồ-vệ nhà vua. Ngày 26 tháng ấy, kinh-thành thất-thủ, chúa Đoan-vương phải sang sông chạy lên miền tây, toan vào y-phụ với ông Thạch-quân-công (Hoàng Phùng-Cơ) ở Vân-cốc, đi qua đến làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, nghe tin ông đang phủ-dự ở địa-phương ấy, bèn vào quán ngồi, nói trá mình là quan Hành-tham, cho người gọi ông đến. Ông ra đến nơi, trông thấy chúa Đoan-vương, liền thụp xuống lạy. Chúa Đoan-vương đưa mắt bảo ông, rồi cùng ông mưu tính. Bấy giờ ông có hai người học trò là tên Ba-mô, người làng Vân-diêm, tên Tuần-Trang, người làng Hạ-lôi, nguyên vẫn là tay đầu trộm đuôi cướp, nhân trông thấy thế liền bảo thăm nhau rằng : « Người này đích là chúa Trịnh không sai, chúng ta nên bắt đến nộp chúa Tây-sơn để lấy công thưởng. » Ông Quán vô-tình không biết chúng như vậy, bèn bảo hai tên học trò ấy rằng : « Nay có quan Hành-tham là ông Bùi Huy-Bích qua đây, nhờ hai người tiễn đưa ra khỏi địa hạt này ». Lúc Đoan-vương vừa đi khỏi địa-phận làng Hạ-lôi, liền phải hai tên ấy bắt nộp. Ông nghe được tin ấy, đem cái nghĩa quân sư đến bảo, hai tên ấy nói rằng : « Yêu vua không bằng yêu nhà, trọng thầy không bằng trọng thân, nếu nay chúng tôi trông thấy không bắt, chúa Tây-sơn bắt tội thì sao ? » Ông biết thế không bảo được, lại sợ không giải tỏ được tâm-tích mình, liền qui xuống trước mặt Đoan-vương mà thưa rằng : « Thần xin chết trước, để giải hạch tấm lòng ». Nói rồi cầm thuốc độc ăn, nhưng cũng không chết.

Đến ngày hai mươi-tám, bọn tên Trang giải chúa Đoan-vương đi về Kinh, chúa Đoan-vương cất cổ mà chết. Ông nghe tin Đoan-vương chết, kêu trời khóc đất phẫn-uất không biết chừng nào, liền bảo với người chủ nhà

trợ rằng : « Ta là một người bề tôi làm lầm chúa, không chết không tỏ được tấm lòng này với trời ». Bèn sai người chủ trọ đi mua cho một cái quan-tài, rồi đào huyệt ở nơi sau vườn nhà ấy, đặt quan xuống huyệt rồi, ông bèn áo mũ trông về hướng nam mà lạy, lạy hai lạy rồi, lại bỏ mũ ra, lấy vải trắng chít khăn, lưng đeo cái đai lớn, rồi nằm yên trong cái quan-tài, sai người dạy nấp.

Lúc đã dạy nấp quan-tài rồi, ông lại bảo mở ra, miệng đọc một câu rằng : *Tam niên chí hiếu dĩ hoàn ; 三年之孝已完 thập phần chí trung vị tán 十分之忠未盡*. Lại dặn nhà chủ sau này bảo cho con ông, viết câu ấy đề thờ ông, nói xong lại bảo nhà chủ dạy áo quan và lấp đất.

Đến sau vua Chiêu-thống nhà Lê lên làm vua, truy tặng cho ông làm « Trung-dăng phúc-thần, Thuần-chính nghĩa-liệt đại-vương », sai lập miếu đề thờ.

Ồi ! Người ta ai là không chết, có cái chết nặng như non Thái, có cái chết nhẹ như lông hồng, mà chết được đặc-sở thì lại càng quý. Như ông không tiếc cái sống, cũng đã là giỏi hơn người, mà chết một cách như thế, há không phải là đặc-sở lắm dư ? Cái chết đặc-sở mà chết một cách thẳng-thốt còn dễ, ông thông-dong như thế, chẳng là càng khó lắm dư ? Cao-sơn cảnh-hành, muốn thừa chiêm-ngưỡng, người ta chỉ biết truyền-tụng ông Văn Thiên-Tường nhà Tống, mà không biết có ông, thực cũng là một điều đáng giận vậy.

Con thuyền chài tráo dổi với con quan

Quan Hiến-phó Nguyễn, người huyện Hoàng-hóa, bà phu-nhân năm sáu lần sinh mà lần nào cũng chỉ rớt những gái cá. Ông tuổi ngoài năm-mười mà chưa

có con trai, thường thường lo buồn. Một ngày kia ông được bổ làm chức Hiến-phó ở tỉnh Nghệ-an, khi đề-lị thì phu-nhân có thai; lúc lâm-bồn lại sinh con gái, khi ấy ông có việc quan đi vắng không có nhà đêm hôm ấy bà phu-nhân thấy người thuyền chài ở ven sông đẻ con trai, liền sai người thân-tín đem tiền bạc và mang con gái mình đến đánh đổi lấy con trai người thuyền-chài kia, người thuyền chài háo-lợi bằng lòng ừ o đổi ngay. Cách vài hôm ông về, phu-nhân bảo là đẻ con trai, ông mừng lắm. Được một năm đặt tên là Duy-Hùng. Năm lên sáu lên bảy, mắt thì vàng tóc thì đỏ, tinh thích lội nước, lười biếng không chịu học hành gì, ông nghĩ mình già-lão sinh được mụn con trai mười phần yêu-giấu, không từng đánh đập bao giờ, cho nên học-hành cũng không cưỡng ép. Kịp Duy-Hùng năm mười tám tuổi, gặp ngày có giỗ, ông vì có cảm nê không hành-lễ được, sai Duy-Hùng khẩn thay. Ông nằm trong nhà thiu-thiu ngủ, chợt chiêm bao thấy ở nhà ngoài cô-bà-bà bày la-liệt, chỉ thấy một lũ thuyền-chài, đầu đỏ áo nâu, kẻ cầm chài người cầm lưới, xúm nhau lại ngồi ăn, mà ông thân ông thì đứng ở bên. Kịp tỉnh dậy, nghĩ thầm không biết chiêm-bao ấy ra sao, và nghiệm xét hình-dạng Duy-Hùng giống người thuyền-chài lắm, mới đem móng ấu bảo với phu-nhân rằng: «Nàng ngày trước quả tu-thông với người thuyền-chài, sự-thể thế nào nên cứ nói thực». Bấy giờ bà phu-nhân không dám giấu nữa, mới đem việc ấy tường-thuật cho ông nghe, ông lập-tức sai người đến ly-sở ở Nghệ-an tìm hỏi người thuyền-chài đánh đổi con gái mình khi trước thì quả thấy người con gái ấy hình-dung yêu-diệu, trạng-mạo giống ông không khác chút nào, ông mới bảo người thuyền chài đem con gái gả cho Duy-Hùng, và hỏi cả tính-danh quán-chỉ,

thì té ra cũng là người ở huyện Hoảng-hóa.

Tục ta cho sự tuyệt-tự là bất-hiếu, ai không con thì nên nuôi những con anh em tộc-thuộc của mình để nối cái dòng-dõi ông bà nhà mình là phải; chứ nuôi những đứa con không phải tộc-loại của mình để làm thừa tự, thì cũng có khác gì tuyệt-tự đâu, xem như sự bà Hiến-phó nuôi con thuyền-chài đây, cũng nên lấy làm gương vậy.

ĐỒ-ƯÔNG 杜汪

Quan Thượng-thư tên húy là Ưông, người ở huyện Gia phúc, lúc bé đã thông-minh, học đến đâu thuộc đến đấy, lại thêm có đảm-cảm hơn người. Ở đầu làng có con nữ-qui ở cây đa rất linh-thiên, thường-thường ban ngày hiện-hình, biến-hóa trăm cách, hề ai động đến, thì hoặc ốm hoặc chết, không mấy người loãn. Một đêm, trời đang mưa bụi, mây mái đen rậm. Ông cùng mấy người bạn học, thắp đèn đọc sách. Có một người bạn bảo rằng:

— Đố ai dám đi một mình ra gốc cây đa, lấy đôi hài trũi về đây, bọn ta mỗi người sẽ cho ba trăm giấy.

Ông nói rằng:

— Sự đó có khó gì, các anh cứ ngồi đợi đây, tôi đi cho mà xem.

Nói rồi liền đội nón ra đi. Đi còn cách gốc cây đó mươi bước, trông thấy một người thiếu nữ, bận áo trắng quần thâm, xõa tóc phất phơ ở dưới gốc cây. Ông bèn nín hơi sẽ bước, lura lúc nữ-qui không phòng bị, thình-lình ôm phắt nữ-qui vào lòng. nữ-qui kinh sợ hỏi ai? Ông bảo rằng:

— Người trong làng là Ưông đây.

Nữ-qui bảo rằng:

— Vẫn biết rằng anh là người danh-sĩ. Xưa nay chưa từng có thất-lễ với anh, sao anh dám dưng-dột đến tội thế này, để bảo tôi không làm hại nỗi anh sao?

Ông bảo rằng :

— Sự họa-phúc bởi tự trên trời, há mi là một năm xương tàn được tự chuyên làm nổi dư ?

Nữ-quỉ làm trăm cách gỡ thoát, cũng không thể được, mới van lay rằng :

— Những người tôi làm chết, là những kẻ hèn-hạ vô-phúc đó thôi, còn như gặp bọn các ông, thì thiếp chạy tránh chưa xong, dám đâu can-phạm đến, u-minh cách-biệt, xin ông huông tha cho.

Ông nói rằng :

— Mi thiêng-liêng như vậy, tất biết việc trên trời. Lộc-mệnh ta sau này ra sao, phải nói ta biết.

Nữ-quỉ nói dối là không biết, chỉ nói ngọt xin tha ra, ông không nghe, lại càng cố hỏi, đến lúc gà gáy hai lượt, nữ-quỉ mới nói rằng :

— Đến năm ông ba mươi tư thì thi đồ, vào thi đình đồ thứ hai, làm quan đến cực phẩm, thôi xin ông tha thiếp, chằm lát nữa thì không thể đi được.

Ông bèn buông tay ra, nữ quỉ khóc rằng :

— Khinh-tiết cơ trời tất gặp hung-kiến, thân thiếp đã vậy, ông cũng có sự không hay, song thiếp vì ông mà mắc tội, lúc ông đắc-chí xin đừng quên nhan.

Nói xong đi được vài bước thì tự-nhiên biến mất. Các bạn chờ mãi không thấy ông về, báo nhau rằng tất ông không dám đi, cùng nhau tắt đèn đi ngủ. Đến sang canh năm, ông mới xách đôi hài mà về, hỏi ông sao mà về chậm, ông nói :

— Tôi với nữ-quỉ ngồi trò chuyện quá vui, đến đêm khuya mới từ biệt,

Hỏi nói những chuyện gì, ông cũng không chịu nói, anh em cũng vẫn còn nửa tin nửa ngờ, độ hơn một tháng nữa, bỗng có cơn mưa gió ầm ầm, sét đánh cây đa gãy đổ, từ đấy không thấy nữ-quỉ hiện-hình nữa.

Về sau ông thi đồ đệ nhất giáp khoa Bình-tất triều Mạc. Đồ thứ mấy, đồ năm hao nhiều tuổi, nhất-nhất đều bợp lời nữ-quỉ nói. Ông nhớ lời nữ-quỉ dặn, bèn dựng miếu ở chỗ cây đa cũ để thờ. Ông làm quan triều Mạc đến chức Lục bộ Thượng-thư, hàm đến Thiếu-bào, tước đến Quận-công, đến khi nhà Lê trung-hưng, ông lại ra hiệu-thuận, lại được quyền-bình như cũ. Đến năm niên-hiệu Hoảng-định, có giặc Phan-Ngan Kiều-Nga nổi loạn, xa giá về ngự Thanh-hoa, ông can-ngăn không được, lúc đi ra phải quân loạn-quân giết chết, như lời nữ-quỉ nói không sai.

Vũ Công-Xương 武公 廟

Ông Vũ-Công-Xương là cháu tăng-tôn quan Tham-hoa Vũ Công-Thành. Đương đời Cảnh-hưng nhà Lê, hoàng-thái-tử phải chúa Trịnh u-tù ở nhà kẻ nội-thần là Thiệu Quân-công, ông trông lòng căm tức, tự họp những người nghĩa-sĩ, mưu diệt Trịnh để phục Lê. Sau việc phát-giác, ông phải đem ra chém ở bến Đông-tân. Lúc ấy những người thân-thuộc bạn-bè ông, không còn ai dám nhìn nhận đến ông cả, duy có ông Nguyễn-Liên là giám-sinh ở làng Phan-khe huyện Lương-tài, đem rượu ra uống với ông để cùng nhau biệt-quyết. Ông uống rượu say rồi ngâm thơ. Bài thơ ông đưa cho ông Nguyễn Liên có câu rằng : « Nhất thân tự nhiệm cương thường trọng ». Lúc hành-hình ông nhan-sắc vẫn như thường, vươn cò cho mà chém.

Khi ông chết rồi, ông Nguyễn Liên trông nom chôn cất cho ông. Năm đình-mùi đời vua Chiêu-thống truy-tặng cho ông tước vương, và lập miếu thờ đệ tinh-biêu, lại cho người con nuôi ông là Hiệu làm quan. Đến năm kỷ-mùi nhà Lê mất nước, ông Hiệu theo vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, rồi cũng chết ở Yên-kinh.

Nguyễn Công-Hăng 阮公沆

Ông Nguyễn Công-Hăng người đời Lê, thi đỗ tiến-sĩ, làm quan đến chức Tể-tướng. Ông có bà chị góa chồng, nghèo đói khổ sở, tuy thấy ông quý-hiền nhưng không dám đến cậy nhờ chút nào. Một hôm vừa gặp lúc ông có việc về thăm nhà, bà ra đón đường, đề một cái xe quay sợi, ngồi quay giữa đường. Quân lính ông thấy có người đàn bà ngồi chân đường, nạt đuổi đi, ông liền bảo rằng: « Bà ấy là chi ta đây, chúng mày phải tránh đi ». Ông nhân hỏi tình-trạng bà làm ăn thế nào, bà than-vãn nghèo-khổ, ông liền rước bà cùng về Kinh-lô, rồi vào vương-phủ, truyền lệnh những dân ở hoàn-thành đến phải dọn nhà đi nơi khác, để mở con đường mới làm đường vua ngự. Ngay đêm hôm ấy đóc-thức một cách rất nghiêm-ngặt, nh ều người phải đến đút lót ông. Vì thế ông lấy của được hơn nghìn nén, sáng ngày đem hết ra đưa cho chị. Bà chị hỏi làm sao mà được nhiều của như vậy, ông thưa rằng: « Chỉ có chém người mới lấy được của mau như thế thôi ». Bà chị thất kinh, bảo ông trả lại bạc ấy cho dân hoàn-thành, liền từ về, không dám lấy một đồng nào cả.

Nguyễn Văn-Giai 阮文階

Ông Nguyễn Văn-Giai khi còn ít tuổi học một ông Thái-học-sinh kia ở trong làng. Ông là người có sức khỏe hơn người, gạo cảnh nhà nghèo, thường đi gồng thuê gánh mướn để lấy lương ăn học. Có một hôm đi làm mướn về, nực quá xuống tắm ở ao nhà thầy, trong khi bơi lội, quần áo để trên bờ phải quần vô-lại ăn cắp mất, đành trần-trồng náu ở dưới ao. Hồi lâu ở bờ ao bên kia, có một cô con gái ông giám-sinh đem khăn ra giặt, trông thấy ông lại lùi về, một lát ra vẫn tuay như vậy, một lát nữa lại

làng-vàng ra, vẫn thấy ông đứng ở dưới ao, liền biết ý bèn ném vải mướn trước vải ra đấy mà đi. Ông thấy vậy trong lòng rất căm-tạ, nhặt lấy vải đong khổ đi về.

Khi ông đỗ rồi, đến xin ông giám-sinh cho cưới làm vợ hai. Ông giám-sinh bảo rằng:

— Con tôi vô-duyên, đã chót hứa gả cho người học-trò tôi là người bạn đồng-khoa với ngài rồi, xin ngài bằng lòng vậy.

Gặp lúc ấy ông đồng-khoa kia cũng đến, cùng nhau tranh-biện mãi không xong, sau ông nói rằng:

— Tôi ở nhà cũng có vợ đã lâu rồi, không phải đam tham vì nhan-sắc đề anh em chê cười, chỉ vì khi tôi còn ít tuổi chưa làm nên, đã được cô ấy quá yêu, tôi đã định bụng lấy rồi, tấm lòng ấy có trời đất quỷ thần soi xét, tôi nào dám quên.

Nhân thuật hết duyên-cớ, ông giám-sinh vào nhà trong hỏi con, thì cũng hợp như lời ông nói, bèn để người con gái ấy gả cho ông làm vợ thứ hai, ông yêu-quí ba phu-nhân thứ hai này, cũng ngang với ba vợ cả.

Đình Văn-Tả 丁文左

Lộc Quận công tên là Đình Văn-Tả, người làng Hàm-giang; khi còn ít tuổi đã táo-bạo mà hào-hiệp, có sức khỏe hơn người, thường hay chơi với những đồ vô-lại, trong bè đảng đều phải phục theo. Ở phía trước làng Hàm-giang có một con sông lớn, rộng ước chừng một dặm, ông thường chơi đùa bơi lội khắp sông. Có một hôm ông cùng anh em đồng-bơi, thả thuyền ra giữa dòng soi gương rượu, nghe thấy tiếng chiêng ở làng bên kia sông tể thần, chúng xui ông đến lấy trộm, ó g nhận lời. Đến đêm lội qua sông đến lấy trộm cái chiêng về, lúc ra đến giữa sông đắm chiêng kêu choang choang, người làng

ấy mới biết, chạy ra đuổi cũng không kịp nữa, đành phải trở về.

Sau ông vì phạm tội phải bắt giam ở ngục Cửa-đông. Đương lúc ấy ở phía Nam-thùy có loạn, vua sai các quân ra bắn bia thi ở trước lầu Ngũ-long, gặp lúc quân ngục-tốt giải ông đi qua, ông trông thấy, cười mà bảo rằng :

— Bản mai không trúng, còn dùng lũ chúng mày làm gì.

Quân lính tức giận, liền đưa súng bắt ông bắn thử, ông lại chọn lấy cái súng thật to, tựa súng vào hén má bắn luôn ba phát thùng mất ba cái học, những quân-lính đều phải kính phục. Sau quan liệt-biểu lại bảo ông bắn để xem, ông bắn không phát nào sai. Việc ấy tâu đến tai vua, vua tha tội cho ông, cho sung-quân đi đánh giặc Nam-thùy. Lúc gặp giặc, quan-quân đóng cả ở trên núi, quân giặc xông đánh, tướng-sĩ đều lui chạy, một mình ông nấp ở trong bụi rậm, đợi quân giặc đến chĩa bắn. Giặc sợ có phục-binh phải kéo quân lui về. Quan-quân thừa thế đuổi đánh, quân giặc tan vỡ, từ đấy ông nổi tiếng là một tay tướng tài, thường lập được nhiều công lớn, vua ban cho tước Quận-công. Ông xin nộp trả cả các sắc, chỉ xin xóa tên ở trong sổ can-án đi thôi. Sau lại có nhiều công-lao, làm quan đến cực-phẩm.

Đến năm ông tám mươi tuổi, ốm nặng, vua đến tận nơi thăm. Hỏi ông còn muốn gì nữa, ông thưa rằng :

— Xin trước khi chưa chôn xuống đất, được dự vào hạng phúc-thần, thì chết cũng thỏa-nguyện.

Vua hứa cho, liền sai đem sắc tuyên đọc ngay ở trước giường ông nằm. Nhưng không bao lâu ông lại khỏi bệnh, lại sống mấy năm nữa mới chết.

Thần Phạm Ngũ-Lão với người giám-sinh

Một ông giám-sinh kia người ở huyện Nghi-dương, cùng với một viên thiếu-giám là người đồng-huyện rất quen

thân. Viên thiếu-giám mất, giám-sinh sửa-soạn việc tang rất là chu-tất. Vừa có khoa thi, giám-sinh đến Kinh để ứng-thí, đương đi ngang qua đất Thượng-bồng (Phủ Bình-giang) trời vừa tối, gặp viên thiếu-giám mới về nhà nghỉ, đi đến nhà thì thấy lầu điện đẹp đẽ, quán linh hầu-hạ rất sâm-nghiêm, thiếu-giám sai thịt trâu làm tiệc đề đãi giám-sinh. Giám-sinh nhân hỏi cái hậu-vận mình ra thế nào, thiếu-giám nhân mặt mà bảo rằng :

— Anh sau này cửa nhà tan-nát, mệnh-vận cũng-kiết, già đời cũng không thành công-danh-gl.

Giám-sinh khấn-khoản xin thiếu-giám có phép gì thì cứu giúp cho, thiếu-giám đáp rằng :

— Khoa thi này đề ra rất khó, hễ thấy có người lên là Phạm Đình-Trọng thì nên giúp cho người ấy. Người ấy là một người có thể cứu giúp cho anh được.

Nói chuyện một hồi thì đi ngủ, đến sáng ngày cáo từ đi, quay đầu trông lại, thì thấy chỗ ấy là miếu thờ ông Phạm Ngũ-Lão ở làng Phù-Ứng, mới biết thiếu-giám là ông Phạm Ngũ-Lão. Giám-sinh nói chuyện với người làng ấy, thì quả-nhiên nghe đềm ấy, trong làng có con trâu tự-nhiên chết tươi, mà chính là thần miếu ông Phạm Ngũ-Lão giết để thiết tiệc đãi giám-sinh vậy. Giám-sinh nghe vậy đề bụng, đi đến Kinh ứng-thí. Đến kỳ tam-trương, quan trường ra bài phú đề là « Tuyên hiền nhiệm năng ». Khi ấy một ông đồ đến hỏi giám-sinh câu đề ấy xuất từ đâu ? Giám-sinh hỏi ông đồ tên là gì, ông đồ đáp là Phạm Đình-Trọng, giám-sinh bảo cho ông Phạm Đình-Trọng biết về chỗ đâu đề bài phú ấy rất rõ-ràng. Khoa ấy ông Phạm Đình-Trọng thi đỗ tiến-sĩ. Sau không bao lâu thì tỉnh Đong có giặc nổi, vợ con giám-sinh đều bị nạn cả, chỉ còn mình giám-sinh sống sót, đến nương tựa ông Phạm Đình-Trọng, ông Phạm Đình-Trọng giúp đỡ

cho nhiều bề, nhưng giám-sinh cũng chỉ đủ nuôi thân. Khi nào trong số quân-công của ông Phạm Đình-Trọng có ghi tên giám-sinh vào, thì việc ấy lại không thành, nên giám-sinh đến già đời cũng chỉ làm giám-sinh, mà không có danh-phận gì cả.

Nguyễn Danh-Cử 阮名舉

Đời B: o-thái triều nhà Lê, có người giám-sinh ở làng Phù-khang tên là Nguyễn Danh-Cử làm tri-huyện huyện Lập-thạch, là người gian-hiềm, thường hay đổi trắng thay đen buộc tội cho người, quan trên cũng không thể xét được. Trong hạt huyện có việc hai làng tranh nhau địa-giới, giết chết mất ba người, bên bị đền khất quan huyện về khám, Danh-Cử ăn ngầm của bên nguyên ba nghìn quan tiền, đến đêm khuya, sai người lên đến chỗ tử-thi, một cái thầy thi cạo tóc tóc đi, một cái thầy thi cắt mất dương-vật, một cái thầy thi cắt mất nữ; đến hôm sau, sai đem tử-thi ra khám-nghiệm, biên án xong rồi, Danh-Cử bảo rằng :

—Những nhân-mạng này không hợp với lời khất khám của bên bị, tất là làng này giết ngầm một ông sư, một quan-thi, một tên kẻ cướp, rồi đem đồ vạ cho người ta chớ không sai.

Bên bị lý khuất không còn nói sao được nữa. Lại thi-thăm đồ nhúng vạ con các nhà khố-chủ cho một ít tiền, rồi xử hòa-giải. Đến lúc vơ-vét đã đầy túi rồi, liền được thăng làm tri-phủ phủ Từ-son, trong hạt có một ông lão người huyện Yên-phong, nhà giàu cụ-phủ, trước sinh được một người con gái, gả cho một người sinh-đồ ở trong làng. Đến năm tuổi đã bảy-mươi-năm lấy vợ nhỏ, lại sinh được một người con trai. Về sau người rề muốn ăn cả tài-sản của bố vợ, cùng vợ ông, lão kia tranh-kiện là đứa con trai sinh sau không phải là con ông lão kia. Kiện lên đến phủ, Danh-Cử ăn dứt

một trăm nén bạc, xử là không phải con thực, diên-đạo án-tử, trăm cái án ấy đi, làm cho ông lão kia là 1 hòng con.

Đến khi Danh-Cử đã nặng túi rồi về hưu, tiền kẻ có vạ, ruợng ba bốn trăm mẫu, sinh được một người con gái và ba con trai, đều đờ trưởng-thành. Con cả thì không thiết học-bành, cạo tóc đi tu, con thứ hai thì tự cắt dương-vật làm quan-thi, con thứ ba thì nhân lúc ruợng say, phải người thù cắt mất mũi, được vài năm cả ba người đều chết hết cả, chỉ còn một người con gái gả cho một nhà lão-hữu ở huyện Đông-ngân. Đến năm Danh-Cử tuổi gần tám mươi, lấy một người vợ nhỏ, lại sinh được một đứa con trai, người con rề bảo người đã tám mươi, có lẽ đâu còn đẻ con nữa, đem lên quan kiện, ông quan ấy cũng ăn lễ dứt, và viện cái việc ông lão ở huyện Yên-phong ngày xưa, xử người con trai ấy không thực là con Danh-Cử. bao nhiêu gia-tài diên-sản về người con rề được cả. Danh-Cử về sau không ai cúng giỗ gì nữa.

Nguyễn-Phan 阮瑤

Quan Thanh-phái hầu Nguyễn-Phan khi còn bé ở quê mẹ ở làng Bội-thượng huyện Hoằng-hóa. Theo học cậu, ông tính hay chơi bời du-dăng, cậu thường trách mắng, ông bèn bỏ đi. Đầu làng ấy có đền thờ thần Chấn vũ, ông vào đền lấy tiền túi ra, đặt lên trên án, đánh chẵn lẻ với thần, ông giao hẹn rằng : « Hễ thần được bạc thì thần lấy tiền, hễ ông được bạc thì ông lấy giấy vàng giấy bạc. » Nói rồi, tự ông cầm tiền dôi, ông được, ông nói rằng : « Hãy để đây, mấy hôm nữa sẽ đến lấy. » Nói xong rồi đi. Kịp khi ông đến thì bao nhiêu giấy vàng giấy bạc ở đền, người thủ-từ đã đem đốt mất hết, ông trách thần rằng : « Ông đã thua tôi, lại dám tiêu hết cả những của thua bạc ấy nữa. » Nói rồi lấy gạch đánh vào đài thần.

lương mấy cái, và hẹn trong ba ngày phải sắm đèn, nếu không, ông sẽ lại đánh, ông nói xong lại đi. Đến hôm ấy người thủ-từ nằm chiêm bao thấy thần bảo rằng: « Ta bị thảng bé ranh con đến quấy nhiễu, nó cũng là bạc qui-nhân, hãy nên nhện nó, dùng giấy vàng giấy bạc may dốt bao nhiêu, phải y số đèn tra, lại dề vào chỗ cũ ấy, dùng dề nó lại đến quấy-nhiều ta.» Người thủ-từ y lời thần mua tra, lúc sau ông đến trông thấy, cười mà bảo rằng: « Thần đã biết khuấy thì thôi, tôi lấy những thứ này cũng vô-dụng.»

Khi ông đã hiện-qui rồi, lại biết cả bùa trị-qui, mỗi khi ông ngủ, thì tự mình đóng cửa lại, ngủ hàng năm ngày bảy ngày. Trước nhà ông có một cây đa, người nhà cứ trồng trên cây, lúc nào gió rung xào-xạc, tức là lúc ông ngủ dậy, ông có gọi thì người nhà mới dâm vào. Hễ ai có tật-hệnh hay có việc gì kêu cầu, thì cứ đem tiền giấy và hương-hoa đến kêu cầu, chờ lúc nào ông đi ra đi vào vui vẻ, thì đến kêu xin. Hễ ông gật đầu là được mà lắc đầu là hỏng, không phải lùa phải thuốc gì.

Quan Ân-sát Biên - hòa là ông Nguyễn hữ-Độ cũng nói làng bên đấy ở giáp với sông, thường bị bờ sông lở nước tràn vào rất là khổ sở, đến kêu ông Phan, ông ném cho một mảnh ván gỗ, cầm về đóng vào chỗ bờ sông ấy, sau tự-nhiên cát bồi lên, bờ sông không bao giờ lở nữa.

Lê thu 黎秋

Đương năm Tự-đức thứ 15 (1862), ở xứ Đông có giặc, quan Tổng-đốc Định-An phụng-định đem quân đi tiêu, đóng quân ở ngoài thành tỉnh Hải-đương. Bấy giờ có người học-trò Tàu là Lê Thu say rượu nói càn, phải người đầy tớ ông Thượng nghe tiếng đến thưa với ông, ông liền sai đem ra chém. Quan Trung-thừa là Phan Tam-

Tĩnh nghe được tin ấy vội-vàng chạy vào viên-môn thưa với ông Thượng rằng:

— Lê Thu có tội gì?

Ông Thượng bảo rằng:

— Nó là trình-thám của giặc, thăng ma con ấy dám cù gan như vậy!

Quan Trung-thừa nói rằng:

— Hẳn thi đình quán-quán, là một tay danh-sĩ đó, sao bảo là giặc được, xin ngài minh-cửu cho, kéo oan người ta.

Ông Thượng nghe nói, liền sai giắt ngay vào, Thu vẫn thẫn-sắc như thường. Quan Thượng quay hỏi rằng:

— May là học-trò phải không?

Thu thưa phải. Ông Thượng bảo rằng:

— May đã bận áo dẫu, sao còn dám phạm quán-luật ta, để bảo gươm của ta không sắc hay sao?

Thu thông-dong thưa rằng:

— Tôi dâm đầu phạm vào quán-luật của ngài, hôm qua tôi thực vì say rượu nói càn, bình-phẩm các nhân-vật, thữ mà ngài vội tức giận, sao đó-lượng hẹp-hòi không dung-vật như vậy? Tôi đã đành dâng giấy, song e rằng đến trăm năm về sau, gươm của ngài không sắc được mãi thôi.

Quan Trung-thừa nói rằng:

— Học trò dám mửa-mép, đường-dốt đến oai hùm, chém đi cũng là đáng, còn mong lượng bề rù lòng-thương mà tha thứ cho.

Ông Thượng bảo Thu rằng:

— Nếu may thực là danh-sĩ ta dốt ba tấc hương thử cho may một bài văn, nếu may làm được văn hay, ta sẽ tha tội cho.

Thu xin cho dẫu-dề. Ông Thượng ném cho một mảnh giấy ra bài thơ « Thủ-dương thi » lấy vần « sơn », và một bài phú « Vọng-phu thạch » lấy vần « Vạn » cớ cương thường có lập xứ, nhất ban tâm sự, bất ngôn trung. » Thu cầm bút làm xong ngay, giấp ra

dem trình, ông Thượng xem vẫn rất lấy làm khen ngợi, lập tức sai tha ngay.

Thợ mộc Nam-hoa

*Đền rằng thợ mộc Nam-hoa,
Làm cầu làm quán làm nhà khéo thay.*

Xưa ở làng Nam-hoa huyện Thanh-chương có một người thợ mộc rất khéo, khi làm xong cái đình Nam-hoa, kiểu mẫu mực-thước và cách hướng-bội trông rất thần-diệu, xa gần nô-nức đến xem, ai cũng bảo đến ông Lỗ-Ban ông Lý Lâu là tỏ thợ mộc cũng không khéo bằng.

Có một hôm người thợ mộc đang ngồi trong nhà, thấy có hai người vào, nói vàng mệnh Long-vương đến mời. Người thợ mộc nghe lời muốn thoái-thác không đi. Hai người kia bảo rằng:

— Long-vương cho người đến mời, nếu anh không đến, tất có tai-họa lây đến cả vợ con. Vả làm xong cung-diện thì anh lại về có việc gì mà không đi.

Người thợ mộc bèn dẫn dõ vợ con, rồi sắp đủ các thứ đồ làm thợ đi với hai người. Lúc đi đến sông, rẽ nước đi xuống, không khác gì đi trên đất bằng. Đi chưa đến nửa giờ đã tới cửa điện. Long-vương ngồi trên điện gọi bảo rằng:

— Trẫm muốn lập một cái điện, vật-liệu đã đủ cả rồi, phiền nhà người chế ra qui-cử thể nào, làm cho thật đẹp. Khi lạc-thành rồi, ta sẽ thưởng công cho. Người thợ mộc bèn chọn ngày khởi công, làm chính-diện năm mươi gian, và cung hoàng-hậu ba mươi gian, rộng-rã ba năm mới xong. Lúc lạc-thành rồi, người thợ mộc liền xin về, Long-vương ban cho một cái tráp niêm-phong kỹ-lưỡng, mà bảo rằng:

— Dương-gian âm-phủ cảnh-giới dấu khác, nhưng cái tính ưa thích cũng như nhau, anh trở về cấm không được tiết-lộ việc dưới Long-cung này, liền sai hai tên qui-sứ rẽ nước đưa về.

Lúc người thợ mộc về tới nhà, người nhà trông thấy, vừa mừng vừa sợ, người vợ bảo rằng:

— Chẳng xuống thủy-phủ, tôi tưởng không có lẽ nào lại về, mẹ con tôi sợ gai vừa mần tang-chế, đã nhờ người xem ngày để làm lễ trừ phục rồi.

Họ hàng làng xóm đều đến hỏi thăm việc dưới thủy-cung, anh ta cũng đều giấu không nói chuyện gì cả. Lúc mở tráp ra xem thì thấy trong có ba mươi hạt minh-châu, bèn đem đến kinh-đó để bán. Bấy giờ có người nước Ba-tư cầm hạt châu mà bảo rằng:

— Ngọc-châu này là ngọc ở mai nhà già lột ra, trần-gian không lấy đâu có, tất là đồ của Long-vương mới được tổ-hảo như vậy.

Người thợ mộc bèn định giá mỗi hạt năm trăm quan, bán cho người nước Ba-tư được hai mươi hạt, được hơn một vạn quan tiền, còn lại mười hạt đem về làm của. Từ đó gia-tư giàu có nhất huyện, không ai giàu bằng.

Đến năm người thợ mộc tuổi đã bảy-mươi-năm, gần đến lúc chết mới gọi vợ con nói chuyện hết đầu đuôi sự ba năm đi làm điện cho Long-vương, nói xong thì chết ngay, mà những hạt châu để trong tráp cũng đi đâu mất hết.

Phạm-Viên 范員

Ông Phạm-Viên người Đông-thành xứ Nghệ-an, là con cả ông tiến-sĩ Phạm-Chất. Ông là người thông-dĩnh, đọc sách chỉ nhắc mắt đã thuộc lâu, thường xem truyện *Liệt-tiên*, trong lòng lấy làm hâm-mộ, liền bỏ cả các sách, chỉ nghiên-cứu về tiên-thuật, lâu dần học được phép tiên. Đến năm tuổi ngoài hai mươi, cha là Phạm-công mất. Sau khi mần-tang rồi, ông Viên vào ở núi không về nữa, có khi thác hình đi giông chơi, song giấu kín tông-tích, ông đi khỏi rồi người ta mới biết là ông, hoặc gặp mặt ông, thì cũng không biết ông

ở đầu đến. Có một người bạn thân với ông đang muốn mời thầy về dạy con, ông liền giả làm người học-trò đến cửa xin dạy, ông chủ cũng không biết là ai nói xin đem lễ đến tận nhà làm lễ nhập môn, ông bảo rằng :

—Tôi vợ con không có, nhà cửa cũng không, lấy của làm gì, xin cứ được ăm no là đủ.

Ông chủ bèn mời đến nhà dạy học, ông chăm-chỉ dạy bảo, rất có mô-phạm làm thầy, các làng bên nghe tin kéo nhau đến vài mươi người lại xin học.

Lúc ông đến, chỉ bận một cái áo rách, ở dạy học được hơn một năm, mùa rét mùa nực, cũng không thay áo, và cũng không tắm gội giặt rửa gì. Học trò góp tiền may một cái áo vải để biểu, ông nhận lấy cũng không hề mặc, rồi đưa gửi ông chủ nhà. Lại ở hơn một năm nữa, ông cáo-từ xin về, ông chủ lấy làm lạ mà hỏi rằng :

—Lúc trước ông nói không có nhà, nay ông bảo về, thì ông về đâu ?

Ông Viên nói rằng :

—Lúc trước nói bỡn đó thôi, tôi đi lâu ngày, người nhà mong nhớ, xin về để thăm nhà.

Ông chủ liền họp cả học-trò đi tiễn, đến giữa đường ông Viên bảo rằng :

—Nay sắp trường-biệt, vậy cái áo làng lúc trước đâu, đem ra để mặc.

Mặc độ nửa giờ, lại cởi đưa cho các người học trò, mà bảo rằng :

—Vài năm sau nữa, làng này sẽ có họa tai. Lúc bấy giờ cầm cái áo này mà gọi lên ta ra, ta sẽ đến cứu.

Học-trò hỏi tên, ông bảo rằng :

—Ta tên là Phạm Viên.

Học trò hỏi :

—Bây giờ thầy đi đâu ?

Ông bảo rằng :

—Đi mây cưỡi hạc, giông rá tiêu-đạo, không có chỗ nào là nhất-định.

Các học-trò bèn lạy tạ trở về. Có một người là Nguyễn-sinh, cố xin đi theo, ông cười mà bảo rằng :

—Đi được càng hay, chỉ sợ tiền-dồ hiềm-ngại, được nửa đường lại bỏ thôi.

Nguyễn cố thể xin thế nào cũng đi được, ông ừ cho, đi năm sáu ngày, lúc thì đi đò ra bể, lúc đi bộ lên non, ông Phạm liền ngủ đầu, đều có những người đạo-sĩ tiên-nhàn khoản đãi. Nguyễn hỏi nhà thầy ở đâu ? Ông Phạm chỉ cười bảo còn xa. Lại đi vài ngày, trông thấy một cái núi, chung quanh núi có khe, đi đến gần khe thì khí độc tối mù, trong nước nao rờng rần, nào thường-luồng ba-ba, rất nhiều loài kỳ-quái, Nguyễn sợ hãi không dám đi, ông bảo rằng :

—Đi qua chỗ này sẽ đến nhà ta ngay, cứ đi đừng sợ.

Nguyễn lắc đầu là thầy không dám đi, ông Phạm liền vén áo, bước nhảy vào lưng con ba-ba, lên đầu con rắn, co chân bước qua, sang đến bờ gọi Nguyễn, lại giơ tay để giặt sang. Nguyễn khóc nói rằng :

Thầy là người tiên, nên không lo-ngại, tôi đây phàm-thai tục-cốt, bất-chước thầy thì tất bị nó cắn.

Ông bảo rằng :

—Như vậy sao mà không trở về ?

Nguyễn khóc kêu quên mất đường, xin ông đưa về cho, ông bảo rằng :

—Ta đã đi đến đây, lẽ đâu trở lại, anh cứ về một mình cũng được.

Liền cầm cái gậy đưa cho Nguyễn cưỡi lên, bắt nhắm mắt lại, dặn rằng hãy bước đến đất mới được mở mắt ra. Nguyễn nghe lời, cưỡi cái gậy tre mà bay lên, vừa chớp mắt đã rơi xuống đất, thấy mình đã đứng ở đầu làng. Lúc về đến nhà, hỏi ra đã hai năm rồi, trông đến cái gậy tre, đã biến đi đâu mất.

Vài năm sau nữa, có bọn giặc núi kéo ra, làng ấy bị giặc đốt. Lúc ngọn

lửa cháy lên, người làng cầm cái áo ấy trốn ra đồng, gọi to lên rằng: "Phạm Viên-tiên-sinh". Gọi rút lời, thì bỗng cơn gió mưa kéo đến, sấm sét ầm-ầm, bọn giặc sợ tan, lửa cũng tắt hết. Người làng bèn đóng hòm để cái áo ấy mà phụng thờ.

Trịnh Quang-Huy 鄭光輝

Ông Trịnh Quang-Huy là người làng Cò-bi, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. Ông nguyên là một người trong hung-ngũ xuất-thân, có quân-công, liền thăng đến chức Lĩnh-binh tỉnh Thái-nguyên. Lúc ông đang làm Lĩnh-binh, về mặt thượng du tỉnh ấy, thường thường có nhiều bọn thổ-phỉ Tàu sang quấy nhiễu, ông thường hướng-dẫn các quan-quân lên đánh và đốc-vận quân-lương, vượt núi qua rừng cũng không quản gì hiểm-trở. Đến năm Tự-đức thứ 33, ông cùng các quan quân-thứ, đóng quân ở đồn Bắc-cạn, tên thủ-lĩnh bọn thổ-phỉ Tàu là Lý Á-Sinh, đem quân vây bọc đánh phá đồn, đồn vỡ, quan quân đều chạy tan hết, một mình ông bị quân thổ-phỉ bắt được, ông quyết chí tự-sát, nuốt trộm thuốc phiện và dấm thạch để chết, lúc thuốc vào, phát ra chứng điên cuồng một cách hung-dữ, rồi lại thổ thuốc ra, mà không chết được. Thổ-phỉ bèn giải ông về Ba-bể, lấy lời

ngon-ngọt khuyển-dỗ ông, ông chỉ làm thinh mà không nói gì cả. Đến đêm khuya ông thừa-cơ trộm nình xuống bể, không may bọn thổ-phỉ biết chèo thuyền ra cứu vớt lên, ông lại không chết được. Từ đó quân giặc canh giữ nghiêm-ngặt, phạm những đồ bằng sắt gì, đều thu giấu hết, ông bèn đập trộm một cái bát, lấy miếng sành vỡ đó đâm vào bụng, rồi lấy tay rút ruột ra, máu chảy đầm-đìa. Không ngờ mới rút ruột ra được một ít, thì đã mê-mán không biết gì, tướng giặc liền lấy thuốc buộc cho ông, nên ông lại không chết. Ông ba lần muốn chết mà không chết được, rồi phải quân giặc để ý canh giãm, trông nom đến luôn. Sau nhờ có một người bô-thuộc cũ chèo thuyền giả làm người đánh cá, nấp ở trong bụi cây bên bờ bể, mật-mưu với một người phu nấu muối, đương nửa đêm lên vào đem ông xuống thuyền, ông bèn về được. Lúc về đến triều, các quan quân-thứ hạch-lầu về sự thất-trạu, ông phải giáng hai cấp. Ông sống đến gần tám-mươi tuổi mới chết.

Ôi. Ông là một người võ-biên, gặp cơn nguy-biến, quyết chí quyền-sinh, tỵ nghĩa như vậy, thật là hiếm có, đáng ghi vào sử sách, để lại làm gương cho đời sau.

Sở-cường lập

TÌNH-HẢI TỪ-HÀNG

(Sự kinh-nghiệm về chữ tình của hạng con trai)

IV

Chàng Trương Sáu-Cúc

Chàng Trương Sáu-Cúc người đất Hà-gian, hồi Bắc-kinh có loạn Quyền-phỉ cùng với cha mẹ đi trốn chạy, liền lạc mất cha mẹ, Sáu-Cúc đi tìm cha mẹ chẳng được, tự mình thề với mình rằng, nếu chẳng tìm được cha mẹ, thì

thà lưu-lạc phương khác cũng cam, chẳng trở về lấy vợ nữa. Chịu ơn sâu của cha mẹ, chưa báo-đền được muốn một chí chí, nữ lòng nào lấy sự vợ con làm vui dư!

Sáu-Cúc bơ-vơ ngày tháng đi tìm cha mẹ, khi tiền lương đã hết, mới vào

một điếm buôn đồ hàng vải làm thuê. Người điếm-chủ khen Sáu-Cúc là kẻ chăm chỉ thành-thực, rất dễ lòng tin-cần. Chẳng đầy ba năm, điếm chủ giao cho coi-sóc công việc cả trong một điếm, Sáu-Cúc hết sức vì điếm-chủ kinh-lý, trong điếm một ngày một thịnh vượng, nghiệp buôn một ngày một phát-đạt, những lợi buôn được, trừ món kinh-phi chi-dùng hằng ngày ra, còn bao nhiêu thì hết thảy đem trả lại cho người điếm-chủ. Người điếm-chủ càng lấy làm khen, lại càng tặng cấp cho nhiều. Sáu-Cúc hàng năm chỉ may bộ quần áo vải để mặc, còn ra chẳng tiêu-phi một đồng nào, đem những tiền điếm-chủ chi cấp cho mình còn thừa lan ra cho kẻ nghèo khổ, gần xa vài mươi dặm, chẳng ai là chẳng được nhờ ân-huệ. Những kẻ nghèo khổ nhờ ân-huệ ở vùng ấy, lễ gặp Sáu-Cúc thì liền giơ tay lên trán chúc rằng đó là ông chúa cứu-khổ cho lũ chúng ta đây. Thậm-chi có kẻ đọc lên khẩu-hiệu na-mô Di-đà để gọi Sáu-Cúc là Phật, mà chúc cho Sáu-Cúc được nhiều phước.

Ngày tháng thời đưa thắm-thoát, Sáu-Cúc đã ba mươi tuổi rồi, người người đều khuyên Sáu-Cúc nên lấy vợ. Hễ có người khuyên thì Sáu-Cúc liền lắc đầu đáp rằng : « Xin đừng nói thế, cha mẹ tôi, tôi chưa tìm được ứng-tích, hiện nay chưa biết lưu-lạc chốn nào, kẻ làm con sao nỡ tự mình đã tình sự yên-vui. »

Hằng năm chàng quản xếp bỏ mọi việc, để ro ngày tháng, muốn dậm đi tìm cha mẹ, rút lại vẫn chẳng tìm được. Sáu-Cúc buồn rầu quá, hằng đêm cứ ngửa mặt lên trời mà than rằng : « Trời ơi! Há Sáu-Cúc này phải tội lỗi gì với trời, mà trời khiến cho Sáu-Cúc này mất cha mẹ, chẳng được hết lòng hiếu-thờ, để mang sự đau đớn với thiên-cổ đây dư? » Kế-tiếp lại gọi cha ơi! mẹ ơi! mà nói rằng : « Cha ta mẹ ta ở đâu? cha mẹ có biết rằng con ở đây không? »

cha mẹ sao chàng đi về, con nhớ cha mẹ, tấm lòng con như đốt cháy vậy ». Khi gọi thế mà tịch-nhiên chẳng thấy cha mẹ thoro, thì trở về nằm một mình mà khóc, khóc lâm-rối-ngủ, ngủ thì thường thấy chiêm-bao cùng cha mẹ ăn uống vui vậy, cha mẹ đều vui-vẻ không đáng sầu. Sáu-Cúc khi ấy cả mình, tiếng cười khanh khách, mở chân choàng dậy, nét mặt còn hiện ra sắc cười, người ngoài trông thấy thường chẳng biết Sáu-Cúc chiêm bao thấy sự gì mà mừng như thế.

Có một năm kia, công việc tháng xuân vừa xong, Sáu-Cúc lại đi ra nơi ngoài tìm cha mẹ, giữa đường đến đất Hán-toàn, toàn vào nhà trọ để cầu lấy chỗ nghỉ chân, thì đã thấy một người thiếu-nữ đứng tựa vào cửa nhà trọ mà khóc. Sáu-Cúc dễ lòng thương, nhân hỏi người thiếu-nữ ấy sầu-khổ về điều gì, thì người thiếu-nữ ấy bày tỏ nỗi khổ của mình rằng :

— Tôi quê quán ở đất Lâm-an, cha tôi buôn bán ở đất Hán-toàn này, đã lâu chẳng thấy tin tức gì, tôi với mẹ tôi đến đây tìm hỏi, thì cha tôi đã chết rồi; mẹ tôi vì quá thương mà ốm, lại gặp có bệnh thời-dịch, chẳng đầy nửa tháng mà mẹ tôi cũng lại chết nốt, tôi thu xếp chôn mẹ xong, số tiền ở nhà mang đi đã hao-phi hết sạch, tôi phải nương-tựa người đồng-nghiệp với cha tôi ngày trước, được ít ngày người ấy vì cơ buôn bán sa sút, cửa nhà nghèo túng, không nuôi nổi tôi, mới đuổi tôi về. Tôi bơ-vơ không biết về đâu được, nên phải đứng đây mà khóc.

Sáu-Cúc nghe nói, càng lấy làm thương, liền mời người thiếu-nữ cùng vào nghỉ trong nhà trọ. Người thiếu-nữ khóc-lóc nghe theo. Rồi người thiếu-nữ lấy làm bơ-ngờ ngượng-ngùng, lại muốn đi nơi khác. Sáu-Cúc hỏi rằng :

— Nhà cô ở đâu?

Người thiếu-nữ khóc đáp rằng :

— Cha mẹ tôi đã chết cả, tôi còn làm

gì có nhà. Bây giờ tôi đi ra, chẳng qua cũng là người ở giữa đường mà thôi.

Sáu-Cúc nhìn nghĩ bụng lại càng lấy làm ái-ngại, không nỡ lại phóng người cùng-khốn ra giữa đường, nhân lại bảo rằng :

— Cô hãy tạm trọ ở đây, rồi tôi sẽ vì cô tìm được chốn yên thân.

Người thiếu-nữ ngó ý cầu-tạ nói rằng :

— Ông bậc quân-lữ đôi-lương kẻ cùng, xin từ đây nghe theo đường chỉ bảo.

Sáu-Cúc thương là kẻ cô-khờ bơ-vơ, tức khắc cho đi theo. Người thiếu-nữ liền dẫn Sáu-Cúc đến chỗ mà cha mẹ mình, rồi xút-xùi sụp xuống lạy ở trước mã, lăm-răm ngó lời tạ-biệt cha mẹ, rồi cùng Sáu-Cúc cùng đi. Sáu-Cúc khi ấy khôn-xốt cảm-động, nửa phần thương người thiếu-nữ, lại nửa phần thương mình, hạt lệ tuôn rơi, chan-chứa đầm-dia lại có phần hơn người thiếu-nữ. Nhân bảo người thiếu-nữ rằng :

— Cha mẹ cô đâu chết, nhưng còn có mã ở đó mà khóc lạy, chứ tôi thì cha mẹ tung tích mất-mù, chẳng biết còn hay chết, sống hay khô, vì muốn được một cái di-tích gì của cha mẹ để mà viếng khóc, cũng không thể được, nói tóm lại thì tình-cảnh cô còn sống hơn tình-cảnh tôi, tôi sao được chẳng khóc.

Sáu-Cúc nói xong liền khóc mãi chẳng thôi. Người thiếu-nữ khi ấy lại phải nuốt cái thương của mình đi, mà đem lời để yên-ủi Sáu-Cúc.

Từ đây Sáu-Cúc cùng với người thiếu-nữ cùng đi vân-vơ tìm cha mẹ, từ đất Hán đến đất Ninh đất Hồ đất Hàng đất Mãn, rứt lại cũng chẳng thấy tăm-hơi gì cả, lại phải lau nước mắt mà về.

Người trong điếm buôn thấy Sáu-Cúc đem người thiếu-nữ về, cho là Sáu-Cúc đã được người vợ yêu, vui-vẻ tỏ lời chúc mừng. Có người khinh-bạc nói bỡn Sáu-Cúc rằng :

— Bác xưa kia thế thối thế nào mà cũng có ngày nay đây ư? Sẽ biết cái sắc đẹp nó đủ di-dịch tâm-linh người ta, không thể ngăn trở được vậy.

Sáu-Cúc nghiêm-chính sắc mặt đáp rằng :

— Xin các người đừng vội xem khinh bụng tôi và xem thường người thiếu-nữ ấy. Lòng tôi xưa kia thế với trời đất, quyết chẳng dám trái đã đành, đến như người thiếu-nữ kia, nếu là kẻ ăn sồi ở thì, thì tôi quyết sớm bỏ ở giữa đường kia rồi, sao có thể đem về được đến đây.

Mọi người đều tạ lỗi nói rằng :

— Người thực-nữ kia chẳng ngó nhan-sắc như hoa đào lý, mà tinh-nết như chất băng-sương, chúng tôi mới dũa đã tự biết rằng lầm lỗi chẳng ít.

Sáu-Cúc mới thung-dung nói rằng :

— Người ấy không phải là hạng nữ-tử lăm-lường, người ấy bơ-vơ không cửa không nhà, dốc một đường đi theo tôi, một tiếng cười một lời nói không câu-thả, tôi lấy làm thương và lấy làm trọng, cho nên tôi phải đem về đến đây.

Sáu-Cúc nhân thuật qua sự trạng người thiếu-nữ cho chúng nghe, thuật đến đoạn đau-dớn thảm-thương của người thiếu-nữ thì người thiếu-nữ ồ lên than khóc, không thể ngăn cầm được. Mọi người đều vì thiếu-nữ cảm-động, cũng có kẻ sa giọt lệ thương vậy. Sáu-Cúc liền sửa một chốn nhà riêng để cho thiếu-nữ ở, hằng ngày cấp cho chi-phí, ngồi, không cùng một chiếu, ăn, không cùng một mâm, trừ có sự gì nên nói thì mới nói một đôi câu.

Ít lâu, có người muốn vì hai người loát-hợp khiến cho thành lứa đôi, bảo riêng Sáu-Cúc rằng :

— Bác đã là trai chưa có vợ, lại là kẻ có ơn với người ấy, người ấy đã từng cảm ơn bác, bác nếu tình đường xe tơ kết tóc với người ấy, chắc người ấy sao chẳng thuận theo. Bác nay sản Lầu vàng vẽ, xa-cách nâng mura, đó là sự

trời, không phải là sự người xui nên, há-lỗi-khư-khư giữ mãi lời thề trước, mà chẳng lĩnh đường gia-thất về trăm năm.

Sầu-Cúc đáp rằng :

— Khốn thay ! Ngái chẳng biết bụng tôi, sao ngái lại nói những điều như vậy.

Người kia nói :

— Ngày tháng trôi dạt, thanh-xuân nan-tái, người ấy có lẽ nào như ở Hàng trong cung Quảng được mãi, người ấy lại chẳng oán bác đứ gư ! Bác đã chẳng định kết duyên Tấn Tân với người ấy, sao bác chẳng vì người ấy gả chồng đi, há chẳng được điều phúc-dức lớn ư ?

Sầu-Cúc tỏ lòng hân-hạnh mà lấy làm phải, liền đi nói với thiếu-nữ. Thiếu-nữ khóc nói rằng :

— Chẳng thì tìm cha mẹ chẳng được, thiếp thì mình còn mà cha mẹ mất, bên thì sinh-ly, bên thì tử-biệt, cũng là một giống khổ-lân. Vì thiếp cho chàng là người có hiếu-hạnh hơn người, cho nên dám đem thân nhờ-cậy chàng. Chàng thử nghĩ xem, thiếp nay bèo nước lênh-dênh, thương cha nhớ mẹ, muốn sự còn dám lĩnh sự gì làm vui, sự chàng ngộ nói gả chồng cho thiếp. ngày nay, chắc là có kẻ xui bảo chàng, không phải là bản-ý của chàng, nay xin đem thân gửi chàng, khiến cho kết-liên, vợ ba-sinh, kéo nữa tâm luyến còn phất-phơ ở giữa chợ chữa biết về tay ai, sẽ có làm kẻ bán ra nói vào, bên lại lộng, thề thường nghe những lời ấy được, chẳng hay ý chàng thế nào ?

Sầu-Cúc cảm-dộng là lời thành-thiết, mới ngả lời nghe theo, liền tuyên-cáo với bè-bạn gần xa, trọn ngày làm lễ cưới.

Người thiếu-nữ họ Kim, tên là Phương-Cổ, dung-nhan như ngọc, sinh đẹp khác thường, mà tinh-nết lại trinh-linh hiền-thục, tuy hằng ngày thương

nhớ cha mẹ, trên mặt thỉnh-thoảng có hạt lệ sa; nhưng mặt nhả-đạm của hoa lê, vì có hạt mưa diêm-xuyết mà lại càng thêm xinh-đẹp.

Sầu-Cúc đã được Phương-Cổ làm kẻ nội-trợ, lại kinh-lý điểm-vụ như thường. Mỗi một năm lại cùng với Phương-Cổ dò-la đây đó, đi tìm cha mẹ một lần mà vẫn chẳng được, thắm-thoải đã hai-mươi năm.

Chợt một hôm có người đến điểm buôn đồ hàng, Sầu-Cúc nhìn nét mặt người ấy, xét liếng nói người ấy, và xem dáng-bộ cử-chỉ người ấy rất giống cha mình, mà người ấy cũng giương mắt trông-trông nhìn vào Sầu-Cúc. Sầu-Cúc thử hỏi mấy điều, biết rằng quả là cha mình rồi, liền ôm lấy cha mà khóc, vừa khóc vừa nói rằng con được sống mà trông thấy cha thực là đáng hoàng-thiên quả không phụ lòng vậy. Rồi cha con đều thuật lại những tình-trạng sau lúc ly-biệt nhau khôn-xiết thương-cảm.

Trước kia Sầu-Cúc cùng cha mẹ thừ-lạc, cha mẹ chán, cũng đi tìm chàng mãi chẳng được, mới theo người bạn đồng-hư-vong là Chu-mỗ cùng đi chạy nạn xuống miền nam, mở ngôi hàng buôn bán ở đất Hồ. Trong nhà cũng hơi có súc-lich, người mẹ Sầu-Cúc thì đã bị bệnh chết rồi, người cha lấy một người kẻ-thất họ Hoàng, sinh được người con cũng đã lớn khôn, thế là cha con xa cách có ngôi ba-mươi năm, bây giờ mới lại được gặp nhau.

Sầu-Cúc bắt đầu trông thấy cha khôn-xiết mừng-rỡ, kịp khi biết mẹ đã chết lại khôn-xiết xót thương. Chàng bảo Phương-Cổ ra bái-yết cha rồi tức khắc từ-giã người điểm-chủ, mà cùng với Phương-Cổ theo cha về đất Hồ để phụng-dưỡng cha. Sầu-Cúc tự khi về đất Hồ thay cha kinh-lý mọi việc, thờ mẹ kẻ cũng như mẹ đẻ, coi anh em khác mẹ cũng như anh em một mẹ. Từ đây thông giả huyên nữ, anh hiền em kính,

vợ phượng chông loan, diễn ra một cảnh gia đình hòa-lạc. Ôi ! Trời kia có phụ ai đâu !

Chàng Chu Quốc-Hành

Chàng Chu Quốc-Hành là một gã lái-tử đất Tương-trung, phong-lưu lối-lạc, niên-thiếu đa-tài, khi làm văn như mưa sa gió táp, nghìn vạn lời nói đặt ngòi bút là thành ngọc, người ngoài trông thấy đều coi là bậc đại-tài mà khen rằng Chu-sinh là ngòi bút thiên-tài, bàn tay quốc-thủ vậy. Nhưng Quốc-Hành chẳng lấy nghề văn-chương làm tự-mãn, lại đi sang nước Mi học-lập đường công-nghệ.

Một hôm Quốc-Hành được ngày nghỉ học đi chơi, dừng-đỉnh dạo bước ở bên đường, chợt có một cái xe hơi vùn-vụt đi ở bên cạnh, một vị nữ-lang bất-hạnh bị xe ấy đụng phải, người nữ-lang bị thương tức-khắc ngã quay xuống đất mê ngất đi, gặp khi không có lính canh-sát ở đó, cái xe hơi kia nhân được trốn lối vụt chạy. Quốc-Hành thấy tình-trạng ấy cả lấy làm giận, lập tức đến nơi cứu hộ nữ-lang, vì đưa đến sở y-viện để điều-trị. Khi đó trông người nữ-lang thì mặc vận lối Âu-trang mà tóc đen mũi thấp, chừng là giống người Chi-na, vốn là kẻ đồng-bang mà sang học ở đất này vậy. Hận rằng nữ-lang đã hôn-mê, không thể ngời dậy mà hỏi chuyện được, mà dấu thương thì nặng lắm, trong tâm Quốc-Hành chỉ lo rằng nữ-lang chẳng thể cứu được. Kịp đến nhà y-viện, thầy thuốc xem xét một hồi lâu, nói rằng dấu thương tuy nặng, còn có thể chữa được, Quốc-Hành mới yên tâm.

Cách ngày mai Quốc-Hành đến thăm, thì nữ-lang tỉnh-thần đã hơi thanh-sảng, ngảnh mặt vào bên trong mà nằm. Song vì thầy thuốc dặn-dó rằng không nên làm phiền-nhiều tinh-thần người có bệnh, cho nên Quốc-Hành coi

qua bệnh-trạng, rồi vội-vàng đi ra, thấy bệnh-linh nữ-lang có cơ dần khỏi, trong tâm khôn xiết mừng thầm. Qua mười ngày, nữ-lang bệnh khỏi dần, đã gắng-gượng ngồi dậy được, đương cùng với người khản-hộ phụ nói chuyện nhàn-dâm, Quốc-Hành chợt đi vào, người khản-hộ phụ liền trở vào Quốc-Hành mà bảo nữ-lang rằng người ấy là người cứu cho nữ-sĩ đấy. Nữ-lang ngửa mặt trông Quốc-Hành, con mắt hiện ra dáng-bộ cảm-tạ, liền chìa bàn tay ngọc đưa ra cho Quốc-Hành, Quốc-Hành tiến lại trước mặt cầm lấy tay. Nữ-lang lấy làm cảm-động mà nói lên rằng :

—Muôn đời ơn sâu ngài cứu tôi trong lúc nguy-nạn, nếu không có ngài, tôi đã là người chín-suối rồi vậy. Những sự-linh khi đó, tôi thực hôn-mê chẳng biết gì, chừng là tôi phải người khác đánh bị thương mà chết ngất đi đấy phải không ?

Quốc-Hành đáp rằng :

— Không, chẳng phải bị người đánh, bị xe hơi đụng phải đấy.

Nữ-lang kinh-hãi nói rằng :

— Xe hơi đấy ư ?

Quốc-Hành rằng :

— Phải.

Nữ-lang nét mặt nở-nang, tỏ ra dáng-bộ quá mừng nói rằng :

— Tôi được sống sót ở dưới nạn xe hơi, thực là điều hạnh-phúc lớn.

Quốc-Hành nói rằng :

— Lúc ấy tôi thấy có bị xe hơi đụng phải, kịp chạy lại vực-đỡ thì chót đã bị thương, chỉ liếc rằng xe ấy nó đi nhanh quá, không kịp nhận được là số-hiệu gì, mà gần ven đó lại không có lính canh-sát, không bắt được cái xe ấy để đưa vào lưới pháp-luật, đưa tội-khỏi xong ra ngoài lưới, rất là đáng liếc.

Nữ-lang cười nói rằng :

— Đó là cái lỗi tại tôi đi đường không đề ý, không nên chuyên-trách tại xe hơi.

Nữ-lang nhón lấy tay xoa vào chỗ bị thương, lấy làm đau lắm mà kêu lên.

Người khấn-hộ tức-khắc bảo Quốc-Hành rằng :

— Người bệnh tinh-thần có hạn, xin đừng nói nhiều để làm nhiều linh-thần người bệnh.

Quốc-Hành tức-khắc cáo từ ra đi. Nữ-lang còn ngờ ý cảm-tạ chẳng thôi, mắt còn trông theo bóng Quốc-Hành đi, liền ngã đầu xuống đệm mà ngủ.

Quốc-Hành khi về nhà trọ, trong bụng đoán nghĩ bệnh-trạng nữ-lang một ngày một có triệu lốt, trong bụng càng mừng. Cách ba ngày, Quốc-Hành lại đi đến thăm, thì nữ-lang đã hơi dạo bước đi lại được, hai người mới cùng bàn nói qua bệnh-linh. Quốc-Hành khi đó, dường như chợt có cảm-xúc, kíp hỏi nữ-lang rằng :

— Tôi thực vội-vàng chữa kíp hỏi, có quý-tinh-danh là gì ?

Nữ-lang mỉm cười nói rằng :

— Bấy lâu tôi cảm ơn ngài lắm, chẳng kíp đem lễu-tinh lễu-danh trình ngài, lại chẳng biết thỉnh hỏi đại-tinh đại-danh ngài, nghĩ tôi thật là mê-muội khá cười, tôi lễu-tinh là Đường. lễu-danh là Thuấn-Anh, hiện đương học về môn mi-thuật ở trường học Khang-sĩ, nay tôi cũng xin ngài làm ơn cho biết đại-tinh đại-danh, để tôi mình-cảm về sau.

Quốc-Hành tức khắc nói ra họ tên của mình cho Thuấn-Anh hay. Thuấn-Anh mừng nói rằng :

— Người là người nước Trung, cảnh là cảnh đất lạ, chẳng hẹn mà gặp, thực khá vui thay !

Quốc-Hành sợ làm nhiều linh-thần Thuấn-Anh, tức-khắc chẳng nói rườm-rà gì nữa, cúi mình từ-biệt đi ra. Thuấn-Anh còn muốn lưu lại nói chuyện. Quốc-Hành rằng :

— Mai tôi sẽ thủng-dụng lưu lại nói

chuyện độ nửa ngày, cũng chữa muộn gì.

Thuấn-Anh kíp hỏi rằng :

— Tôi ở trong bệnh-viện này đã bao nhiêu ngày rồi ?

Quốc-Hành nói rằng :

— Có ở trong bệnh-viện chẳng qua mới hai mươi ngày đây thôi.

Thuấn-Anh nói rằng :

— Tôi bỏ khoảng học-khoa đã hai mươi ngày rồi ư ? Liên rằng chẳng thể đứng dậy đi ngay vào học-viện, để bồi-lập những khóa đã bỏ khoảng trước ; kể nửa tháng ngày thắm-thoát, khóa học dở-bộn rối loạn như mở bóng-bong, khó phân chỉnh-lý lại được.

Quốc-Hành nói rằng :

— Cô lính đủ tuệ, học lại cần. Thực là khá kinh. Tuy vậy, đau nặng chữa khỏi, sao lại cấp-cấp làm gì ?

Thuấn-Anh nói rằng :

— Xuân-xanh chẳng lại, ngày trắng nhàn qua, điều đó người có chí xưa nay cũng lấy làm hận. Thử thiếu-niên mà nhãng học, thì cái lão đại nó liền theo sau, ăn-năn lại cũng chẳng kíp nữa.

Quốc-Hành nói rằng :

— Chỉ của nữ-sĩ thực là hay, nhưng hiện nay còn ở trong cơn bệnh, xin đừng nói nhiều để rối-loạn linh-thần.

Quốc-Hành nói xong, tức-khắc cầm mũ đi ra. Quốc-Hành từ đấy cho rằng Thuấn-Anh bệnh đã gần khỏi, trong lòng khôn-xiết mừng-rỡ, khi ngồi khi đứng khi ăn khi nói, chẳng lúc nào là chẳng hiện ra sắc mặt vui-mừng.

Kíp đúng đến ngày hẹn vào thăm, Quốc-Hành lại sửa soạn dâng-bộ chỉnh-tề đi vào. thì Thuấn-Anh đã ngồi đợi sẵn ở trong nhà, trông thấy Quốc-Hành tức-khắc đứng dậy đón tiếp, Quốc-Hành vừa cười vừa nắm lấy tay Thuấn-Anh mà nói rằng :

— Nữ-sĩ bệnh khỏi, lòng tôi yên vậy.

Thuấn-Anh nói rằng :

— Sáu đời ơn ngài, bệnh tôi mười phần đã khỏi chín, nếu không gặp ngài, thì tôi' chẳng biết đã chôn xác ở chốn nào rồi.

Quốc-Hành nói rằng :

— Đỡ kẻ đau thương, cứu người yếu đuối, là cái thiên-chức của người ta vậy, huống-chỉ tôi với nữ-sĩ cùng là người đồng-quốc, xin nữ-sĩ bất-lát dề lòng cảm ơn tôi, tôi chỉ khấn trời kia làm ơn hậu phúc đầy cho nữ-sĩ.

Thuấn-Anh cúi mình cảm-tạ, nhân đem quyển Phật-kinh ở trên án cùng với Quốc-Hành giải-thích diệu-nghĩa, cùng bản nói rất vui.

Trải qua một tinh-kỳ (bảy ngày) nữa, Thuấn-Anh mạnh-mẽ như thường, Quốc-Hành lại tức-khắc đưa Thuấn-Anh vào nhà học-hiệu học-tập như cũ.

Được hơn một năm, Thuấn-Anh tốt nghiệp, ra khỏi trường học Khang-sĩ, mà Quốc-Hành thì còn phải lưu lại nước Mi học nữa năm nữa. Thuấn-Anh không nỡ về trước, mới thuê riêng nhà trọ ở đó để đợi Quốc-Hành cùng về. Quốc-Hành học càng chăm, nghĩ bụng rằng kẻ mi-nhân kia để lòng thịnh-cảm với ta, ta nếu tự mình chẳng phần-chấn, lấy gì đối-đáp lại với kẻ kia. Quốc-Hành mới hết sức học-tập chẳng nghĩ, kết-quả được danh-dự là thực-sĩ đi về trước.

Quốc-Hành trước hằng đưa Thuấn-Anh đi về quê cũ, cha mẹ Thuấn-Anh nghe biết có sự Quốc-Hành cứu Thuấn-Anh trong lúc gặp nạn xe hơi ấy, khôn-xiết cảm-động, nhân ngộ lời cảm-tạ và ngộ ý cầu-thân với Quốc-Hành rằng :

— Nếu chẳng phải' tiên-sinh thì năm xương của tiều-nữ tôi chẳng được đem về cố-quốc vậy, tiên-sinh thực là làm sống lại cho người chết, mà gần gần thì cho cái xương khô, tiều-nữ tôi thực đã ghi-cảm ơn sâu, nếu lại được đời ơn chẳng bỏ kẻ hàn-lậu, thì xin đem tiều-nữ gả về qui-tộc để giữ việc chồi-gơ.

Quốc-Hành ngộ ý khiêm-tốn từ-chối hai ba lần. Thuấn-Anh nhân nghĩ bụng rằng kẻ kia có ơn mà chẳng kể, có công mà chẳng khoe, thực là người lượng lớn phẩm cao, mới đi đến trước mặt Quốc-Hành mà bày-tỏ chí-nguyện rằng :

— Thiếp tôi là kẻ tầm - thường, nguyên chẳng đủ phối-hợp với đáng quân-tử. Duy thiếp tôi bấy lâu chịu lòng đau-dáu, thực không lúc nào lia khỏi tiên-sinh, nếu xê cho tấm lòng băng-tuyết, chẳng bỏ chất mọn phi-phong, thực là ân đức của tiên-sinh vậy, tiên-sinh nếu chẳng đoái đến tôi, thì tôi cũng chẳng vui gì trên trần-thế nữa.

Quốc-Hành nghe Thuấn-Anh tỏ lời quả-quyết, không nỡ từ-chối nữa, mới cảm-tạ Thuấn-Anh rằng :

— Hàn-sĩ tôi đối với thực-nữ, vẫn sẵn lòng kinh-phục đã lâu, ngày nay xin chẳng dám có lời khác.

Ồi! Một chuyện thương - đau, mà kết-hợp cái cơ-duyên giai-nhân tài-tử, đôi bên cha mẹ đều được hưởng cái hạnh-phúc dầu thảo rề hiền.

HÁT TƯỜNG

LÂN PHƯỢNG KỶ-DUYÊN (1)

IV

HỒI THỨ BA

Thập tư-hiếm Trương Hùng hoạch
kể
Ngộ ảo-thuật Vũ-thị bại binh

Vũ Trung-Chính nói :

Lúa gia-hòa nội chậ; dù binh-lộ
sân êm. Chín trùng cao rù áo xiêm;
trăm họ dưới mừng nếm chiếu. Hủy
Trung-Chính deo quyền Quốc-lão;
bồng Vũ-gia giúp vận Sở-triều. Đúc
gan son uểng hạ lâu-lâu; rạch mặt
nghĩa gương thu chỏi-chỏi.

Lại nói :

Như lão nay: Từ sần ngọc chịu lời
xuất-tái; ra ái đồng gắng sức binh-
chung. Vì man-nhân làm chước hoãn-
công; khiến lão-tướng nhọc lời khiêu-
chiến. Nay, nghĩ lại binh-pháp có nói
đọc: *Thiên lý nhi lai, lợi tại tốc chiến
千里而來,利在速戰. Nay man-nhân
lạ thân câu cao lũy, là hãn sĩ ngã kiêu-
biểu đây, nhưng mà chẳng lẽ duy-trì hoài
mãn rì. Quân, bút giấy đây. (Mới viết
chiến-thư giao cho bộ tốt ..): Giao bộ-
tốt vân-tiền nhất phiến; chỉ man-
thành nhật dạ kiểm-trình. A đấng cho
bá biết: Ngã Sở-triều nhược thị
cường binh; bỉ man-tặc đồ vi thượng-
sách.

Bộ-tốt nói :

Dạ thưa: Cảm vì chỉ xích; mặc nạn
khí-khu. Lạy đại-gia an tại thành-
ngã; mặc tiểu-tốt đệ lai thư tía.

(Trung-Chính hạ)

Lại nói :

Àu là: Hoang-mang tổc-tiến; khăn-
cấp cao phi a.

(1) Xem Nam-Phượng từ số 186.

Bác-xương :

Thân phận na từ lộ hiểm di,
臣分那辭路險夷
Mang lòng điều đạo dụng tri khu;
忙從烏道用馳驅
Man-nhân chỉ nhật lai qui phụ,
蠻人指日來歸附
Nhất chỉ hiền ư thập vạn sư.
一紙賢於十萬師

Thôi Phát-Thanh xướng :

Nhất thanh sắt sà thạch sa phi,
一聲叱咤石沙飛
Cá cá văn danh khiếp hồ uy;
个个課名怯虎威
Lực năng tời hải-đảo,
力能摧海倒
Thế khả bạt sơn di;
勢可拔山移
Pháp thuật hoàn suy ngã,
法術還推我
Cao đê cánh dữ thù.
高低更與誰

Lại nói :

Chức vi Man-dộng đồng-sư, ngô nữ
Phát Thanh Thôi-thị. Như ta: Thi vân-
bá tróc gian bộ qui; phiến hồ-lô hoán
vũ hồ phong. Nơi nơi đều khiếp mặt
anh-hùng; người người cũng sợ tay
yêu-thuật. Từ vâng lệnh di thư Sở-
quốc; trong ấy Man-chúa ta cầu cầu mi-nhào,
đĩ vĩa bang-giao chỉ báo mà thôi, si ngờ
Sở-vương bất thính, khi rứa chừ lại sai lữ
Vũ Trung-Chính: bèn đem binh cự
chiến Đồng-quan. Cờ binh đảo tướng-
đương, tủy lại thổ áp. Ta cũng muốn ra mà
bè cổ lữ di cho may chốc, nhưng mà ta
nghĩ lại, bị binh sự lại, chẳng là kỳ phong

thận như: Bằng giao-binh chi khỏi tòa
thương; mới kiến-bích chờ khi kiêu-
ngạo. (Chợt có Sở-quân đến)

Sở-quân nói:

Đạ, tôi là bộ hạ; từ chốn Quan-trung;
Đem trình thượng thư phong; xin khán
tướng áo-lý (Thối Phát-Thanh xem thư
rồi cả giận).

Thối Phát-Thanh nói:

Trung-chieh Trung-chieh (thầy thầy);
Tam yêu hỏa-khởi, hỏa-khởi; mấn
nhơn yên-phi, yên-phi. Quái sát tha Sở-
tướng lão-si; cả n thị ngã man-nhân
nhĩ lí. Truyền quân-nhân tốc khứ;
hồi man-động báo tri.

Y nhất lệnh chỉ huy; hoán tam quân
đãi giáp.

Man-quân ban:

Tướng lai như hủ lạp, hủ lạp,
將來如朽拉
Binh đảo nhược khó tời, khó tời,
兵到若枯摧
Huy kiếm kích mấn sơn tắc dã,
揮劍戟滿山塞野
Phất linh kỳ tẩu thạch phi hời.
拂旌旗走石飛灰

Thối Phát-Thanh bắc xướng:

Hùng binh vạn đội quân tiền lai,
雄兵萬隊管前來
Khoái ngã thần thông triển dị tài,
快我神通展異才
Phần bí tam quân kim tất vãng,
奮彼三軍今必往
Sát tha phiến giáp định nan hời.
殺他片甲定難回

(Chợt quân tiền-đạo đến báo).

Quân-nhân nói:

Đạ thưa dĩ đạo Đổng-quan.

Thối Phát-Thanh truyền lệnh nói:

Tiền diệp đảo Đổng-quan a: Truyền tả-
hữu phân khai; mau dinh đồn nghiêm
thiết.

Quân-nhân đáp:

Thừa mệnh (cùng hạ),

Vũ Trung-Chính ra nói:

Tự tiểu-tốt phụng ngô xích-trát;
qua Mán-thành kích bỉ phiến ngôn. Lý
chiến hòa vẫn lại tiền-món; phượng
lợi hại khôn thông viễn-tín.

Sở-quân báo nói:

Đạ đạ: Quan tiền hốt kiến; tái ngoạ
bôn lai. Mán binh rày mấn dã an bãi
thần hạ phãi hồi thành phi báo.

Vũ Trung-Chính nói:

Nga văn thuyết đạo; bất tận hoan
hân. Giết cường man trăm đoạn thi
phần; lỗ lão-tướng nghìn năm tiết cả.
Tam quân, nghe lão đạ: Trên một lỗ
đề đao khóa mã; dưới các người đá
cỏ huy kỳ. Tuân ngã lệnh khu tri;
vọng bí binh xung phá.

Quân-nhân đáp:

Từa mệnh.

Sở-quân ban:

Thừa lệnh-hạ, lệnh-hạ; phần quân
tiền, quân tiền. Chư tướng đảo tình kỳ
ái ái; đại binh lai xa mã huyền huyền.

Vũ Trung-Chính bắc-xướng:

Bách vạn ti hưu tướng thập thiên,

百萬貔貅將十千

Tiểu binh Mán-lỗ dụng lâm biên;

勦平蠻虜用臨邊

Vương sư sở chí thùy năng địch,

王師所至誰能敵

Tảo tẩu phu công chỉ nhật hoàn.

早奏虜功指日還

(Bôi bên gập nhau, bày thành thế
trận).

Vũ Trung-Chính cười ngựa ra nói:

Nhơn tiền khan yêu tướng nhất viên;

眼前看妖將一員

Bối hậu ủng thiên binh vạn đội.

背後擁千兵萬隊

Phụng vương mệnh chính kỳ hữu

奉王命正其有罪 [tội];

Vấn Mán-nhân lai giả hà danh?

問蠻人來者何名

Thôi Phát-Thanh nói :

Ờ, người hỏi thì ta sẽ nói ; Man Đổng-sư Thôi-thị Phát-Thanh là ta đây ; còn như người có phải : Sở lão-tướng Vũ-gia Trung-Chính đờ chăng ?

Trung-Chính nói :

Đã biết tên ta sao chẳng kịp xướng ngựa, cỡi ?

Phát-Thanh nói :

Và như ta : Tài chẳng dự trăm nghìn tướng mạnh ; chứ như người là : sức khôn lường chín chục thân già. Mà ừ ta cũng có nghe tên người đã lâu, nhưng mà ta lột-rút lăm : Dao trâu chi giết đến cổ gà ; thối, đem binh-mũ về mà biệt hoá danh-tướng, ra đánh cùng ta, cỡi như người nữa tài-cán đặng mấy hơi ; lưới thỏ dạm giăng ngang mặt cáo.

Vũ Trung-Chính nói :

Man-tặc Man-tặc thầy thầy trông : Cầu nữ-sắc đã một điều vô-đạo ; khoe tướng-tài lại nhiều tiếng bất-cung. Chư-tướng ! Y nhất lệnh giáp công ; truyền tam quân hỗn chiến. (Đôi bên giáp trận).

Quân đôi bên cùng xướng cách giao-chiến :

Đông mã sậu, các tiên huy ; nhân nhân dũng được hề phảo-phát bùng uy. Nhất vãng nhất lai hề chinh trận hổ khởi ; nhất kích nhất thích hề sát khí xung phi. Đông xung tây đột hề lôi oanh điện siết ; tả chiêu hữu giá hề phong quyển vân tri, tả chiêu hữu giá hề phong quyển vân tri. Tề nỗ lực, nguyệt phao thi ; giao kiếm kích, phất binh kỳ. Doanh thâu ưng nhất-quyết ; đoạt bạng bất tương tri. Doanh thâu ưng nhất quyết ; đoạt bạng bất tương tri.

同馬驟各揮人入踴躍今奮發
威一往一來分征塵互起一擊
一刺今殺氣冲飛廉衝西突分雷
電掣左招右架東衝西突分雷
右架分風捲雲馳奔努力頓拋
交劍戟拂旌旗颯愴應一決鵝
不相持颯愴惡一決鵝蚌不相

Lại xướng :

Long tướng hừ đầu khoa kỹ ; lập hồ tời khó khí thế. Nuốt trắng oanh liệt ; sát tha tiêu loại vô di 龍驤虎鬪誇奇。拉朽摧枯氣勢一場轟烈殺他嗔類無遺。

(Hành nhau vài mươi hiệp rồi Vũ Trung-Chính bị bắt).

Sở vương nói :

Nay : Trung-Chính tự vãng ào-chủ ; Man-thành ra dẹp cường-Hồ. Ở lạ này : Chầy ngày sao vắng lẽ doanh thâu ; doái bữa luống nhọc lòng lợi hại.

Nội-quan nói :

Dạ dạ : Rầy có quá ải sói ; về đạt việc sản rồng Lão-tướng kim bị hoạch trận-trung ; man-bình dĩ thịnh trần quan thượng.

Vũ Như-Lân nói :

Ồi, thịnh thuyết can-tráng cát đoạn ; vãn ngôn thế khắp giao lưu. Khả tịch ngộ thân-phụ ; kim tác bỉ tặc-tù. Cha ôi ! (Quả là t, v. v...)

Lại nói :

Dạ thưa : Dưới sà ngọc cũi dậu ; trên ngai vàng xin xét. Như cha tôi : Lòng tưng bích vốn chẳng khuất tiết ; nay bị nó bắt được, tôi e : Thối hổ-lang dậu lại thân ân. Lạy Q.đ. -trương phen này : Đầu bít xin theo việc hung-hiên ; để dao quyết trừ loài man-khẩu. Trước là đền ân chúa ; sau nữa trả thù cha. Dạ dạ : Nghĩ lạy xin hạ chiếu hoàng-gia ; thịnh lệnh ngộ ra cờ tướng-phủ

Sở-vương nói :

Hay a : Thủ ngôn thậm phải ; kỹ nghĩa vuơ cao. Tự tư hạ sắc trung triều ; tử nữ binh man chủ sù.

Vũ Như-Lân nói :

Tâm trung chuyển khoái ; diện thượng sinh hoan. Phủ bãi biệt long nhan ; mặc khu tri kỹ túc. (Lui châu về dinh truyền lệnh.)

Lại nói :

Chu-tướng, thính lệnh a. (Chu-tướng lên. Như-Lân truyền lệnh): Các gã cũng là người thực lộc; cùng ta cho lợn gạo vi thần, nghe. Ta nghĩ lại Triều-dinh phủ dục thần thú, chính vi kim nhạ: chi cổ đậy. Các người à: Khả hết lòng báo đáp quân-ân; đều y lệnh phần dương lữ-lực.

Quân-nhân đáp :

Thưa mệnh.

Sở quân ban :

Tinh kỳ nhất sắc nhất sắc; kiếm kích thiên-ban thiên-ban. Kim chiểu quân lệnh xuất; chỉ nhật khải ca hoàn.

Như-Lân bắc-xướng :

Tướng-nghiệp cơ-cửu thị thạch gian,
 物業箕裘矢石間

Bất chường đại giáp sự nhung hàng;
 不妨帶甲事戎行

Thử hành huống vi bình sinh trượng
 此行况爲平生仗

Hiếu phụ trung thần kỳ lưỡng toàn.
 孝父忠臣冀兩全

Thôi Phát-Thanh nói :

Thưa cha cha: Khả khen nó dám xao thạch-cổ; chẳng kiêng miu lại quá lời-

Thôi Phát-Thanh ra nói :

Này: Tự Sở-thần quan hạ cử yên; ta tinh đánh tay đôi cùng lão ki-long rồi, ta dụng tiên-thuật trận tiền trụ mã. Sinh-hoạch mới tạm giam ngục-xá; ta từng phung man-chi úa bắt sát chi mệnh, tái tam dụ hàng, ai ngờ lão lại từ thế bên cam tác u tù. Ta nghĩ lại Vũ Trung-Chính chẳng là Sở chi thach-ry, bắt ban tù hoach mần-ri, hần chưa hay, mần ràng bản cũng phải nạp mĩ-nữ dĩ thực: lão thần chứ chẳng không, mà trong ấy man-chúa ta biết cầu mĩ-nữ nên mới thi dĩ lất sát mần ri, nào có phải: Thụ tư-ân liên-nạn tuất-cổ: lưu đư-bộ dĩ vô địch hữu.

Man-quân báo rằng :

Da da: Dám kể nơi trường hồ; xin lộ trước mần lang. Rày Sở-binh công thượng Đồng-quan, nên thần-hạ hồi thần tướng-phủ.

Thôi Phát-Thanh nói :

Ủy cha cha: Khả khen nó dám xao thạch-cổ; chẳng kiêng miu lại quá lời-

môn. Chu-tướng: Truyền chư quân tùy ngã phi bôn; y nhất lệnh hạ quan hồn sát.

Quân-nhân đáp :

Thưa mệnh.

Man-quân ban :

Nhân thanh nhất hát nhất hát; cở ưởng tề minh tề minh. Thừa tướng lệnh thủy lưu phong mĩ; triền thần uy điện siết lời oanh 入聲一喝。鼓響齊鳴。承將令水流風靡展神威電掣雷轟 (đôi bên đánh giáp trận).

Vũ Như-Lân nói :

Nhõn tiền khan cuong-khẩu như dinh (lại nhớ Vũ Trung-Chính mà khóc): Khấp hạ ức tôn-dường nhược vũ. Trầng kia tao bỏi; mừn cầu nữ phải mĩ tác chủ; phép kinh nhân là gã Phát-Thanh phải a?

Thôi Phát-Thanh nói :

Ờ ừ ta đây ta đây, biều cho biều cho: mau xuống ngựa nộp mình; chớ lẫn-lừa mà tan xác.

Vũ Như-Lân nói :

Thầy thầy: Tâm như hỏa phát hỏa phát; diện tự yên xung yên xung. Hạ lệnh dữ quân-trung; sát tha vu trận-lý. (nói rồi phi ngựa vào đánh, Phát-Thanh múa giáo sát ra đánh, Như-Lân cướp được giáo, Phát-Thanh giết được ngựa của quân sĩ lại đánh như trước, Như-Lân cầm Nguyệt-dao cùng đánh nhau vài mươi hiệp, chẳng phân được thua, Phát-Thanh thấy nó mười phần lợi-hại rẽ ngựa ra đứng, quát mắt nhìn lâu rồi nói).

Thôi Phát-Thanh nói :

Chà chà cái Uằng giỏi thiệt, bay trông: Con nhà ai rất quý; nghề nghiệp nó cũng tinh. Này thằng kia, như tao đây: Bõn bắt sát vô danh; nhữ khả tu trần thuyết.

Vũ Như-Lân nói :

Ờ, người rồi tên ta rứa: Phụ Quốc-lão binh man ấn trước; cớ ta đây: hủ Như-Lân chủ-sùy chức rày. Đây nay

phụng Sở-vương chi mệnh, ta ra đây có công mà cũng có tư, biểu cho nào : Cha mỗ đâu người khá giao lại đi; chẳng nữa : thầy già ắt mỗ nguyên phá tội.

Thôi Phát-Thanh nói :

Khen cho thằng dạn nói ; bồng khiến mỗ nực cười. Chẳng kia mà muốn đòi cha mà tao cũng trả cho, nhưng mà tao ước cùng mày hai điều cho mày lựa lấy một. Có y ước mần rửa, tao mới giao cho : Một cha dù trả lại nhà người ; hai việc phải nghe theo lời mỗ mới xong cho.

Vũ Như-Lân nói :

Hà sự thuyết lại.

Thôi Phát-Thanh nói :

Như-Lân nghe này : Tấc nạc mĩ-nhân, vinh kết bang-giao chi hảo ; ấy là một điều, còn như đòi ta : thường cung bảo-hóa, bắt du tuế phụng chi kỳ. Như nước người châu ngọc trên bửu, thiếu chi : Tăng văn nhữ quốc đa tư súc ; như người mà y-ước mần rửa, chẳng những là giao-hoàn Trung-Chính mà thôi : nhược thính ngộ ngôn diệc phần sự.

Lại nói :

Ấy người đã biểu cho : Hai việc khá nói đi ; cho người lựa lấy : một điều tua hện lại, rồi ta giao cho.

Vũ Như-Lân nói :

Này : Miệng người chia rất trái ; tai mỗ ngấm khó nghe. Xưa nay đi-hạ phân thù, vị và ; hữu thứ đẩu trí cái lý, mà chữ như man-chúa người, người nghĩ lại đó mà coi, có phải a ? Trước đi thư là lòng đã chẳng dè ; bởi rửa nên cha con ta phụng Sở-vương chi mệnh vãng chính kỳ tội mần rí là sự xuất hĩa danh lễ u, lễ cho phải, tội chúa nhà người tự trị qui hối, viễn độn sơn lâm, nữa mới phải ấy mần rửa : rày xuất trận mà mặt không biết xấu. Ở chữ phân cùng ta, nhất là lộ sắc, nhất là lộ hóa, ta nghĩ như cái tuồng phụ-nữ hóa bảo nữa, cũng là vật thường mà : Vốn Sở-quốc chẳng đem làm báu ; nhưng chẳng lẽ dĩ trạng-quốc nhĩ sự đi-địch mần rửa mà hỏi chữ

chữ : sao man-nhân cứ muốn không nhâm. Ở man-tặc, người nghĩ đi nghĩ lại đó người coi, như giờ mà người đọc tội sở sinh là đây ta cũng không hẹp chi, nhưng mà ta lại e tha-nhật từ-lân hoặc hữu văn già có phải : Chúa người đã chịu tiếng tham-lam, là đã ưng ; mà còn ; nước ta cũng mang lời khiếp-nhược. (*Phát-Thanh thấy việc không ưng, giận lắm.*)

Phát-Thanh nói :

Hà bội ước bội ước ; cảm trợ từ trợ từ. Gồm à cái ni là tại mi ; ngộ nhất tình cần chi ; nhữ tái hưu hối dã. (*Nói rồi lại đánh nhau vài mươi hiệp nữa. Phát-Thanh lưỡng sức chẳng địch được mới lại giữ phép vân-mạc như trước. Như-Lân cũng đã biết rồi.*)

Vũ Như-Lân nói :

Ồi, tưởng phép chi mà lạ ; hay nghề ấy cũng quen. Mà người có phép như ta lại không có phép à ? Âu là kịp mượn thừa phép tiên ; ngộ phá chưng chước qui. (*Nói rồi hó biển phép. Chợt trong không có một thanh kiếm tiên bay đến, liền cầm chém đứt lăm vân-mạc. Phát-Thanh không sao được, vội tung lên cái hồ-lô phun ra vô-số nước độc. Như-Lân bị độc đau sưng cả mình trốn chạy thoát. Phát-Thanh đuổi tìm. Sở quân bị độc đau trốn chạy.*)

Sở-quân nói :

Ồi chao ôi ! Chân kinh úy, kinh úy ; thậm bi ai, bi ai. Ô lạ cha cha : mưa ở đầu tối mặt tối mây ; người ai nấy bông da bông trán. Này ôi chao ôi : Đau đờn đã nêu đau đờn ; thau van lại khó than van. Anh em ta ới chẳng biết : Chủ sùỵ rày tầu thoát hà phương ? Giờ anh em ta phải đi-đuổi lấy nhan đặng mỗ : ngộ tào kịp hộ hồi bầu trại. (*Nói rồi kéo nhau trốn chạy. Phát-Thanh đuổi không kịp Như-Lân, dừng lại nói.*)

Phát-Thanh nói :

Ồ kỳ này : Mỗ vừa đuổi tới ; nó mới chạy qua. Ấy mần rửa mà lại không thấy

ta ? tiếc cha chã là tiếc ! Chạm chân vì bởi
tại ai ; mau bước mới hèn thoát gã.
may ba đời cho mày, có chạy đi tao cũng
thôi. Man-quân : Truyền man-quân phân
mã ; tuân ngã lệnh hồi thành. Nó dù
chiêu tập tân-binh ; ta sẽ tiến công
nội-xứ.

Như-Lân chạy hồi lâu rồi ra nói :

Hận bỉ xương-cuồng tặc-tử ; sử ngộ
khốn-khở anh-hùng. Nay ở khi rứa chừ
cối cho phải : Mượn thần-thông đã sẵn
chước tranh long ; ai ngờ : làm yêu-
thuật nên phải tìm phương tị-mã chừ.
(Nói rồi trông trước trông sau ngơ-
ngác như là lạc đường, nói : Ở này :
Nhìn sông núi bốn bề rất lạ ; xem cỏi
bờ một mỏ chưa quen. Ở ở chừ lại chạy
lạc đến xứ mô mần ri thối : khôn hay lắm
tới dòng-phiên ; khó biết lạc về bắc
địch. Thương-tâm hoài thích-thích ; lệ
nhỡn sái sần sần. Như tôi bây giờ : Tủi
mình thêm cảm nỗi cao-đường ; gượng
bước ngõ hỏi người thôn-khách.

Nam-xương :

Hỏi người thôn-khách,
Dặm bao nài điều-tích hồ-lung.
Nước non lạc dấu anh-hùng,
Bần-khoan đình hạc lạ-lùng dòng
quyên.
Dặm sơn xuyên trải miền khuất-khúc
Dễ khôn ngừng lệ ngọc tuôn rơi.

Vạn Phu-Hùng nói :

Như tôi : Tự Sở-thành bắt đệ trùng
lại, tủi chi-khế vô-duyên tại ngộ.
Nay từ tôi xuân vì ươg-tuyên, làm vì tiêu-
nhân bắt dộng, tôi mới cam ư mai-một,
chung vô sở thành mần ri, tôi cũng buồn lắm,
mà tôi nghĩ lại cớ-nhân người ta bắt đi lâu
bang cải kỳ lạc, bắt đi lợi lộc động kỳ tâm
lại mần răng, bởi rứa nên : Bần Nhan-tử
nước cơm dầu miệng đủ ; Núi Di Tề
gối đệm mặc tay co. Tinh tình xưa non
nước hện hò ; tên họ cũ cỏ cây chào
gọi là cũng sướng mần rứa. Mà ở ai : Bây
giờ tưởng lại ; chút nữa quên đi.
Phải phải ta lại cứ nghề cũ ta, àu là : Bả

tràng còn sơn thượng mang tri ; cầm
mãnh thú tửu diên trợ ẩm.

Bắc xương :

Khán lai tiền diện sơn nhan đạm,
看來前面山顏淡
Thuyết đảo trung tình tửu hứng
nùng :

說到衷情酒興濃
Sảng khẩu cánh tu tâm bảo vật,
爽口更須尋好物
Hà phương sơn bắc hựu sơn đông.
何妨山北又山東
(Chợt thấy một con hồ chạy qua)

Vạn Phu-Hùng lại nói :

Thị độc-trùng độc-trùng ; chân ác-
thú ác-thú. Hùng mới vừa nhắc đó ; hồ
đau đã chạy qua. Chỗn cùng-lâm đã
gặp tay ta ; nơi không-cốc dò theo dấu
gã. (Nói rồi vùng chạy đuổi theo hồ).

Vũ Như-Lân nói :

Này : Nhâm sau trước đã không thôn-
xã ; đoái xa gần lại vắng dờ-nhân.
Minh sang đi ước đã thương-thần ;
đường kha-khâm lại khôn tiến-bộ.
(Đương vơ-vần thì chợt thấy Vạn Phu-
Hùng đuổi hồ chạy qua, gặp nhau
mừng rỡ).

Vạn Phu-Hùng nói :

Ừ hà hà anh, ấy vậy mà : Những đuổi
theo chàng hồ ; hay lại gặp anh Lân.
Xanh a ! Thưa anh xin : Huệ thủ đảo lô-
trang ; đảm tâm tường chung thủy ả.
(Nói rồi cùng vào sơn-trại).

Vạn Phu-Hùng lại nói :

Thưa anh : Nơi hộc-viện tự dứt lời
biệt-quyết ; chốn phân-hương em nhẹ
gót dăng-trinh. Chứ ai ngờ lại may : Đáo
bán đồ ngộ Lực hiền-huynh ;

Vũ Như-Lân nói :

Ct ăng hay Lực hiền-huynh, mô a anh ?

Vạn Phu-Hùng nói :

Chứ anh không nhớ người ngộ-sát đảo
oao a ?

Vũ Như-Lân nói :

Ừ ừ, anh cũng gặp Lục Vô-Song rứa?

Vạn Phu-Hùng nói :

Thưa có.

Như-Lân nói :

Chẳng hay hà-xử trước-lạc mà hay?

Vạn Phu-Hùng nói :

Thưa anh, em cùng anh ta đã hay chẳng quen biết nhau bao giờ, nhưng mà anh ta có lịch-tự cùng em rằng dữ huynh phó-tuyên, đào nạn viên đương; sau lại Điền-lão ký-cư, lưu vi tróc-giải, nên mới gặp em tại đó. Khi rứa chứ : giải đại-nạn vãng Quỳnh-tiên-tự.

Như-Lân nói :

Ừ ừ, Lục hiền-huynh đã đầu Quỳnh-tiên-tự rồi chứ.

Vạn Phu-Hùng nói :

Đa thưa anh, như lục-huynh mà đầu Quỳnh-tiên-tự mà rứa là hay lắm; Trường tự thích dữ yên bề viên-tự; còn như em đây ký vô thành danh, lưu vô ích hữu, em nghĩ lại em buồn lắm; nghĩa tương-cầu thêm câu nói sơ-giao. Ấy bởi rứa cho nên : Khát mùi lan xưa những ước ao mà thôi; ai ngờ nay lại gặp anh đây, chào ôi ha ha em mừng lắm, thưa anh chẳng có chi xin : Nồng hơi cúc rây cho ngây-ngất. Dâng mà chơi cùng em cho vui a. (Mời rót rượu mời nhau, chợt nghe Như-Lân rên-rỉ, liền kinh-dị hỏi) : Xem lưỡng nhơn dường đeo bệnh sắc; (nhìn xem kỹ nơi mình rồi nói) : Ô này: Nhìn chu thân thực mắc sang-thương đây mà. Thưa anh: Vốn chưa tỏ ngọn nguồn; xin khá bày cỗi rễ, cho em nghe thử.

Như-Lân nói :

Rồi vương tắc chi người lòng trẻ; xa dặm nghìn thêm chệnh tuổi cao. Hiền-huynh chữa thẫu âm-hao; ngu-dệ nguyên trần do-dĩ.

Bắc-xương :

Thưa anh, số là: Man-lỗ từ cuồng, khiến sử di-thư cầu mi-nữ 蠻虜恣狂

遣使遺書求美女; bởi rứa cho nên : Sở-vương hách nộ, khi rứa chứ ngài mới ban hạ tiết việt cho gia-phụ em : đề sư xuất tái chính mê-bang 楚王赫怒。提師出來正迷邦。 Hận bỉ đồng sư thi quỷ-thuật 恨彼董師施鬼術; tróc ngó gia-phụ cứ Đồng-quan 捉吾爺父據銅關。

Lợi nói :

Ấy nghe tin rầy (em) vàng lệnh cứ yện; ra trận mới kiếm lời giải ach. Chứ khi rứa chứ em đã bách ban hiền-dụ cùng hân, mà hân cũng không nghe, hân mới giao-chiến cùng em, là em hăm hăm đi đánh, ai ngờ hân lại tỉnh : Đào sang sợ thua tài bất-dịch; vắn-mạc bèn dùng phép tiên-thì. Chứ khi rứa chứ : Tiên-kiếm em trích thượng trăm chỉ; ai ngờ : hồ-lô nó không trung đào xuất.

Vạn Phu-Hùng nói :

Chẳng hay nó lợi-hại thế nào a anh?

Vũ Như-Lân nói :

Thưa anh, cái phép hồ-lô hân lạ lắm : Phùn độc thủy nhân nhân thất sắc; bị sang thương cá cá phao thì. Em thấy man-lặc lợi-hại mà rứa, nên : Báo đon-thân em đoạt lộ đào qui; ai ngờ lại : lạc dị-vực, là em tưởng đã : vô nhân phong-vấn. Bây giờ may gặp bạn; chẳng nữa đã không mình. Thưa anh này đã gặp em đây : Nghĩa cụ-giao há nữ quên tình; có chữ đồng-dạo tương lân nào nào xin : mưu tảo-định đặng em toan bề tuyết-si.

Vạn Phu-Hùng nói :

Đã hưu sử-khi sử-khi; thịnh tự khoan-hoải, khoan-hoải đã nào. Thưa anh lại cho man-nhân hân có thần-thông quỷ-thuật đi nữa là : Sức em đây dễ tốt cao tài, hay mần rãng; nhưng có chữ dục tốc bất đạt, huống chi : mình anh đó hãy mang trọng bệnh chăng. Dám thưa anh, thắng bại cũng bình-gia chi thường mà : Chiến trận dị sơn khi phụ thắng; chứ anh phải lưu-cư cùng em

dây dặng mà : bệnh tình tua tằm lúc dưỡng-an đã mà. Thừa anh chẳng dám nào : Thác hồng-môn xin chớ nại đơn-hàn ; dặng cho em : cầu thảo-được ngũ toan điều-trị đã mà.

(Cùng hạ)

Sở-vương nói :

Từ sân ngọc Như-Lân phụng-chỉ ; ra ãi Đông khóa mã bình-nhung. Doanh thâu hai lẽ khôn thông ; lợi hại một lòng khó liệu.

Nội-quan nói :

Đạ. Rày tiếp văn tiêu-hiệu ; về phi báo đại-định. Từ Như-Lân quan hạ giao bình ; bị man-tặc trận tiền dụng thuật. Chú độc thủy tông quán đặc tặc ; tìm sinh phương chủ-sứ đảo thân. Cạn lời biên-vụ cung trần ; xin lượng thần-trung tài định.

Sở-vương nói :

Này : Hối văn báo cảnh ; chuyển giác kinh mang. Bị man-nhân thâm thị khiêu lương. Nếu vậy : Ngã Sở-tướng nan ư hãn ngự rồi đây. Bách quan : Kế chi ngô trừ an đặng dữ ; mưu nào cho cứu đặng dên lãnh. Hạ sắc vấn công-khanh ; tất tâm trần phượng lược, mà nghe thử.

Trương Hùng nói :

Đạ. Dưới lời tôi dám dặt ; trên lượng chúa xin tương. Như man-tặc nay : Vấn đã quen thói tham-lang ; như chừ mà bất tông sở thỉnh, dữ quyết thư hùng. Tôi e : rồi lại ồng công hãn-mã.

Sở-vương nói :

Rứa chừ chúng-tề, kế tương an xuất ?

Trương Hùng nói :

Dám dặt : Sự-tiêu vốn lòng nhân-giã ; còn như quân di-dịch này : bất-thần là lẽ cồ lai. Như nay : Nổi chiến chinh đã khó địch tướng tài ; giờ xin : phương quĩ lộ phải dùng sở-sắc. Dám dặt hạ-thần, Tăng văn Lý Lương có một Kiều-Phượng, mà chưa gã chông, thần-hạ nghĩ lại, ai

tê chừ Lý-Lương là : Đông-hưu gã cũng lòng dữ quốc ; bất-hữu chàng không dạ vong-gia. Còn như con Kiều-Phượng ni : Sắc chi nhường bẽ-nguyệt tu-hoa ; phen này xin hạ chiêu cầu tha dĩ lộ mantặc, còn phải nói mần rằng : Man ắt cũng yên-kỳ phân-phế. Dám dặt : Dễ tiếc phong-ba một gái ; đề cho đồ-thần muốn dân. Lời ngu-lậu dám thân ; lượng cao-thâm xin xét.

Sở-vương nói :

Có-y thành nan quyết ; nhưng mà đương thử hữu sự, thông biến tiện nghi, ừ khanh ngón diệc miễn từng Chúng-tề. Quả-nhân nghĩ lại như mần ri, nào có phải : Bó tay đã không chước ngự-nhung, hay mần rằng ; nhưng mà cảm thú chi hạnh, cớ sở ố văn, nên : Cay mắt phải dùng phương thoái dịch đi cho rồi đó mà thôi. Chúng-tề : Kỳ trầm thử sách ; tu tận sở hành. Nội-hoạn, bút chỉ đây ! (Mới tả chiếu-thư phó cho Trương Hùng) : Phụng-luân-âm lời khả phân-minh ; vãng Mai-quận việc cho thỏa-tế.

Trương Hùng nói :

Đạ thưa : Khâm thừa áo-chỉ, nguyện-lĩnh thử hành. Đầu bài tạ phong-định ; mặt trông chừng Mai-quận. (Bãi triều về đình rồi) : Đàng kiếp ba mươi đời nhà bay, còn chi bữa nay trung, bữa mai nịnh, tao coi thử nào, quân bay ; Khả triệu lai hiền-đệ ; mau lỳ nhập phủ-giải.

Trương Bưu lên hầu nói :

Đạ thưa : Văn lệnh truyền tiêu-đệ bốn lai ; chẳng hay hữu hà sự nên đại-huynh tuyên triệu.

Trương Hùng nói :

Em ngồi ,em, số là : Rày vãng lệnh đòi người Lý-lão ;

Trương Bưu nói :

Lý-lão mô hay là Lý Giản-nghi nữa chăng ?

Trương-Hùng nói :

Ấy ó mò dò, dò hỏi rứa nên anh cho đời em qua đây là ; Phòng sai em qua chốn Mai-thôn.

Trương-Bưu nói :

Chàng hay chiêu triệu Lý Gián-ngự hữu thậm công-cán mà hay ?

Trương-Hùng nói :

Anh đã nói, khiến anh không có đặt miệng vô chỗ mò, chứ anh đặt miệng vô chỗ mò là cấp-cấp đi với anh mà thôi, em nay phụ nhĩ đây. (*Trương Bưu cười nghe. Trương Hùng sẽ nói :*)

Trương Bưu em thừa thừa mặt ngôn ; này anh nói thiệt ; Lý-lão già nan diên lãn xuyên.

Trương Bưu nói :

Dạ : Trên anh đã sai khiến ; dưới em phải thi - hành. (*Trương Hùng*).

Trương Bưu lại nói :

Gia-thần ơi : Kiềm-diềm tùy bỏ tốt khách-quan ; hoang-mang đảo Mai-thôn nhất lộ.

Bắc-xương :

Khóa bỉ chiến yểm dương ngũ vũ,

跨彼戰揆揚我武

Thủ lai lão tướng dụng ngô ngôn ;

取來老將用吾言

Trương gia thử nhật thàn cơ-nghiệp,

張家此日成基業

Lý thị kim chiêu tuyệt họa còn.

李氏今領絕禍根

Lý Lương nói :

Khõe tàn-niêu vui thú Mai-thôn ;

ôi vưu-tiết tra câu cúe kính. Chức

lân-ngự xưa tưng phụ chính ; danh

lý Lương rầy đã qui diên. Như lão

ý ; Công bất cư đã phi niềm riêng ;

lo tri-sự càng thơn dẫu trước. Mà

phi lại ; Tự lão xuất-sĩ, lịch sự tam

liêu, quan chỉ Gián - nghị, quân-ân

lạc-lạc, hà đẳng vinh ngộ, trong ý lão

ng muốn trung ư vương-sự, dĩ thủ

nhất đó chốc, ai ngờ quốc-trường

người tin-dụng Trương Hùng, phần kỳ sở vi, khi rứa chừ, lão sực nhớ đến chữ « quân-tử minh-triết báo thù », lão mới cấp lưu dững thoái mần ri là : Lễ chỉ tức học người giải - phất ; gương mần doanh soi kê huyền-xa. Chứ như lão bây giờ tiêu-nhiên vô lụy, ừ cho phải cũng nhân: Thủ bạch-vân rất toại lòng già ; lời tử-các đã người dạ lão. Ấy là việc lão, còn như việc con cái lão : Thế-phiệt đã hồ câu hạnh - hữu ; môn-mi càng tui phạm bi-sinh. Này, lão nghĩ lại con lão hân cũng kỳ, ừ như con gái người ta, chẳng là học may học vá, học bán học buôn tẻ, chứ như con gái lão : Việc bứt nghìn lưỡng những tập-tành, mà câu thơ phú cũng thường ngâm đọc, nghĩ lại thân lão thiệt-thời, kẻ-bậu vô nam, chỉ sinh nhất nữ, mà lão thấy con lão hân tư-bàn thông - tuệ mần rứa, nói cho phải, lão cũng mừng thắm cho con lão : Giá uần - độe lão cầm bằng vàng ngọc ; lão cũng tinh trạch nhất giai-tế, dễ mà phó-thác, trước là con lão nhờ, sau lão cũng gửi cái thân già lão, ai ngờ nơi nên chẳng có, nơi có chẳng nên, bởi rứa : Lời nghi-gia là chưa định tốc-tơ. Này, nhưng mà lão dò cái ý con lão, lão coi ở bản cũng khá : Nết u-nhàn danh phân ngày thơ ; mà khi định lĩnh hân cũng hết lò ừ ăm lạch cho lão lảm (*Chợt có gia-thần đến báo*).

Gia-thần nói :

Dạ : Giai-tiền hân-bạch ; ân hạ cung thân. Có người tâng Khâm-sứ đại-thần ; thân ông động tiếp - nghinh vương-sứ.

Lý Lương nói :

Mần rứa a gia-thần : Truyền gia-thần tiên khứ ; động cho lão : thỉnh vương-sứ nhập lai. Nói rồi liền đi tới khách-đường, gặp Trương Bưu) : Mừng quan Khâm-phái, thưa, nghe tin ngài : chào kịp rút hai ; Cha ói, mấy khi mà quan Khâm-phái đến nhà lão mần ri. lão mừng lảm : Vui dạ lão ước hơn ai cho

bầu. Thưa mời quan Khâm - phái
ngồi, ngồi cho lão ngồi với. Quan khai-
diễn đây. Dám thưa quan Khâm-phái,
như lão đây: Phận gia cả nhiều điều lạo-
thảo lắm, xin đừng có chấp lão mới
đặng; liệc quê mùa vài chén tầy trần.
Dám thưa quan Khâm-phái, lão nghe
quan hân thưa đây với lão, lão mừng lắm:
Thậm hoan-tình cũng tiếp đại-nhân;
chẳng hay: hữu hà-sự nên phải nhục
lâm tệ xá?

Trương Bưu nói:

Thưa Giám-ngự số là: Rày vàng lời
sắc hạ, nên trái bước đồ-gian chức.
(Mời lấy chiếu đưa cho Lý Lương nói):
Phụng truyền dữ lão-quan; khả cùng
chiếm ngọc-chiếu át tồ thối mã. (Lý
Lương hai tay đón chiếu mở xem hồi
lâu, có sắc buồn).

Lý Lương nói:

Này; Xem ngọc-chiếu rất nên lời
châu-đáo; thời khiến lão-phu chỉ xiết
đá cặng phiến. Thưa quan Khâm-phái,
chẳng dám nào lão nói không quan Khâm-
phái một điều, như sinh ra cơ sự này:
Tại Khanh Tề công ngôn; hay là: tự
quốc quân ngài độc-đoan mần-rửa a
quan Khâm-phái? (Trương-Bưu nói):
Thưa Giám-ngự, việc này chẳng có đình-
ngự, nhưng mà xuất-tư thượng-tái, chẳng
hay Giám-ngự có phụng chiếu lại kinh
cùng chẳng? (Lý Lương nói): Mần-rằng
lão lại chẳng phụng chiếu: Vương mệnh
lẽ đâu vi hoãn; lão-phu rày phải khâm
tuân. Thảo-dương xin tạm nghỉ chân
đặng cho lão tỉnh cái việc nhà lão
rời: Kinh-quốc sẽ toan nổi gót thôi mà.
(Cùng hạ).

Lý Kiều-Phượng nói:

Nết binh mắng giời dục một; chữ
tùng hầy thiếu nghĩa ba. Dòng xử-nữ
Lý-gia; thiếp hầy xưng Kiều-Phượng.
Như tôi: Vì tử thay lời hiếu-dưỡng;
cung thân hết dạ hoan-thừa. Đợm
mần xuân vườn Lý những tàng-băng;

tròn bóng nguyệt dài Lê chưa phá
kinh. Này, tự Vũ-thị lời trao hôn đính;
tôi có nghe: Chỗn xuân vì rày đã danh
dễ. Như tôi cùng Vũ-tình-nhân này;
Nước non xưa đã nặng lời thề; lại cho
mưa nắng đổi khôn nguôi da tướng.
(Chợt thấy Lý Lương vào, Lý Kiều-
Phượng đứng dậy nói): Thưa cha
chẳng hay: Triều-chánh hữu-hà nhưc
phóng; Kinh-nhân hứa cứu nhân-dâm
mần-rửa cha? (Lý Lương ngó lững
chẳng đáp. Kiều Phượng lại hỏi): Dám
thưa cha, lại cho có việc chi cần-mặt
cho làm đi nữa, ô hay; Phi biệt-nhân há
tất quá hiểm; cha bầy nơi đi, họa con
lo giùm cùng chẳng ấy mần-rằng: Hoàn
thứ tịch lại hữu như bắt lạc, mần-rửa
cha.

Lý Lương nói:

Ừ con hỏi có truyện chi nói cùng con
đặng con lo giùm với cha rứa, này
Nghe lời trẻ bông cười nên khóc; (ngh
một hồi rồi khóc) tui phận già giọt lệ
khiến tuôn. Này con truyện chi tề chú
như truyện ni mà con lo mần-rằng đặng:
Thấy chiếu-văn là cha đã bực đã buồn
đi đây; bên lấy chiếu-văn giao cho
Kiều-Phượng nói) này con: Xem sắc-
ngữ đó mà thôi, chứ đừng han đặng
lời nữa.

Lý Kiều-Phượng xem chiếu rồi nói:

Ừ ừ này: Xem thấy lòng thêm bối-
rối: tưởng thời việc cũng lạ-lùng.
Tại triều đã hết anh-hùng hay mần-
rằng; mà thoái dịch lại phải cầu phụ-
nữ mần-ri. Thưa cha, nay phụng
hữu minh-chiếu mần-ri, chẳng hay;
Nghiêm-phụ như hà tảo xử; cha phải
tỉnh mần-rằng tề mới đặng, chứ như
sinh ra cơ sự này, con nghĩ lại gian-
thần tất hữu âm-đồ chứ chẳng không
Dám thưa cha, quân-môn vạn-lý, chẳng
là u-ông nan thông, chứ cha phải tề
thượng biểu-văn, minh-bạch trần đặng
họa là: Ân hải-hà ngài mở lượng tuất

có ; kéo mà nhà có một cha, một con, chứ cha vàng theo ngọc-chỉ màu ri, con c : phân tang-tử lại tui thâu suy lão lâm cha.

Lý Lương nói :

Thôi, thuyết cập bất thăng ao-não ; tương lai dĩ giác thê-lương. Nay con, cha cũng biết sinh ra cớ sự mần rãng này là : Kế gian-du đó khiến nhưng mà đã có lệnh nhà vàng ; cha nghĩ lại có chữ trung-quân-giả bất-hữu ký gia, nên cha tình mần rãng, mần rãng cha cũng phải phụng chiếu lai kinh mới dặng, nay quốc-trưởng ngài có nghĩ, cha cũng được nhờ, bằng có lẽ gì đi nữa : niềm trung-ái mần rứa mới thỏa lòng đầu bạc.

Kiều Phương nói :

Đa thừa : Tỉnh tu thâm-dộ ; vật tự khinh dầu dĩ nào. Thừa cha, có chữ « bất tiên phòng tất hữu hậu hối ». Lâm uyên dù cha khuất nỗi cận-ưu ; con ơi hãm tình ắt đến điều viễn-lự chứ chẳng không.

Lý Lương nói :

A thối : Nhữ thả hưu gián trở ; ngã tự hữu chủ-trương mà. Con, nay cha phụng chiếu lai Kinh, con sợ dứa Trương Huang nó hiệp hiềm mưu bại đó chứ. ? Ưu hà-hà con, cha cũng biết mần rứa đó, nhưng mà dĩ quân-mệnh vi trọng, chứ Trương-thị kỳ như ngã hà. Sá chi lòng mọn tục tăng ; nói vậy chứ minh-quân tại thượng đó mần chi : Đã có lượng trên thăm-sát, chi mà con ngại, chứ con không biết chữ « quân triêu bất sĩ giả nhi hành », hay mần rãng. Việc vương-mệnh cha dân lui bước ; thối dè mặc cha : nỗi tư-tình con chớ bận lòng.

Kiều-Phương nói :

Thừa cha.

Lý Lương nói :

A thối : Khả nhự ngôn độc thủ khuê trung ; dặng cho cha ; Tuy Khâm phái đồng đặng lộ thượng. (Nói rồi đứng dậy

ra nhà ngoài lại nói chuyện với Trương Bưu).

Lại nói :

Thừa quan Khâm-phái, như lão : Vì bởi chút gia-tình lận-bận ; khiến ra điều công-sự mới dặng dài.

Trương Bưu nói :

Chẳng hay Gián-nghị đã rồi việc nhà chưa ?

Lý Lương nói :

Thừa quan Khâm-phái lại cho rồi chứ lão cũng phải đi, nào : Phụng chiếu rây dạm dạ tri-hồi hay mần-rãng ; thừa xin ; Thượng lộ kéo phiến lòng dặng dài.

Trương Bưu nói :

Rứa nữa : Đò-thành đều kíp ruồi ; lò-đào phải mau xông. A gia-thần ơi ! Từ Mai-thôn trực chỉ Kinh-trung, cùng Lý-lão đồng-lai khuyết-bạ (Lý Lương nói, đi đi).

Lý Lương, Trương Bưu cùng bắc-xương :

Biết liễu Mai-thôn đồng khóa mã,

別了梅村同跨馬

Vọng hồi Kinh-quốc các gia tiên ;

望回京國各加鞭

Đông tây nam bắc giai duy mệnh,

東西南北皆惟命

Thần phạt bôn su cảm dạm phiến.

臣分奔趨敢憚煩

(Ngồi đầu trông thấy núi rừng hiềm hóc, cây cối um tùm, chẳng phải lối thượng Kinh, lại thấy Trương Bưu quanh co chẳng tiến bước, lòng càng nghi hoặc).

Lý Lương nói :

Này: từ vọng giai thảo thụ man-diên; nhất lộ khản sơn-nham thạch lâm ; Ua kỳ này : Cùng lâm Jai tổ thậm ; gian-tặc dục há vi ? E nẻo đường bằng mà chẳng kéo đi ; nơi khuất-khúc, mần ri bay ; phòng toan đứng lại mà làm chi a ?

Trương Bưu nói :

Ừ người hỏi ta đem người đi mô đây
chi, a Lý-công này : Ngẫm người đã đáng
tôi ; khen mô thiết cao mưu. A Lý-
công, phen này ta hỏi thiết : Thừa mặt-
ngón rày quyết chém đầu ; tiêu lúc-hận
ngõ cho biết mặt đây. (Lý công bằng
bàng nổi giận).

Lý Lương nói :

Vấn lại biển sắc biển sắc ; hận dục
vô thanh vô thanh. Mượn uy hùm nó
quen thói chằng lành : lồng nết quỷ hay
toan đều làm dữ....

(Còn nữa)

VĂN-UYỄN

Đồ tây và Đồ nho

Đồ tây. — Thời nào kỹ-cương ấy,

Thời tây phải chữ tây :

Ngẫm mãi câu « đã, già »,

Nào có ai khen hay !

Đồ nho. — Chỉ có nan-minh võ,

Người tây ta cũng tây :

Tiếng nói chưa khỏi « phốt »,

Đã tưởng mình rằng hay !

Đồ tây. — Mấy câu văn cũ rích,

Rung đùi được việc chi ?

Thương-tiếc đồ vô-dụng !

Thà rằng vứt bỏ đi.

Đồ nho. — Mấy chữ đủ sai khiến,

Học thế đủ ra chi !

Mà bảo là hữu-dụng,

Thời thời làm lỗi đi !

Đồ tây. — Ăn lương hàm Chinh-thất,

Năm ruột lại năm co ;

Vấn cứ nho-nhoe mãi !

Ở đời không biết lo.

Đồ nho — Hãy xem tân học đấy :

Nghè, cứ cũng năm co !

Tây, nho thời cũng vậy,

Đòi ta ai biết lo ?

Mắng Tết

Tết hội tết, lại đây ta hỏi,

Ai sinh ra mà bởi đâu sang ?

Vì mày ta phải da-mang,

Bỏ không đánh dạ mà vương cũng rầy !

Mày phải biết thời này thay đổi,

Thời cổ-xưa giữ mãi sao đang.

Có mày vui kẻ giàu sang,

Còn người khó cực nghĩ càng đáng
thương !

Ta vẫn biết : họ hàng làng nước,

Nhờ có mày mới được tương-thần.

Nào báo-bản, nào hợp-quần,

Ngẫm trong ý-nghĩa mười phần đáng
khen.

Song mày thật lùn-phiền quá thề,

Làm cho người hại kẻ sinh-nhai.

Vì mày sấm-sửa ăn chơi,

Gánh vàng đi đổ ra ngoài sông Ngò.

Một trăm thứ phải mua cho đủ,

Bánh pháo dài mấy củ thủy-tiên.

Cành đào chậu cúc chữa yên,

Lại còn ăn uống liên-miên mấy ngày.

Nào những kẻ dong-dài lưỡi-biển,

Cũng vì mày mượn tiếng chơi xuân.

Nào người buôn bán xa gần,

Cũng vì mày phải mau chán ra về.

Khắp những chốn nhà quê kẻ chợ,

Nói đến mày ai chả sợ sao !

Vì mày trộm cướp xôn-xao,

Vì mày công nợ xáo nhau đồng tiền.

Tết hội tết, mày phiền lắm nhỉ !

Bên Âu-tây có thế đâu nào ?

Hó hoa cốc rượu mừng chào,

Một ngày là hết nón-nao, như thường.

Đấy các nước phú-cường là phải,

Mà ta đây hủ-bại tại mày.

Thà rằng theo quách lịch tây,

Cũng ngày Nguyễn-dán, có rầy chi ai

Thôi máy phải liệu bài mở cửa,
Đi ngay đi! xin chờ chàng-màng.
Về Tà cũng nước lân-bang,
Vân-nam, hương-công tạt sang cũng
Mây đờng có lân-thần ở mãi, [gần
Lâm nước ta tồn-hại lâm rồi.
Vân-minh ta phải theo thời,
Tết thành « lễ nút », ăn chơi làm gì!

Tết đến tưng tiền

Tết đến sau lưng nghĩ cũng ngày,
Tiền không một chữ tình sao đây?
Lương đâu mà linh lòng thêm bận,
Nợ chưa trang xong mặt cứ dày;
Nói chuyện tiền nong e ngược miệng,
Viết lời vay mượn chẳng quen tay;
Mắt xanh vốn biết người quân-lử,
Nhiều ít cuu nhau đỡ lúc này.

Phỏng văn Kiều

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ « hạnh » khéo là « khác »
Trải qua một cuộc « Á-Âu », [nhau!
Những điều trông thấy mà đau-đớn
« đường »!
Lạ gì « công-lử, công-nương »,
« Ngày » xanh quen thói « ra đường »
đánh ghen.
« Báo-chương » lần giở trước đèn,
Phong-linh « có truyện, nên » truyền sử
xanh.
Rằng: « Đương buổi có Thành » minh.
Bốn phương phảng-lãng « luân » kinh
vũng-vàng.
Có nhà « ông Phễnh » họ Vương,
Gia-tư nghĩ cũng thường thường bậc
Một trai con thứ rối lòng, [trung.
Vương « Gian » là chữ « thật » dòng
Đầu lòng hai ả tố-nga, [« phá » gia.
Thầy « Tinh » là chị, em là Thầy « Ân ».
« Mẻ cút-kít, ltt chơi vãn »,
Mỗi người một « nết » mười phần « xấu »
« Ân » xem « ông-ọ » khác với, [mười.
Khướn trắng « dày-dặn », nết ngài « sủa-
sang ».
« Sơn ló phần diêm » đoan-trang,

Máy « ghê » nước tóc, tuyết « ngần »
màu da.

« Tinh » càng sắc xảo mỹn-mà,
So bề « ngấm vuốt » lại là phần hơn.
Lâu thu-thủy nét xuân-sơn,
Hoa « chế quá » thắm, liễu hờn kém
xanh.

Một hai « nổi tiếng Hà-thành »,
« Nết » danh đòi một, « xấu » danh hoa
hai.

Tự-thuật

Mưu

Có tài mà cậy chi tài,
Không tiền, hiệp với chữ tài cũng vãn.
Ra tay trả hết nợ-nần,
Thử xem con Tạo xoay vần đến đâu!

Nói

Phàm kim chi nhân duy tiền nhi dĩ,
凡今之人惟錢而已
Không đồng tiền, trảng-sĩ cũng vô-
nhân!
Giương mắt trông khắp cả trần-hoàn,
Đề những kẻ bạc vạn liền ngàn ai cũng
quí.
Mỵ thế khát ai phi ngã chí,
媚世乞哀非我志
Trọng tài khinh nghĩa yếm nhân
tâm.
重財輕義厭人心
Thôi thì thôi ngọc trảng cát lằm,
Nói vô-ích, thà ngấm-ngấm xoay cuộc
khác;
Tiền đã sẵn, chén chú chén anh chén
tối chén bác.
Muốn mua liền cũng được khó chỉ mà.
Một lần sau trước cũng là.
Lấy kiều
1
Có đâu vắng khách tự thân
Mưu
Cùng chung một tiếng tơ-đồng,
Nào người lịch lục tham hồng là ai?
Nghĩ đời mà oán cho đời,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa!

Nói

Yên-đào một đóa,
 Bảy lâu nay nấn-ná chốn bình-khang ;
 Nghĩ tái-tình nên trong cũng nên thương,
 Ngờ chi nữa mà khách qua đường hờ-
 hững ?

Lâu bạc ngũ-âm em tưởng những...
 Chọn người tri-kỹ khách hay chăng ?
 Ấy những ai hẹn ngọc thề vàng,
 Duyên thâm-thâm lâu bề-bàng sao thể
 nhĩ !

Hàng thưa mối tại chong xâu via ?
 Ngụ tình-tình ta kể một đôi câu.
 Người buồn cảnh có vui đâu !

II

Bức thư của bạn gái
thăm nhau ngày tết

Mười

Ngày xuân con én đưa thoi,
 Bâng-khuàng nhớ cảnh nhớ người nhớ
 Lòng thơ lai láng bồi-hồi, [nơi,
 Lời quê chấp-nhất dòng-dài mua vui.

Nói

Hiền-nhan chút phận,
 Nhớ chị em thơ-thần lúc đan tay ;
 Bóng thiếu - quang trong chín chục
 ngày,
 Lời van-phúc tiện đây đưa một bức.
 Hai chữ cố-nhân thêm thồn-thức,
 Tấm lòng nhi-nữ vốn đa-mang ;
 Dám khuyên ai giữ ngọc gìn vàng,
 Ngày vui ngân chẳng tầy gang dẫu đó tá.
 Còn non nước, còn về còn nhớ,
 Vui thì vui. . . ai có thấu chăng ai ?
 Ni-non đêm ngân tình dài.

Tập kiêu

I

Gửi thư lấy chông

Rằng tôi chút phận đàn-bà,
 Lời rằng « bạc-mệnh » cũng là lời chung.
 Hồ môi ra những thẹn-thùng,
 Hém xuân ai dễ cầm lòng được chăng !
 Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương,

Thôi nhà hăng-tuyệt chất hàng phi-
 phong.

Vậy nên những chốn thông-dong,
 Tật-mù nào thấy bóng hồng vào ra,
 Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,
 Quan trên ngấm xuống người ta trông
 Những là rầy ước mai ao, [vào.
 Phải người sớm muộn tối đảo như ai ?
 Mấy lần cửa đóng then cài,
 Khôn buồn xuân để đợi ngày đảo non.
 Những là cười phàn cợt son,
 Khôn duyên biết có vuông tròn cho
 Lòng này ai tỏ hỡi lòng ? [không ?
 Dù khi lá thắm chỉ hồng nên chăng ?
 Tình riêng chưa dám rĩ rãng,
 Liều như cung Quảng chị Hằng nghĩ
 Dù ai lòng có sở-cầu, [sao !
 Trao tơ phải lừa gieo cầu dằng nơi.
 Dám xin gửi lại một lời,
 Cho đành rồi sẽ liệu bài mỗi manh.
 Gót dẫu mọi nổi đình-ninh,
 Xa-xôi ai có thấu tình chăng ai ?
 Ngày xuân em hãy còn dài.

II

Mỹ-nhân soi gương

Một mình lặng ngấm bóng Nga,
 Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng !
 Ngại-ngùng thẹn lục c hồng,
 Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn
 gương.

III

Vợ chú tây đen

Tường chỉ là giống hôi tanh,
 Thân nghìn vàng để ó-danh má hồng !
 Hồ môi ra cũng thẹn-thùng,
 Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mé.

IV

Người thanh-mạnh

Tường bây giờ là bao giờ,
 Rõ-ràng mở mắt con ngờ chiêm-bao.
 Trông theo nào thấy dấu nào,
 Mắt xanh chẳng để ai vào có không ?

V

Cái quần chị em xóm bình-khang

Cởi ra rồi lại buộc vào,
 Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim
 Cho hay là giếng hữu-tình! [xanh.
 Bỏ ai gỡ mối tơ-mành cho xong?

Tương-giang thị NGUYỄN-TIẾN

Chúc mừng Thái-dân Khuất
 tiên-sinh thất-thập thọ

Mưỡu

Nhạc trông tóc bạc da mờ,
 Tướng là ai đó vẫn người cố-nhân.
 Rượu nồng có chén mừng xuân,
 Lần này hãy biết là lần thứ hai.

Nói

Nhân-sinh thất thập cổ lai thiêu.
 Còn gì hơn cõi lão bước dần lên;
 Rượu giới-mi nay mở tiệc xuân diên,
 Ấy mới biết vô-sự tiêu thần-tiên là thế
 Cảnh song-thọ đã dành riêng qui. [thế.
 Huống chi là đức-sĩ lại gồm hai;
 Đây cái kia được lựa bóng cây.
 Sản quế nó cũng xum vầy vui lắm nhỉ!
 Ngạc-học chân truyền tồn thế-nghi,
 Thư-định yếu hỉ hựu kim-xuân;
 Bọp nhau đây còn được nhiều lần,
 Vui chuốc chén nếu chẳng có câu văn
 thời dềnh-doảng.
 Sách có chữ: lão đương tch tráng,
 Mừng lão nay ta hằng chén cho say.
 Chén vui nhớ bữa hôm nay.

NGẠC-HỌC

Tân-thời nhân-vật

Nghìn năm nhân-vật đất Thăng-long,
 Thế cũng con Tiên cũng cháu Rồng;
 Công-tử vênh-vang đầu mũi lịch,
 Tiêu-thư ông-ọ mũi giầy cong;
 Ông già rich bạc mua nhiều vợ,
 Chị á bom xu gạ lắm chồng;

Phong-hóa nước nhà ở thế nhĩ!
 Xira nay ầu có thế này không?

TRIỆU-HOÀN

Khai bút

Lần-thần năm mươi mấy tuổi đầu,
 Nhìn gương đã thấy bạc cầm râu;
 Ruồi-giong xe ngựa cờ dôi nước,
 Nghiêng-ngửa non sông rượu một bầu;
 Ngâm-vịnh chỉ nhường tay Lý Đổ,
 Phong-lưu chi kém mắt công-hầu;
 Có ai theo lão lên đường thọ,
 Cây đức vun trồng mới được lâu.

Làm hộ học-trò khai bút

I

Ngày mừng một tháng dần năm Tuất,
 Mở bút thần lễ-nhất khai chơi;
 Khai mừng năm mới mấy lời,
 Mừng trời mát-mẻ mừng người phong-lưu.
 Mừng xã-hội ngày Nghiêu tháng Thuần,
 Mừng gia-đình trong ấm ngoài êm;
 Người nhiều của lại giàu thêm,
 Phúc dư lộc hậu lại thêm thọ-trường.
 Sau chúc đến con đường học-vấn,
 Nay hẳn mình bộ lãn hơn xưa;
 Văn lấy văn Hán văn ta,
 Nổi danh thi-sĩ lại hoa ở đời.
 Đoạn cùng ban-hữu mua vui,
 Giang tay thưởng-thức một vài thứ hoa.
 Sớm trưa tiệc rượu chén trà,
 Mừng xuân lại vịnh thi ca mấy vần.

II

Đầu năm mừng một buổi tình-mình,
 Yến mùa hoa bay liểu rủ mảnh;
 Đồi gốc xuân huyền rườm bóng cả,
 Dãy sân lan quế này chỗi xanh;
 Tin mừng ngũ-phúc hoa phở gấm,
 Diềm ứng tam-da bút mực tranh;
 Ngoài cửa dập-dlu oanh yến đạo,
 Đua nhau vẽ qui với mẫu thanh.

III

Đầu năm mừng một tháng Dần,
 Bốn bề pháo nổ tin xuân giục người.

Vội vàng cầm bút khai chơi,
Học đòi gọi có mấy lời mừng xuân.

Khai rằng :

Tin mừng ngũ-phúc hoa phổ gấm,
Điềm ứng tam-đa bút nhập thân ;
Viết xong rồi ngồi đọc vân-vân.
Hỏi bạn-hữu câu vấn sao đó tá ?
Rằng từ đã cao mà lời cũng khá,
Thế mới hay vô-giá thi văn-chương.
Vi đem vào chốn báo-trương.
Thì cheo giải nhất chi nhường cho ai.

V. B.

Học-sinh Tăng-hòa mừng tuổi thầy học

Cảnh nhà học nguy-nga chón chỡ,
Ngoài màu trời rực-rỡ về xuân ;
Hoa xuân đẹp-dẽ mấy tiếng.
Tuổi xuân hơn-hở đua mừng với hoa ;
Hoa ấy sánh cùng ta tuổi trẻ,
Cùng phó tươi nột về khác chi ;
Trời xuân mưa gió kịp thì,
Hoa xuân rủ hương lòng qui với xuân.
Tuổi xuân hãy đương chừng học-lập,
Lông xuân dầy đương rắp dùi mài ;
Bước đường hi-vọng tương-lai,
Là công chắt chũa những ngày còn
Lần đìu-dắt lên từng cõi học, (xuân.
Đã biết bao nặng nhọc ơn thầy ;
Học-đường ban tác thơ-ngáy,
Cùng chung xúm-xit xông vầy giờ xuân.
Ngáy xuân lễ chúc mừng thầy học,
Nghĩa sư-sinh thêm dốc kính-thành ;
Hoa xuân xin giắt đôi nhánh.
Dâng hoa đề tỏ chút tình mến yêu.
Xuân-tâm xuân-trí còn nhiều.

LÊ VĂN-QUỚI

Đưa em đi tùng-sự

Lệnh sai tùng-sự quá chi xa !
Châu-đốc, Gò-công cách những là...
Thơ-ấu, thương tình trơ đất khách,
Nước non cảm phận lạ quê nhà ;

Học-hành lo-ngại tài còn kém,
Giao-thiệp hiềm e trí chẳng già ;
Một bước đi ra khôn một bước,
Nỗi-niềm xương thịt bận lòng ta.

NGUYỄN TÀNH-GIÁO

Họa bài trên

Châu-đốc, Gò-công chẳng mấy xa,
Mừng em bề hoạn vẹn đồng là ;
Oanh chào, én rước non sông mới,
Liều tiên, mai đưa đất nước nhà ;
Nét mực kiếm-cần đừng để nhạt,
Đón cân thanh-thận phải cho già ;
Mấy lời dặn bảo, ghi lòng nhé !
Ngõ đặng rõ-ràng liếng bạn ta.

Xem trăng đêm đông

Đêm lạnh, có sao khách Quảng-hân
Chung-linh còn lấm với giang-san ;
Gương nga trang-triù cảnh mai nở,
Bóng ngọc thướt-tha khóm cúc tàn ;
Núi sợ nắng run che bớt gió,
Mây e bậu rết kéo thêm màn ;
Trơ-trơ chủ cuội ngồi xem tuyết,
Thình-thoảng nụ cười chuyện thế-gian

Khuya nghe đẽ gáy

Đêm lụn, canh tàn, đẽ hừng sương,
Đua nhau trời nhạc ở ngoài vườn ;
Cung đàn khoan-nhật trên hang đá,
Khúc sáo véo-von dưới lỗ tường ;
Xuân-nữ lí-lê trong trường gấm,
Thi-ông ngư-ngân dựa lò hương ;
Lặng nghe lòng những bồi-hồi tưởng,
Nỗi bước gay-go ở thế-trường.

NGUYỄN HUỲNH-MAI

Tân-hào tiền quan huyện Bất-bạ

Đỗ Quang-Tiếp đời di Phúc-thọ
Núi Tân sông Đà thần anh-linh,
Núi rũi thường gặp quan hiền-minh ;
Tuần-lương truyện cổ kể khôn xiết,
Gần nay khen-ngợi cụ Lê-Đình ;
Cụ từ huyện này thăng Phúc-thọ,
Rời đi Hưng-yến, đi Ninh-bình ;

Áo thân trở lại thêm hoa gấm,
 Hiện nay phú-quí gồm khang-ninh ;
 dịp này mừng lại gặp quan lớn,
 Chính-sách không khác Lê-tiên-sinh ;
 Ba năm sửa-sang xiết bao việc,
 Một hạt yêu kinh biểu-dồng-tinh ;
 Cảnh phượng há yên rừng chỉ-cực,
 Gió bấc sẽ vượt bể Nam-minh ;
 Tình dân ngọc-ngác tin quơn đời,
 Rằng chẳng Lương-tài thì Kim-anh ;
 Nay nghe tán-mệnh mới mừng rờ,
 Chốn ấy cũng gần bản-linh-thành ;
 Quan lớn ngày nay, cụ Lê trước,
 Phúc-thọ chiếu theo hai cát-tinh ;
 Phúc nhà hưởng lại kịp song-thọ,
 Phú qui để ai tranh tiên-trình ;
 Tình người dùng-dăng lúc đi ở,
 Vin xe nài mở tiệc xuân-đình ;

Non Tản mây diềm phò trưởng gấm,
 Gió Đà khi ám phầy hiền quậnh ;
 Lại dân ca ân, sĩ tụng đức,
 Góp lại làm bài thơ tiên-hành ;
 Thơ này sẽ gửi về Cấn-xá,
 Trình cụ Ân Lê rộng phê-bình ;
 Xem thơ cụ hân gặt đầu thích,
 Cười rằng huyện Bã còn nhớ mình ;
 Nhớ mình năm xưa đời Phúc-thọ,
 Nghe cảnh dè võ lòng chán kinh ;
 Già-từ chốn cũ tình cảm-dòng,
 Trông nhau rơm-rớm nước mắt quanh ;
 Nửa đêm thuê thuyền lỏn đi giấu,
 Lấy đầu địch-cua với sấm-banh ;
 Quan này hạnh-phúc hơn mình lắm,
 Về sau còn nhiều lộc thọ danh.

NẠM-VIỆM thảo

THỜI-ĐÀM

Tin nước Pháp

Một vụ biển-thủ lớn

Ở Bayonne nước Pháp mới vỡ-lở ra một vụ biển-thủ rất lớn mà thủ-phạm là STAVISKY. Nguyên ở Bayonne có một cơ-quan làm nơi để cho quốc-dân gửi tiền và cầm đồ cho dân-chúng, công-cuộc này được phát-đạt lắm. STAVISKY là một tên gian-hùng quốc-tế đã can án nhiều lần, đóm biết có thể lừa gạt được, nên anh ta khéo vận-động và đồng-mưu với ông chủ sở cầm đồ ấy ký tên vào trái-phiếu, lúc ký thì số tiền ít rồi anh ta thêm vào cho nhiều ra mà đem bán cho những hãng bảo-hiêm khác để lấy ra những số tiền lớn. Đến khi vỡ-lở thì tính ra số tiền mà STAVISKY biển-thủ bấy lâu có đến hơn năm trăm triệu quan.

Sau khi mưu gian bại-lộ, STAVISKY liền trốn đi Chamoni là miền núi

tuyết đông, ở trong một cái nhà tịch-mịch giữa núi gọi là *Vieux Logis*, nhưng người ta đã đến đấy bắt được mà STAVISKY cũng đã bắn vào mình tự-tử rồi.

Vụ này có ảnh-hưởng lớn đến chính-giới nước Pháp, làm cho mấy nói-các bị đổ, nhiều nhà chính-trị, nhà báo bị liên-can và đư-luận rất là sôi-nổi, vì tiền mất cắp này là tiền tiết-kiệm của dân-chúng.

Việc xảy ra từ tháng Décembre 1933 mà đến bây giờ công-cuộc điều-tra vẫn chưa xong, thật là một vụ biển-thủ lớn-lao nhất ở thế-giới từ xưa đến nay vậy.

Nội-các Chautemps đổ

Nội-các Daladier lên thay, rồi lại đổ,
 Nội-các Doumergue thành-lập

Vụ biển-thủ ở Bayonne vỡ-lở ra, ban đầu ai cũng cho là một sự nhỏ-mọn như những việc thương có xảy

ra xưa nay, không ngờ lại là một vụ lớn có quan-hệ đến chính-giới nước Pháp, vì có nhiều yếu-nhân trong chính-giới liên-can vào đó, nhất là có một vị tổng-trưởng trong nội-các CHAUTEUPS dính vào vụ ấy, cho nên dư-luận sôi-nổi công-kích dữ-lắm, và phải phân-đối nhân đồ muốn đánh đổ nội-các CHAUTEUPS.

Quan Thượng-thư thuộc địa DALMIER vì có liên-can đến vụ này nên từ-chức. Ông RAYNALDY tổng-trưởng bộ Hình cũng từ-chức, vì các báo phân-đối chính-phủ và đảng xã-hội yêu-cầu.

Tuy ông RAYNALDY đã từ-chức rồi nhưng nội-các CHAUTEUPS còn đó, nên nhân-dân làm biểu-tình và gây sự lờithối với linh ở ngoài đường. Họ muốn Nội-các đi cho rồi.

Nhiều quan tòa, nhiều thanh-tra mật-thâm bị can vào vụ Bayonne cũng phải từ-chức.

Ấy trong chính-giới thì như vậy, mà bên ngoài nhân-dân biểu-tình lung-tung, nên thủ-tướng CHAUTEUPS có nói với các bạn đồng-liêu rằng: "Tuy là Nội-các đã được hai nghị-viện tín-nhiệm, song tôi tưởng chúng ta phải nên từ chức để nhường quyền cai-trị lại cho một chính-phủ khác để lo xử-đoán trừng-phạt một cách nghiêm-khắc và cải-cách phương-pháp chính-trị là một việc rất yếu-cần. . . * Tất cả tòa Nội-các đều nhân lời, rồi cùng đệ đơn từ chức. Quan Tổng-thống LEBRUN muốn giao cho ông DOUMERGUE ra từ-chức Nội-các, nhưng ông DOUMERGUE từ-chối, ông LEBRUN bèn giao cho ông DALADIER.

Ngày 30 Janvier, ông DALADIER đã lập xong Nội các như sau này :

Các quan Tổng-trưởng

Tổng-ly Nội các
kiêm bộ Ngoại-giao : M. DALADIER
Tu-pháp : M. PENANCIER

Nội-vụ : M. FROT
Tài-chính và
Ngân-sách : M. PIÉTRI
Chiếu-tranh : Trung-lá FARRY
Cánh-nông : M. QUÉUILLE
Hàng-không : M. COT
Pháp-quốc hải-
ngoại (tức là bộ
Thuộc-địa) : M. DE JOUVENEL
Thương-mại : M. MISTLER
Quốc-gia giáo-dục : M. BERTHOD
Hải-quân : M. DE CHAPPEDELAINE
Thương-thuyền : M. GUY LA CHAMBRE
Ưu-bổng : M. DUCOS
Bưu-điện : M. BERNIER
Y-tế : M. LISBONNE
Lao-động : M. VALADIER
Công-tác : M. PAGANON :

Các quan thứ-trưởng

Tòa Tổng-ly Nội-
các : M. MARINEAU-DEPLAT
Kinh-tế và du-lịch : M. PATENÔTRE
Ngoại-giao : M. MARIE
Nội-vụ : M. HÉRARD
Pháp-quốc hải-
ngoại (tức là bộ
Thuộc địa) : M. Maxence BIBIE
Chuyên-nghiệp-học : M. DOUSSAIN
Mỹ-thuật : M. BARDON
Thê-dục : M. LORGERÉ

Trong Nội-các DALADIER này bộ Thuộc-địa đổi tên là bộ Pháp-quốc hải-ngoại (*France d'Outre-mer*). Đứng đầu bộ này là ông Thượng-nghi-viên HENRY BERTRAND de JOUVENEL. Bộ này sẽ vẫn để nguyên cho các nước dưới quyền cai-trị của Pháp được giữ cái chính-thể riêng và giữ nguyên các phương-pháp kinh-tế. Bộ sẽ thực-hành việc liên-hợp tất cả các xứ thuộc-địa. Lập ra bộ này chính-phủ DALADIER tỏ rõ ý muốn khoáng-trương những sinh lực của các xứ ấy.

Theo tin báo *Petit Journal* thì chính-thể xứ Đông-dương sẽ vẫn giữ gần nguyên như cũ.

Người ngoài xét đoán thì ông DALADIER quả cố sức thay cũ đổi mới, nhưng việc thay đổi ấy không được hoàn toàn. Trong Nội-các tuy có nhiều người mới thực, nhưng tất cả các bộ quan-trọng như bộ Nội-vụ, Ngoại-giao, Tư-pháp, Tài-chính, Chiến-tranh, Hải-quân, Học-chính đều ở trong tay những nhân-vật trong Nội-các CHAUTEPS là Nội-các bị cáo về những vụ lý-tài ám-muội. Vì thế Nội-các DALADIER không được các chính-đảng và quốc-dân tin-nhiệm. Đảng xã-hội Pháp tuyên-bố không hợp-tác với chính-phủ. Đảng xã-hội S. F. I. O. và đảng Trung-ương cộng-hòa cũng giữ thái-độ ấy. Báo *Evre* kết-luận toát-yếu tất cả dư-luận của các báo đảng Trung-ương và Trung-ương tả-đảng rằng các báo này cũng đều đồng-ý dư-luận quốc-dân cho rằng Nội-các này không đúng với ý-nguyện toàn-quốc mà cũng chẳng vừa lòng ông DALADIER.

Nội-các DALADIER đã chẳng được đa-số tán-thành rồi lại vì một sự cách-chức ông CHIAPPE tổng-giám-dốc cảnh-sát và cuộc thuyên-chuyển trong ngạch hành-chính mà các đảng-phái và dư-luận lại càng nổi lên cực-lực công-kích rất dữ-dội.

Khi Nội-các họp ở Hạ-nghị-viện thì trong viện các chính-đảng rất là ồn-ào náo-dộng, mà ngoài viện công-chúng biểu-tình rất lớn, nhất là ở *Place de la Concorde*. Cảnh-binh phải bắn súng để giải-tán. Có người chết và rất nhiều người bị thương. Cuộc xung-đột dữ-dội đến cực-diểm, đến nỗi các báo gọi là cuộc "chém giết".

Vì thế Nội-các DALADIER không thể đứng vững được, nên sau khi hội-thương với quan Tổng-thống; ông DALADIER đã tuyên-bố rằng cho được tránh cuộc đổ máu, Nội-các xin từ-chức.

Sau khi Nội-các DALADIER từ-chức,

quan Tổng-thống LEBRUN lại với ông DOUMERGUE mà ủy cho ông lập Nội-các mới. Lần này ông DOUMERGUE nhận lời và đã lập thành Nội-các như sau này:

Tổng-lý Nội-các không kiêm Tnh bộ	
nào :	M. DOUMERGUE
Quốc-vụ-khan :	M. HARRIOT và TARDIEU
Ngoại-giao :	M. BARTHOU
Tư-pháp :	M. CHERON
Chiến-tranh :	Thống-chế PÉTAİN
Hải-quân :	M. PIÉTRI
Không-quân :	Nguyễn soái DENAIN
Tài-chính :	M. GERMAIN-MARTIN
Nội-vụ :	M. Albert SARRAUT
Quốc-gia-giáo-dục :	M. BERTHOD
Thương-mại :	M. LAMOUREUX
Canh-nông :	M. QUELLE
Công-chính :	M. FLANDIN
Lao-dộng :	M. MARQUET
Thương-thuyền :	M. William BERTRAND
Thuộc-địa :	M. Pierre LAVAL
Y-chính :	M. LOUIS MARIN
Hra-bồng :	M. RIVOLLET
Stra-diện :	M. MALLARME

Kể từ ngày Chính-phủ Dân-quốc đệ-tam thành-lập thì Nội-các DOUMERGUE là Nội-các thứ 95 rồi, mà kể từ đầu khóa nghị-viện thứ 15 này thì là Nội-các thứ 7. Lần này là lần thứ nhì ông DOUMERGUE đứng lập Nội-các. Trong Nội-các có bốn ông không phải là nghị-viên, là ông DOUMERGUE, Thống-chế PÉTAİN, Nguyễn-soái DENAIN và ông RIVOLLET hội-trưởng hội Cựu-chiến-binh Pháp. Bốn ông Thượng-nghị-viên là các ông SARRAUT và CHERON đều thuộc Dân-chính tả-đảng, ông BARTHOU thuộc đảng Dân-chính cấp-liên liên-hiệp và ông PIERRE LAVAL không ở đảng nào. Mười hai ông Hạ-nghị-viên là các ông HARRIOT, BERTHOD, LAMOUREUX, QUELLE và BERTRAND, năm ông này ở đảng Cấp-tiến xã-hội. Ông MARQUET thuộc đảng xã-hội Pháp, các ông MALLARME và GERMAIN MARTIN thuộc Cấp-tiến tả-đảng. Các ông PIÉTRI

và FLANDIN thuộc Cộng-hòa tả-dàng, TARDIEU Trung-ương Cộng-hòa và MARIN Cộng-hòa liên-hiệp.

Các báo đều nói rằng đa-số dân Pháp rất tán-thành Nội-các mới. Thế là nay đã tìm được đường để làm yên nhân-tâm tức là điều cần-thiết cho sự chấn-hưng lại tinh-thần quốc-gia. Hiện dân-tinh đã yên-đón như thường.

Các báo ngoại-quốc như Anh, Tiệp-khắc, Mĩ, Áo, Hung, Bỉ, đều tán-thành Nội-các. Tờ tuyên-cáo của Nội-các được toàn-thế hoan-ngheh.

Nghị-viện bỏ 412 phiếu tán-thành đối với 125 phiếu phản-đối. Thế là Nội-các DOUMERGUE đã toàn-thắng ở Nghị-viện vậy.

Theo lời yêu cầu của ông DOUMERGUE và ông GERMAIN MARTIN Tổng-trưởng bộ Tài-chính, Hạ nghị-viện đã bỏ phiếu cho Nội-các được đặc-quyền để chấn-hưng ngân-sách.

TIN NƯỚC BỈ

Vua Albert I nước Bỉ tạ-thế

Vì một sự rủi-ro trong khi trèo núi, vua ALBERT I nước Bỉ đã tạ-thế. Nước Pháp và Đông-dương đều treo cờ rủ để tỏ lòng nhớ ơn một ông vua anh-hùng hồi Âu-chiến đã cứu cho thành Paris của Pháp khỏi sa vào tay quân Đức.

Nguyên trong khi Âu-chiến, nước Bỉ là một nước rất nhỏ được Liệt-quốc ký hiệp-ước công-nhận là một nước trung-lập bất-khả xâm-phạm, nhưng khi hai nước Pháp Đức khai-chiến được mấy ngày thì quân Đức coi thường bản hiệp-ước ấy mà đòi tràn qua địa-phận nước Bỉ để lấn sang Pháp. Vua ALBERT I kháng-cự lại không cho đi qua, nhưng nước nhỏ sức yếu, quân Bỉ bị thua to, kinh-thành bị tàn-phá, đến nỗi quốc-đô phải dời sang địa-phận Pháp.

Nước Pháp nhờ có trận kháng-cự ấy của vua Bỉ mà có thời giờ đông-binh, kéo quân đến cương-giới Bỉ chống với quân Đức, khiến cho toàn vẹn được thành Paris.

Bởi nhờ cái công lớn-lao ấy, nên vua ALBERT I mất đi, toàn-thế nước Pháp đều lấy làm mến liếc. Hôm làm lễ an-táng, quan Giám-quốc LEBRUN, quan Thống-chế PÉTAİN, quan Ngoại-giao Tổng-trưởng BARTHOU và một toán lục-quân Pháp sang tận Bruxelles dự lễ. Cả thế-giới đều có làm lễ truy-diệu trọng-thể.

Vua LÉOPOLD III đã lên kế vị.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Tình-hình chính-phủ Trung-ương — Tư-toàn hội-nghị.— Công-kuộc dự-định kỳ Tư-toàn hội-nghị họp đã kết-liệu. Cả Trung-quốc có năm ủy-viên về dự hội-nghị và một ủy-viên ban chính-trị miền tây-nam, một ủy-viên tỉnh Quảng-tây. Ông Tinh-Vệ sẽ chủ-tịch kỳ hội-nghị này.

Trong kỳ hội-dồng đã đem tuyên-đọc những tờ phúc-bảm về sự hành-dộng của đảng Quốc-dân và về tình-thế chính-trị, kinh-tế trong nước, nhất là về hội-dồng kinh-tế có các giám-định-viên của Hội Vạn-quốc giúp lực. Nhiều ủy-viên vắng mặt như Phùng Ngọc-Tường, Yent-Sian nguyên Tổng-chỉ-huy Thượng-hải, Lý Tôn Nhân và Bạch Sùng-Hi cánh Quảng-tây. Các vị này đều có giấy kiến.

Kỳ hội-dồng thứ tư vừa rồi Tư toàn hội-nghị đã tái-cử Lâm-Sâm lên chức chủ-tịch chính-phủ Quốc-dân, và vị Đại-La lên chức Đại-giáo-chủ Tây-tàng, hội-viên hội-dồng Chính-phủ.

Các đại-biểu miền Nam đã đệ-trình hội-dồng bản chương-trình cải-cách theo các phương-châm của Hồ Hán-Dân.

Hội-đồng đã chuẩn-y một bản dự-án bỏ khuyết vào nhiều chỗ như sau này :

10) Quốc-dân-đảng chịu nhận trách-nhiệm về việc thất-thủ Mãn-châu và Nhiệt-hà.

20) Cục-lực đề-kháng những đế-quốc chực xâm-lấn đất Tàu, giữ địa-phần cho nguyên vẹn và cho dân được hoàn-toàn tự-do.

30) Không cho các huyện khu được tự-lập quá-dáng và cũng không hiệp-nhất lại.

40) Thi-hành chính-sách quan-thuế tự-lập, tuyên-bố ngân-sách và bãi những khoản thuế quá nặng.

50) Cho những người không có chân trong đảng cũng được tham-dự vào chính-phủ, miễn là người ấy chịu theo chương-trình của Tôn-Văn.

Các báo Tàu đăng tin rằng Tôn Khoa, chủ-tịch viện Lập-pháp đã ngỏ ý yêu-cầu với Hội-nghị xin lãng số hội-viên ban thường-trực từ 5 người lên 7 người. Trong số ấy chỉ hai người được phép giữ chức trách khác thôi. Ta nên nhắc lại rằng Ưông Tinh-Vệ vừa là hội-viên ban thường-trực lại vừa là chủ-tịch ban hành-chính.

Có tin ở Nam-kinh rằng ban hành-chính Quốc-dân-đảng đã họp đại-hội-đồng ưng-chuẩn cái chính-sách ngoại-giao và nội-trị của chính-phủ Nam-kinh trong năm vừa qua.

Tổng-Tử-Văn và Tưởng Giới-Thạch bất-bình nhau là vì việc kinh-tế hợp-tác với Hội-Vạn-quốc. Tưởng cho rằng số các viên giám-định quá nhiều.

Tổng-Tử-Văn bây giờ không sao tìm cho ra được đủ tiền để thực-hành phần thứ nhất của chương-trình do hội-đồng kinh-tế chuẩn-y.

Tổng-Tử-Văn ủy-viên ban thường-trực và hội-viên hội-nghị kinh-tế tuyên-bố với các nhà báo rằng :

1) Tổng-từ-chối không nhận ngời chủ-tịch Hội-nghị ấy vì xét rằng đặt ban thường thì hơn.

2) Ban thường-trực đã xét các chương-trình kinh-tế, nhưng vì nay trong nước đồng tiền không được rỗi-rào ; nên phải rút hẹp chương-trình ấy lại và chỉ đề-ý nhất là về vấn-đề làm đường thoi.

3) Chính-phủ Trung-trương đã điều-định với Mĩ để rút số bông nhập-cảng vì đã vay được bông và lúa mì của Mĩ và lấy thứ hàng hóa khác thay vào chỗ bông rút đi ấy.

Nam-kinh với Phúc-kiến. — Từ khi trong năm, chính-phủ cách-mệnh ở Phúc-kiến lập ra, lại có đạo quân 19 dự vào để chống-chọi với Nam-kinh, phá đổ Tưởng Giới-Thạch. Ai cũng nghĩ rằng lần này thì Tưởng phải đề mà Nam-kinh phải nguy. Ngờ dân chỉ trong hai mươi ngày, Tưởng đem binh đi đánh, mà chính-phủ Phúc-kiến phải đồ tan, đạo quân 19 phải thua vỡ chạy dài. Đó có phải là tự-cải-tâm họ không nữa trông thấy cái cảnh nội-loạn tự chém giết lẫn nhau, mà họ tự lui trước đi chăng ? Sao mà tan vỡ chóng thế ?

Quân Nam-kinh đã tiến theo dọc sông Min về phía Phúc-châu. Thủy-binh của chính-phủ thì kéo lên bộ ở mé bắc đánh ập xuống. Tất cả các viên-chức chính-phủ Phúc-kiến đều kéo đi Chương-châu, duy có Thái Đĩnh-Khải thì ở lại Phúc-châu để chống-cự.

Sau khi quân Nam-kinh vào chiếm-cử tỉnh Chương-châu ở nam-bộ Phúc-kiến thì bốn tướng coi thập-cửu-lộ quân đều xin hàng đầu. Việc quân-sự Phúc-kiến thế là kết-liệu.

Hiện nay Trần Minh Khu, Thái Đĩnh-Khải, Lý Tế-Thâm và tướng Quang-Nại ở Toàn-châu trốn đi đều ở cả miền nam Phúc-kiến và sẽ tránh về Hương-cảng.

Nam-kinh mà thắng được Phúc-kiến như thế, thì làm cho chính-phủ Nam-kinh lại càng thêm vững-vàng, và địa-vị của Ông Tinh-Vệ và Tướng Giới-Thạch lại càng thêm chắc-chắn.

Nay chỉ còn một phần thập-cửu-lộ quân vẫn chống-cự chính-phủ Nam-kinh, còn đang điều-định thu-phục.

Theo những tin-tức ở Hương-cảng thì nguyên-soái Đái-Kích đã báo tin cho các viên đại biểu cảnh Quảng-dông rằng sẽ nhận chức Tổng-chỉ-huy thập-cửu-lộ-quân, nếu : 1) Quảng-dông chịu nhận trợ-cấp cho đạo quân ấy như cũ ; 2) các tướng Thái Đĩnh-Khải đều phải trực ra.

Hội-dồng chính trị miền Tây Nam đã ưng-chuẩn bản đề-nghị cử Đái-Kích làm Tổng-tư-lệnh đạo thập-cửu-lộ-quân mà vẫn để đạo quân này nguyên như cũ. Đạo-quân này sẽ phải đi tiêu-cộng ở miền Nam Phúc-kiến.

Tướng Giới-Thạch có tuyên-cáo rằng hai viên nguyên-soái quân-đốc đạo thập-cửu-lộ-quân trước nay đã đầu hàng thì đều được cử đứng quân-đốc đạo đệ lục lộ-quân, do 20.000 người trong đạo quân cũ họp lại thành.

Tướng Giới-Thạch đã cử Ông Chiêu-Viên làm Tổng-chỉ-huy Thập-cửu-lộ-quân. Ông là vị anh-hùng nước Tàu, đã từng giữ pháo đài Ngô-tùng chống lại quân Nhật ngày trước.

Tướng Giới-Thạch đã đến Hàng-châu cùng Trương Học Lương thương-thuyết rồi sẽ đi Phúc-châu để kiểm-soát công việc cải-cách Thập-cửu-lộ-quân. Đới quân này đặt tên lại là Đệ-lục lộ-quân và sẽ phải đi tiêu-cộng ở đông-bộ Giang tây.

Hiện chính-phủ Trung-ương đã phái các chính-lý ủy-viên đến Phúc-kiến để chỉnh-lý việc đảng và việc chính do bọn Lý Tế-Thâm, Trần Minh-Khu đã phá hủy.

Sau cuộc hội-nghi ở Hàng-châu thì Tướng Giới-Thạch đã cử Trương Học-Lương làm phó Tổng-tư-lệnh các đội quân tiêu-cộng miền Trung-ương nước Tàu.

Trương tuyên-bố công-nhận chức Tổng-tư-lệnh quân đội tiêu-cộng tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc và An-huy. Trương ở dưới quyền trực-tiếp của Tướng Giới-Thạch.

Nhật-bản với Mãn-châu. — Gần đây người Nhật lại xui bọn Hán-gian tôn Phồn-Nghi lên ngôi Hoàng-đế, lập riêng một nước Mãn-châu quân-chủ lập-hiến, để được đối với quốc-tế tỏ ra rằng quả không có cái dã-tâm thôn-tính Mãn-châu, cùng thời đối với bọn yếu-nhân Hán Mãn có thể mua ơn được, để đạt cái kế lung-lạc.

Hiện ở Trường-xuân đã tổ-chức nơi làm lễ dâng-quang.

Hiến-pháp Mãn-châu-quốc đã theo như chế-độ quân-chủ lập-hiến, theo ý người Nhật thảo ra. Bản nghị-định thứ hai của Nhật Mãn định sau khi đổi đế-chế rồi mới ký chữ ; yếu-diểm bản nghị-định. Nhật quyết lấy nước Mãn-châu làm nước bảo-hộ.

Nước Mãn-châu đã lập các mốc đá ở các cửa ải Trường-thành. Các cây mốc có đề hai câu rằng : « Tự thủ dĩ bắc Mãn-châu quốc » và « Vương-lạc lạc-thổ ».

Có tin đích-xác rằng quân Nhật lại hoạt-động dữ ở cương-giới Sát-cáp-nhĩ, chiếm-cửu tỉnh Lãng-nam gần một nơi rất trọng-yếu.

Các tỉnh miền Bắc hiện nay ở phía đông thì quân Nhật đánh, mà phía tây thì bị nạn nội-chiến. Nhật tuyên-bố rằng cần phải tiến vào Sát-cáp nhĩ để quét sạch bọn thổ-phỉ ở miền cương-giới Nhiệt-hà và Sát-cáp nhĩ, vì quan-chức Tàu chẳng có đủ sức làm nổi việc ấy.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng giêng năm 1934)

Quan Toàn-quyền đi công-cán về Pháp bị nạn tạ-thế. — Ngày mồng 4 tháng giêng năm 1934, quan Toàn-quyền Đông-dương PASQUIER đi công-cán về Pháp đã từ trường bay mới ở Gia-lâm cưỡi chiếc máy bay kiểu «Fokker» của hãng «Air France» bay vào Sài-gòn, để ngày mồng 5 cưỡi chiếc máy bay «Emeraude» bay về Pháp.

Ngày 15 tháng giêng, máy bay «Emeraude» bay tới Corbigny cách Paris hơn 200 cây số thì bị cháy, quan Toàn-quyền PASQUIER và chín người nữa cùng đi trong chiếc máy bay ấy đều bị nạn tạ-thế.

Ngày 20, nước Pháp có làm lễ quốc-táng quan Toàn-quyền PASQUIER. Tại Đông-dương khắp các thành-phố tỉnh-ly trong các xứ đều làm lễ truy-diệu ngài rất long-trọng ai-căm, bản-chỉ đã tường thuật ở số Nam-phong trước.

Trong khi khuyết chức Toàn-quyền thì quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL được cử lên chức quyền Toàn-quyền Đông-dương.

Phái-bộ Thương-mại ở Nam-Phi-châu tới Đông-dương. — Một phái-bộ Thương-mại Pháp ở Nam-Phi-châu do Chính-phủ Pháp cử đi có đem theo các thổ-sản Nam-Phi-châu sang để cõ-động ở Đông-dương, và nhân tiện nghiên-cứu việc giao-thiệp buôn bán với Đông-dương. Đứng đầu phái-bộ này là ông PERRIT. Hồi trung-tuần tháng chạp 1933 phái-bộ đã từ Durban khởi-hành sang Đông-dương. Ngày mồng 8 tháng giêng 1934 đã tới Sài-gòn. Phái-bộ đi thăm các phòng Thương-mại cùng trực-tiếp các nhà canh-nông công-ngệ ở các thành-phố lớn trong cõi Đông-dương. Trung-tuần

tháng hai phái-bộ mới từ Đông-dương về Nam-Phi-châu.

Chức Khâm-sứ Ai-lao. — Ngày mồng 8 tháng giêng 1934, quan Đốc-ly ECKERER đã từ thành-phố Hà-nội khởi-hành sang cung-chức quyền Khâm-sứ Ai-lao, thay quan Khâm-sứ LE FOL về Pháp.

Các bậc Sơ-dãng Tiểu-học Trung-kỳ không được học chữ Pháp. — Chiều theo tờ tư của quan Cố-vấn Bộ Giáo-dục Huế, quan Khâm-sứ Trung-kỳ đã ra nghị-định cấm dạy chữ Pháp ở các bậc Sơ-dãng trong các trường Tiểu-học Trung-kỳ.

Nghị-định ấy đã do quan Toàn-quyền duyệt-y ngày 8 tháng giêng này.

Theo như nghị-định ấy, từ nay các trường Sơ-dãng An-Nam cùng các trường tiểu-học Pháp-Việt phải dạy bằng chữ quốc-ngữ. Song các trường tiểu-học Pháp-Việt cho dạy chữ Pháp từ lớp Sơ-dãng mỗi tuần lễ chỉ dạy đũa 5 giờ thôi.

Các quan Bắc-kỳ Cố-vấn Hội-dồng vào Kinh bái-yết Hoàng-thượng. — Ngày mồng 10, sáu quan Thượng-thư Bắc-kỳ Cố-vấn Hội-dồng là HOÀNG-TRỌNG-PHÚ, TRẦN-VĂN-THÔNG, VI-VĂN-ĐÌNH, LÊ-VĂN-ĐÌNH, NGUYỄN-NĂNG-QUỐC và LÊ-VĂN-PHƯỚC đã đáp ô-tô từ Hà-nội vào Kinh để bái-yết Hoàng-thượng về dịp các ngài được cử vào Hội-dồng Cố-vấn. Ngày 11 tới Kinh, ngày 12 vào bái khàn Hoàng-thượng xong thì sang tòa Khâm-yết-kiến quan Khâm-sứ Trung-kỳ; buổi chiều các ngài dự họp Hội-dồng Cơ-mật. Buổi tối Hoàng-thượng có ban yến.

Ấn-xá và ấn-giảm cho chính-trị phạm. — Nhân dịp đức Bảo-dại ngự-

giá Bắc-tuần, Chính-phủ có tư xin ân-xá cho ba mươi người chính-trị-phạm. Nay đã được chính-phủ Pháp chuần-y và đã thi-hành.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý Sơn-la và Lai-châu. — Ngày 11. quan Thống sứ THOLANCE cùng các quan tùy tùng đã từ Hà-nội đi kinh-lý tỉnh Sơn-la và Lai-châu. Ngồi đi xem xét các sở công, các con đường mới và võ-về các dân Mường Mọi Thái Mán thuộc hạt ấy đã ra đón rước ngài. Ngày 17 ngài đã về Hanoi.

Ba ông đại-biểu An-Nam đi dự hội-dồng tiên-tệ bên Pháp. Ba ông NGUYỄN PHAN-LONG, TRẦN VĂN-SÁNG và Bác-sĩ NGUYỄN NHƯ-LÂN được Hội-dồng quân-hạt Nam-kỳ cử đi dự Hội-dồng tiên-tệ bên Pháp, ngày mồng 7 tháng giêng này đã đáp tàu bay của hãng « Air-France » khởi-hành từ trường bay Tân-sơn-nhất bay sang Pháp. Ngày 18 đã tới kinh-thành Paris. Ngày 24 Hội-dồng tiên-tệ đã họp, ba ông lần-lượt bày tỏ những tình-hình khó-khăn ở Đông-dương phải chịu cái ảnh-hưởng vì chế-độ tiên-tệ, nên bây giờ hoặc bỏ kim-bản-vị, hoặc là phóng-giả cho đồng bạc, ngô-hầu mới khỏi nguy-nan mà trở lên thịnh-vượng. Các ông lại khấn-khoản yêu-cầu nên triển-hoãn công-nợ và sửa đổi ngạch quan-thuế đối với Tàu.

Hội Khai-trí lập ban Cứu-tê nạn-dân Bình-dịnh Phú-yên. — Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cho phép hội Khai-trí Tiến-tức lập một ban hội-dồng cứu-tê để quyền tiền giúp cho nạn-dân Bình-dịnh và Phú-yên bị bão lụt mới rồi. Quan HOÀNG TRỌNG-PHÚ làm Trưởng-ban, quan NGUYỄN NĂNG-QUỐC và ông PHẠM HUY-LỤC làm phó-trưởng-ban; ông NGUYỄN CÔNG-TIẾN và ông NGUYỄN TIẾN-LĂNG làm Thư-ký; ông LÊ VĂN-PHÚC và ông LÊ ĐÌNH-KHOA làm thủ-quĩ. Các

vị cố-vấn là bà Thượng-Ngọc, bà Ân Liêm, bà DURON, bà WOLTER, ông LESTERLIN, ông PERBOUD, ông Lê Thành-Ý, ông Đỗ Thân, ông Vũ Đình-Chung, ông Phạm Kim-Bằng và ông Văn Đình-Quang, Hội sẽ quyền tiền và gạo của các nhà hàng-tám ở khắp trong các tỉnh Bắc-kỳ, định đến ngày 15 tháng tư tây 1934 này thi công sỗ.

Kỷ-niệm quan Toàn-quyền Pasquier và quan đại-úy Brusseaux bằng cách đặt tên phố. — Ngày 26 tháng giêng Hội đồng thành-phố Hà-nội đã họp kỳ bất-thường do quan Đốc-lý VINCIGITTI chủ-tịch. Hội-dồng định lấy tên *Pierre Pasquier* đặt thay vào tên phố *Victor Hugo* trước, gọi là phố « Avenue Gouverneur général Pierre Pasquier », lại định lấy tên *Brusseaux* đặt thay vào tên con đường *Nouvelle*, gọi là đường « *Capitaine Brusseaux* », để kỷ-niệm công-lao quan Toàn-quyền và quan đại-úy đã bị nạn trong khi đi công-cán về Pháp.

Dân xứ Bắc-kỳ năm nay lại được giảm thuế thân. — Theo nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 31 tháng chạp 1933 và đã được quan Toàn-quyền duyệt-y ngày 15 tháng giêng 1934, thì năm 1934 này vì tình-hình khủng-hoảng hãy còn, nên Nhà-nước lại giảm cho dân mười phần trăm (10%) về thuế thân cũng như năm ngoài.

Còn về thuế bách-phân năm 1934 này ngẫu-quĩ các tỉnh Bắc-kỳ được thu phụ vào các khoản thuế chính-ngạch như sau này:

1) Về thuế đình và thuế điền-thổ người bán-xú của các làng phải tự xuất tiền chi cho một trường học yếu-lược, thì thu : 10 phần. 100.

2) Về thuế đình và điền-thổ các làng khác, về thuế đình ở thành-phố và thuế thổ-trạch của người A-kiều : 15 phần 100.

3) Về thuế gia-đình trên Thượng-tu; Lao-kay mỗi nhà 13 phần 100. — Phú-thọ 15 phần 100. — Sơn-la người Thái 3 phần 100; người Xá 6 phần 100; người Mán và Mèo 10 phần 100. — Tuyên-quang đều 10 phần 100. — Mon-cay không phải chịu thuế hách-phân. — Hà-giang: những làng đã phải chịu tiền cho trường yếu-lược: 9 phần 100; những làng chưa chịu tiền cho trường yếu-lược: 15 phần 100. — Lai-châu đều 25 phần 100.

Dân Sài-gòn Chợ-lớn năm nay cũng được giảm thuế thân. — Dân Sài-gòn Chợ-lớn trước mỗi suất phải nộp ba đồng thuế thân và ba đồng tiền thực-sử, cộng là sáu đồng (6 \$ 00). Nay Hội-đồng địa-phương Sài-gòn Chợ-lớn định năm 1934 này giảm cho mỗi suất năm hào thuế thân, thế là mỗi suất chỉ phải nộp có năm đồng rưỡi (5 \$ 50) thôi.

Công-việc cứu-tế dân thất-ngh-ệp ở Sài-gòn. — Cứu trong số biên của ban Cứu-tế thất-ngh-ệp ở Sài-gòn về năm 1933 thì đã nuôi giúp cho dân thất-ngh-ệp vừa người Tây vừa người Nam cả thảy là 2.213 người, phân-biệt ra như sau này :

Người Tây : Đàn-ông 110 người, đàn bà 45 người, con trẻ 146 người, người già 11 người, cộng là 302 người.

Người Nam : Đàn-ông 631 người, đàn-bà 651 người, con trẻ 571 người, người già 58 người, cộng là 1911 người.

Nuôi những người ấy mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa của người Tây giá ba hào, mỗi bữa của người Nam giá 7 xu. Mỗi ngày chi tiêu ăn hết 448 \$ 74.

Việc Y-tế ở Bắc-kỳ. — Việc Y-tế ở Bắc-kỳ hiện nay đã mở-mang hơn trước

nhiều, kể cả toàn-xứ hiện đã có tới 260 số nhà thương nhà đẻ và nhà phát thuốc, là 2 nhà thương chính, 3 nhà thương hạng nhất, 9 nhà thương hạng nhì, 17 nhà phát thuốc hạng tỉnh. 28 nhà bố-sinh hạng tỉnh, 2 nhà thương bệnh lây, 1 nhà thương liên, 6 nhà thương bệnh phong, 6 nơi infirmeries maternités, 12 nơi infirmeries isolées, 11 nơi maternités isolées, 3 nơi dispensaires maternités, 15 nơi dispensaires isolées, 25 nơi dispensaires ruraux, 2 nhà thương chữa bệnh tình, 75 nhà nộ sinh ở các xã-thôn, 3 nơi nghỉ mắt và tâm mát, 6 nhà bảo-có, 7 nhà thương tàn-tật. Tất cả các nơi ấy gồm có 7.263 cái giường nằm. Trong số đó có 2.551 giường ở các nhà thương bệnh phong.

Số trường hương-học và học-trò trong cõi Đông-dương năm 1933. — Số các trường hương-học và số học-trò ở các trường ấy năm xưa trong cõi Đông-dương như sau này :

Trung-kỳ	1082 trường,	44.585 học-trò.
Bắc-kỳ	982 —	34.276 —
Nam-kỳ	283 —	5.752 —
Cao-miền	2650 —	18.283 —
Ái-lao	262 —	5.039 —

Giới-thiệu sách và báo mới

Sách Đặc-diễn. — Của ông Phan Như-Tân soạn, có 46 trang, 50 hình vẽ làm thí-dụ, và 75 điều dặn, in tại nhà in Nam-Mỹ, 37 Rue des Voiles Hà-nội, giá 0 \$ 65.

Quốc-ngữ đĩnh-ngoa. — Của ông Trần Mant-Đàn soạn ra, cốt để cho người viết quốc-ngữ khỏi làm những chữ tr với ch, s với x, r với d với gi, ha với a, nh với gi; an với ang, và at với

ác. Sách này trước đã đăng vào báo Nam-Phong, nay in riêng thành quyển, 102 trang, không đề giá, xuất-bản tại Đông-kinh Ấn-quán Hà-nội.

Sao Mai. — Báo Sao-Mai mỗi tuần lễ ra một số vào ngày thứ sáu, viết bằng quốc-ngữ bốn trang, chữ tây hai trang, giá mỗi số 4 xu, ba tháng 7 hào, sáu tháng 1 \$ 20, một năm 2 \$ 00. Ông Trần Bá-Vinh chủ-nhiệm kiêm chủ-bút, báo-quan ở số 113 Avenue Maréchal Foch Vinh (Nord Annam).

Loa. — Là một tập tuần-báo hoạt-kê và trào-phúng, ra số đầu ngày 10 Février 1934. Ông Bùi Xuân-Học làm chủ-nhiệm Báo-quán ở số 24 bis Boulevard Gia-long, Hà-nội. Mỗi số 0 \$ 05.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh Ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tuồng Lôi-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-đạo. | 4 hào. |

